

ĐỂ MẠNH HÀM MỘC THIẾU
VÀ TÌM KIẾM CỦA

Alan Burgess
**Cánh hoa
rực lửa**



BẢN DỊCH: NGUYỄN NHƯ ÓC NGHĨA

CÁNH HOA RỰC LỬA

CẨM HOA RỰC LỬA, nguyên tác *THE INN OR THE SIXTH HAPPINESS*, của ALAN MURGESS, bản dịch **NGUYỄN NHƯ ƠC NƠI HÌNH**, Bìa **NGUYỄN ĐÔNG**, ấn phẩm thứ 48 của nhà xuất bản TRẺ, ấn hành lần thứ nhất 1.000 bản tại nhà in riêng của nhà xuất bản, không có bản đặc biệt.

ALAN BURGESS

CÁNH HOA RỰC LỦ'A

Bản dịch

NGUYỄN NHƯỢC NGHIÊM

TRẺ xuất bản

68 và 84/8 Nguyễn Biểu Saigon 5

1974

LỜI NGƯỜI DỊCH

Alan Burgess sinh quán ở Birmingham, Anh Quốc ; sau nhiều năm du hành không ngưng nghỉ, ông trở về quê hương và trở thành một nhà văn chuyên viết chuyện phim, kịch truyền thanh và truyền hình, đồng thời ông cũng là một nhà sản xuất phim cho đài B.B.C. Trong thời gian sản xuất một loạt phim phiêu lưu dựa trên những câu chuyện, mệnh danh là « *Unfeated* », Burgess gặp Gladys Aylward... Câu chuyện kỳ lạ về cuộc đời và những hoạt động của nàng trong tư cách một nữ giáo sĩ ở Trung Hoa, được kể lại trong quyển sách này.

Ấn hành vào năm 1957, quyển sách gặt hái ngay sự thành công trên cả hai phương diện dư luận và thương mại, được xem là một tác phẩm tiêu thuyết phá kỷ lục về số lượng bán ra và những kỳ in lại vào thời ấy. Tính ra từ năm 1957 đến cuối năm 1970, bản tiếng Anh của quyển sách được in lại 40 lần, đó là không kể những loại sách nhỏ nhặt và những ấn bản của hàng chục thứ tiếng khác nhau trên khắp thế giới.

Vào năm 1958 quyền sách được quay thành phim, với nữ tài tử Ingrid Bergman thủ vai Gladys Aylward. Đó là phim «THE INN OF THE SIXTH HAPPINESS» (Đệ Lục Phúc Lữ Quán) và quyền sách từ đó được biết với cái tên phim «cái biển» này.

Alan Burgess cũng là tác giả cuốn «Seven Men at Daybreak», câu chuyện thật của những binh sĩ đã nhảy dù xuống Tiệp Khắc mưu sát Reinhard Heydrich, một tướng lãnh Đức; và cuốn «The Lovely Sergeant», kể lại câu chuyện của nữ y tá Flora Sandes hồi Đệ Nhứt Thế Chiến.

Văn của Alan Burgess, trong Cánh Hoa Rực lửa, giản dị, chừng mực, cách lời sắp xếp và kết câu câu chuyện của ông khác hẳn với những nhà văn cùng thời, nếu không nói là «cốдиên». Sự giản dị, chừng mực và cốdiên ấy, được dùng để diễn tả, kể lại một câu chuyện có thật xảy ra trên đất nước Trung Hoa — một bối cảnh Đông phương — sự thành công của quyền sách, quả thật, không phải là điều đáng ngạc nhiên.

CHƯƠNG I

CÂU chuyện của người đàn bà nhỏ bé này vừa gây thắc mắc vừa khiền cho vị Bác sĩ cao niên lưu tâm. Nàng sắp chết đèn nơi, ông không còn nghi ngờ gì nữa. Nàng là ai, không ai biết. Nhưng ở Trung Hoa, vào những ngày mù Thu của năm 1941, với bước tiền vũ bão của quân xâm lăng Nhựt Bản trên khắp các mặt trận, và một phần của thế giới đang cõ gắng hết sức để tiêu diệt lẫn nhau bằng chiến xa và phi cơ, đại bác và chiến hạm, có một mức độ tàn phá khủng khiếp, bất đặc kỳ từ là một cái gì gần gũi, thì đối với mạng sống đang hấp hối của người đàn bà nhỏ bé và vô danh này không làm ai bận tâm đến.

Một số nhân viên nổi tiếng Anh thuộc Scandinavian American Mission (Cơ quan Truyền giáo Hoa Kỳ — Thụy Điển — Na Uy — Đan Mạch — Ái nhì Lan) ở tỉnh Hsing P'ing, nằm sâu tận miền Tây Bắc Trung Hoa đang bị bao vây, không biết danh tính mà cũng không biết xuất xứ của nàng. Hai nông dân Trung Hoa đã mang nàng đèn trước cửa cơ quan. Họ thù nhận với người gác cửa rằng nếu phải nàng là người Trung Hoa, họ sẽ đẽ mặc cho nàng chết. Họ biết nàng là một người ngoại quốc, cho dù nàng mặc quần áo Trung Hoa và mang một quyển Thánh kinh cũng bằng tiếng Trung Hoa, do đó, họ nghĩ có lẽ nên giúp nàng được chết gần gũi với bạn bè, và ký thác linh hồn cho những vị

thần thánh của nàng. Sau đó, hai nồng dân không hiểu bô đi đâu mất dạng. Người gác cổng đi báo cho các chủ nhân của hắn biết rằng có một người đàn bà đang chờ chết trên tay của họ.

Cơ quan truyền giáo ở đây lập tức đánh điện tín cho bệnh viện cùi cơ quan truyền giáo Cơ đốc ở Sian, yêu cầu gởi một bác sĩ đến; và với một tâm lòng nhân đạo vô bờ bến — mà một vài tuần lễ tới đây tâm lòng nhân đạo này cũng sẽ được nhìn thấy qua tất cả những nhân viên phục vụ ở bệnh viện đó — vị Bác sĩ cao niên đã đến Hsing P'ing bằng xe lửa nội trong ngày. Ông khám cho người bệnh ngay khi bước chân đèn hội truyền giáo vào lúc xế chiều. Ông nghĩ người đàn bà lì ra cũng phải ba mươi lăm tuổi. Thân thể gầy gò thiêu chát dinh dưỡng, và khói mắt có nhiều vết quẩn thâm chứng tỏ cảnh huống khổ đau, và mà nàng đã trải qua. Trên lưng của nàng còn mang một vết thẹo vừa mới kéo da non, do đạn gây ra và, mặc dù bê ngoài không thấy gì, nàng cũng đang chịu đựng sự đau đớn do nội thương trầm trọng gây ra, hậu quả của một cuộc đánh đập tàn nhẫn nhiều tháng trước đây.

Nhiệt độ của nàng lên đèn 105 độ (1) nên nàng lâm vào cơn mê sảng, miệng nói lảm nhảm, và cứ khăng khăng cho rằng vị Bác sĩ đứng tuồi là một sĩ quan Nhựt Bản.

Trải qua nhiều kinh nghiệm ở miền Tây Bắc, ông đoán nàng bị bệnh sốt rét tái phát nên vội vã lấy máu của bệnh nhân và nhờ một người đưa tin đặc biệt mang về bệnh viện Cơ đốc ở Sian để thử. Một người đưa tin khác trở về ngày hôm sau cho biết cuộc thử máu đã xác nhận ông chẩn bệnh đúng. Lập tức, ông chích cho nàng một mũi thuốc có công hiệu làm dịu bớt cơn sốt. Cùng lúc ấy, một nữ y tá Hoa Kỳ gốc Thụy Điển, cô Nelson, cũng đã đến nơi. Bây giờ vị Bác sĩ mới cảm thấy yên lòng giao bệnh nhân cho người

(1) Hán thứ biến Fahrenheit (105 độ Fahrenheit khoảng 40 độ theo Hán thứ tiêu Bách phân).

nữ ý tá này, vì theo ông cơn sốt sẽ hạ xuống trong vòng 48 tiếng đồng hồ, sau đó chỉ cần thời gian và sự săn sóc kỹ lưỡng bình nhân sẽ bình phục. Vị Bác sĩ trở về Sian, hài lòng với sự tận tâm nghề nghiệp của mình.

Năm ngày sau đó, một điện tín gửi đến bệnh viện Cơ đốc báo tin cho vị Bác sĩ biết người đàn bà vô danh lại lên cơn mê sảng, lần này trầm trọng hơn. Nhiệt độ của nàng, quả thật, đã hạ xuống gần như bình thường, nhưng đột nhiên nhảy vọt lên 105 độ như cũ, và bệnh trạng được xem là ngặt nghèo.

Ông vội vã lên xe lửa đèn nơi, và nhận ra bình nhân vừa bộc phát chứng thương hàn ở vào giai đoạn dễ gây chết người nhất. Chứng bệnh này chắc hẳn đã mạnh nha trong lúc người đàn bà chịu đựng cơn sốt rét tái phát hành hạ. Vài năm trước đây, ba bác sĩ ở bệnh viện Cơ đốc đã phải thiệt mạng vì bệnh thương hàn, thì đối với người đàn bà này ông không có một chút hy vọng nào, bởi lẽ ăn uống thiều thon, khích động và mệt nhọc, sức kháng binh của nàng hầu như không có. Nhứt là khi khám kỹ lại, ông còn nhận thấy một lá phổi của nàng đang trong thời kỳ phát triển bệnh sưng màng phổi.

Tuy vậy, bởi một sự trùng ngẫu do thiên định, một trong những nhà truyền giáo ở Hsing P'ing về Hoa Kỳ nghỉ phép vừa trở sang có mang theo trong xách tay khoảng 20 viên thuốc loại mới Sulfaipyridine, ông vui lòng biếu sò thuốc này cho vị Bác sĩ cao niên để ông ta trị bệnh cho người đàn bà. Xử dụng thuốc trụ sinh, vị Bác sĩ chặn đứng được chứng bệnh sưng màng phổi, nhưng đối với ông, cơ may sống sót mong manh nhứt của người bệnh có thể hy vọng, nếu nàng được chuyển về bệnh viện ở Sian lập tức.

Vị bác sĩ đứng tuổi đã sống ở Trung Hoa gần hai mươi năm. Ông từng thoát chết trong thời gian quân đội của hai tay quân phiệt địa phương bao vây và đánh nhau để tranh dành Sian, khiến cho hai mươi ngàn dân chúng của thành phố này chết đói. Ông giao thiệp nhiều và có một ít

thân thè trong thành phò, và vì người đàn bà nhỏ bé, vô danh này mà ông không ngăn ngại lợi dụng sự giao thiệp và thân thè của mình. Ông gọi điện thoại cho một người bạn đang trông coi khu vực hỏa xa ở đây và ông may mắn gấp được ngay. Gọi người bạn bằng tên riêng, ông nói :

«Rails phải không ? Tôi cần một toa xe đặc biệt nồi vào chayén xe lửa đầu tiên khởi hành vào ngày mai. Chúng tôi có một bình nhân phải nằm trên giường bình khi mang lên xe. Sẽ có bốn người giữ chiếc giường này vững vàng trong suốt chayén đi. Anh giúp tôi việc này được không ? Rất cảm ơn ! »

Rails đã nhận lời giúp vì bác sĩ. Trong cơn mê sảng, nếu người đàn bà nhỏ bé này biết rằng một toa xe riêng đã được sắp xếp để chờ một mình nàng, chắc nàng sẽ cười cho đèn đứt hơi mất.

Có người khiêng giường bình chực sẵn ở nhà ga Sian, và người đàn bà hôn mê được mang ngay về bệnh viện. Một trong những nữ bác sĩ ở đây vui lòng nhường căn phòng của bà, bởi lẽ người đàn bà bình nặng này cần được ở trong một căn phòng rộng rãi và khoáng khoái. Cô Nelson và cô Major, quản lý bệnh viện, tiếp tục săn sóc cho bình nhân.

Mười lăm ngày sau, khi chứng bệnh thương hàn bắt đầu thuyên giảm thì người Nhật, sau nhiều tuần lễ án binh bất động, quyết định oanh tạc Sian. Vì Bác sĩ đứng tuổi ngồi bên giường bình nhân lúc bom bắt đầu trút xuống. Ông vẫn chưa biết chút gì về lai lịch của nàng, vì suốt hai tuần lễ ở Sian cô sot vẫn làm cho đầu óc nàng u mê. Mỗi lần bom rít vang, roi xuống nổ tung làm rung chuyển căn phòng, thân hình gáy ồm và mắt hồn sinh khí của nàng cũng lay động và giật nảy lên như trong cơn hãi. Toàn thân nàng mồ hôi lạnh toát ra như tắm. Nàng bật ngồi dậy khiến vì bác sĩ phải giữ lại và cô tìm hết cách an ủi nàng. Đã từng trải nhiều, nhưng chưa bao giờ vì bác sĩ nhìn thấy con hãi nào lại kéo dài sự hành hạ như vậy.

« Các con 'đi' nàng hồn hèn nỗi, « các con tôi đâu
rồi ? Lẽ Nhựt đội bom lên đầu chúng tôi... »

Vị bác sĩ cò gắng lấy lại sự bình tĩnh cho nàng. Cuối cùng, động cơ máy bay nhỏ dần và tắt hẳn, tiếng còi vang lên xa xa cho biết tất cả phi cơ đã bỏ đi. Các bắp thịt căng thẳng của người đàn bà nhô bé giãn ra. Cơn sốt của nàng hình như hạ xuống, nhưng cuộc oanh tạc đã gây một ánh hường không tốt đối với nàng. Ông cảm thấy phải tìm hiểu chút ít về bệnh nhân này.

Hầu như có một bí ẩn nào đó vây quanh người đàn bà này. Ngày hôm sau, khi cô Nelson đứng bên giường bệnh, gương mặt của người đàn bà như bị dày vò trong cơn đau trong khi miệng nàng thì thào : « Bây giờ không còn xa inay nữa đâu, các con. » Rồi thỉnh linh nàng xử dụng thô ngữ Trung Hoa để nói. Thoạt đầu không một ai hiểu nổi, nhưng cuối cùng có người trong bệnh viện biết được thô ngữ này thuộc một vùng núi hẻo lánh tận miền Bắc. Gần trưa hôm đó, gương mặt người bệnh thoáng hiện một nụ cười. Câu thô ngữ Trung Hoa được phát âm một cách rộn ràng và mệt nhọc ấy là sự hồi tưởng đầy tiếc nhớ : « Còn nhớ lại đêm đầu tiên của « Thời hoa tím » đó không ? Điệu hát nhõ nhoid ấy ? »

Giữa căn phòng nóng bức của bệnh viện, từ cổ họng gãy top, thoát ra từng câu đứt quãng, sai lạc âm điệu của một bài hát mà tất cả mọi đứa trẻ sai vặt đã từng nghêu ngao huýt sáo cách đây một thế hệ. Rồi ngay đây, tiếng hát mòn mõi dần và ngừng hẳn. Thời kỳ mê sảng đã lướt qua, bệnh nhân nằm yên, đôi mắt khép lại.

Cô Nelson rón rén bước ra khỏi phòng. « Tôi nghiệp, cuối cùng bệnh nhân cũng ngủ yên được. » Cô ta nói với một nữ y tá Trung Hoa gấp ngoài hành lang. « May ra nhờ sự nghỉ ngơi mà cơn sốt sẽ chấm dứt, lúc đó người bệnh có thể nói rõ lý lịch và những gì liên quan đến nàng cho chúng mình biết ! »

Người đàn bà nhỏ bé này tinh giác vào chiều ngày đó. Nàng nhìn căn phòng kiều Tây Phương gọn ghẽ và ngăn nắp, những tấm màng treo rũ mềm mại trong không khí nóng bức, trên trần nhà quét vôi màu trắng lù ruồi bay quanh quần một cách lười biếng chậm chạp. Lù ruồi ? Lù ruồi đậu trên mặt những xác chết ở Yangcheng. Nhưng đây là đâu ? Giường ngủ tươm tất, cái bàn bằng kim khí đặt bên cạnh — như vậy là nàng phải ở trong một ngôi nhà truyền giáo nào đó. Và người đàn ông ta lớn cúi xuống nàng nhiều lần khăng khăng dò hỏi lý lịch của nàng là ai vậy ? Ông ta muộn gì ? Làm sao nàng nói cho ông ta — hay bắt người nào khác — hiểu được câu chuyện của nàng ? Thật ra câu chuyện cũng không khúc mắc gì đâu, nhưng mà ít ra muộn nói hết cũng phải mất nhiều thì giờ. Nàng khép đôi mắt lại. Tầm ra trái giường mông gầy cảm giác vuốt ve và ấm áp. Nàng nghĩ lại xem điều nào nàng sẽ nói, điều nào không ? Năm ở đây, trong một thế giới vừa ấm đậm vừa đầy màu sắc, đê trí nhớ trôi ngược về những năm xa xưa, không phải là không thích thú.

Những năm ấy là những năm tuyệt diệu. Không ai có thể làm nàng quên được những năm ấy. Qua nhiều ngày, người ta đã dò hỏi tên nàng. Nhưng mà còn ai lại không biết cái tên đó. Ai-Weh-Deh, có nghĩa là một người đàn bà đức hạnh. Mọi người trong tỉnh Shansi đều biết tên này. Và dĩ nhiên, ở đó không cần phải luôn luôn nói cái tên bằng tiếng Anh ta.

Chẳng hạn như cái đêm nàng gặp Tướng Ley trong một ngôi làng miền núi. Ông là một vị linh mục Thiên chúa giáo, nhưng nàng không bao giờ biết tên thật của ông, nàng chỉ biết đại khái ông là người Hà Lan. Ông đã ngồi đối diện cùng bàn với nàng, ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn dầu hải ly khiến cho khuôn mặt của ông chập chờn bóng tối. Cả hai đã giải bày tâm tư hết giờ nay sang giờ khác. Sau đó, với khẩu súng trên tay, ông băng minh vào đêm tối, chiếc áo đen cuồn lật phai quanh chân, vượt

núi trở về với nhóm quân du kích vũ trang của ông, để... chém giết.

Và nàng còn quen biết nhiều người khác ở Shansi. Nào là viên Huyện quan, thường mặc chiếc áo thêu bằng gấm, cư ngụ trong tư dinh biệt lập hẳn với thế giới bên ngoài của ông, và nàng Sualan xinh xắn, có nước da xanh xao, đôi tay khéo léo và linh hoạt như đôi bướm, như trời sinh ra nàng là nhằm để trở thành một nô tỳ gây vui tươi cho tất cả quan khách của huyện quan. Nào là nhà sư tên Feng, đầu cao trọc lốc, đã từng thụ hình nhiều năm trong ngực thắt bần thiu của huyện ly này, hoặc người dắt lửa mà cả vợ và con của hắn đều bị chết cháy. Và Linnan người đàn ông mà nàng đã yêu, người đã từng gởi quân thám thính dưới quyền đi khắp vùng núi để dò la tin nàng....

Tiếng nói dồn dập cứ lặp đi lặp lại bên tai nàng : « Hãy cho chúng tôi biết tên của cô. Đừng sợ hãi ! Bay giờ không có gì để cô phải sợ hãi nữa. »

Sợ hãi ! Không còn nỗi sợ hãi nào khiên nàng quan tâm hơn nữa. Nàng đã từng sợ hãi khi nằm ngủ trên tuyet giữa rừng thông đen thăm ở Tây Bá Lợi Á. Nàng đã từng sợ hãi khi một già đàn ông định hâm hiếp nàng trong phòng ngủ khách sạn ở Vladivostop. Nàng đã từng sợ hãi trong ngực thắt khung khiếp của người Trung Hoa, khi một tên điện tay cầm chiếc búa hoen máu bước hướng về phía nàng. Nàng đã từng sợ hãi lúc ngủ đêm trong hang núi, nghe bầy chó sói tru tréo và nhìn thấy đôi mắt nhỏ bé của chúng lắp lánh trong bóng tối. Nàng đã từng sợ hãi khi tiếng hét « đứng lại » của quân Nhựt vang lên, và đạn rót vung vẩy quanh nàng như vẩy đá.

Hồi tên nàng có vẻ như là một việc làm ngây ngô. Chắc chắn họ đã biết tên nàng là Gladys Aylward, và chắc chắn họ cũng biết nàng chia đời ở Edmonton. Họ phải nghe danh thành phố Edmonton, nằm ở phía Bắc thành phố Luân đôn chớ. Và, tuy rằng nói như vậy, nhưng mà tất cả cũng

dã xa vời lầm rồi. Nàng cò xem nàng có thể nhớ lại được không. Và bây giờ tất cả dã quay về với nàng, đúng như những ngày mà nàng đã trải qua, những ngày Edmonton còn là thế giới hoàn toàn của riêng nàng. Những ngày được đi xe buýt đèn Selfridge hoặc đèn Prury Lane để xem một vở kịch cảm mùa Giáng sinh, mà đi với nàng như một chuyến đi xa đầy mạo hiểm.

☆

Vào những ngày này, quanh tỉnh Edmonton còn là những cánh đồng trải dài mút mắt trước khi màu đá xám, màu ngói đỏ và bụi than của thành phố Luân Đôn gây tùng hăn tẩm nhìn. Gia đình nàng dời đèn đường Chedding-ton khi nàng còn thơ dại. Một dãy nhà gạch đỏ, những tấm rèm có viền đăng-ten, vòng rào bằng cây thù lạp, và bách hương thảo ở các khung cửa sổ. Những vỉa hè toàn lót đá xám một màu. Mỗi sáng sớm, mấy người bán sữa, rau cải và bánh mì nét mặt vui tươi và những chiếc xe ngựa lù lù lượt đi qua các nẻo đường không ngớt. Mọi lúc thời sung sướng biết bao. Nàng nhớ lại người cha trở về nhà, trong bộ đồng phục sậm màu, miệng ngậm ống vò, kéo lê đôi giày nặng nề của người phu trạm trên mặt đường. Mỗi khi mẹ nàng lui cui pha trà trong bếp, nàng và Violet đùa giỡn quanh nhà hoặc lên chạy hoang ra đường với bọn trẻ khác.

Hồi Đệ Nhứt Thế Chiến, khi các khinh khí cầu của Đức bay đến thả bom Anh quốc, nàng nhớ lại khám phá đầu tiên của nàng nhằm chòng lại với cơn «hai sợ» ra sao. Nàng rù tắt cả bọn trẻ ngoài phòng khách và bắt chúng ngồi dựa lưng vào vách tường. Sau đó, nàng ngồi trước chiếc phong cầm nhỏ bé và cũ kỹ đập bằng chân, nàng vừa đập liên hồi vừa thét lớn một bài thánh ca, như cõi hết sức làm sao đè lấn át cho được tiếng kêu u u của những «chiếc kén» màu bạc hung dữ, đang bay xuyên qua nền trời này.

Sau này, những năm ở Trung Hoa, nàng lại nhận thấy tiếng hát đã làm khuây khỏa hồn người, dù cho gấp phải bắt cứ hoàn cảnh buồn nǎn nào. Bọn trẻ mệt mỏi và rã rời đôi chân cũng đã từng cất cao tiếng hát khi trèo đèo vượt núi, không phải tiễn về sông Jordan (1), mà tiễn về hình dáng cổ kính, cuồng nộ và mênh mông của giòng Hoàng Hà. Và nàng nhớ lại nỗi thát vọng khi đặt chân đến bờ con sông này. Còn nỗi thát vọng nào bằng nỗi thát vọng của nàng vào lúc ấy ? Có lẽ, nỗi thát vọng mà nàng gấp phải tại Trung Tâm Truyền giáo Nội địa Trung Hoa ở Luân Đôn có thể sánh bằng ?

Chuyện xảy ra trong thời gian nàng cõ gắng theo học tại Trung Tâm Truyền giáo này, sau mấy năm làm nghề hầu phòng khách, với hy vọng trở thành một nhà truyền giáo ở Trung Hoa. Ngay cả bây giờ nàng vẫn còn nhớ lại hình dáng của những cảnh cây mùa Đông màu đen sẫm, vươn lên nền trời Luân Đôn xám đục, phía bên ngoài khung cửa sổ phòng làm việc của Ông Giám Đốc Trung Tâm Truyền giáo. Ông ta khuôn người cao gầy, vầng trán nhô hẳn về phía trước, lúc ấy ngồi đối diện với nàng. Hai bên khóe của đôi mắt hiền từ và xanh biếc hằn sâu những nếp nhăn chằng chịt, và đôi mi rậm màu xám của ông như nỗi bật lên. Ngay cả bây giờ nàng vẫn còn nhớ đèn cái nhìn của ông ta. Cái nhìn nghiêm nghị làm sao ! Lúc ấy nàng đã hai mươi sáu tuổi, rất mảnh mai và nhô thở, dáng vẻ gọn gàng, đôi mắt màu nâu thẫm, khuôn mặt trái soan, mái tóc đen tuyển rẽ ngồi ở giữa và gióc ngược lại phía sau cột thành túm một cách ương ngạnh. Có lẽ Ông Giám đốc đã phân biệt được có cái gì biểu lộ sự bướng bỉnh và sức mạnh nội tâm qua đôi môi mím chặt của nàng. Nhưng ông cũng nhìn thấy sự căng thẳng trên khuôn mặt nàng, sự căng thẳng sẽ sớm biến thành thát vọng ấy.

(1) Một giòng sông ở Palestine, đổ vào Biển Chết (Dead Sea)

Ông mở tập hồ sơ để trước mặt, đôi môi mím lại.

Ông hỏi :

«Cô đã theo học ở đây được ba tháng, nếu tôi không lầm..»

«Đã phải, thưa ông Giám đốc!»

«Môn thần học?»

Nàng hỏi thật nhõ :

«Chắc môn thần học tôi không được khá?»

Ông ngược nhìn lên, khẽ nhíu mày : «Phải, môn này cô kém hoàn toàn..»

Nàng nhớ rõ, nàng đã ngồi với mày ngón tay đan nhau và xiết chặt lại như thế nào. Nàng chỉ còn nghe loáng thoáng giọng nói lặp đi lặp lại những khuyết điểm của nàng. Nàng biết, nàng không thể nào trình bày để ông ta hiểu nàng. Nàng biết tài thuyết phục của nàng không đủ để tranh luận, mà cả kiến thức của nàng cũng không thể nào thoát qua được các vần nạn của ông. Nàng biết, nàng không có «kinh nghiệm». Nàng biết, nàng không có bất kỳ dịp may nào cả. Nhưng nàng cũng biết rằng nàng «phải» sang Trung Hoa, cho dù chưa từng trải việc đời, chưa từng biết gian lao thông khổ là gì.

«Cô thầy đó, cô Aylward, tất cả những khuyết điểm về học văn này không phải là không quan trọng,» ông hiểu trưởng nỗi, giọng đầy cảm cảnh, «nhưng quan trọng hơn hết là tuổi của cô. Nếu cô theo học ở đây ba năm nữa, khi chúng tôi gửi cô sang Trung Hoa, cô đã gần ba mươi tuổi. Ông lắc đầu một cách hoài nghi. «Theo kinh nghiệm của chúng tôi, chúng tôi biết rằng những học viên đã quá ba mươi tuổi, trừ những người xuất chúng hẳn, họ sẽ thầy khó khăn vô cùng khi học tiếng Trung Hoa.

«Qua tất cả những gì vừa nói, tôi chắc cô hiểu, sự theo đuổi việc học của cô ở đây hình như ít có điểm nào thuận lợi. Chúng tôi nhận cô vô học với niềm tin tốt đẹp, đặt trên sự thử thách. Nếu cô tiếp tục theo học, tiến bậc và thời giờ của mọi người sẽ hoang phí một cách vô ích, và...»

Ông bỗng lúng cự nói.

«Tôi hiểu», nàng nói nhỏ «Cám ơn Ông đã nhận tôi vô học. Tôi học kém, đó không phải là lỗi ở ông.»

Ông Giám đốc cõi an ủi : «Cô không nên buồn nhiều về sự thoái... à... thoái bộ này. Tại Anh quốc, người như cô còn nhiều công việc ích lợi khác để làm.» Ông ngừng lại một chút, và tiếp : «Cô đã có dự định sẽ làm gì chưa ?»

«Đã thưa chưa,» nàng đáp.

Ông liếc vô hổ sơ của nàng. «Tôi nhận thấy cô đã từng... à... việc làm trước kia của cô...»

Nàng ngược mắt nhìn ngay vô mặt ông ta và nói thật mau : «Tôi không muốn quay lại cái nghề hầu phòng khách nữa, trừ trường hợp bắt buộc.»

«Phải, tôi hiểu điều đó.» Ông ngừng lại một chút. «Cô có thể giúp chúng tôi trên một phương diện khác, cô Aylward.»

«Đã thưa Ông, phương diện nào ?»

«Có hai nhà truyền giáo từ Trung Hoa vừa trở về. Một đôi vợ chồng già, họ cần có người săn sóc. Cả hai đã mướn một ngôi nhà ở Bristol. Cô xem coi công việc này cô có làm được không ?»

Nàng nhở lại, đề nghị đó đã gây cho nàng sự buồn lạnh như thế nào. Nhục nhã biết bao ! Làm đầy tờ cho hai giáo sĩ hối hulu quá già yêu đèn nỗi không tự săn sóc được ! Nhưng, nếu công việc này giúp nàng tiền đèn gần nước Trung Hoa hơn bao giờ hết, có lẽ, nó còn tốt đẹp hơn là quay về với cái nghề hầu phòng khách.

Ở cái tuổi hai mươi sáu, Gladys Aylward vẫn chưa lập gia đình, và xã hội thời ấy, một cô gái như nàng chỉ hy vọng tìm được một việc làm không mày bão đầm. Vào khoảng thời gian giữa hai cuộc thế chiến này, một thiều nữ tin vào Chúa thường chỉ nũng lui tới nghe thuyết giảng ở giáo đường mà thôi. Nhưng, với sự hiểu biết xác thực, qua niềm tin riêng, nàng ý thức rằng Chúa muốn nàng làm hơn những gì có tánh cách tiêu cực này. Rời khỏi ghè nhà

trường, nàng đi làm ngày, công việc: của một kẻ hầu phòng khách, hết nơi này đèn nơi khác. Vào những ngày «suy sụp», đầy đèn tối nay, nếu bạn tìm được một việc làm, bạn phải đeo dính nó. Nhưng riêng nàng, nàng quyết tâm làm một cái gì vượt hơn đời sống hiện hữu của nàng.

Ước muôn sang Trung Hoa của nàng thoát đầu do đâu mà ra, nàng cũng không hiểu nổi. Có thể, ước muôn này đã phát sinh từ buổi chiều hôm đó, giữa lúc phiền muộn và nhàn rỗi, nàng nhìn thấy một tầm biếu ngữ với nội dung kêu gọi phục hồi tín ngưỡng, cảng phía bên ngoài một ngôi giáo đường, trong lúc phía bên trong một linh mục trẻ đang hăng say khuyên khích đám thính giả nhóc bé của ông phục vụ Chúa. Nàng «mê muội», một sò bạn bè đã nói thẳng vô mặt nàng như vậy, khi họ nhìn thấy con đường mà nàng đang hướng đến.

«Đừng ngủ nghec, Glad, » họ phản đối. « Hãy đi xem chiều bóng, đi nhảy nhót, hoặc để thì giờ gọi điện thoại cho mày gã đẹp trai mà chúng ta gặp ở công viên còn tốt hơn. » Tuy nhiên nàng muôn có một đời sống khác hơn những thứ đó. Nàng gia nhập vào một đoàn thể tôn giáo địa phương và ước muôn sang Trung Hoa càng lúc càng nôn nóng hơn trong trí tưởng của nàng. Natürlich, nàng được Trung tâm Truyền giáo Nội địa Trung Hoa thâu nhận trong tư cách một giáo sĩ lật sự, nhưng chỉ vài tháng sau nàng bị loại.

Nàng đèn giúp việc cho hai vợ chồng nhà truyền giáo già ở Bristol, và không lâu sau, nàng được giao phó công việc mới, «một người chị cứu vớt», trên các bèn tàu ở thành phố Swansea, thuộc South Wales. Một kẻ cứu vớt những người đàn bà sa ngã, ở cái tuổi hai mươi sáu của nàng, khó mà biết được vì sao họ «sa ngã», hoặc nàng sẽ làm cách nào để cứu vớt họ. Nàng đi rảo quanh khu vực bèn tàu hèn đêm nay sang đêm khác. Nàng chỉ cao khoảng một thước sáu hơn, cân nặng chừng bốn mươi tám ký. Dưới ánh đèn đường vàng vọt, mày tên thủy thủ sai rơu

Định chắc nàng là một á giang, hồ nén buông lời cát nhã, nhưng nàng không thèm để ý. Có nhiều cô gái trẻ tròn nhà, đi xe lửa từ các làng mạc xa xôi đến Swansea, lạc lõng giữa đêm tưng bừng nào nhiệt tàn dãy của thành phố hải cảng rộng lớn này họ thường tỏ ra cảm kích khi cánh tay gầy yếu của Gladys chưởng qua thân, và dùi họ về ngủ tạm ở nhà vắng lai của Cơ quan Truyền giáo. Sáng hôm sau, khi nàng đưa máy cô gái này ra xe lửa và đặt vào tay họ máy đồng bạc lộ phí, họ đã áp úng đôi lời cảm tạ trong dáng vẻ lo âu. Họ về với những mái nhà tranh nhỏ bé, nằm giữa dãy núi Welsh, để chịu cơn thịnh nộ của gia đình.

Các á giang hồ lớn tuổi hơn, sòng khôn đòn trong thời buổi « suy sụp » bởi các áp lực kinh tế gây ra, lại khác hẳn. Họ đã nhìn người thiều nữ trẻ, làm việc phúc lợi đầy nhiệt tâm cũng như hoàn toàn hiền thản cho Chúa này, với đôi mắt vừa chèo điêu vừa khoan thư. Đôi khi họ cũng nghe những lời khuyên nhủ của nàng, và nhiều lần, vào những chiều Chúa nhật, nàng đã xem như là đặc thắng của nàng khi hướng dẫn được một số đèn nhà giang Snelling.

Mặc dù công việc này làm cho tinh thần của Gladys thêm phần khởi, nhưng đó chỉ là những công việc không công mà thôi. Càng lúc nàng càng thấy rõ là nếu nàng muôn sang Trung Hoa, nàng phải tự dài thọ phí tồn — và nàng đã quyết tâm kiêm tiến bằng mọi cách, không cần biết người khác nghĩ như thế nào.

Nàng chỉ biết một cách duy nhất để kiếm tiền là trở lại cái nghề hầu phòng khách. Một cách miễn cưỡng, nàng từ già bạn bè và trở về Luân Đôn.

Một cơ quan tìm việc đã tìm được giúp nàng một chỗ làm ở Luân Đôn, tại tư gia của Sir Francis Younghusband, một cựu quân nhân có tiếng tăm, một nhà văn và cũng là một nhà thám hiểm. Ngay cả bây giờ nàng vẫn còn nhớ rõ lúc nàng bước chân vô căn nhà đó. Sau khi trải qua

quảng đường dài từ ngoại ô Edmonton đến Luân Đôn, nàng cảm thấy chán nản khi đưa tay gõ cửa. Người quản gia ra dẫn nàng vô và chỉ căn phòng riêng dành cho nàng. Căn phòng nhỏ, ngăn nắp và ấm cúng, nhưng vẫn là căn phòng dành cho một người đầy tớ. Vẫn chưa phải thế giới Trung Hoa mơ ước của nàng. Nàng ngồi xuống giường, đưa mắt nhìn chiếc vali nhỏ mang theo. Nàng lôi cuốn Thánh Kinh bla màu đen cũ kỹ đặt lên bàn rửa mặt. Nàng rút xuống tất cả số tiền dành dụm trong chiếc bóp nhỏ ra. Chỉ có hai xu rưởi. Nàng đeo số tiền này lên quyển Thánh Kinh. Nàng cảm thấy muôn khóc. Như vậy là nàng đã quay lại khởi điểm... đây tớ... và nước Trung Hoa vẫn còn xa cách biệt bao. Bỗng nhiên niềm tin thức dậy sâu xa, nàng lớn tiếng hỏi : « Lạy Chúa, đây là quyển Thánh kinh của con ! Đây là tiền của con ! Đây là con ! Lạy Chúa, xin Chúa hãy chắp nhận con ! »

Cửa mở. Một nữ gia nhân ló đầu vô phòng, thoáng vẻ bối rối, vì cô ta tình cờ bước tới nên đã nghe tất cả lời cầu nguyện của người đồng nghiệp mới. Cô nói : « Bà Chủ muôn gấp chị ở phòng. Bà luôn luôn muôn gấp những người giúp việc ngay khi mới đến. »

Gladys nói : « Cám ơn. » Nàng chậm rãi bước xuống thang lầu.

Bà chủ nhìn khuôn mặt nhỏ nhắn và bơ phờ của nàng một cách tò mò : « Cô là cô.... Aylward ? Ở đây với tôi hy vọng cô sẽ được hài lòng. Bây giờ cô hãy cho tôi biết từ nhà đèn đây cô mất bao nhiêu tiền ? »

« Thưa bà, hai cái chén xu », Gladys nói, và nàng không hiểu bà chủ hỏi như vậy để làm gì. Bà chủ đưa tay lấy bóp đựng tiền và nói : « Tôi luôn luôn trả tiền xe cho những người giúp việc mới đến. Đây là ba cái. Người quản gia sẽ giải thích công việc cho cô sau... »

Năng lực mới làm nhẹ hàn đói chân của Gladys khi nàng quay vội lên thang lầu. Mừng quýnh mừng quảng, nàng trai mày đóng lên quyển Thánh kinh. Mùa bạc lóng lánh

phản chiếu bìa sách da màu đen. Ba đồng hai các rưỡi. Tất cả sẽ được dành làm lộ phi đi Trung Hoa. Nàng thày phàn khóc, xem như đã đi được nửa đoạn đường.

Có điều khá mỉa mai, khi Gladys Aylward vô thư viện trong tư dinh Belgravia để sờ chà chừ nhẫn để quét bụi đóng trên sách, chủ nhân của nàng là Sir Francis Younghusband, người đầu tiên đã đi xuyên qua trái tim của Trung Á bằng cách vượt dãy núi vĩ đại Mustagh ngăn đồi giữa Kashmir và Trung Hoa, ông ta hầu như không biết có sự hiện diện của nàng. Ấy vậy mà nàng cũng sẽ đặt chân đèn những vùng đất với người và vật hung bạo không kém gì những vùng đất ông ta đã từng đặt chân đèn trước đây.

Bây giờ nàng nhớ đèn cuộc tiếp xúc đầu tiên với nhân viên bán vé của cơ quan du lịch Mullers & Haymarket. Viên thơ ký đứng tuổi này đã định chắc là nàng điên. Suốt nhiều năm trong nghề, ông ta thường được khách hàng yêu cầu cho ý kiến về các phương thức du lịch, nhưng hình như ông ta chưa từng nghe loại yêu cầu nào quá quắc như cô khách hàng này. Ông ta đã kiên nhẫn giải thích cho nàng hiểu rằng vé tàu thủy rẻ nhất đèn bắt cứ nơi nào ở Trung Hoa cũng không dưới chín mươi đồng (Anh kim). Ông ta cũng nói qua cho nàng biết, mặc dù đường bộ đèn Tsientsin, bằng cách sử dụng liên thiết lộ Tây Bá Lợi Á xuyên qua Âu Châu, Nga Sô và Tây Bá Lợi Á, vừa nhanh chóng nhứt vừa rẻ tiền nhứt (giá vé chỉ 47 đồng 10 các Anh kim) nhưng lộ trình này lại cực kỳ nguy hiểm. Nhưng người thiều nữ, đứng trước quầy hàng đồi điện ông, cò tinh không chịu hiểu những lời ông nói. Nàng đầy ba đồng đèn trước mặt ông ta, nói đây là số tiền trả trước vé xe lửa, và hỏi ông ta có chịu để nàng góp dán cho đèn khi đủ số hay không. Viên thơ ký gõ mày ngón tay gây guộc của ông ta lên quầy hàng, sửa lại chiếc kính kẹp ở mũi để nhìn kỹ nàng hơn. Một chuyến vòng quanh thế giới, một cuộc đi săn ở Phi Châu, một ngày nghỉ cuối tuần kín đáo ở Le Tonquet, tất cả ông có thể lo được hết. Nhưng

vụ này...

Ông nói một cách nghiêm trang : « Thưa bà, như tôi đã nói với bà, đi bằng liên thiết lộ Tây Bá Lợi Á nguy hiểm vô cùng, bởi lẽ hiện thời ở niêm cực Đông Nga Sở và Trung Hoa đang đánh nhau..

Nàng đáp : « Cuộc chiến đán đòn và xưa như trái đất đó không làm tôi quan tâm chút nào. Lộ trình này ít tiền nhất phải không ? Đó là những gì mà tôi muốn. Nay giờ nếu ông bằng lòng ghi cho tôi một chỗ đi, xin ông nhận ba đồng trả góp này, và cứ mỗi tuần có bao nhiêu tôi sẽ đem gởi ông bấy nhiêu.»

« Chúng tôi không thích đưa khách hàng của chúng tôi... về chỗ chè. » Viên thơ ký biếu tờ tài cả sự tức giận qua câu nói cay cù này, nhưng cũng không gây hiệu quả nào đối với cô khách hàng.

Nàng đã suy xét câu nói của viên thơ ký theo một luận lý hết sức đòn bà. Nàng ngược nhìn ông ta, và nói : « Ô, tôi là đàn bà con gái, họ sẽ không dung chém, quay nhiều đèn tôi đâu.»

Lúc đó đã ba giờ chiều, khách hàng hầu như trống vắng, do đó, viên thơ ký có thời giờ vạch rõ cho nàng thảy con đường giao thông nồi liên thiết lộ phía Đông Trung Hoa đối với cả hai lực lượng Nga-Tàu trọng yếu như thế nào. Ông ta giải thích rằng lực lượng Trung Hoa, dưới sự điều động của vị Thông chè trẻ tuổi Chang Hsueh Liang, đang dùng mọi cách bắt buộc Nga-Sô phải từ bỏ các yêu sách của họ trên đoạn thiết lộ huyết mạch chạy xuyên qua Mãn Châu, và nồi liền với liên thiết lộ Tây Bá Lợi Á. « Hai bên đang đánh nhau, mặc dù không tuyên chiến. Không vật gì có thể bảo đảm an toàn cho một người đàn bà, ngay cả vũ khí được xem là thần diệu — một giây thông hành xuất ngoại của Anh Quốc.»

Viên thơ ký dứt lời, đôi mắt màu nâu thăm của nàng vẫn nhìn ông ta một cách cương quyết. Bàn tay nhỏ bé mang găng vẫn đầy ba đồng bạc về phía ông ta. « Tôi chắc

cuộc xung đột đó sẽ chấm dứt khi tôi góp đủ số tiền,» nàng nói. «Nếu ông bằng lòng dành cho tôi một vé bằng cách góp dần, mỗi tuần tôi sẽ mang tiền lại cho đèn khi nào đủ thì thôi. Như vậy có được không?» Viên thơ ký nhìn nàng đắn đo, rồi thở dài, đưa tay lượm ba đồng bạc, và như một kẻ thua trận, ông ta đưa tay lấy tập biên lai : «Được rồi, thưa bà. Tôi không biết bạn giám đốc sẽ nghĩ gì về trường hợp này, nhưng tôi hy vọng câu chuyện sẽ được giải quyết êm xuôi.»

Nàng vẫn còn mơ hồ, không hiểu một cách đích xác những gì nàng có thể làm được khi đèn Trung Hoa với cái túi rỗng, và mù tịt ngôn ngữ của xứ sở này. Tuy nhiên nàng nhận thấy, cho dù không thể tốt nghiệp trường Truyền giáo Nội Địa Trung Hoa, nhưng ít ra nàng cũng có thể tự thâu nhập một số vốn kiến thức đủ để am tường và thuyết giáo về Phúc âm : «Mình phải học giảng kinh.» Nàng tự nhủ. «Mình phải học nói trước quần chúng.»

Với nhiên tinh chất phác, thật thà của nàng, mỗi khi rời ~~mình~~ nàng ra công viên Hyde, hoặc một góc phố nào đó, trịnh trọng leo lên một cái thùng đựng xà bông để tập giảng đạo trước một đám thính giả luôn luôn có thái độ bài xích tôn giáo và nhạo báng nàng. Chiều chiều, người dân Luân Đôn mệt nhọc từ ga xe điện ngầm bước lên đã phải giặt mình, khi họ nhận thấy một cô gái mặc áo đen chặn lại để khuyên nhủ họ quay về, không phải quay về với gia đình, mà quay về với Chúa. Để lần át tiếng xe cộ ồn ào của thành phố Luân Đôn, nàng cất cao giọng biện thuyết, và mặc dù cò găng của nàng không gây chú ý cho ai hơn là lù chim đen nhỏ bé đậu trên đài kỷ niệm Nelson, nàng vẫn không nản lòng.

Nàng cũng cù công đọc sách, đặc biệt là những câu chuyện của các nhà truyền giáo và những quyển sách viết về Trung Hoa. Nàng mượn các sách lịch sử, các sách giảng và các sách viết về những hoạt động tôn giáo khác của bạn bè, của thư viện địa phương, hoặc trong thư viện của gia

định Younghusband. Do đó, nàng đã xem qua nhiều quyển sách mà nàng không có thời giờ học hỏi ở Trung tâm Truyền giáo Nội địa Trung Hoa.

Sau đó nàng gặp được chút ít may mắn. Qua một người bạn, nàng nghe được câu chuyện về bà Lawson. « Đó là một bà già đáng mến ! Năm nay bà ta đã bảy mươi ba tuổi mà vẫn còn đi truyền giáo ở tận bên Trung Hoa. Năm rồi bà trở về Anh để hưu trí, nhưng bà không thể nào chịu nổi. Do đó bà lại trở sang Trung Hoa — bà nói rằng bà sòng những ngày tàn ở bên đó còn hơn. Cách đây một hai hôm, bà có viết cho tôi một bức thư, cho biết bà muốn tìm một thiếu nữ có thể tiếp tục công việc đang theo đuổi của bà. »

Gladys còn nhớ miệng nàng đã há hốc ra vì kinh ngạc như thế nào, và tất cả phản ứng của nàng lúc ấy chỉ là mây tiếng thêu thao yếu ớt : « Thiếu nữ đó là tôi ! Thiếu nữ đó là tôi ! »

Lập tức, nàng viết thư cho bà Lawson. Nàng có thể giúp đỡ bà ta ? Nàng có thể gặp bà ta ? Nàng có thể sang Trung Hoa ?

Bây giờ công việc dành dụm tiền bạc để mua vé xe lửa đã trở thành tất yếu đối với nàng. But cứ công việc nào trong các gia đình ở khu Belgrave nàng đều nhận làm, không né hà khó khăn, nặng nhọc. Vào những ngày nghỉ hoặc cuối tuần, nàng đèn chầu chực tại các cơ sở tìm việc để họ giao công việc cho nàng, chẳng hạn như phụ giúp trong các buổi tiệc tùng, bưng dọn ở các cuộc hội hè giao tế. Nếu cần, nàng làm việc suốt ngày suốt đêm. Hiện thời, viên thơ ký & cơ sở du lịch Mullers đã trở thành ông bạn già của nàng. Ông ta đã quen mặt thiếu nữ đầy nhiệt tâm, xuất hiện mỗi ngày thứ sáu trước bàn giấy của ông, mang theo số tiền góp nhặt từng cắc từng xu, và dần dần lên đèn một con số kỳ diệu — bốn mươi bảy đồng mười cắc.

Cuối cùng, buổi sáng tuyệt diệu đã đến, khi lá thư mang những con tem Trung Hoa rơi đánh xạch xuống nền

tiến sảnh. Trong thơ cho biết nếu nàng tự túc đèn được Tientsin, một người đưa tin sẽ chờ đón và hướng dẫn nàng đèn nơi bà Lawson đang làm việc.

Việc nàng phải làm ngay bây giờ là đi xin một giây thông hành xuất ngoại, và hoàn tất số tiền mua vé tàu còn thiếu. Nàng nói với tất cả bạn bè : « Tôi sắp đi Trung Hoa ! Tôi sắp đi Trung Hoa ! »

Giây phút đèn của bức thơ ấy nàng không bao giờ quên được, và nhứt là những ngày chuẩn bị hành trang để lên đường ...

Và bây giờ, nàng nằm đây... nhưng mà đây là đâu mới được chờ ? Và chuyện gì đã xảy ra ? Nàng nhớ nàng đã đi với lũ trẻ, và lâm cảnh ngặt nghèo với giòng sông hao la trước mắt và những viên đạn réo đuổi cận kề. Và bây giờ, trước mắt nàng là những bức tường màu trắng, những nữ y tá xa lạ, với nàng vừa trong cơn mê mõi và bồi rôi, vừa mang cảm giác yên ổn một cách kỳ. . Ngay cả nூn nàng có chết đi ở đây, trong căn phòng này, nàng cũng sẽ được chết trong sự hiểu biết rằng nàng đã đặt chân được lên đất Trung Hoa, nàng sẽ biết rằng giấc mộng của nàng cuối cùng không phải là ảo mộng.

CHƯƠNG II

VÀO ngày 18 tháng 10 năm 1930, Gladys Aylward đứng chờ xe lửa trên sân ga ở Liverpool. Tiết bạc nàng mang theo chỉ vớn vẹn có chín đồng xu lẻ và hai chi phiếu du khách của cơ sở du lịch Cook trị giá hai đồng Anh Kim... Nàng đã bỏ các chi phiếu này và chiếc áo nịt ngực cũ do mẹ nàng cho và may lại kỹ càng. Nàng làm như vậy, vì nàng tin rằng dù cho là người ngoại quốc đi nữa, họ cũng không dám đụng chạm vào một vật kín đáo của đàn bà như vậy. Quả thật, chiếc áo nịt ngực của nàng là một chỗ dầu cắt báu vật, vì ngoài hai chi phiếu, nàng còn nhét một quyển thánh kinh, cây viết máy, vé xe lửa và thông hành xuất ngoại.

Nàng hôn từ giã cha mẹ và người chị, leo lên toa xe hạng ba ngồi vào chiếc ghế trong góc. Tiếng còi rít vang, chiếc xe lửa nhả khói và phì phao lăn bánh. Qua cửa sổ, nàng giơ tay vẫy cho đèn khi gia đình khuất hẳn trong tăm mờ. Nàng buông mình xuống ghế và trải chiếc áo lông cũ bên cạnh chỗ ngồi. Chiếc áo lông này do một người bạn tặng, mẹ nàng đã cắt xén và may thành một cái khăn quàng lớn. Hai chiếc vali của nàng xếp trên giá để hành lý, một chiếc đựng quần áo, một chiếc đựng đồ vật linh tinh như mây hộp thịt bò, cá mòi, đậu nâu chín, bánh bí-qui, bí-qui sô-đa, bánh bột lúa mì nhào, trà trộn nước cốt thịt bò, cà phê bột, trà và trứng luột. Nàng còn mang một cái xoong, một cái ấm và một lò đốt bằng cồn. Cái ấm và xoong được cột vớ quai xách của chiếc vali.

Nàng lên tàu thủy ở Hull và xuống tàu ở The Hague, thường cho người phu khuân vác hành trang chín xu lè và lại leo lên tìm một chỗ ngồi trong góc trên chuyền xe lửa xuyên đại lục. Từ Hà Lan, xe lửa vượt qua Đức, Ba Lan và tiến vào Nga sô. Nàng ngồi quay mặt về phía trước, cuộn mình trong chiếc khăn quàng lớn bằng lông và nhíu đại lục lượt về phía sau. Trên nôi địa Nga, nhiều cảnh tượng nhìn thấy khiến nàng xúc động: từng nhóm dân chúng chờ dân đứng chờ xe lửa trên các sân ga tro trọi và buốt tê, các nữ công nhân vầy nhóm làm việc quần quật; người nghèo khổ và dân quê đạt đèn một tỷ lệ cao không thể tưởng.

Nhà ga chính ở Mac Tư Khoa đông đầy lính trắng, người nào cũng kẹp khẩu pháo bánh mì dưới nách, đê lúc nào cảm thấy đói là họ rút một miếng bỏ vô miệng nhai nhóp nhép. Những người dân ông đầy râu ria, hình dáng thô bạo, tay xách nách mang, không ngọt khạt nhô trên nắt đất và đưa tay quết mũi thật lợ lùng và đáng ghê tởm đồi với người thiểu số Anh. Đê vận động cơ thể, mỗi ngày một hai lần, nàng đi dọc theo hành lang xe lửa, và thỉnh thoảng, khi xe ngừng lại để lấy thêm cùi đốt, tất cả hành khách đều xuống xe cho giàn chân tay và lấy thêm nước uống.

Mười ngày sau khi nàng rời khỏi nước Anh, xe lửa chạy xuyên qua Tây Bá Lợi Á. Quang cảnh hùng vĩ của vùng này in sâu vô trí óc nàng: những dãy núi cao chót chót, những rặng thông bát ngát lượn quanh một màu xanh thẳm, tuyết trắng trải dài vô tận, ánh nắng rực rỡ và nổi hiu quạnh mông mènh. Tại một nhà ga, một người đàn ông biết nói chút ít tiếng Anh đèn toa xe của nàng, và qua người này, các hành khách khác bấy giờ mới bắt đầu hỏi những vấn đề liên quan đến nàng. Người đàn ông này từ tè, ông ta nói cho Gladys biết người soát vé sau khi xem qua các vé của nàng đã nhờ ông báo cho nàng hay là không có chuyến xe lửa vào đêm Harbin, và như vậy có thể nàng

sẽ phải xuống xe ở biên giới Măn Châu — Tây Bá Lợi Á. Nếu việc này là sự thật — nàng cõi hèt sức đe không tin — thì dịp may tiếp tục cuộc hành trình xuyên qua Harbin đe đến Dairen, rồi đáp tàu thủy đến Tientsin sẽ trở thành xa vời đỗi với nàng.

Như đe làm gia tăng sự sợ hãi của nàng, tại mỗi nhà ga, binh sĩ càng lúc càng chen chúc nhau lên xe. Bây giờ trong toa của nàng có thêm hai sĩ quan, và mặc dù họ chỉ nói chuyện với nàng bằng cách ra dấu, nhưng xem ra họ khoái trá vỗ cùng. Tại Chita, tất cả thường dân đều phải xuống xe, và mặc dù người soát vé cõi gắng thuyết phục nàng, nàng đã từ chối, bởi lẽ nàng tin tưởng rằng mỗi dặm đường tiền về phía trước là mỗi dặm đường đưa nàng tiến gần lại với nước Trung Hoa.

Bây giờ xe lửa đã chất đầy binh sĩ và lăn bánh, tiếp tục đoạn đường trước mặt. Một vài giờ sau, trong bóng tối, xe lửa ngừng lại ở một nhà ga nhỏ và binh sĩ bước xuống đứng sắp hàng trên sân ga. Sau đó, họ bước rập rình theo đường ray, và biến vào đêm đen. Đèn được trên xe lửa đều tắt hết, Gladys bước dọc theo hành lang, và nhận thấy nàng là người duy nhứt còn ở lại trên xe. Lúc ấy một tiếng động vang lên, tiếng động mà nàng chưa bao giờ nghe trước đây nhưng nàng cũng nhận ra ngay : tiếng súng. Nàng nghiêng đầu ra cửa sổ và nhìn thấy những tia sáng lóe rực bầu trời xa xa. Nàng vội quơ tắt cả hành trang, bây giờ nàng mới hiểu, với một chút ít hờ hẹn, rằng cuối cùng viên thơ ký đứng tuồi của cơ sở du lịch Muellers đã nói đúng. Họ đang đánh nhau. Và bây giờ nàng cũng nhớ lại cái lời nói đầy vẻ trách cứ của ông ta : « Nhưng, thưa bà, tôi phải nói với bà rằng chúng tôi « không thích » xô khách hàng của chúng tôi vô ích chết. »

Tay xách nách mang, nàng bước xuống xe, đi lang thang trên sân ga, và tìm thấy bốn người đàn ông tụ họp quanh lò lửa, trong một căn lều nhỏ nằm cạnh đường ray. Đó là viên hoa tiêu, người đốt than, viên xếp ga và người

soát vé, tức người đã cõi thuyết phục nàng xuống xe ở Chita. Họ khuây cho nàng một ly cà phê đậm đà, và nói, với sự phu diễn của các động tác bằng tay chân, lặp đi lặp lại cho đèn khi nàng hiểu sự thật rằng nàng đã đèn cuối con đường. Phía bên kia là chiến trường.

Cuộc xung đột không tuyên chiến ngắn ngủi giữa Trung Hoa và Nga Sô nhằm để kiềm soát thiết lộ phía Đông Trung Hoa chỉ được báo chí Tây phương loan thi qua loa. Trận chiến kéo dài một vài tháng, gây nhiều thương vong, và Trung Hoa bắt thắn triệt thoái các lực lượng của họ. Mày nhân viên hỏa xa cho biết xe lửa sẽ dừng lại ga này nhiều ngày, không chừng nhiều tuần lễ, tùy theo tình thế đổi hỏi, để chờ mang thương binh về các bệnh viện ở hậu tuyến. Họ chỉ đoạn đường xe lửa vừa đi qua và nói: « Hãy trở về. »

Đoạn đường xe lửa chạy uốn khúc lờ mờ xuyên qua những rặng thông tuyêt phủ, chui qua mây đường hầm tối đen, lượn quanh các dãy núi cao chót chót. Tuyêt đóng từng lớp dày và mềm mại trên đà ngang thiết lộ. Những cục băng treo lơ lửng dưới mây trái thông. Nhưng, họ nói với nàng, nếu muốn trở lại Chita, chỉ còn một cách duy nhất là nàng phải lội bộ.

Và, do đó, nàng lội bộ trở lại Chita. Biên giới Mãn Châu cách nàng không xa mấy. Gió Tây Bá Lợi Á thổi tuyêt bay lật phắt quanh bước chân nàng. Mỗi tay nàng xách một vali, và trên quai của một vali vẫn còn được trang trí bằng cái lầm và cái xoong, trông thật buồn cười. Chiếc khăn quàng băng lông nàng cheo leo quanh vai. Và như thế, nàng lê gót vào đêm tối, hình dáng mảnh mai và đơn độc càng bẽ bàng hơn dưới những thân cây to lớn và tối tăm, bên những rặng núi cao chót chót, và dưới những vì sao lấp lánh trên bầu trời đen thắm. Nàng đâu biết lù chó sói đang lảng vảng quanh nàng. Trong rừng cây, thỉnh thoảng một cục tuyêt rơi xuống đất gây tiếng động bất thắn, hoặc một cành cây trêu tuyêt gãy gục. Nàng dừng lại, ngo

về hướng đó một cách sơ sệt. Nhưng không có vật gì động đây. Không có ánh sáng, không có một hơi ấm nào, không có gì cả, ngoài nỗi quạnh hiu vô tận.

Bỗn giờ sau, tê cổng và mệt lả, nàng ngồi hết xuống đường sắt giá lạnh, châm chiếc lò đốt bằng cồn nẫu một ít nước để pha cà phê bột và ăn hai cái bánh bít qui. Nàng cảm thấy khòn khὸ. Nàng quyết định nằm ngủ ít ra phải một hai tiếng đồng hồ. Xếp hai chiếc vali để che gió, nàng nằm cuộn thân thật chặt trong chiếc khăn quàng băng lông cũ. Đang thiu thiu ngủ, nàng bỗng nghe nhiều tiếng chó tru lên đồng loạt xa xa. Nàng tự hỏi : « Không biết ai để cho mày con chó to lớn này ra ngoài giữa đêm hôm như vậy ? » Cho đèn mãi một hai năm sau này, ở Trung Hoa, nàng mới biết lúc ấy nàng đã nghe tiếng tru của một bầy chó sói đang săn mồi. Khi ánh bình minh nhợt nhạt thắp thoảng trên dãy núi xa, nàng thức dậy, thân thể cứng đì, nhưng cảm thấy khỏe khoắn. Nàng nầu nước pha cà phê, ăn một cái bánh bít qui, thâu tóm hành trang, và lại lẩn bước dọc theo con đường sắt dài vô tận. Hôm ấy, đêm xuống từ lâu rồi, và hầu như không biết đèn lạnh lẽo, mệt mỏi là gì, nàng vẫn lượng choạng bước đi. Nàng đã nhìn thấy những ánh đèn của nhà ga Chita le lói xa xa. Những ánh đèn ấy đã tạo cho nàng nguồn năng lực mới. Nàng cõ gắng thêm nữa, lê chiếc thân tê cổng đèn sân ga, buông rơi hai chiếc vali thành một đóng và ngã lưng xuống đó. Ở đây đường như không còn việc gì khác hơn để làm, nàng nhận thấy nhiều tòp binh sĩ Nga cũng làm giống như nàng.

Suốt đêm không ai đèn gần nàng, và nàng chợt thức chợt ngủ dưới tầm khăn quàng băng lông. Sáng hôm sau, hết viên chức nhà ga này đèn viên chức nhà ga khác bước đến nhìn nàng, gục gặt đầu và bỏ đi.

Họ không nói gì để nàng có thể hiểu rõ cử chỉ của họ, do đó nàng tiếp tục nằm lì trên sân ga, trong cơn lạnh cắt da. Khi biết không còn ai chú ý đèn nàng nữa, nàng chợp mắt từng lúc, nhưng hiện thời nàng cảm thấy lạnh

lẽo và tê cứng hơn. Nàng chết lạnh trên một sân ga xe lửa của Nga thì có vẻ vô lý, nàng quyết định phải làm một cái gì mới được. Có lẽ, cách duy nhất để làm là gãy rìu.

Nàng đưa mắt nhìn một viên chức đội nón đeo bước dọc theo sân ga tiễn về phía nàng, và tự hỏi không biết nên đá vào ống chân hay là hất chiếc nón oai vệ của hắn xuống. Ngay lúc đó nàng ý thức ngay rằng gãy rìu không còn cần thiết nữa, bởi lẽ viên chức đó có ba tên lính đi kèm một bên, và rõ ràng hắn ta đang tiễn thẳng về phía nàng. Hắn nói cho nàng biết là nàng bị bắt và phải đi theo hắn.

Tom góp hành lý, nàng đi theo hắn, qua sân ga xe lửa và bước vội một căn phòng bít bùng vừa hôi hám vừa bẩn thỉu, khiến nàng muộn nôn mửa vì kinh tởm. Cửa phòng được khóa lại, nàng bị nhốt trong ấy, lâu đèn nồi nàng cảm thấy cái lạnh của miền Tây Bá Lợi Á trên sân ga còn dễ chịu hơn nhiều. Cuối cùng cửa mở, nàng được dẫn sang một căn phòng khác. Một thám vấn viên còi chứng tỏ cho nàng hiểu rằng hắn biết nói tiếng Anh. Hắn nói một hồi, một hồi, nhưng nàng không hiểu hắn muôn nói gì. Thinh linh hắn đứng dậy bỏ đi. Nàng trái chiếc khăn quàng bằng lông ra. Căn phòng này không nặng mùi lấm, và nàng thiếp ngủ mau lẹ dưới ánh đèn soi mói của tên lính được cài đặt để canh chứng nàng.

Ngày hôm sau, cuộc thẩm vấn tiếp tục. Họ xem xét từ mi tâm giây thông hành xuất ngoại mưu toan của nàng và không ngớt bàn tán khi đọc đèn mầy chữ : « Nghề nghiệp : Nhà truyền giáo. » Nghề nghiệp này, hình như tất cả bọn họ đều đồng ý, có cái gì dính dáng đến « cơ khí ». (Họ lầm lẫn giữa chữ Missionary — Nhà truyền giáo, và Machinery — Cơ khí). Họ còn mách nước rằng, nền nàng thích, nàng có thể ở hắn lại Nga sô. Ở đây cần những người có nghề nghiệp như nàng.

Trong những năm này, nhiều đảng viên cộng sản trẻ tuổi từ khắp nơi trên thế giới đã xô sang Nga, nào nức tham gia vô công cuộc xây dựng một thiên đường của

người vô sản. Họ lầm tưởng Gladys Aylward thuộc một trong nhóm người này, nên cũng không lấy gì làm ngạc nhiên cho lắm, nhưng nàng lại là người làm bức minh. Một cách đầy hy vọng, nàng lật quyển Thánh kinh, tìm những trang có hình ảnh tô màu và chỉ cho các viên chức Nga xem. Việc làm này hình như có hiệu quả. Sau một hồi thảo luận nữa, họ đưa nàng một mảnh giấy có đóng dấu chánh quyền trên đó. Nàng đoán chừng đây là một loại giấy chiêu khán mới, trông giống như mày tăm giấy xe lửa để sử dụng vào một chuyến đi khác.

Trưa hôm đó, họ đưa nàng ra một chuyến xe lửa và tìm cách nói cho nàng biết rằng nàng phải đổi xe ở một nơi gọi là Nikol'sk — Ussuriyskiy và sang một chuyến xe khác để đi Suifenho, thuộc Mãn Châu, nơi mà người Nga gọi là Pogranichnaya, và cứ thế, nàng tiếp tục hành trình đến Harbin.

Không bao lâu nàng bước xuống sân ga Nikol'sk — Ussuriyskiy, nhưng xe lửa đi Pogranichnaya ở đâu? Không ai biết nói tiếng Anh. Không ai hiểu nàng muốn nói gì. Cuối cùng, với đồng hành lý vây quanh, nàng trải qua một đèn khác trên sân ga. Trời vẫn lạnh teo ruột héo gan, nàng tưởng chừng như sẽ đóng cứng lại đèn chét mắt. Sáng hôm sau, nàng nấu nước pha cà phê, ăn hai cái bánh bit qui, gởi vật dụng tùy thân trong phòng để hành lý của nhà ga, và bắt đầu xông xáo vô một số cơ quan chánh phủ, với hy vọng tìm gặp một người nói được tiếng Anh.

Nàng đi vô nhiêu nơi, nhưng không may những nơi này đều không có một ai biết tiếng Anh. Böyle giờ nàng đã quen xử dụng cuốn Thánh kinh và các bức tranh về để phổ diễn ý tứ. Tuy nhiên lần này, trong một lúc cao hứng, nàng lôi tấm hình ông anh nàng là Laurie, trong bộ lễ phục quân nhạc của quân đội Anh, và chỉ cho các viên chức Nga xem. Qua các tiêu chuẩn quân-phục của người Nga, ông anh nàng giống như một vị Trung tướng. Có phải họ nghĩ rằng nàng có nhiều mồi giây liên lạc với giới chức cao cấp

trong quân đội Nga hay không, nàng không bao giờ hiểu được, nhưng bức hình đã đưa đến kẽm quây ngay trước mắt. Đầu tiên, nàng được hồi hả đưa ra nhà ga để lày hành lý, kè đó, họ đưa nàng đến nghỉ đêm tại một khách sạn. Hôm sau, nàng được hộ tống ra xe lửa, đổi vé xe, và lên đường đến Vladivostok. Trong khi lướt qua cảnh sắc vô tận của miền Tây Bá Lợi Á, nàng bỏ ra một vài phút để cầu nguyện tạ ơn Ông anh Laurie.

Trên sân ga Vladivostok, sau khi xem vé xe của nàng, nhân viên kiểm soát để nàng đi qua rào cảng. Trên tường nhà ga, nàng thấy dán một miếng giấy quảng cáo với mày chữ bằng tiếng La Mã : « Khách sạn của du khách trong xír. » Cầm thày nhẹ nhõm, nàng quyết định đi đến đó. Bằng cách này hay cách khác, nàng hồi thăm đường, và cuối cùng nàng vẫn đặt chân được đến khách sạn. Viên thơ ký khách sạn ghi tên nàng vô sổ tạm ngụ. Một người đàn ông đầy đà, có màu da mặt men mét của người Mông Cổ, mặc loại áo không có thắt thóm, xem giấy thông hành của nàng và bỏ vô túi. Gladys chỉ có thể đoán hắn ta làm việc gì với cảnh sát. Bây giờ nàng chưa hiểu nghĩa mày chữ O.G.P. (Cơ quan Mật vụ Nga).

Từ đó trở về sau, tên mật vụ này bám sát Gladys, đến nỗi nàng cảm thấy như bị đeo gông. Hắn nài ni hướng dẫn nàng đi xem qua các quang cảnh của thành phố Vladivostok, và những gì nhìn thấy đã khiến nàng sợ hãi : những con đường không trải đá đầy lỗ hang, ngập nước và bẩn thỉu ; dân chúng đứng xếp hàng phía bên ngoài các kho thực phẩm ; những người đàn bà mặc áo ngủ, công con trên lưng, đói mắt thèm quáng vì thiếu ăn và mệt mỏi ; nhà cửa không sơn phết ; xe điện khua vang lạch cách, đầy nhóc hành khách quần áo rách rưới, bẩn thỉu. Trưa hôm đó, nàng đứng với gã đàn ông ở một góc phố, đưa mắt nhìn một trong những chiếc xe điện này ngừng lại. Một người đàn bà thân thể gầy yếu, trông như nửa phản đã chết vì đói, tật tả chạy đến đè leo lên xe. Lý do

cuộc cải nhau nàng không hiểu như thế nào, nhưng nàng thấy đám đàn ông đã đứng trên xe đe dọa người đàn bà, thế rồi ngay lúc xe điện giật chạy, họ nhắc bông bà ta lên và quăng xuống đường.

Một tiếng bịch vang lên, người đàn bà lăn tròn trên đống bùn. Đám đàn ông hét và phi báng nạn nhẫn. Người đàn bà lồm cốm đứng dậy, thân thể rủ xuống trong nỗi sầu thảm, vừa lặng lẽ vừa thông thiết đèn nỗi Gladys muôn dang trọn tâm hồn nàng cho bà ta. Nàng bước hướng về phía người đàn bà, nhưng gã đàn ông đi theo đưa tay giữ nàng lại. Đầu cúi gầm xuống, người đàn bà lui thui lè bước trên con đường đầy gió lạnh, theo hướng chiếc xe điện vừa lướt qua. Trên đống bùn vẫn còn lưu vết tăm thân của người đàn bà vừa rơi xuống.

Từ đó, Gladys không bao giờ có thể quên được tần thảm kịch này. Đồi với nàng, gió lạnh lướt qua các đường phố Vladivostok, chuyên chờ hơi hướng hoang vu của miền Tây Bá Lợi Á, tượng trưng của nước Nga. Nàng cảm thấy như có một cái gì hối lỗi và tuyệt vọng của dân chúng ở đây, mà nàng không thể nào diễn tả một cách nhanh chóng và liền lạc được. Nàng chỉ biết rằng mong muốn rời khỏi xứ sở này đã trở thành cặp bách đổi với nàng.

Sáng hôm sau, gã mặt vu mặt men mét đã đứng chờ nàng ngay bên ngoài cửa phòng ngủ. Thái độ bãi buổi lúc đầu của hắn ta có vẻ như thay đổi. Khi nàng và hắn bước xuống thang lầu, nàng hỏi : « Tôi có thể đáp xe lửa đến Harbin ngay bây giờ được không ? »

Đôi mắt u tối của hắn nhìn thẳng vào nàng.

« Làm sao cô đi Trung Hoa được ? Cô không có một đồng để mua vé xe lửa. »

Gladys bức mịnh, giọng nàng gắt gỏng :

« Tôi đã trả tiền vé tàu suốt từ Luân Đôn đến Tien-tsin. Nếu những người làm việc ở sở hỏa xa của các ông lương thiện, họ phải tìm cách đưa tôi đến Tientsin. »

« Nhưng cô định đi xa hơn nữa để làm gì ? » Cô làm

việc ở đây cũng vậy thôi. Chúng tôi cần những người như cô, những người có thể biết sử dụng những chiếc máy và...»

« Những chiếc máy ! Trong đời tôi có bao giờ mò vào một cái máy nào đâu. »

« Cô nên ở đây, » hắn nói. « Trung Hoa xa thăm thẳm. Ở đây, chúng tôi nhận thấy cô sẽ được bảo đảm hơn. »

Buổi sáng đó, khi đi qua các đường phố Vladivostok, Gladys hầu như không để ý đèn cảnh vật. Kể từ khi bắt đầu chuyền đi, bây giờ nàng mới cảm thấy lo lắng nhiều hơn cả. Rõ ràng người đàn ông này đã nhận các chỉ thị của ai đó, cô ngăn trở không cho nàng lên đường.

Quay về khách sạn, khi bước vô phòng khách, nàng biết có người đang theo sát phía sau nàng. Viện mặt vu Nga đã trở về phòng làm việc của hắn. Nàng liếc nhìn phía sau. Đó là một cô gái — nửớc da ngăm ngăm, ăn mặc đơn giản, nhưng hấp dẫn. Cô gái bước lên đi song song với nàng. Không quay đầu, cô ta khẽ nói bằng tiếng Anh khá sành sỏi, nếu cô ta gắng mạnh giọng một chút : « Tôi có chuyện muốn nói với cô. Quan trọng lắm. Hãy theo tôi ! »

Như bị thôi miên, Gladys nhường cô gái đi trước và kè bước đi vô hành lang. Cô gái nắm lấy tay nàng, kéo vô một góc rồi và nói : « Tôi phải chờ mãi cho đến khi biết chắc tên nặt vụ không còn bám theo cô nữa. »

« Nhưng, tôi không hiểu gì giáp gì hết. Cô là ai mới được chờ ? »

« Tôi là ai không thành văn đé. Văn đé là cô đang gấp ngay hiện. »

« Nhưng tôi là người Anh. Tôi có mang theo giấy thông hành xuất ngoại. »

« Giấy đó ở đâu ? »

« Đây này, trong túi tôi. »

« Cô lấy... và mở ra xem. »

Gladys đưa tay mở túi và nàng nhớ ngay : tên mặt vụ khi xét giấy thông hành của nàng đã bỏ luôn vô túi của hắn và chưa trả lại cho nàng.

Đôi mắt cô gái nhìn nàng chán chường, và như đc được tư tưởng của nàng. Cô ta hỏi : « Họ còn giữ phải

không ? Cô phải đòi ngay lại. Ở đây họ rất cần các công nhân cơ xưởng rành nghề. Nếu họ quyết định giữ cô lại, có thể họ sẽ gửi cô đến một nơi nào đó tận miền Trung nước Nga, lúc đó cô không mong gì trở về nữa. Khi họ trả lại giày thông hành cô phải xem cho kỹ. »

« Điều này dĩ nhiên, nhưng tôi sẽ làm gì sau đó ? »

« Tôi có thể giúp cô. »

« Giúp tôi ? Cô có thể giúp tôi cách nào ? »

« Nghe đây ! Quá nữa đêm, cô hãy mặc áo và chuẩn bị hành lý sẵn sàng. Khi nghe một tiếng gỗ cửa, cô hãy mở cửa và đi theo người đàn ông chờ bên ngoài. Đừng lên tiếng, cứ đi theo hắn ta. Cô hiểu không ? Nhưng việc đầu tiên là cô phải hỏi họ để lấy giày thông hành của cô lại đã... »

Gladys khẽ gật đầu. Khi cô gái bộ đi, nàng vẫn còn đứng hối lâu trong hành lang tối mờ mờ, cô sắp xếp một chương trình hành động. Nàng phải lấy giày thông hành lại. Việc này quan trọng nhất. Nàng bước trở xuống phòng và đèn bàn giày của viên mặt vụ Nga. Hắn đang ngồi hút thuốc trên một cái ghế dựa. Hắn nhìn nàng một cách khinh khỉnh.

Gladys : « Giày thông hành của tôi đâu ? Tôi muốn lấy giày thông hành của tôi lại. »

Hắn ngồi bật dậy, lấy điều thuốc ra khỏi miệng, phả khói, và nói : « Vẫn còn đang xem xét. Tôi sẽ mang trả cô — chiều nay. »

« Cám ơn ông, » Gladys nói, và bỏ đi lập tức.

Đêm đó, sau bữa ăn chiều, nàng ngồi trong phòng ngủ lạnh lẽo. Một tiếng gỗ vang lên ở cửa. Nàng bước đèn mở cửa. Đó là viên mặt vụ Nga. Hắn nhẹ răng cười, tay cầm giày thông hành của nàng phất qua phất lại. Một chân của hắn đã bước sẵn vào cửa. Linh tinh báo trước, nàng tiến đèn thật lẹ, giựt lấy tay cầm giày thông hành trong tay hắn và quẳng qua đầu nàng, và bên trong phòng ngủ. Nữ cười vừa gay gắt vừa đầy vẻ khinh thị trên khuôn mặt của hắn

lầm nàng kinh dị. Hắn, đây tung cánh cửa ra và bước sẵn sàng phòng.

« Tôi đờ anh dám vồ đây ! » Nàng nói. « Đi ra ! Đi ra lập tức ! »

« Tôi vồ đây, đờ cô cảm tôi nỗi. » Hắn vừa nói vừa đưa đôi mắt lươn của hắn nhìn chiếc giường và quay lại nhìn nàng. Nàng đứng chết trân trong sự kinh ngạc, đèn nồi hắn bước thêm ba bước nữa về phía nàng mà nàng không có một phản ứng nào cả. Sau đó nàng mới nhảy lùi lại, hét lớn trong run rẩy : « Chúa che chở cho con ! Chúa che chở cho con ! »

Người đàn ông dừng lại. Hắn có vẻ bối rối, nhìn trừng trừng nàng giây lát, trong lúc nàng đứng như chôn chân một cách thảm não trước mắt hắn. Thì bối rối, hắn lại bắt đầu nhẹ răng cười. Cái cười nhẹ răng đói qua cái cười thành tiếng và cuối cùng trở nên vang dội. Kinh ngạc, nhưng chưa nguôi cơn sợ hãi, Gladys liếc nhìn hắn. Đột nhiên hắn thôi cười. Hắn chửi rủa nàng thậm tệ, bằng tiếng Nga lẫn tiếng Anh. Hắn giơ tay đe dọa nàng, nhưng nghĩ hơn thiệt thè nào, hắn bước lùi ra khỏi phòng và đóng sầm cửa lại Gladys nhào đền cái then cửa và gài ngay lại. Nàng tựa lưng và chòi hai bàn tay vồ cánh cửa. Nàng nhận thấy cần phải thoát khỏi khách sạn ngay đêm nay.

Vội vã, nàng bước đến nhất tầm giày thông hành. Những gì mà cô gái đã nói — trong đó hình như cô ta có dặn nàng xem kỹ lại tầm giày này ? Nàng mở nó ra, chăm chú nhìn, và khi nàng nhận thấy những gì mà bọn Nga đã làm, tay nàng run rẩy vì sợ hãi. Mày chữ « nhà truyền giáo » bọn chúng sửa đổi thành « Thợ máy ». Nàng xép tầm giày thông hành lại, bỏ vội vồ túi áo, đoạn kéo chiếc vali để dưới gầm giường ra và nhét tất cả vật dụng vồ. Sau đó nàng ngồi trên giường chờ đèn nửa đêm, thầm vái van cho cô gái đừng nói gạt nàng. Hay là câu chuyện của cô ta nằm trong một kè hoạch khéo léo nhằm đưa nàng vào bẫy ? Hiện tại nàng không cần lưu tâm. Nàng nắm lấy cơ

lời. Nàng phải rời xa nơi này.

Tiếng gõ cửa nhẹ, đèn nồi suýt chút nữa nàng không nghe. Trước khi mở then cài cửa, nàng có vẻ ngắn ngủi, nhưng sau đó nàng quyết định phải nắm lấy lời thoát duy nhất này. Một người đàn ông lạ, mặc một cái áo đi mưa màu xám nâu và đầu đội nón sùm sụp, đang đứng phía bên ngoài. Trong bóng tối, nàng không thể nhìn rõ mặt hắn ta. Hắn ta ra dấu cho nàng bước ra ngoài và đưa tay giữ cửa để nàng xách hai chiếc va li đi qua. Thế rồi hắn bước lên đi trước, nàng theo sau, dọc theo hành lang, xuống cầu thang, qua cái bàn tiếp nhận khách hàng. Viên thơ ký khách sạn đang ngủ gà ngủ gật trên chiếc ghế cạnh lò sưởi. Không thấy dạng gã mặt vụn. Chiếc cửa khách sạn khi bị đẩy kêu lên một tiếng nhỏ khiến nàng giật mình. Sau đó, hai người thoát ra êm thầm trong không khí lạnh lẽo của đêm.

Nàng bước mau phía sau người đàn ông lạ, trượt chân nhiều lần vì cảm phải lò hồng đáy đầy trên những con đường không có một chút ánh sáng nào. Khi cả hai bước thật lẹ, vượt qua hết những lề đường tồi thui, nàng có cảm giác đang tiến ra biển. Nàng có thể nhìn thấy bóng dáng của những chiếc cัน trục ở bên tàu nồi lò mờ trên nền trời đêm. Liền ngay đó, cả hai bước thấp bước cao, vượt qua đoạn thiêt lộ nằm trên một con đường lót đá cụi. Từ trong bóng tối của một đóng thùng, một người khác bước ra. Đó là cô gái, Gladys vừa đưa tay lẩn đầu tạ ơn, vừa hắp hắp bước về phía cô ta. Người đàn ông lui vào bóng tối. Cô gái nói : « Cô thoát được đèn đây thật đáng mừng ! ».

Gladys hỏi một cách lo lắng : « Bây giờ tôi phải làm sao ? »

« Cô nhìn chiếc tàu kia. » Cô gái đưa tay chỉ khói đèn vi đại của một chiếc tàu buôn, lò mờ phía bên kia những cัน trục và kho hàng tối om.

« Tôi thấy rồi. »

« Một chiếc tàu của người Nhật. Rạng sáng nó sẽ chạy

về Nhựt. Cô phải đi theo nó.»

«Nhựt Bàn ! Tôi còn một đồng bạc nào đâu...» Giọng nói của Gladys như muôn khóc.

«Cô đèn tìm viên thuyền trưởng trong căn lều cây đằng kia. Cô phải đích thân đèn gấp ông ta mới được. Hãy năn nỉ ông ta, nói với ông ta là cô hiện đang lâm vào hoàn cảnh nguy nan. Sao sao cô cũng phải đi theo chiếc tàu đó...»

«Cô nói rất phải. Tôi sẽ cõ gắng năn nỉ ông ta.»

Cô gái không đi theo Gladys. Nàng, không biết làm cách nào để đáp ơn cô ta. Nàng hỏi : «Còn cô thì sao ? Lòng tốt của cô đối với tôi, đèn ngay cả một lời cảm ơn tôi cũng chưa nói được. Tại sao cô hèn lòng giúp đỡ tôi như vậy ?»

«Cô cần được giúp đỡ.» Giọng nói của cô gái trầm buồn.

«Nhưng còn cô, ai giúp đỡ cô ?»

«Tôi sống ở đây, không ai đúng chạm đèn tôi !»

«Nhưng, tôi biết làm sao tạ ơn cô ? Tôi có thể tặng cô cái gì ? Tôi không có tiền...»

«Tiền bạc đối với tôi không thành vấn đề.»

Gladys cầm thảy giọng nói của cô gái có vẻ do dự.

«Để xem tôi có cái gì để tặng cô.»

«Có lẽ cô có quần áo ?»

Tất cả quần áo mang theo, Gladys đều trống hết vỏ mình để chống lại cái lạnh cắt da ở đây. Nàng không còn bộ quần áo nào bên ngoài, nhưng bằng mọi cách, nàng phải chứng tỏ sự biết ơn của nàng. Nàng lột đói gắt đang mang trên tay.

«Đây, xin cô nhận lấy. Và đói vớ nấy...»

Nàng đưa tay mở túi áo rút ra một đôi vớ mà trong lúc vội vã ra đi nàng đã thốn vỏ trong đó.

«Đôi vớ nấy cũ và có dầu mạng, nhưng xin cô là dùng tạm.»

Cô gái nhận lấy đôi vớ và đói gắt, khẽ nói : «Cám ơn cô. Chúc cô may mắn !» Hai người nắm tay nhau giây

lát trong bóng tối, rồi Gladys quay gót rời xa, bước chân của nàng âm vang trên mặt đường đá cuội.

Gladys đẩy cửa căn lều nhỏ. Một bóng đèn điện không có chụp thông xuồng từ mái lều, và một cái bàn bằng cây đơn sơ chất đầy giấy tờ. Một gã người Nhựt trẻ tuổi, mặc đồng phục hàng hải thương thuyền, ngồi trên mép bàn. Khi nàng bước vào, anh ta : gục nhìn nàng một cách nghiêm nghị.

Nàng hỏi : « Xin lỗi ông, có phải ông là thuyền trưởng của chiếc tàu buôn đậu ngoài kia không ? Tôi là người Anh, tôi cần i khỏi nơi này. Tôi muốn đi theo chiếc tàu đó ! »

Anh ta nhìn nàng chăm chú rồi nói, bằng tiếng Anh, rất sành sỏi : « Chào cô. Xin cô nói thong thả. Cô muốn gì ? »

« Tôi muốn đi Nhựt bằng tàu của ông ? »

« À, ra vậy ! Cô có tiền để trả phí khoản không ? »

« Đã không, tôi không có đồng nào cả ! »

Đôi mắt màu đen của anh ta vẫn không chớp, không tỏ ra một chút lả lùng nào.

« Không có vật gì đáng giá ? »

« Không, hoàn toàn không ! Nhưng tôi phải rời khỏi nơi này. Sao sao tôi cũng phải đi ! »

Viên thuyền trưởng trẻ tuổi gật đầu. Gương mặt anh ta không mấy may xúc động.

« Cô nói cô là dân Anh ? Cô có giấy thông hành ? »

Gladys rút giấy thông hành trong túi áo ra đưa cho anh ta. Anh ta giờ ra xem chăm chú. Nhìn viên thuyền trưởng, nàng có cảm giác anh ta đã quen thuộc với công việc này.

« Một công dân Anh gặp chuyện rắc rối. Người Anh và người Nhựt chúng ta quá thật không có vụ này, phải không ? Được, tôi sẽ mang cô đi. Có một số giấy tờ cô cần phải ký. Chỉ vậy thôi. Khi lên tàu, tôi sẽ tìm cho cô một căn phòng... »

Sáu tiếng đồng hồ sau đó, khi bình minh phớt hồng

trên những sườn đồi trắn trại nằm dọc theo bờ biển, chiếc tàu chầm chậm rời hải cảng, hướng ra đại dương bao la, với Vladivostok chỉ còn là một vệt khói ám ở phía sau. Đứng ở lan can tàu, Gladys Aylward đưa mắt nhìn lại thành phò vừa rời xa, nàng cảm thấy như đã bỏ hết cả cuộc đời vào khoảng hành trình xuyên qua đất Nga và Tây Bá Lợi Á, và nàng đã thoát ra được chỉ nhờ vào vận may hi hữu. Nàng tự hỏi cô gái đã giúp nàng, và người đàn ông đèn gỗ cửa phòng nàng là ai. Nàng biết, nàng sẽ không bao giờ gặp lại họ nữa. Họ sẽ luôn luôn là nỗi thắc mắc không cùng trong tâm tư nàng. Nhưng nàng mong ước cho cả hai gặp may mắn trong đời, vì nàng cảm thấy rằng chính nàng cũng đã từng nhận lấy ân sủng êm đềm của giòng đời vừa chối lối vừa tăm áy.

CHƯƠNG III

BÀ ngày sau khi rời khỏi Vladivostok, chiếc tàu buôn chạy vồ hải cảng nhỏ Tsuruga, nằm ở bờ biển phía Tây Nhật Bản. Xa hơn về phía Nam là hải cảng Kobe, từ đây, viên thuyền trưởng giải thích, nàng có thể đáp tàu thủy đến Trung Hoa. Hắn cũng báo cho nàng biết là nàng phải ở trên tàu để chờ đợi hắn tiếp xúc với viên lãnh sự Anh hoặc người đại diện của ông ta.

Vì lẽ ấy, sau khi tàu cập bến không lâu, một thanh niên người Anh, có vẻ lúng túng nhưng rất vui vẻ, bước lên tàu để gặp nàng. Sau một vài câu hỏi, thanh niên này mời nàng và viên thuyền trưởng đèn một nhà hàng nhỏ gần khu bến tàu, «nơi đó có thể nói chuyện dễ dàng hơn». Hiển nhiên cuộc gặp gỡ này đã làm anh chàng bồi ròi. Anh ta nói : «Câu chuyện này có hơi khó khăn đây. Tôi tự hỏi tớa lãnh sự chúng tôi có thể làm gì cho cô bây giờ?»

«Mọi việc đều ổn thỏa khi tôi đến Kobe.» Gladys nói một cách quả quyết. Sau cuộc phiêu lưu ở Nga sô, nàng vũng tin rằng cứ lập đi lập lại ý muồn, cương quyết và xác tín là quá đầy đủ, việc gì cũng đưa đến thuận lợi hết.

Trên khuôn mặt của chàng thanh niên người Anh lộ vẻ ngạc nhiên. Anh ta nói : «Trong trường hợp này tôi sẽ mua cho cô một cái vé và đưa cô lên một chuyến xe lửa khởi hành ngay bây giờ.»

Trên xe lửa, chỗ ngồi trong góc như thường lệ, nàng ngắm cảnh dường quẽ lướt qua, những cảnh sắc đẹp đẽ và

tinh tế này trái ngược hẳn với sự hỗn loạn đầy hung bạo của lục địa mà nàng vừa rời thiền.

Về phía đất liền, mây đinh núi cao tuyệt phai mờ mờ ngả bóng xuống ruộng đồng phi nhiêu và những ngọn đèn thâm xanh. Về phía biển, những hòn đảo màu xanh uôi lát trên mặt biển biêng biếc dưới ánh mặt trời rực rỡ. Những chiếc thuyền buồm nhỏ bé trôi lững lờ, đậm bóng giữa nước trời trong sáng. Xe lửa lướt qua những làng mạc êm ái, với những mái nhà lợp ngói, với những rặng anh đào đơm hoa đỏ chói. Ngoài đồng, lúa đã chín vàng đang chờ gặt. Mỗi lần xe lửa ngừng ở ga, hành khách Nhật lù lù lượt, tay xách nách mang, lên xuống xôn xao. Tất cả đều ăn mặc quần áo hoặc kimono màu sắc sáng sủa và sạch sẽ.

Sau này, trong trí tưởng hay trong ký ức, Gladys Aylward không bao giờ dám quay đầu cả về ám hay so sánh những người Nhật hắp dẫn, hạnh phúc mà nàng đã gặp ở Nhật Bản, với những tên lính Nhật tàn ác ở Trung Hoa. Tàn ác cho đèn n'i sự khủng khiếp của nàng vẫn còn đeo đẳng mãi đèn tận nhiều năm sau này.

Xuống xe lửa ở nhà ga Kobe, nàng đèn Sở Du lịch Nhật Bản, đội một trong hai chi phiếu du khách trị giá một đồng Anh kim của nàng để nhận lấy một mớ đồng Yên rắc rồi. Rời sở du lịch nàng bước ra ánh nắng rực rỡ của mùa thu. Trước khi nàng kịp phản đối, một gã phu xe kéo đã tóm lấy nàng, rồi chất vừa nàng vừa hành lý lên chiếc xe hai bánh ọp ẹp của gã, vận hết cước bộ, kéo nàng xuyên qua những con đường đầy ứ xe cộ của thành phố Kobe.

Nàng hét nhín đám đồng xuoi ngược, những tiệm tạp hóa lắp nắp khách ra vô, lại quay nhìn những ngõ hẹp treo đầy cờ đuôi nheo hực hở có viết chữ vàng chữ đk. Nàng bỗng nhớ lại, hồi còn ở Luân Đôn, nàng có nghe nói đèn một tờ chức Cơ đốc giáo của người Nhật: «Nhóm Trứ già sách Phúc âm Nhật Bản». Lúc nàng đang cò nhó thêm các chi tiết về tờ chức này, nàng nhìn thấy mọi tầm hàng nỗi bật với dấu thánh giá và mày chữ «Cơ sở Truyền giáo

Kobe.^a

Có lẽ gã phu xe, với sự hiểu biết nhòe tùng trai, đã có ý kéo nàng về hướng này, bởi lẽ nàng vừa kêu thê lén hồn dã ngoan ngoãn bỏ nước kiệu, chạy vội cửa cơ sở truyền giáo. Võ bên trong sân, một người Nhật vui vẻ chỉ cho tên phu xe kéo nàng đèn thẳng chỗ ngủ của ông bà Dyer, cả hai đều là giáo sĩ người Anh, đảm trách cơ sở này. Họ vui mừng được gặp người khách viếng bất ngờ. Ông bà lắng nghe câu chuyện phiêu lưu của nàng, và ông Dyer đã chau mày khi nghe đoạn đường đầy gian nan, và mà nàng đã trải qua trước khi đặt chân lên đất Nhật. Ông nói:

«Nhưng, nếu cô đã trả tất cả tiền vé xe lửa từ Luân Đôn đến Tientsin, nhân viên cơ sở du lịch chỉ nhánh ở đây sẽ nhận cô, việc cô đổi sang ngã khác không thành vấn đề. Cô hãy trao cho tôi tất cả những vé xe mà cô còn giữ, ngày mai tôi sẽ đến gặp họ.»

Họ chỉ phòng tắm cho nàng, và nàng đã tắm bằng cách trâm cùi thân thể trong một bồn cây tò lớn. Tắm theo lời Nhật. Sau đó, ông bà Dyer sắp xếp chỗ ngủ cho nàng trong một căn phòng xinh xắn, ánh sáng tỏa ra từ một chiếc đèn lồng Nhật Bản hai màu xanh đỏ. Từ khi rời khỏi nước Anh, đây là đêm đầu tiên nàng đã ngủ yên lành.

Sáng hôm sau, sau khi tiếp xúc với cơ sở du lịch Cook, ông Dyer trở về, mang theo một phong bì đựng một tấm vé tàu thủy đi từ Kobe đến Tientsin. Theo sự thỏa thuận, tấm vé này là để đổi tất cả những vé xe lửa mà Gladys chưa sử dụng.

Ba ngày sau đó, từ trên boong của một chiếc tàu Nhật Bản nhỏ bé và tươm tất, Gladys nhìn xuyên qua đại dương màu vàng đục, dõi mắt đến một vệt thẳm đen xa tít tận chân trời. Phía sau vệt thẳm đen ấy, mặt trời dần khuất, rơi rớt lại những tia nắng cuối ngày huy hoàng và rực rỡ. Nàng nhìn, nhìn mãi cho đến khi đêm xuống. Vết đen, nơi mặt trời lặn ấy, là nước Trung Hoa.

Đèn Tientsin, nàng tìm gặp một cơ quan truyền giáo qui mô, tất cả nhân viên đều là người Âu Châu. Quả thật, họ có nghe nói đèn bà Lawson, nhưng họ chỉ biết mù mờ hình như bà ta ở tỉnh Shansi, thuộc miền Tây Bắc Trung Hoa, trong một cơ sở truyền giáo, tại một huyện lỵ có xưa gọi là Tsechow. Huyện này nằm ở phía Bắc Hoàng Hà, bao quanh toàn là núi non hoang vu, muốn đi đèn đó phải mất nhiều tuần lễ. Họ giúp nàng bằng cách đi dọc hỏi thêm tin tức xung quanh, và xem nếu có thể, họ sẽ tìm người hướng dẫn để đi với nàng một phần đường vào nội địa. Đồng thời, họ vui lòng để nàng tạm ngủ ở đây.

★

Bảy hôm sau, khi xe lửa rời nhà ga Tientsin, và vượt qua vùng ngoại ô đã Tây phương hóa hoàn toàn của thành phồ, Gladys cảm thấy tiếng động động đều đều của bánh xe lăn trên đường sắt âm vọng như niềm pliền khởi trong hồn nàng. Anh Lu, một thanh niên điếm đậm, trong bộ quốc phục Trung Hoa màu đen, đầu đội nón nỉ, hướng dẫn nàng một phần của cuộc hành trình. Anh ta từng đi buôn bán ở Shansi và cũng là một tín đồ Cơ đốc giáo. Nàng đã đổi chi phiêu du khách cuối cùng để mua một tấm giấy thông hành Trung Hoa, nhờ đó, nàng mới được phép vào nội địa. Nàng đã tiêu hết 12 các vào khoảng nầy, nên tiền túi của nàng không còn lại bao nhiêu, nhưng nàng không lấy đó làm lo lắng cho lắm khi chiếc xe lửa lướt ngang qua những cảnh sắc phảng lặng và bất biến. Đó là một ngày của buổi tàn Thu. Lúa ngoài đồng đã gặt, chỉ còn trơ lại những gốc rạ màu vàng úa lấp loáng dưới ánh nắng. Không bao lâu, dọc theo chân trời phía Tây, một dãy núi hình cánh cung màu tím thẫm trải dài vĩ tận, nổi bật lên nền trời. Về phảng lặng đáy buồn té của đồng quê biến mất. Xe lửa lướt qua vùng nông nghiệp sun túc, lướt qua những trang trại, lướt qua những ngôi làng vách đất rợp mát dưới bóng cây. Những nghĩa địa có tường đá xám

vây quanh, cồng ra vào điểm tô hoa mỹ, nơi yên nghỉ của các thè hẻ tiến nhân được yêu kính và tôn thờ. Dọc theo các con đường cái quan bụi bặm, dân quê mặc áo xanh, đầu vần đuôi sam, ngồi trên những chiếc xe hai bánh nặng nề do mày con ngựa Mông Cổ gầy yếu kéo đi.

Chinh trên lưng những con vật này, anh Lu nói với Gladys, quân Hung nô của Thành Cát Tư Hãn đã tiến về phía Nam để mở rộng giấc mơ đế quốc của họ. Để chòng lại những làn sóng xâm lăng không lúc nào ngưng nghỉ này, Vạn Lý Trường Thành dài 1.500 dặm (khoảng 2.415 cây số) được xây dựng. Binhs sĩ có thể trèo lên bức tường này, nhưng cởi ngựa thì không thể nào vượt qua nó. Cởi ngựa, quân Hung nô sẽ toàn đèn ào ạt, mức độ nhanh chóng và hủy diệt như lùi châu chầu. Nhưng rời khỏi lưng ngựa, họ chỉ là những người nhỏ thó, có đôi chân vòng kiềng, và người Trung Hoa sẽ chiến đấu đồng sức đồng tài với họ.

Gladys Aylward đã bị miền quê Trung Hoa quyến rũ. Khi đèn gần Bắc Kinh, mỗi lần xe lửa ngừng lại, những người bán hóa đưa những bó hoa sen màu trắng hoặc màu hồng xuyên qua các khung cửa sổ. Nàng chìm đắm trong nỗi xúc động trước những hình ảnh tiếp nối của một thời nào xa xưa lắm. Phải, tất cả đều xa lạ đối với nàng : vẫn còn một khoảng cách giữa nàng với dãy núi hoang vu, với những đoàn thương khách lạc đà nước da màu nâu sẫm của vùng sa mạc Gobi, kè đó là những thành lũy cao vút của Bắc Kinh, với những tháp chuông vĩ đại, một thành phố của miếu mạo, của chùa chiền và của những ao hồ phẳng lặng sen lồng bóng nước. Nhưng dù xa lạ, mọi cảnh vật mới mẻ này đã gây cho nàng niềm hứng khởi.

Đêm đó, nàng và anh Lu nghỉ trong một quán trọ Trung Hoa ở Bắc Kinh, và tiếp tục cuộc hành trình bằng xe lửa vào sáng hôm sau. Ba ngày sau đó, họ xuống ga cuối cùng của thiết lộ ở Yutse. Từ đây, họ phải sử dụng những chiếc xe ôm cũ kỹ xộc xệch làm phương tiện di chuyển trên quãng đường còn lại. Đêm đêm họ ghé vô các

quán trọ để nghỉ ngơi. Trong các quán trọ không hề nhìn thấy sự phân cách này, mọi người đều nằm ngủ trên «k'ang», một loại giường công cộng bằng gạch, phía dưới có đặt một lò sưởi ấm áp. Y phục của khách, tro vẩn giữ nguyên, mọi người đều cõi giữ thái độ bình thản của những triết gia để cõi bảo vệ một vài tảng thịt trước lú cháy rận đói khát và hau ăn.

Giồng Hoàng Hà cắt đôi thủ phủ Shansi ra làm hai phần Tây và Nam. Giồng cường lưu này phát nguyên tận thủ phủ Tsinghai hẻo lánh, cuồn cuộn lướt ngang qua ba ngàn dặm (khoảng 4.820 cây số) trên đất Trung Hoa, trước khi đổ ra duyên hải Shantung, và sức nước vẫn còn mạnh cho đến nỗi các thủy thủ đoàn tàu biển, chạy cách xa bên ngoài cả trăm cây số, vẫn còn nhìn thấy mặt đại dương quen màu vàng đục. Núi trùng trùng điệp điệp, trán trụi và chón chò, bao che cả hai mặt Đông và Bắc của thủ phủ Shansi. Tinh lý này được xem là quê hương của nền nông nghiệp, và cũng là cái nôi của nền văn minh Trung Hoa. Thung lũng của sông Fen, thuộc Shansi, đã được cày cấy liên tục có hơn bốn ngàn năm. Kẽ, lúa mì, lúa mạch, và những loại cây không đòi hỏi khí hậu ấm ướt, đều mọc rất xum xuê ở đây. Dân chúng miền Tây Bắc Trung Hoa từ trước đền nay vẫn ăn các loại ngũ cốc khác nhiều hơn là ăn cơm. Gladys khám phá ra điều này trong các quán trọ. Thức ăn chính trong mọi bữa ăn ở vùng này là loại mì sợi.

Một tháng sau khi rời khỏi phủ Tientsin, Gladys đặt chân đến Tsechow, huyện lỵ mà các nhà truyền giáo ở Tientsin cho biết nàng sẽ tìm gặp bà Lawson. Hai bà lão, khoảng bảy mươi tuổi, trong đó có một bà tên là Smith điều khiển cơ quan truyền giáo ở đây. Chồng của bà Smith từng là một giáo sĩ hành nghề lâu năm trên đất Trung Hoa. Sau khi ông mất, bà quyết định ở lại xứ này, và một người bạn nguyên là nữ y tá đã đến ở chung với bà.

Theo lời hai bà lão này, bà Lawson đã từng ở đây với họ mấy tuần lễ, sau đó, bà ta đã đi về khu vực đây

núi non hoang vu ở phía Tây Trung Hoa, khu vực mà Cơ đốc giáo chưa bao giờ thăm nhập đền. Nơi đó, làng mạc nằm rải rác cách xa nhau, còn các tiêu huyệt đều có tường lũy kiên cố bao quanh. Họ nghe nói bà Lawson lưu lại huyện Yangcheng một thời gian. Huyện này, cũng như các huyện khác, đều có tường lũy bao quanh, từ Tsechow đến đó phải mất hai ngày đường, và phải di chuyển bằng lừa trên khoảng đường mòn lâu đời từ Honan đến Hopeh.

« Tôi làm sao đến đó được ? » Gladys hỏi một cách chán nản. Cuộc hành trình thăm thẳm bờ lại phía sau lưng đã làm nàng kiệt sức.

Bà Smith thuộc loại các bà lão mà người ta tìm thấy trong các trà thất ở Bath và Harrogate bên Anh, nhưng giữa nước Trung Hoa này, dù cho có đốt đuốc kiềm đốt mắt đi nữa cũng hiềm khi gặp được một loại người như vậy. Tuy nhiên, một khả năng phi thường ẩn tàng dưới dáng vẻ trang nhã của bà. Châu gái của Đức Tổng Giám mục Lang, bà là một người đàn bà rất tài ba, với thiên phú có một không hai về tiếng Trung Hoa và các thô ngữ. Qua cắp kiềng lão, bà nhìn Gladys và nói :

« Cô bạn yêu mèn của tôi, muốn đi xuyên qua vùng núi đó chỉ còn cách cởi lừa mà thôi. Quan lộ đến đây là chầm chậm, khoảng hành trình trước mắt chỉ còn lại những con đường gay go hiềm trở và có nhiều đoạn toàn là núi rừng vô tận. Phải mất một ngày đường từ đây đến Chow-tsun, đó là ngôi làng đầu tiên, và tiếp tục đi một ngày đường nữa mới đến Yangcheng. »

« Nếu có thể, ngày mai tôi sẽ lên đường. » Gladys nói.

Bà Smith nhìn nàng có vẻ suy nghĩ. « Cô bạn thân mèn, nếu là cô, tôi sẽ không mặc những bộ quần áo Tây phương này để đi đường đâu. » Bà nhận từ khuyên nhủ.

Gladys nhìn xuống chiếc áo dài và chiếc áo khoác ngoài đất đỏ bám đầy của nàng rồi nói : « Nhưng tôi mang theo chỉ có bao nhiêu đây. »

« Chúng tôi sẽ tìm cho cô một bộ đồ Trung Hoa. »

Bà Smith nói, « Chắc cô biết, trong rừng núi xứ này có nhiều thô phi. Chúng sẽ biết cô là người ngoại quốc và, có thể, chúng nghĩ cô có nhiều tiền bạc. Để chúng tôi tìm một bộ đồ màu xanh, giống như mọi người ở đây, để cô mặc đi đường cho tiện. Nơi mà cô sắp đi, dân chúng chưa từng thấy một người đàn bà Tây phương bao giờ, đời sống của họ mộc mạc và sơ khai, họ nghĩ tất cả người ngoại quốc đều là bọn yêu quỷ, do đó, gây sự chú ý quá nhiều không tốt. »

Gladys lên đường giữa những tia nắng đầu ngày hôm sau. Ngồi trên một cái yên tròn, bắt trên lưng lừa, có người dắt lừa đi theo, nàng không cảm thấy thoải mái chút nào. Nàng và người dắt lừa đi qua một vùng bình nguyên dài cát đậm, và sau đó cả hai lần theo đường dốc nhỏ hẹp đầy sỏi đá, dẫn vào dãy núi. Trước khi trời tối, họ đến Chowtsun, và tạm dừng chân một đêm ở đây.

Không ai dám đi đêm trong vùng rừng núi này. Một phần đường mòn đều dốc ngược, một phần họ sợ bọn thô phi và chó sói. Bên phía có tường thành bao quanh, làng Chowtsun đây đây quán trọ, những đoàn lừa cùng người dắt, và tiếng trẻ con nô đùa uyên náo.

Bình minh, họ lại tiếp tục ra đi, lần theo đường mòn nhỏ hẹp, cheo leo bên sườn núi. Tiếng lộc cộc của bước chân lừa gỗ trên mặt đường đá sỏi, vang vang trong bầu không khí trong lành. Lơ lửng trên đầu, một đôi chim ưng bay lượn trong ánh nắng đầu ngày. Bảy giờ sau, tới một khúc lượn cong trên lối đi, người dắt lừa ghì lùi vật dừng lại, vừa đưa ngón tay trở về bàn chỉ về phía xa xa vừa nói : « Yangcheng. »

Huyện lỵ nhỏ bé này nằm trên lưng chừng một đỉnh núi, trông giống như lâu đài trong chuyện thần tiên. Vòng ường thành cao chót chót bằng đá thiên nhiên, và các chùa chiêng, miếu mạo kiến trúc đặc sảo vươn cao khỏi bức tường thành này, vẫn còn là những cái bóng, nhưng càng nhìn ở khoảng cách xa như vậy lại càng có vẻ huyền

bí hơn. Xè trưa, cảnh sắc trước mắt nỗi bắc dưới nền trời màu sa tanh. Gladys ngây ngắt. Nàng chưa từng nhìn thấy cảnh đẹp nào như vậy trong đời. Nỗi lo âu trước đây tan biến hẳn, hồn nàng như bay bổng. Khi đèn gần hơn, nàng nhận thấy giữa những ngọn núi trắn trui khác, có hai ngọn nằm sát cạnh thị trấn rợp bóng cây. Con đường mòn chỉ vượt lên được từng người một, chạy hun hút dưới bóng lá xanh, rồi lộ hẳn ra ngoài trở lại trong ánh nắng hực hè, và dốc ngược cho đèn tận cửa cổng phía Đông của huyện lỵ. Từ độ cao này, nhìn khắp mọi phía thấy toàn cảnh bức họa rực rỡ đầy núi non và các thung lũng trải dài mút mắt. Tâm hồn Gladys như tan biến vào cảnh hùng vĩ của thiên nhiên. Nàng không bao giờ tưởng tượng có sự hiện hữu của một nơi như thế này.

Yangcheng nằm đầy, vắt ngang sườn núi, một hòn đảo tí hon của nền văn minh Khổng giáo, nằm dạng chân trên con đường mòn xưa cũ giữa Honan và Hopeh, lâu hơn trí nhớ của con người, lâu hơn những giòng lịch sử đã ghi. Con đường mòn lùa đi, chạy xuyên ngang qua cửa Đông và thoát ra cửa Tây. Ba mặt huyện lỵ địa hè dốc ngược và thăm thẳm ; các quán trọ và chỗ cư ngụ của dân chúng khoét sâu vò sườn núi. Phía Nam địa hè càng dốc ngược hơn, sâu có hàng ngàn bộ, dẫn xuống thung lũng hoang vu phía dưới. Ban đêm, tất cả cổng nèo của Yangcheng đều đóng kín, nội bất xuất ngoại bất nhập, những đoàn lùa đèn hè không thể tiền về phía trước được nữa, phải tìm nơi trú ngụ qua đêm, trong các quán trọ nằm dưới bóng tường thành, hoặc bên sườn núi.

Tại cửa Đông, người dắt lùa của Gladys dừng lại hồi thăm đường một ông lão đang ngồi hong nắng. Ông lão chỉ con đường hẹp, quẹo về phía trái, chạy ra ngoài bờ thành quản lý. Người dắt lùa thúc lùa hướng về phía con đường và, đi khoảng một trăm thước, gặp nhà cửa và các quán trọ có tường bao sân, nằm thành dãy dọc theo hai bên lề đường. Người dắt lùa dừng lại đưa tay chỉ một ngôi nhà,

đoạn thíc bọn lừa mệt mỏi men theo lời hép dẫn vò sân, tiếng chán của lù vật gỗ lắc cộc trên mặt đá.

Một bà nhỏ thó, tóc trắng như bông và mắt xanh biếc chưa từng thấy đỗi với Gladys, đang đứng trước cửa. Bà ta mặc một bộ quần áo dài màu xanh giàn dị, nhìn Gladys và hỏi dột ngọt : « Cô là ai ? »

« Tôi là Gladys Aylward. Bà là bà Lawson ? »

« Phải. Tốt lắm, hãy vào nhà. »

Cách tiếp đón có vẻ cộc cằn nầy không làm Gladys ngạc nhiên. Sự khác thường hiện thời đỗi với nàng đã trở thành quen thuộc. Người dẫn lừa đỡ nàng xuống yên. Nàng bước theo bà Lawson vò trong nhà.

Giồng hệt như những chỗ cư ngụ của người Trung Hoa, ngôi nhà vuông vức và có tường vây. Từ một cái nhà cầu cũng vuông vức, xây liền với bức tường phía trước, có một cánh cửa nhỏ dẫn vò khoảng sân rộng lớn bên trong. Các căn phòng trong ngôi nhà hai gian nầy đều có bao lơn hướng ra sân. Ngôi nhà hầu như dột nát. Mọi cửa sổ đều lồng hết bản lề, nhiều đóng gạch ngói vụn trên nền nhà lát đá phẳng, mái ngói có những lỗ hổng và bụi bặm khắp nơi.

« Tôi mới mướn ngôi nhà này, » Bà Lawson nói « Nhà có ma, nên mướn giá rẻ. Bé bộn, nhưng khi dọn dẹp sạch sẽ thì đâu sẽ vào đó. »

Gladys đi theo bà Lawson bước vò một căn phòng duy nhứt có vẻ & được. Trong phòng có đặt một cái bàn và hai cái ghế. Không còn đồ đặc nào khác, ngoại trừ một vài cái thùng nhỏ đựng đồ lặt vặt và mấy cái hộp xà bông.

« Chắc cô đói bụng ? » Bà Lawson hỏi.

« Đói muôn run, » nàng trả lời một cách yếu ớt.

Bà Lawson gọi vói ra ngoài bằng tiếng Trung Hoa. Một ông già bước vò phòng, bà giới thiệu : « Ông Yang, nấu bếp. »

Ông Yang mím cười với nàng. Qua nụ cười của người đàn ông Trung Hoa trọng tuổi nầy, nàng không nhìn thấy một cái răng nào cả. Gladys có cảm tình ngay với ông ta.

Một vài phút sau, ông ta đem vô một tò mòi sợi nâu chung với một số rau cải. Nàng ăn ngầu nghiên. Sau bữa ăn, nàng ra ngoài lấy hành lý, và đi ngắm cảnh. Khi nàng bước ra khỏi công sân, một nhóm trẻ con Trung Hoa nhìn thấy nàng, chúng kêu thét và bỏ chạy. Một số trẻ con lớn tuổi hơn nhô đầu lên khỏi các bờ tường xung quanh nàng, và cất tiếng lặp đi lặp lại đều đều một giọng, như có vẻ chê nhạo nàng. Nàng men theo con đường một đôi xa nữa, hai người đàn bà lượn đất ném về hướng nàng. Kinh ngạc, Gladys ráo bước trở về và kể cho bà Lawson mấy câu chuyện vừa xảy ra.

«Mỗi lần tôi ra ngoài cũng vậy.» bà Lawson bình thản nói. «Tôi thường trở về nhà với bùn và vật bẩn thỉu do họ ném phủ từ đầu đèn chân. Cho đèn bây giờ, nhờ trời, những vật mà họ ném đều không phải là đá. Họ không muốn chúng ta ở đây. Họ gọi chúng ta là «lao-yang-kwei», bọn qui ngoại quốc. Đó là những gì mà cô sẽ phải làm quen.»

CHƯƠNG IV

BÀ Y mươi bốn tuổi, cao khoảng hơn một thước rưỡi, và bề ngoài có vẻ hơi yếu đuối, nhưng đó là một lão lẩn, nếu nhận xét bà Jeannie Lawson qua bề ngoài nầy. Tóc bà trắng như bông, một hiện tượng kỳ dị ở Trung Hoa. Do đó, dân quê ở Yangcheng không chỉ xem bà là một «con quỷ ngoại quỷ» nhưng còn là một loại ma quỷ đúng nghĩa. Mái tóc ấy đèn đâu đều gây khiếp via đèn đó, nhưng bà không may mắn lây đó làm phiền. Đèn Trung Hoa lúc còn là một thiếu nữ hai mươi mốt tuổi, bà kết hôn với một giáo sĩ khác, sanh mấy người con, chứng kiến đứa con đầu lòng của bà chết vì mắc bệnh ban đỏ, và nhìn ngắm những đứa khác khôn lớn bước chân vào đời. Nhiều năm ông chết, bà sống trong cảnh đơn chiết.

Gốc Tô-cách-Lan, hàng nhiều thế kỷ trước tổ tiên của bà đã chiến đấu chống người Anh xâm lăng, và bà có khuynh hướng về đời sống tinh thần, bà quyết tâm khắc ghi giáo lý của Chúa lên khuôn mặt của tất cả những người nào không có niềm tin. Đời với bà, Cơ đốc giáo không có nghĩa là những lớp dạy thánh kinh, dạy thêu thùa may vá, những buổi phát thuốc trị bệnh cầm cúm, nóng lạnh chỉ thường ở các vùng bình nguyên. Theo bà, trong các vùng núi non Trung Hoa còn biết bao nhiêu kẻ vô tín ngưỡng, cần phải được ánh sáng của Chúa soi rọi đèn, và bà tự xem mình là kẻ thực hiện nhiệm vụ nầy. Nếu lùi trê Trung Hoa tinh nghịch, vầy đoàn lèo đèo bên chân chè diễu mỗi lần các nhà truyền giáo đi ngoài đường phò, nếu những người

dàn bà khạc nhò và đóng sầm cửa lại, nếu những người dàn ông Trung Hoa quăng đất, ném bùn, theo bà, tất cả đều phải được nhẫn nhục, chịu đựng mới xứng danh là những kẻ hiền thân cho đạo. Dần dần, bà sẽ tìm cách tiền đền và trở thành thân cận với những kẻ chồng đời này. Nếu người ta nhìn thấy bóng dáng đầy phần đầu của một nhà truyền giáo ngoại quốc nào ở vùng rừng núi Shansi, nhà truyền giáo đó chính là bà Jeannie Lawson.

Trong những tuần lễ đầu tiên mới đèn, Gladys nhận thấy đời sống ở đây khó khăn hơn mức chịu đựng của nàng. Sở hữu chủ một tài sản đúng năm cấp bậc, cách xa quê hương hàng nghìn dặm, không nói được một tiếng Trung Hoa nào, mỗi lần ló đầu ra khỏi nhà là bị khạc nhò và nguyền rủa, nàng không sao cầm được nước mắt khi trở về cùi xutherford lau những vết bùn vẩy trên quần áo. Nàng ngậm ngùi nhớ những giáo dân Nhựt nhò bé nhưng gọn gàng đã gấp trong cơ quan truyền giáo ở Kobe. Sạch sẽ, đứng đắn và vui tươi, họ cất tiếng hát những đoàn khúc và thánh ca, trông thật dễ thương.

Yangcheng không giống như nơi xa-xôi ấy. Sự khác biệt được nhìn thấy rõ rệt ngay lúc nàng đèn đây, không lâu mày. Hôm đó, nàng rảo bộ trong thành phố. Dân chúng sống trong vòng bốn bức tường thành bấy giờ có vẻ đã quen bóng mây «con què ngoại quốc», họ chỉ bước tránh thay vì ném bùn. Khi Gladys hướng về khu chợ, một đám đông tụ họp ở đó. Nàng thấy cả người dàn bà Trung Hoa ở gần nhà thường khi hay nhìn nàng mỉm cười. Mụ ta vẫy gọi Gladys. Qua cử chỉ thân mật nầy, nàng cảm thấy vui vui nên chạy lại. Người dàn bà nắm tay Gladys, kéo nàng chen vô đám đông. «Những trò múa rồi», nàng nghĩ, «hoặc già một người dàn ông làm trò với một con gấu». Mấy trò vui nầy thường thấy trong khu chợ.

Nàng và người dàn bà chen lấn, xuyên qua đám đông, đứng ngay hàng đầu. Cảnh nhìn thấy khiến Gladys khó hiểu. Một người dàn ông, đầu bị gọt trui, đuôi sam quanh

trán, đứng đó. Thân hình hắn uốn cong về phía trước, đôi vai nhô lên như hai cục bùn, dáng điệu kỳ dị, thay đổi động lồng. Một tên lính, day lưng về phía Gladys, bước gần đến người đàn ông. Nàng nhìn trán trôi và cảm thấy sự bi thảm sắp xảy ra. Đột nhiên, đôi mắt nàng mở lớn, sững sờ nhìn một thanh Dao vung cao lên, chiều lắp loáng trong ánh nắng. Thanh Dao hạ xuống như chớp. Nàng cứng đờ, không khiếp tội đồ. Một vòi máu đỏ chóe vọt lên thành hình vòng cung và rơi xuống tung tóe trên nền đá, thật nhẹ nhàng. Chiếc thủ cắp nhảy chồm lên và lăn long lắc. Đám đông thi nhào như trút gánh nặng. Gladys giựt mạnh tay nàng khỏi tay người đàn bà, lúc ấy vẫn đứng xem một cách bình thản. Nàng xoay mình, xô bừa đám đông đang lúi lo bàn tán. Nàng chạy về, qua các con đường vắng tanh. Mọi người đã đỡ nhau đi xem vụ hành quyết. Nước mắt ràn rụa, nàng chạy bán sóng bán chèt, vượt qua cổng phía Đông, xuống con dốc dẫn về nhà.

Jeannie Lawson ngồi ở bàn. Bà ta đang viết nhặt ký. Gladys ủa vỗ như con gió. Bi thương và xúc động, nàng như rũ xuống.

Bà Lawson sững sót hỏi : « Cái gì vậy ? »

Gladys nước nở : « Tôi vừa chứng kiến một cảnh tượng khủng khiếp, khủng khiếp nhất đời tôi. Họ chém đầu một người đàn ông giữa chợ. »

Tên năm mươi năm ở Trung Hoa, trải đời nhiều, bà Lawson bình thản đặt viết xuống, hỏi cộc lắc : « Đã sao ? »

Nước mắt ròng ròng, nàng chớp mắt kinh ngạc.

« Nhưng họ dùng Dao chặt lìa đầu hắn ! »

Bà Lawson vẫn nhìn nàng chăm chắm : « Đó là luật lệ dành cho một tội ác quá tang. Hắn có thể là một tên cướp, một tên trộm hoặc giết người. Trước khi hành hình, hắn đã được xét xử ở công đường. Có tội, đầu hắn phải rời. Thường làm ! »

« Nhưng làm như vậy khủng khiếp quá ! »

« Trung Hoa không giống như ở Anh quốc đâu, có

đứng tường."

«Tôi biết, nhưng...»

«Hãy nghe đây, Gladys Aylward, cô không phải đèn đây, đèn Trung Hoa, để thay đổi luật lệ của họ. Còn nhiều hình phạt khùng khiếp hơn nữa. Đây tội nhân xuồng các sườn núi có chó sói và các loại chim hám ăn xác chết chẳng hạn. Chôn cất theo nghi lễ Cơ đốc giáo không có ở đây, cô biết rồi. Và mỗi lần hành quyết, thủ cấp sẽ được bêu lên tường thành cho mọi người thấy.»

«Phong kiền và hãi hùng quá!»

«Phải, phong kiền. Thỉnh thoảng mày tháng liền không có vụ chém đầu nào, rồi đột nhiên xảy ra một loạt, hàng dãy đầu lâu bêu trên bức tường. Cô có thể tập nhìn cho quen đi. Xuyên qua tình thương và sự khôn ngoan của Chúa, chúng ta có thay đổi hoàn cảnh ở đây. Mọi người phải biết sự thật và công lý. Chúng ta đèn đây không phải để bỏ chạy và khóc sướt mướt đâu..»

Gladys lặng thinh. Nhưng bà Lawson có nói gì thì nói, đối với nàng, quang cảnh khùng khiếp ấy không sao quên được. Những ngày, trước mặt, nàng còn chứng kiến nhiều quang cảnh tối tệ hơn, nhưng hình ảnh của vụ hành quyết vẫn ám ảnh triền miên, mạnh mẽ và bi thương cho đèn nội nàng nhìn thầy người Trung Hoa nào, ngay cả những người văn minh nhứt, cũng đều mang cội rễ của sự hung tàn.

Đó là giai đoạn « ôn định ». Bà Lawson cho nàng biết tình trạng tài chánh của bà. Bà có một số lợi tức nhỏ. Ngôi nhà này, cũ kỹ và đã nát, và lại dân địa phương đồn dài có ma, thành thử tiền mướn nêu tính ra Anh kim thì chỉ đâu khoảng hai cái bốn xu một năm. Mua thức ăn mỗi ngày chỉ tòn khoảng một vài quan tiền Trung Hoa. Loại tiền bằng đồng có xoi lỗ, hai trăm quan trị giá một cái ba xu Anh. Tài chánh có phần bảo đảm, nhưng sự bảo đảm này có lợi ích gì một khi sứ mạng chánh yếu của cả hai ở Trung Hoa bị bỏ rơi ?

Họ băng này ra sáng kiền, lúc đang leo ngược con dốc

đèn công phia Tây, đi ngang qua con đường cái nhô hép và men theo tư dinh của Quan Huyện và cũng là nơi giải quyết việc công của Ông ta. Từ con đường cái này, nhiều con đường nhô tè ra mọi phia. Năm bên trong bồn bức tường thành vững mạnh, sinh hoạt của thị trấn căng phồng lên một cách ấm i.

Những đoàn lừa đèn sớm, vô cửa thành tìm quán trọ nghỉ đêm. Sở dì Yangcheng được thiết lập từ hàng mây trăm năm nay là nhằm để có nơi dừng chân an toàn cho các đoàn khách thương, và những người đi lại trên thương lộ quan trọng này. Lưu thông tấp nập. Quán trọ mọc lên như nấm. Người dắt lừa, kè tài hàng đêm đèn tràn ngập Yangcheng.

Nhin đoàn lừa đi qua, Gladys chợt nói ra các ý nghĩ của nàng: « Chỉ cần nói chuyện với những người này, họ sẽ mang câu chuyện của chúng ta truyền rao khắp thù phủ. »

Bà Lawson im lặng, bước đi một quãng rồi thỉnh lình quay sang Gladys và nói :

« Cố mò tay đúng chỗ rồi. Chúng ta sẽ mở một quán trọ. »

Gladys tườong nghe lầm, liếc nhìn bà hỏi lại.

« Mở một quán trọ ? »

« Phải ! Tại sao tôi không nghĩ ra sớm hơn ? Cách mây trăm năm trước, ngồi nhà chúng ta đang ở vòn là một lữ quán có ba cái K'ang (giường bằng gạch), xây đặc biệt để ngủ được đồng người, một ở dưới và hai ở trong căn phòng rộng trên lầu. Phải sửa lại mái nhà. Ít ra chúng ta cũng có thể nhận một lúc 50 người và vật. Chúng ta đã có một người làm bếp, ăn uống của khách trọ không có gì đáng lo nữa. » Giọng bà đầy nồng nhiệt. Gladys vẫn còn mơ hồ :

« Nhưng chúng ta đèn đây đâu phải làm chủ quán trọ. »

Bà Lawson gắt gỏng :

« Tôi định làm gì, cô không thấy à ? Khách vô trọ,

chúng ta có thể kể những câu chuyện trong Thánh kinh cho họ nghe. Người Trung Hoa ưa nghe chuyện. Giường ngủ và thức ăn, quán trọ nào ở đây cũng đều như nhau hết, nhưng chúng ta sẽ lấy giá rẻ hơn và lại còn thêm mục kê chuyện nữa ! »

Sau khi ngồi nhà được sửa sang đẹp. Bà Lawson nói với Gladys !

« Một cái tên ! Giồng như mày quán trọ khác, chúng ta phải có một tảng bảng để tên treo bên ngoài.. »

« Tôi đề nghị tên Hồng Sư hoặc Bạch Hưou. Tìm hết cách sang cho được Trung Hoa để làm một cô bán rượu trong quán Hồng Sư, mà tôi chắc sừng sòi, nếu bà biết được.. »

Bà Jeannie Lawson cười :

« Tôi tìm ra một tên rồi. Một cái tên tuyệt diệu. Bát Phúc Lữ quán. Cô thày có được không ? »

« Cái tên nghe có vẻ Đông phương hơn Hồng Sư. Tôi đồng ý. »

Không lâu, quán trọ chính thức khai trương. Mùi thức ăn thơm lừng từ nhà bếp của lão Yang bay ra tận bên ngoài. Họ kiên nhẫn chờ đợi người khách đầu tiên. Người đầu lùa vẩy đoàn đi vô quán trọ đồi điện, phía dưới dốc. Những người khác lưng lừng bước qua, nhìn lên mày chữ Bát Phúc Lữ quán có vẻ mời gọi, nhưng không ai bước vô quán trọ của lù quí ngoại quốc. Hiện nhiên, Bát Phúc Lữ quán bị tẩy chay.

Bà Lawson mở một phiên họp « hội đồng chiến tranh » để tìm cách đồi phó với tình thế. Bà giao Gladys trách nhiệm « dù đỗ khách ».

Gladys phản đồi : « Làm sao được ? Nếu họ không muôn vô thì tôi làm cách nào ? »

Bà Lawson nhứt quyết :

« Không có vẫn đẽ muôn vô hay không vô. Cô phải lôi họ. »

Gladys thất thanh :

« Lôi vô ? »

Bà Lawson quay sang nói bằng tiếng Trung Hoa với Lão Yang. Lão này vừa gục gặt đầu vừa nói : «Phải, phải !»

Theo lão này, có những điểm tâm lý để lôi cuốn một người khách vô quán trọ mà những kẻ trong nghề ở đây ai cũng am hiểu. Một số người đặt lừa đứng dân mỗi khi qua đây họ thường ghé vô quán trọ quen. Số người này không nên rờ tới, vì có vẻ tranh thương bất chánh. Nhưng còn nhiều người khách dụng đầu ghé đó. Khi thấy người nào đi trên đường mà nhìn ngang nhìn ngửa mày cái bằng hiệu, đó là loại khách này. Mỗi ngon đó. Đúng lúc cho người chủ quán trọ đứng hiền lành và dễ thương ở cửa sân hành động. Khi con lừa đi đầu vừa đèn, người chủ quán tóm đầu nó, lôi thẳng vò sân. Mày con đi sau, bị buộc dính vò con đi trước, không còn cách nào hơn là phải đi theo.

«Như vậy, bà Lawson nói, Gladys phải làm công việc này. » Nàng phản đối :

«Chỉ sợ mày con lừa cắn tôi !»

«Đừng nói chuyện ngu ngốc nữa ! Cô trẻ nhút, hoạt động nhút. Tôi già, lão Yang bận naur ăn. Cô phải làm !»

Thay vì bị cắn, lão Yang giải thích cho Gladys, mày con lừa khôn ngoan còn tỏ ra về phe với nàng. Sau một ngày trèo đèo vượt núi mệt mõi, mày con vật khôn khéo này không mong gì hơn là trút bỏ gánh nặng và được ăn uống. Kinh nghiệm dạy cho chúng biết mỗi lần được kéo vô trong sân quán trọ vào lúc xè chiểu là mỗi lần chúng được nghỉ ngơi. Từ đó cho đến sáng hôm sau, có dụ dỗ, có hứa hẹn hoặc nhữ cách nào đi nữa chúng cũng không nhút nhát. Do đó, nắm dây cương kéo vô cửa sân là chúng khoái chí rồi. Bà Lawson còn cho rằng dù có bị một con quỷ ngoại quốc nắm dây cương, mày con lừa chắc cũng không phản kháng.

Chiều tối hôm sau, sau khi học được mớ kinh nghiệm, Gladys đứng tháp thò ở cửa, miệng làm nhâm cầu tiếng Trung Hoa mà lão Yang đã dạy riêng cho nàng : «Chúng tôi không có rệp, không có rận, tòi, tòi; đèn dây, đèn

dày, đèn dày !.

Ba đoàn lửa đầu tiên lòc còc đi qua, nàng thử nói câu này. Cả vật lẫn người không thèm để ý. Rõ ràng câu nói không hợp dẫn. Nàng cần phải hành động bằng tay chân, nàng ý thức điều này một cách lo ngại.

Hai tay rút vòi trong cổ áo rộng, theo lời mày tên chủ quán trợ khát thường làm, cô gái Anh này đứng nép vào cánh cửa. Một đoàn lửa lòc còc bước chậm rãi trên đường — người dắt lửa mệt lǎ, lè thân phía sau con vật đi đầu một hai bước. Chờ con lửa đèn ngang mặt, Gladys chạy ra, hầm hò đèn nôi chạy vượt đầu con vật, qua phía bên kia, trước mặt người dắt lửa. Trong ánh sáng nhá nhem, hắn nhảy ra một «con quỷ ngoại quốc». Hắn thét lên một tiếng khùng lì biếp, muốn chạy thoát thân, nhưng vướng dây cương buộc chặt vào tay. Lần lại thăng bằng, Gladys ngoáy tay tóm đầu con lửa, và nhận thấy chính nàng lại bị con vật mệt mỏi lối vòi trong sân. Cả đoàn lửa kéo người dắt lửa chạy theo. Tiếng chân lửa gỗ lòc còc trên mặt đá, mồ hôi tươm ướt, chúng đứng tụ lại thành một nhóm. Gladys nhìn đàn lửa có vẻ sợ sệt. Từ trước đèn nay nàng chưa bao giờ đứng gần sát mồi một con lửa, ngay cả chuyền đi từ Tsechow đèn đây.

Một tay Gladys đã tóm được cả một đàn lửa, nhưng chỉ được một khách hàng. Mầy người khác chạy thoát.

Bà Lawson và lão Yang bước ra. Bà tò vò thích thú. Người dắt lửa vốn đã sợ «con quỷ» Gladys rồi, bây giờ nhìn thấy thêm con quỷ tóc trắng nữa, hắn ta muốn chết giặc. Hắn giựt sợi dây cương rời khỏi cổ tay, thét lên the thé, vọt ra khỏi sân.

Gladys muốn khóc :

«Bà làm sao thì làm ! Ít ra chúng ta cũng có một móng. Bây giờ bà làm cho hắn ta sợ hãi bỏ chạy luôn.»

Bà Lawson vỗ lưng nàng : «Đừng lo, họ có dám bỏ mày con lửa này đâu. Họ trở lại cho mà xem.»

Bà sai lão Yang đèn công thành tìm người dắt lửa,

nói cho hắn biết cứ trở lại, không có gì phải sợ.

Mười phút sau ông lão trở về với một người Trung Hoa bước rón rén, sơ sệt phía sau. Lão Yang đã giải thích cho hắn hiểu ở đây sạch sẽ, thức ăn ngon, nhưng hấp dẫn hơn hết là được nghe kè chuyện khỏi tồn tiễn. Tất cả mày thứ này chỉ phải trả hai quan tiền một đêm. Cả tỉnh Shansi có quán trọ nào giá rẻ như vậy không ? Ở đây có gì đâu mà phải sợ ? Lão Yang này không phải là một lão già Trung Hoa đang sống gần mầy «con quỉ ngoại quốc» hay sao ? Lão có bị bùa ngải gì đâu ! Lão Yang lại thuyết người dắt lửa ngủ thử cái quán trọ «hạng nhứt» này một đêm để tự tìm ra sự thật. Lão Yang, và chính người dắt lửa, đều biết khó mà tông cỗ mày con vật ra khỏi sân trước khi trời sáng. Không còn cách nào khác, người dắt lửa đi gọi những tên giúp việc hạ hàng hóa, cho mày con vật mệt mõi ăn uòng. Sau đó, tất cả đi lên căn phòng rộng ở trên lầu, có sẵn một chiếc sàng gạch rộng bằng bê ngang của tám vách tường. Lão Yang bưng một nồi thức ăn bắc khỏi vò và múc ra tô cho họ. Họ ăn ngầu nghiên và nhìn nhận thức ăn ngon, nhưng khi bà Lawson và Gladys bước vào, họ di chuyển đến vào một góc tường xa nhứt.

Bà Lawson thản nhiên. Bà đã có thính giả. Bà nói một cách vui vẻ :

«Đừng sợ ! Tôi muốn kè cho các ông nghe một câu chuyện, hay lắm. Tất cả các câu chuyện kè ở Bát Phúc Lữ quán đều không tồn tiễn.» Những người trong phòng có vẻ chú ý hơn chút ít...

Quán trọ thực sự mở cửa. Các câu chuyện kè bắt đầu.

CHƯƠNG V

LÀM chủ quán trọ, họ thành công, nhưng thật gian nan. Hết chiểu này sang chiểu khác, Gladys đều ra đứng ở cửa để cõi kéo cho được những đoàn lửa còn ngắn ngại vô quán trọ của họ. Khi tiếng tăm của lữ quán đã vững vàng, thường thường chiếc sân chứa cả sân bày đoàn lửa, ba chiếc sàn gạch trên lầu, dưới đất chật cứng người nằm. Mày tuấn lẽ đâu, khách hàng đều do Gladys lôi vồ.

Nàng bắt đầu học tiếng Trung Hoa với lão Yang.

Bây giờ dân chúng ở đây không ném đất vào họ nữa. Họ có thể đi ra ngoài, lần theo các con đường núi, đèn mây ngôi làng nằm riêng biệt cách Yangcheng một vài dặm. Khi bước vào một ngôi làng mới, thè nào họ cũng bị nhạo báng, đe dọa. Ban đầu Gladys có vẻ sợ sệt, nhưng nhờ bà Lawson rèn luyện, nàng sớm quen với hoàn cảnh. Nàng cũng biết rằng một khi dân làng cõi gắng đuổi bọn quỉ ngoại quốc không xong, nhiên tính tò mò của họ nổi lên, họ vây quanh để nghe bà Lawson kể chuyện. Thường thường, khi câu chuyện kéo dài được một vài phút, mà người dân bà dự mưu, đứng dậy hỏi đủ thứ chuyện, con, mắt thì cứ hét nhìn chăm chăm bàn chân to lợn, không bó, đèn làn da khác lạ của bà Lawson và Gladys. Không lúc nào Gladys không tập nói tiếng Trung Hoa. Chỉ mình bà Lawson biết nói tiếng Anh, nàng không còn cách nào để chọn. Nàng học một câu chuyện trong Kinh thánh bằng tiếng Trung Hoa,

để một đôi khi tay bà Lawson kê cho khách hàng nghe vào buổi tối.

Gladys sung sướng, tho dù nhiều khi bà Lawson dễ nỗi nóng, độc đoán và theo cung cách của người lớn tuổi, bà hay cõi chắp và đòi hỏi, thành thử có một chút ít khó khăn khi phải sống chung. Nhưng đối với Gladys, chỉ cần sống và làm việc ở Yangcheng là đủ. Nhờ hồi còn ở Anh, cuộc sống của nàng hạn hẹp biết bao. Tại thành phò Edmonton, nàng chỉ có thể nhìn thấy cuối con đường là cung ; ở công viên Belgrave, nàng bị giam cầm hết ngày nầy sang tháng khác trong «khu vực của những kè đi & đợ», trong một hệ thống giải cấp nghiệt ngã. Ở Trung Hoa hoàn toàn khác hẳn.

Tren lanh thô Trung Hoa bao la, trải rộng bồn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, xuyên qua nhiều ngàn dặm của một nền văn minh xa lạ, niềm tin của nàng trong sáng và mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Có một cái gì gần lộc, thiêt yêu, cặp bách trên xứ sở này. Nơi có nắng ấm của mùa xuân làm cho tuyệt tan chảy, biến thành những giòng thác ào ào đổ xuống các khe đá ; nơi có những dãy núi trắn trụi, những màu xanh của cây cỏ xanh tươi phủ rợp đường khe hang hốc, trong các thôn làng nhỏ bé, và nơi mà nếu những dãy núi có cây cối, bình nguyên trải dài, đất sòp và phi nhiêu, lúa bắp mọc đầy. Tại các vùng núi, dân quê cắt nhà trên nồng cao, nâng niu đất cát, cầu đảo gió mưa cho mua màng tươi tốt. Vào mùa Xuân, tại những vùng núi này, không khí chuyên minh — không khí mang hơi hướng của núi, trong lành, tươi mát, êm á và thơm lừng, hòa hợp trong cảnh sắc muôn hoa tươi thắm.

Nàng cũng bắt đầu hiểu biết đời sống của những người dắt lừa, những người tài hàng và phu khuân vác. Trên đường mòn nhỏ hẹp, lởm chởm đá sỏi, khúc khuỷu quanh co, trèo đèo vượt núi, họ đi qua với đàn lừa chất nặng hàng hóa. Những người phu khuân vác còng lưng dưới sức nặng của hàng trăm cân các loại hột, (lừa không

tài các loại hột, vì nếu tài hột sẽ có mùi của loài vật này). Họ là những đoàn dây người liên lạc và vận tải, thừa kè một nghề nghiệp kéo ngược hàn những bước khởi đầu của nền ký nghệ. Da mặt họ đen màu hâu sậm, tóc hung hung, mặt hép và đầy góc cạnh. Đầu sồ đều cao lớn, như hầu hết người miền Bắc Trung Hoa, gân guốc và khỏe mạnh. Ngoài sự hiếu biết về lửa và núi non của họ vô tận, họ hầu như không hiếu biết chút gì về thế giới bên ngoài. Nhưng họ là những kẻ chất phát, bằng lòng với hoàn cảnh của họ. Một cỗ thức ăn, ngã lưng trên một chiếc giường gạch ẩm áp khi ngày hè, đó là tất cả ước mong của họ. Sau chuyền tài hàng sáu tuần lễ, có khi kéo dài hàng ba tháng, ở điểm khởi, một ngôi nhà nhỏ, một người vợ và mày đứa con đang chờ đợi họ. Vào vụ gặt, họ thường ở nhà để tiếp tay với gia đình. Húi vợ, hai giòng con, hai ngôi nhà, tình trạng gia cảnh của một người dắt lửa thường thường là như vậy. Một tảng phàm nhò của bà vợ ở đầu đường này gởi cho bà vợ ở đầu đường kia — có thể là một món quà mừng đứa trẻ mới sanh — chuyện ấy cũng không lấy gì làm lạ. Nhưng cả hai bà vợ suốt đời không gặp mặt nhau. Núi non đã chia cách hai người đàn bà.

Đối với Gladys, Yangcheng là một cuộc phiêu lưu vô tận. Bởi cảnh của mui non thôn dã bao la và sòng động biệt mày. Nàng không chỉ đơn giản là một kẻ quan sát, một khách du lướt ngang qua phong cảnh xa lạ. Nàng hội nhập. Nhận thức này là một nguồn mãn nguyện triền miên đối với nàng. Từ đó, nàng như bị cuốn hút hoàn toàn vào cuộc sống trước mặt, mãi cho đến khi bà Lawson bắt hòa với nàng.

Mỗi bắt hòa thật đáng buồn cay đắng, chỉ do bắt đồng ý kiều nhỏ nhặt thôi, nhưng lại đưa đến các hậu quả không thể nào ngờ được. Bởi hiện thời, sau gần tám tháng ở Bát Phúc Lữ quán, Gladys đã quen với những cơn phẫn nộ bắt chợt của bà Lawson. Thường thường nàng có thể tìm cách xoa dịu hoặc lảng tránh cho đến khi cơn phẫn nộ của

bà ta người dân. Bà Lawson ưa đi dạo mỗi chiều, thỉnh thoảng nàng cùng đi với bà. Lúc ấy Gladys đang cõ gắng học tiếng Trung Hoa. Mỗi ngày nàng bỏ ra nhiều giờ để học các câu và ngữ vựng đã phiên âm và ghi trong một quyển sổ tay. Do đó, khi bà Lawson yêu cầu nàng đi dạo với bà, nàng tạ lỗi không đi. Bà Lawson nỗi cơn thịnh nộ, Gladys không thể nào xoa dịu được. Nàng cõ giải thích với bà ta, rằng nàng xin ở nhà để học thêm tiếng Trung Hoa; nếu một khi nàng thông thạo thứ tiếng này, nàng có thể mang lợi ích đền cho bà thêm, cũng như giúp đỡ cho quán trọ nhiều hơn.

Bà Lawson không thèm nghe. Bất ngờ, cơn phẫn nộ gia tăng đần tột điểm, bà mắng nhiếc Gladys xối xả. Nếu Gladys không đi dạo với bà thì cũng không nên ở đây làm gì. Nàng có thể xách gói ra đi sớm chừng nào tốt chừng này, ngay bây giờ cũng được. Thật vậy, bà sẽ giúp nàng. Bà chạy ủa vồ trong và ôm vật dụng của Gladys trở ra quăng bừa lên nàng. Khóc ròng, nàng chạy xuống bờ của Lão Yang lánh thân. Hai người nghe tiếng bà Lawson tiếp tục mạt sát trong lúc quần áo của Gladys bay vung vây xuống sân. Lão Yang có vẻ băn khoăn. Như mọi người Trung Hoa khác, lão ta cung kính người có tuổi, và chắc chắn cái tuổi của bà Lawson xứng đáng để nhận sự cư xử của một bậc trưởng thượng.

Ông khuyên Gladys, giọng đầy lo lắng :

«Có lẽ tốt hơn cõ nên làm theo lời bà. Cõ nên xa chúng tôi ít lâu. Trở lại Tsechow và viếng thăm cơ quan truyền giáo ở đó...»

Gladys khóc nức nở :

«Nhưng làm sao tôi có thể đền đó được ? Xa tới hai ngày đường. Tôi không thể nào đi bộ xa như vậy nỗi..»

«Tôi sẽ sắp xếp với một ông bạn để hắn cung cấp cho cõ một con lừa và một người đi đường với cõ..»

«Nhưng già thử tôi không bao giờ trở lại ?»

Lúc đó, một trong hai chiếc vali của nàng bay qua bao

lợn, rót xuống và kéo lê trên mặt sân.

Lão Yang dang rộng tay, ôn tồn nói :

« Tôi với cô đều biết mày người lớn tuổi đáng kính. Bà sẽ quên và tha thứ hết. Bà mèn và cần cô. Tốt hơn, có lẽ cô nên gây cho bà cái cảm giác bà cần cô. Đôi vai ông khẽ nhún, đôi mắt ông vẫn chưa về suy tĩnh.

Gladys thiều nǎo nói :

« Đành vậy ! Tôi sẽ đi. »

... Thế là Gladys lên đường đến Tsechow. Ba ngày sau nàng được tin bà Lawson đang hấp hối. Gladys ra đi hôm trước thì hôm sau vẫn còn tức giận, bà Lawson giao quán trọ ở Yangcheng cho lão đầu bếp trông nom; bà mướn lừa đi về phía Tây. Bà đến thị trấn Chin Shui và mướn một căn phòng trên gác của một quán ở đây. Lúc trời tối, bà bước ra bao lớn để gọi với người đầu bếp của quán trọ chiên cho bà một vài quả trứng. Bao lớn của quán trọ này không có lan can, nhưng bà vẫn tướng như ở Yangcheng, nên tựa tay vào. Mắt thăng bằng, bà ngã chui về phía trước, và rơi xuống đống than cách phía dưới hơn sáu thước.

Gladys vội vã từ Tsechow dọc hòn đường đến nơi bà Lawson lâm nạn. Sau một thời gian săn sóc, thấy bình tĩnh bà nguy kịch, nàng mướn lừa đưa bà vào một bệnh viện ở huyện Luan. Vài hôm sau, bà Lawson qua đời...



CHƯƠNG VI

NHIEU tuần lễ sau cái chết của bà Lawson, Gladys lâm vào hoàn cảnh bắp bệnh nhứt, chưa bao giờ nàng biết đèn trong thời gian & Trung Hoa vừa qua. Lão Yang và viên Huyện quan là hai trong số những người bắt ngờ nhứt đã cứu sang và khôi cảnh khôn đòn.

Sau đám tang bà Lawson, nàng tháo luân tình trạng tài chánh với ông Yang. Tiền mướn nhà đã trả một năm. Tiền sinh lợi của quán trọ chỉ đủ sòng qua ngày. Cơ quan truyền giáo vẫn hoạt động và Gladys không có ý định dẹp bỏ quán trọ, ngoại trừ trường hợp bắt buộc. Tiếng Trung Hoa của nàng mỗi ngày mỗi tiến bộ. Hiện thời nàng khá thạo thô âm miền núi Yangcheng. Các huyện chung quanh đều có thô ngữ riêng. Trong các vùng núi, dân làng này cách dân làng kia hai mươi dặm không hiểu tiếng nói của nhau. Hiếm khi họ rời khỏi nơi sinh quán. Họ không biết gì hơn là thô ngữ và tập tục cổ truyền của riêng họ. Những năm sau này, Gladys nhận thấy khi đèn phu huyện nào, nàng cũng cần phải học đèn năm thô ngữ khác nhau.

Bà Lawson mới được một thời gian, lão Yang nêu ý kiến là nàng nên viếng thăm Quan Huyện Yangcheng để tỏ lòng kính trọng của nàng.

Nàng hỏi :

« Tại sao phải làm như vậy ? Quan Huyện không muốn gặp tôi đâu. Riêng tôi, tôi cũng không muốn gặp ông »

ta. Đó là một việc làm phi thi giờ của mọi người một cách vô ích. »

Nàng chưa biết hệ thống phức tạp của nỗi iều loại thuế má, môn bài và giấy phép mà công quỹ cùi địa phương phải dựa vào đó. Nhờ kinh nghiệm của bà Lawson, nàng không mó tay đèn vẫn để nấy. Bà đã lo liệu tất cả những công việc ái ánh đèn chánh quyền.

Lão Yang nhàn mạnh :

« Thời giờ than khóc của cô đã qua rồi. Cô nên mặc một bộ quần áo đẹp nhất và đèn yết kiền Quan Huyện để tỏ lòng kính trọng Ông ta. Việc này cần thiết. Một vần đê lịch sự. »

Nàng phản đối :

« Nhưng trong đời, tôi chưa hề gặp một quan viên Trung Hoa bao giờ. Tôi có biết gì đâu để nói với Ông ta. Tôi phải khom mình trước Ông ta mấy lần ? Ai lên tiếng trước ? Ông đi dạo hỏi cho rõ mấy thứ này rồi tôi sẽ xét lại. Nhưng quần áo đẹp thì chắc là không tìm đâu ra rồi. »

Lão Yang vội vã vò thị trấn và một giờ sau trở về, mặt mày tiu nghỉu. Hiển nhiên là không một ai rành nghi thức yết kiền một vị quan lớn Trung Hoa của một « con quỷ ngoại quốc » như thế nào. Mọi người khác, từ phu khuân vác cho đến viên chức chánh quyền, khi vô yết kiền Quan Huyện đều phải theo các nghi thức cố định. Họ phải cúi mông bao nhiêu lần. Phải xá mấy cái. Nhưng Gladys ở vào trường hợp ngoại lệ. Lão Yang thở dài chán nản, và giải thích rằng, hiển nhiên, một luật lệ đặc biệt sẽ phải được thông qua cho nàng, nhưng cho đến khi đạo luật này có, rõ ràng nàng không thể nào yết kiền Quan Huyện mà phá bỏ luật lệ cũ được. Có điều đáng tiếc, vì ở thời gian hiện tại, thân phận của nàng chỉ là thân phận hạ cấp, đáng khinh — thân phận của một người đàn bà. Gladys cảm thấy sự thiếu quan trọng của nàng đã làm cho Ông lão chán nản.

Quan Huyện Yangcheng, một khuôn mặt uy quyền.

Các huyện miền Bắc đây núi non thuộc Phù Shansi, Tse-chow là huyện lỵ chính yếu nhất. Bốn huyện nhỏ hơn, vây quanh Phù Shansi và cách nhau ngày đường, là Yangcheng, Chin-Shui, Kaoping và Lingchuang. Bốn huyện này đều nằm giữa vùng núi cao, giống như những ổ chim có tường bao quanh. Quan Huyện Yangcheng cai trị huyện lỵ của ông do sự bổ nhiệm của viên Tổng đốc quân phiệt ở Taiyuan, thủ phủ của Shansi, nằm quá về phía Bắc của phủ này. Nhà cầm quyền ở Taiyuan tỏ ra có khuynh hướng trung thành với Chánh phủ Trung Hoa Quốc Gia.

Huyện Yangcheng nằm sâu trong vùng núi non, tin tức do người đi bộ cung cấp, do đó, sự nhanh chóng chỉ có giới hạn. Viên quan trị nhậm nằm trong tay quyền sан sát, giam người hoặc thả người, trong toàn thể khu vực của ông. Trong một xã hội phong kiến, ông là một vị chúa tể tối thượng, ai ai cũng phải răm rắp phục tùng. Do đó, ông gây kinh ngạc cho mọi người, khi lần đầu tiên ông thân hành đến gặp một người đàn bà ngoại quốc đã chọn để sống dưới pháp quyền của ông.

Lúc Gladys đang bận việc trên gác, nàng nghe tiếng huyên náo dưới sân. Nàng nhìn qua lan can thấy lão Yang đang chạy ra cổng. Đứng ở cổng, lão ta quay lại lớn tiếng gọi nàng :

«Quan lớn đèn ! Quan lớn đèn ! Giọng lão ta có vẻ sợ hãi. Nàng thấy chiếc đuôi sam còn bay phất lại khi lão ta biến ra cửa, cho đèn mải ba tiếng đồng hồ sau mới lò dò trở về. Bởi lẽ, lão Yang dù có khẩn khoản xin nàng đi gặp Huyện quan, nhưng khi dụng chuyện thì bao nhiêu can đảm của ông đều tiêu tan như mây khói.

Gladys vội vã sửa lại búi tóc phía sau gáy, và vuốt ngay ngắn bộ quần áo khá sơ bần lại. Quan Huyện nhìn thầy nàng bê bối như thế này thật đáng xấu hổ, nhưng đó là lỗi tại ông ta đã không thông báo trước.

Nàng chạy xuống gác và ra sân đúng lúc Quan Huyện

và đoàn tùy tùng vừa bước vội. Cả đoàn người hực hờ cho đèn nồi nàng ngừng bước nửa chừng, thản thè cứng đờ, vừa sợ hãi vừa thích thú. Mấy người phụ khiêng một chiếc kiệu có buồng mảng, dường như để chởng lại những cặp mắt tò mò. Các viên chức đi theo Quan Huyện mặc áo dài màu xanh sậm đứng vây quanh kiệu, trong khi một số khác đứng cung kính ở phía xa. Với những khuôn mặt có màu da trắng xanh như ngà, những chiếc nón chụp đầu khít khao, những đôi mắt xéch màu đen, dáng vẻ của họ ra người có cung cách và học thức.

Một viên chức bước tới cầm thận vén rèm kiệu, giờ cánh tay của Ông ta lên cho Quan Huyện vịn để bước ra ngoài. Gladys trở mắt nhìn Quan Huyện. Rực rỡ làm sao quanh dáng người ấy ! Người cao lớn, mái tóc đen tuyển, khuôn mặt trắng xanh như ngà, bộ ria rủ xuống hai bên má, chiếc áo thụng tha thoát trên đùi hia, chiếc đùi sam dài và bóng mượt buông thõng sau lưng.

Quan Huyện đưa mắt nhìn nàng. Nàng khom mình thi lễ. Ông vẫn đứng, mắt nhìn hướng xuống, nét mặt thoáng vẻ bối rối. Những người còn lại vẩy nhóm phia sau Ông. Trong lúc chưa biết câu mở đầu phải nói như thế nào, Gladys thấy việc làm tốt nhất là khom mình cúi chào Quan Huyện một lần nữa.

Cười cùng Quan Huyện phải lên tiếng :

«Tôi đèn đây để hỏi ý kiến của cô.»

Gladys ô lèn một tiếng. Sự hiện diện của Quan Huyện khiến nàng ngạc nhiên, đầu óc trở thành trống rỗng.

Ông nói tiếp :

«Chắc cô đã biết, dân chúng Trung Hoa trong huyện này có tục bỏ chân từ nhiều thế hệ nay ?»

Nàng hỏi nhỏ nhô :

«Có việc đó sao ?»

Tiếng Trung Hoa của Quan Huyện thật hoa mỹ, bóng bẩy và tinh tế, nàng hiểu không khó. Đó là điều làm nàng từ cảm thấy hãi lòng.

«Bàn chân của các trẻ gái bị bó lại ngay sau khi vừa mới sanh ra.» Ông nói.

Gladys lại ở một tiếng nữa. Nàng nhận ra cử chỉ, ngôn ngữ của mình không được ý tứ cho lắm. Nàng có biết chút ít về tục bó, chân của người Trung Hoa, nhưng không đủ kiến thức để thảo luận về việc này. Nàng không biết phản ứng cách nào trước vấn đề Quan Huyện vừa nêu ra.

«Tôi vừa nhận được một sắc lệnh của Chánh Phủ Trung Ương, bắt dân chúng châm dứt tục bó chân ngay lập tức!» Quan Huyện nói. «Tất cả đàn bà trong huyện này đều bó chân. Vì vậy, phải cắn mọi người đàn bà chan lớn, nghĩa là không bó; để đảm trách công việc khám chân.»

Giật này mình, nàng cúi nhìn xuống hai bàn chân quá lớn của nàng. Ở bên Anh, bàn chân này được xem là nhỏ bé, nhưng ở đây thì lại cui lớn.

Quan Huyện tiếp :

«Hiện nhiên là không một người đàn ông nào đảm trách được nhiệm vụ này. Phải là một người đàn bà. Cô có nhiều thân hữu ở các quận huyện khác, chắc họ biết người đàn bà nào có đủ điều kiện như tôi vừa nói. Cô có thể viết thơ yêu cầu họ gởi đến đây một người để đảm trách công việc khám chân hay không?»

Gladys buột miệng :

«Tôi sẵn lòng làm việc đó.» Nhưng nghĩ lại, nàng cảm thấy bối rối. Ngoại trừ bà Smith & Tsechow ra, nàng không quen biết một người nào khác trên đất Trung Hoa này. Nhưng nàng hy vọng sự bối rối này không hiện ra trên nét mặt.

Quan Huyện giải thích :

«Nhiệm vụ này không thường bồng lộc bao nhiêu. Mỗi ngày chỉ một đầu kẽ và ba quan tiền để mua rau đậu. Nếu người khám chân đi đèn mà ngồi làng hẻo lánh sẽ được cung cấp một con lừa và hai người lính đi theo để giữ gìn an ninh. Chắc cô tìm ra một người đàn bà như vậy giùm tôi? Tôi cần lắm.»

«Tôi sẽ cõi sức,» Gladys đáp và nhứt định theo nghị

thức đồi hỏi, nàng cúi khom mình một lần nữa. Ở Trung Hoa, mọi người đều cúi khom mình trước người khác, hình như nàng cũng nên làm như vậy. Cứ chỉ nấy trong lề phép vô cùng. Quan Huyện bước lên kiệu, rồi cùng với đoàn tùy tùng rời khỏi sân. Gladys cảm thấy hối hả như nghẹt thở hơn, nếu nàng biết được mình sẽ giữ chức vụ khám chẩn chánh thức của huyện Yangcheng, thuộc phủ Shansi. Như vậy, có nghĩa là nàng đã trở thành thuộc hạ của vị chúa tể vùng này, Quan Huyện Yangcheng. Nhưng, cho mãi đến nhiều tuần lễ sau, nàng mới biết mình được phong chức này.

Nhằm kiểm một người đàn bà khám chẩn, nàng viết thơ gởi khắp xứ Trung Hoa, từ cơ quan truyền giáo ở Tientsin, Luan, Hongkong cho đến cơ quan truyền giáo ở Thượng Hải, và bất kỳ thỉ phủ nào mà nàng nghĩ là có một giáo hội ở đó. Phúc đáp đều giống nhau. Thứ nhất, họ cho biết không có phụ nữ nào có chân lớn thích hợp, biết nói tho ngữ địa phương ; thứ hai, không có phụ nữ nào nằm trong điều kiện như vậy biết cởi lừa, đúng ra họ không muôn leo lên lưng một con lừa ; thứ ba, phụ nữ ấy không thể, hoặc không muôn, ăn kê hết ngày này sang ngày nọ. Các phụ nữ ở Hongkong, ở Tientsin, hoặc các vùng khác trên lãnh thổ Trung Hoa đều thích ăn cơm. Cơm lại không phải là thức ăn chánh ở Yangcheng hoặc các khu vực phụ cận, và hình như các phụ nữ không thích làm quan lớn, ngay cả Quan Huyện & bất kỳ huyện nào thuộc phủ Shansi, nếu họ phải đối diện với một bữa ăn toàn là kê.

Độ chừng hai tháng sau, Quan Huyện và cả đoàn tùy tùng của ông, một lần nữa, bước vô trong sân Bát phúc Lữ quán. Ông xuống kiệu và những người đi theo ông đứng thành hình vòng cung nghiêm trang ở phía sau.

«Cô chưa tìm ra người đàn bà nào à?» Ông hỏi, giọng đầy khiên trách.

Gladys đã quyết định, lần này nàng sẽ không khummings, qui lụy nữa. Nàng từ tốn đáp :

« Thưa quan lớn, tôi đã cõ gắng hết sức. »

Cặp chân mày cong vút như đôi cánh hắc diều của Quan Huyện khẽ nhíu lại. Ông lạnh lùng hỏi :

« Tại sao cô không tìm ra được một người nào ? »

Gladys giải thích cho ông rõ tất cả những lý do mà các cơ quan truyền giáo trình bày. Quan Huyện phắt nhẹ cây quạt đang cầm trên tay một cách khinh bạc để chặn lời nói của nàng : « Vậy thì cô phải trở thành người khám chân chờ không còn ai khác. »

Gladys sững sờ :

« Tôi ! »

« Cô là phụ nữ duy nhất trong vùng này có bàn chân lớn. Cô phải nhận lãnh công việc. »

« Nhưng tôi là một người theo đạo Cơ đốc... Tôi không phải dân Trung Hoa. Tôi không biết một chút gì về chân... »

« Công việc rất đơn giản. Cô sẽ đi từ làng này qua làng khác và truyền rao cho dân chúng biết sắc lệnh của Chánh Phủ. Cô sẽ tập hợp tất cả phụ nữ giữa làng hoặc vô nhà họ để khám chân. Nếu chân con nít bị bỏ, cô cứ việc tháo ra. Nếu ai trong làng ngăn trở công việc của cô, cô cứ báo cáo với tôi, tôi sẽ có cách đồi phó. Cô sẽ được bảo vệ trong quyền hạn của tôi, và cô có nhiệm vụ phúc trình riêng với tôi. Chánh phủ Trung ương nôn nóng loại bỏ hủ tục này, cô phải bắt tay vào việc lập tức ! Cô đồng ý không ? »

Khi Quan Huyện nói, Gladys như rơi xuồng từ cung trăng. Nàng tự hỏi tại sao trước đây nàng không nghĩ đến việc này. Một con lừa đe dọa tới các làng mạc hẻo lánh nhứt ? Có linh bão vẹ nàng ? Đây là một cơ may hi hữu. Nàng sẽ đặt chân đèn khắp nơi trong huyện để truyền bá giáo lý. Nàng không hiểu có nên đặt các « điều kiện » này ra với Quan Huyện hay không. Nàng chắc ông sẽ không hài lòng, nhưng nàng liều lĩnh. Nàng nói :

« Thưa quan lớn, xin quan lớn hiểu cho rằng nếu tôi nhận làm công việc này thì bất kỳ nơi nào tôi đèn, tôi sẽ chuyên đổi tín ngưỡng của dân trong huyện để họ theo đạo

của tôi..»

Một khoảng im lặng ngắn ngủi. Nàng tự hỏi lời nói vừa rồi của nàng có phải đã phạm trọng tội hay không. Một lúc, Quan Huyện dứt giọng nói :

«Tôi không để ý đến tôn giáo của cô hay những ai mà cô giảng đạo. Vẫn để này có tánh cách ý thức cá nhân. Nhưng điều quan trọng là cô phải hoàn thành nhiệm vụ mà tôi giao phó. Chánh Phủ Trung Ương nôn nóng lắm rồi.

Gladys đoán biết Chánh phủ Trung ương đã chỉ thị cho huyện ly hàn lạnh này phải báo cáo đầy đủ thực trạng và con số chính xác những người bỏ chân.

Nàng khom mình và nói :

«Thưa quan lớn, tôi vui lòng nhận chức vụ này.»

Khi đứng thẳng dậy, nàng bắt gặp tia mắt đầy vẻ hào hứng của Quan Huyện. Ông nói :

«Cám ơn cô ! Lừa và lính tôi sẽ chuẩn bị sẵn sàng chờ cô vào sáng mai, và bây giờ trở về sau cô muộn xứng lúc nào cũng được. Tôi chúc cô gặp nhiều may mắn.»

Mọi người đều khom mình và thoáng cười. Điều quan trọng đối với Quan Huyện là «con quỷ ngoại quốc» vượt trùng khơi đền đây đã bằng lòng hoạt động, trong tư cách đại diện của ông. Bây giờ ông có thể chuyên một phúc trình ngắn về viên Thủ Trưởng ngù ngốc của Chánh phủ Trung ương đang nằm ụ ở Taiyuan. Cơn sốt đã hạ xuống. Mọi người đều tươi tắn. Đoàn người rời sân quán tro.

Lão Yang chạy ra ngắm nghía Gladys như ngắm nghía một vật lạ. «Bây giờ cô trở thành một yêu nhân. Cô làm việc cho Huyện trưởng, cô là nhân viên thân tín của Quan Huyện.» Nói xong, ông cúi mõm xuống trước mặt nàng. Đây là lần đầu tiên Gladys đã làm cho ông ta nể phục thật sự.

Gladys chưa cần phải đi đến các ngôi làng hẻo lánh ngay bây giờ. Bên trong thị trấn và quanh quẩn các ngôi nhà hoặc nơi cư ngụ đào sâu vô sườn núi nằm bên ngoài các bức tường thành, công việc khám chấn cũng đã dành hết thi giờ của nàng rồi. Những gì lão Yang phát biểu đều

đúng sự thật. Nhờ nút bóng của quan Huyện, cộng thêm hai tên lính bằng xương bằng thịt khá dơ bẩn, khiến nàng trở thành một nhân vật quan trọng mà nàng chưa từng biết hoặc hy vọng đến. Dân chúng đều phải đứng râm rắp khi nàng nói chuyện với họ. Chân của trẻ con bị bỏ phải tháo ra ngay khi nàng đòi hỏi.

Nàng không thể nào quên được ngôi làng đầu tiên nàng đến với tư cách viên chức khám chân. Ngôi làng này nằm gần một con sông băng qua một hẻm núi hẹp nên nước chảy xiết, nhà cửa đều cát trệt, tường băng đá, hoặc đất bùn, và lợp ngói xanh. Nhà này nồi liền với nhà kia, băng những con đường mòn nhỏ lấp bụi. Bên trong nhà, các căn phòng đều tóe om, nền nhà băng đất nện, chỉ có một cái giường gạch duy nhứt dùng chung cho cả nhà. Nhà nào cũng có một chiếc bàn để xếp những chén ăn cơm màu xanh có vẻ vời, và dĩ nhiên, cùng với một số đĩa băng cây. Trên đồng đầy, eo uột, hòn hào, mặt mày rám nắng, la thét ồn ào. Một số còn rút dấu trên ngực mẹ, một số khác dứng vây quanh lùa của Gladys. Khắp phia, núi cao chón chờ. Đào mận trong làng đang mùa nở hoa. Vài thửa đất nhỏ nằm trên sườn núi vàng ánh màu hoa cải, màu xanh đậm của cây bông vải và màu xanh tươi của cây kẽ.

Ngay khi Gladys và hai người lính qua khỏi cổng, dân làng bắt đầu vây quanh lầy họ. Hai người lính hỏi thăm ông Tiên Chi trong làng. Khi ông ta tới, họ báo cho ông ta biết mạng lính của Quan Huyện. Đó là một ông lão mặt mũi nhăn nheo, có hàm râu dê lưa thưa vài sợi, nguyên là một nông dân, do kinh nghiệm và tuổi tác nên được đề cử lên chức vụ Tiên Chi, chịu trách nhiệm trước Huyện quan.

Khi nghe hai người lính nói, ông Tiên Chi gật đầu một cách kính cẩn. Tên mõ làng được phái đi truyền rao cho dân làng tụ họp trên một bãi đất vuông vức. Các nông dân đang cà bừa ngoài đồng áng, ở trong nhà hay đang chăn giữ súc vật của họ đều bỏ dỡ công việc. Khi tắt cả

dân làng hiện diện, ông Tiên Chi cắt tiếng thật lớn thông báo cho họ biết, theo lệnh của Quan Huyện, từ rày về sau tục lệ bó chân sẽ chấm dứt, đứa trẻ nào chân còn bó phải tháo ra. Hai tên lính, được dịp hưởng chút quyền mọn của mình, cứ nhắc đi nhắc lại mãi lính lạc vừa công bố, và nói rõ thêm rằng người nào không tuân lệnh sẽ bị tòng cõi nhà giam lập tức.

Sau đó, họ quay lại nói cho Gladys biết đã đèn lúc nàng thi hành công việc khám xét. Nàng hoàn toàn chưa biết phải làm gì, nhưng để chứng tỏ công việc đang tiến hành, nàng bước ngang qua bãi đất trống, hướng đèn một căn nhà nhỏ gần nhất. Đám đông kéo theo phía sau nàng. Yên lòng vì có sự hiện diện của hai tên lính, nàng bước vội chiếc cửa mở sẵn của ngôi nhà. Hai tên lính đứng chờ bên ngoài. Bên trong nhà sạch sẽ, ngăn nắp, nhưng không chung đơn đồ đạc, chỉ có một vài cái nồi và vật dụng làm bếp ; một cái chǎn có nhói bông xếp lại và để trên một cái giường gạch dùng làm chỗ ngủ của gia đình. Một cô gái nhỏ nhắn, mắt đen láy, đeo chừng ba tuổi, bám lấy ông quân người mẹ và nhìn Gladys một cách sơ sệt. Nhìn thoáng qua cũng biết ngay chân cô bé bị bó.

Gladys cò lên giọng uy quyền :

« Bà kia ! Tháo chân của cô bé này ra ! »

Hai người làng giêng và bà nội của cô bé hiện có mặt trong nhà. Người mẹ ôm đứa con vào lòng và bòn người đàn bà bắc đầu tháo băng chân của cô bé.

Để che đầu nỗi ghê sợ, mỗi khi nhìn thấy một lần băng vải rót ra, nàng phê phán liền miệng :

« Đúng rồi, tiếp tục nữa đi. Mau lên ! Nếu Thương đe ban cho cô bé này một đôi chân co rút trông khủng khiếp như vậy, thì Người đã ban từ lúc tạo nó ra, có phải không các bà ? Bàn chân dùng để bước đi, chứ không phải để kéo lê khắp khênh. Tôi không biết mấy ông chồng của các bà có biếu các bà bó chân hay không. Nếu có, họ thử làm việc này rồi xem họ có thích cái lối đi khắp khênh

bằng hai bàn chân co rút như vậy không. Bất kỳ người đàn ông nào biếu các bà bó chân, hẳn sẽ ở tù lập tức ; đó là luật lệ bây giờ...».

Lần băng cuối cùng rời xuồng, một bàn chân nhỏ xíu và trắng nhợt lộ ra, mười ngón chân đều cong quặp xuồng ; nắm sát vào lòng bàn chân.

Gladys cao giọng :

« Hãy nhìn hai bàn chân này ! Làm sao các bà có thể hy vọng đứa trẻ khôn khổ này đi đứng vững vàng với hai bàn chân như vậy ? »

Nàng xô dạt bờn người đàn bà, quỳ xuồng và kéo nhẹ nhẹ mấy ngón chân của cô bé cho duỗi ra. Cô bé nhìn nàng với đôi mắt mờ lớn đầy vẻ e sợ.

Nàng dịu dàng nói :

« Đây này, nãm chú heo con đều sẵn sàng đi chợ được rồi. »

Nàng thoa hóp bàn chân thật nhẹ nhàng. Thinh linh cô bé bật cười ngọt ngào, người nó vặn vẹo có vẻ thích thú.

Niềm hoan hỉ bùng vỡ. Mày người đàn bà bước lại gần hơn, cười nói lúi lo. Khi nàng hiểu rõ họ nhiều hơn, Gladys mới ý thức những gì là tinh thần độc lập và can đảm trong những người đàn bà miền núi này. Họ khen đạo luật mới này. Bây giờ ai cũng muốn giúp một tay để xoa chân cô bé, và tranh nhau kê lê những đau đớn và phiền phức của chính đôi chân họ trong mày chục năm qua. Một trong hai bà láng giềng chạy sang nhà bên cạnh giải thích công việc phải làm, và khắp làng đều biết tin tức khi Gladys rời căn nhà đầu tiên. Ghé qua những nơi khác, nàng sớm nhận thấy các bà nội trợ đều mang trước các cô con gái đã được tháo băng chân của họ ra để trình nàng. Chỉ vì mọi người đều rất ngoan ngoãn, vai trò của hai tên lính đóng trong vở kịch cải cách xã hội này, với câu nói lập đi lập lại đầy hoạt kê « tháo chân hoặc vô tù », đã trở thành khó hiểu.

Đây là những năm vô cùng hài lòng đối với Gladys. Với Bát Phúc Lữ quán như là một căn cứ và một Cộng đồng Cơ đốc giáo nhỏ bé mọc lên quanh lữ quán này, các cuộc lang thang của nàng xuyên qua các vùng núi non luôn luôn là những cuộc phiêu lưu. Tháng năm dần trôi, mỗi ngày đều có một hột lúa hạnh phúc được gặt hái. Thỉnh thoảng mày người dắt lừa mang những tin vui đèn chồn nơi xa xôi hẻo lánh này, nhưng đó chỉ là những tin vui của một thế giới khác, một thế giới nghìn trùng diệu vợi, một thế giới nằm ở phía bên kia giòng Hoàng Hà mênh mông, một thế giới hẫu như ở mãi tận cung trăng.

Ở đây, vào mùa Đông, tuyết phủ trắng xóa trên mái ngói của các ngôi chùa. Những đoàn lừa bắc khói ngoài đường phố, và những sợi băng lồng lánh dưới mũi mây con thú gắn trên mái của các ngôi đền. Từ tháng 12 đến tháng 3, dân chúng đều mặc áo quần có độn bông. Khi tuyết từ phương Bắc bay vi vút qua các dãy núi, rơi xuống từng lớp trong thung lũng và hang hốc, đường phò của thị trấn cũng ngập tuyết, đáy đèn cả thước. Tiếng động tắt hàn, hàng nhiêu trăm dặm của miền núi vạn vật như ngủ yên, ngoại trừ tiếng gió nặng trùi tuyết lạnh và tiếng rạn vỡ của giá băng.

Đời sống im lặng, nắm khoanh trong chiếc kén dày đặc của tuyết. Lúc ấy, mọi nơi, người người vây quanh những chiếc giường gạch tòe hơi ấm của than hồng, và lại quần áo rách hoặc may giày mới, đầu óc vẫn vơ nghĩ đèn cảnh sắc của mùa Xuân sắp sang. Không viêng thăm, ít chuyện trò, mọi người ngồi một chỗ với mùa Đông để ăn cho hết số hột dự trữ và kiên nhẫn chờ tuyết tan, trước khi đứng dậy đón mùa Xuân.

Và rồi mùa Xuân hiện đèn, cơ thể phục hồi và rung cảm trước cảnh sắc đổi mới của đất trời.

Giữa núi cao chót chót và thung lũng thâm sâu, giữa đời sống gian nan và khốn khổ, Gladys đã trở nên chính chắn.

Trong năm thứ nhì nàng ở Yangcheng, bà Smith ở Tsechow có gởi đèn một giáo dân tên Lu Yung Cheng. Đó là một thanh niên tinh túng vui vẻ, được bà Smith trả lương hàng tháng chín xu. Nếu nàng xử dụng anh ta, đó cũng chỉ vì anh ta có thể điều chỉnh sự diễn dịch những đoạn Thánh kinh có về lăng mạng của lão Yang, lúc lão kể cho khách hàng nghe. Khoảng hai tuần sau khi Lu Yung Cheng đèn, Gladys và anh ta đang đứng trong sân thì một tên bộ phái ở Huyện đường đậm sầm chạy vồ với một mảnh giấy hồng điều trên tay. Hắn nói lặp cà lặp cập cho đèn nồi Gladys đứng ngẩn ngơ, nàng khó thể hiểu được hắn muôn nói gì.

Nàng quay sang hỏi Lu Yung Cheng :

« Mảnh giấy này là cái gì vậy ? »

« Một trác đài của Huyện đường, » giọng Lu Yung Cheng đầy vẻ lo lắng. « Từ nhân nỗi loạn ! »

Gladys không mấy quan tâm, nàng nói : «Ồ, ra vậy ? »

Tên bộ phái thúc giục :

« Cô phải đèn lập tức ! Việc này quan trọng lắm ! »

Gladys liếc nhìn hắn : « Từ nhân nỗi loạn thi có ăn nhầm gì đèn tôi ? »

Tên bộ phái lớn tiếng nhắc lại :

« Cô phải đèn lập tức ! Đây là một mạng linh chánh thức. »

Hắn đậm chân một cách nôn nóng. Lu Yung Cheng nhìn nàng đầy vẻ ngờ vực, giọng nói anh ta rung rung :

« Khi tiếp được mảnh giấy đó này cô phải đi. »

Gladys nói :

« Được rồi, anh đi xem coi có chuyện gì. Việc này hiển nhiên là của đàn ông. Tôi không biết một chút gì về ngực thắt hết. Tôi chưa từng vồ trong ngực thắt bao giờ. Tuy nhiên tôi thực sự không biết người ta sẽ giao anh việc gì để làm với đám tù nhân nỗi loạn đó. »

Qua nét mặt của Lu Yung Cheng, nàng có thể thấy rõ là anh ta không mảy may phản khóc. Tên bộ phái la lên :

« Mau lên ! Xin mau lên. » Miễn cưỡng, Lu Yung Cheng bước ngập ngừng theo sau tên bồ phái ra cửa. Khi ra bên ngoài, Gladys nhìn thấy hắn quay lại nhìn nàng, rồi bước mau về phía trái, ngược phia với tên bồ phái. Nàng có thể nghe rõ tiếng chân của anh ta chạy trên đường. Tên bồ phái khám phá ra ngay kè đi phia sau biển mắt. Hắn quay lại, chạy bồ nhào vồ cửa, vừa la hét vừa ra bô điệu. Con người hắn ta nhỏ nhưng nhiều mồ nẹn không lầy gત làm oai vệ cho lắm. Hắn chạy băng qua sân, đèn trước mặt Gladys và rồng lên :

« Bây giờ cô phải đi. Đây là trát đồi, ra lệnh cô phải đi. Lập tức. Với tôi ! Nếu cô từ chối, cô sẽ gặp rắc rối ! »

« Được rồi », nàng dứt dàng nói, « tôi sẽ đi. Tôi thật không biết tại sao Lu Yung Cheng lại bồ chạy như vậy. Anh ta cầm thày đau ốm hay gấp cái gì đó. Nhưng chắc chắn một vụ bạo động trong nhà giam đồi với tôi không có việc gì để làm được cả ! »

Hai người gặp rút ra đi, băng qua cửa Đông, đi thêm một vài bước nữa thì đèn phia ngoài bức tường tro trùi của nhà giam, nằm bên cạnh con đường cái. Phía bên trong bức tường vọng ra náo tiếng kêu thét, tiếng la lối, tiếng gào rồng, hợp thành một âm thanh đầy ồn ào, hỗn loạn và khủng khiếp nhất.

« Trời ơi ! » Gladys kêu lên, « một cuộc bạo động thật rối ! »

Viên quần ngực, người nhô thô, mặt xanh xao, miệng méo xệch, gấp nàng ở cửa với khoảng sáu nhân viên đứng phia sau. Ông ta nói mau :

« Chúng tôi vui mừng thấy cô đèn ! Có một vụ bạo động trong nhà giam. Phạm nhân đang giết lẫn nhau ! »

« Tôi nghe tiếng náo động rồi, nhưng tôi làm gì được ? Tôi chỉ là một người đàn bà đi truyền giáo. Tại sao ông không cho binh sĩ dập tắt cuộc bạo động đó ? »

« Phạm nhân toàn là lũ sát nhân, đầu trộm đuôi cướp, giọng viên quần ngực run run. « Linh trắng không dù, và

lại ai cũng khiếp sợ cả. »

« Đáng buồn cho ông, nhưng ông hy vọng tôi sẽ làm được việc gì trong vụ này ? Ngay cả việc ông gọi tôi đến đây, tôi cũng không biết tại sao ? »

Viên quản ngục bước lại gần nàng :

« Cô phải vô bến trong và đẹp cuộc àu đà giùm chúng tôi ! »

« Tôi phải vô ! Bộ ông điên sao ? Nếu tôi vô bọn họ sẽ giết tôi ! »

Đôi mắt của viên quản ngục nhìn nàng có vẻ khẩn cầu :

« Làm sao bọn họ có thể giết cô được ? Cô đã từng nói với mọi người rằng sở dĩ cô đến đây là vì có Chúa đang sẵn ; & bên trong cô... »

Gladys cảm thấy như có một vật nhỏ bé và buốt lạnh chạy dài xuống lồng. Khi nàng nuốt nước miếng, cô nàng hình như có một vật gì chặn lại.

« Chúa — đang sống ? » Nàng đáp úng.

« Cô đã thuyết giảng khắp mọi nơi, trên các đường phố, trong các làng mạc. Nếu cô truyền giảng sự thật — nếu Chúa của cô che chở không để ai làm hại cô, thì bây giờ cô có thể làm cho cuộc bạo động này ngừng lại. »

Nàng nhìn ông ta chăm chăm. Trí óc nàng rối loạn. Nàng cô tìm một số lý lẽ để giải thích các đức tin của nàng cho người đàn ông chất phác hiếu lầm này. Một luồng điện nhỏ bé chợt lóe chợt tắt trong đầu óc nàng với một thông điệp khẩn cấp : « Đó là sự thật ! Cô đã từng thuyết giảng rằng Chúa của cô đã che chở cô trước hoạn nạn. Nếu bây giờ cô không chứng tỏ điều này, đất Yangcheng không còn là nơi dung thân của cô nữa. Bỏ rơi đức tin của cô bây giờ, cô sẽ bỏ rơi nó mãi mãi. » Đây là một sự thách thức hồn như tuyệt vọng. Dù thế nào, nàng cũng phải giữ得住. Ôi ! Những con người chất phác đèn độ ngu ngốc này ! Những nàng làm sao có thể vô trong ngục thất với những kẻ sát nhân, đầu trộm, đuối cướp hiện đang náo loạn

và sát hại lẫn nhau bên trong các bức tường này. Những âm thanh bây giờ lại vang dội hơn, chứng tỏ cánh cửa của một địa ngục trần gian nhỏ hiện đang mở rộng. Làm sao nàng có thể vỡ đó ? « Minh phải cõ gắng. » Nàng tự nhủ. « Minh phải cõ gắng ! Chúa ơi ! Xin Chúa hãy ban cho con sức mạnh. »

Nàng ngược nhìn gương mặt tái mét của viên quản ngục, và nàng biết rằng gương mặt của nàng hiện cũng tái mét như ông ta. « Được rồi, » nàng nói. « Hãy mở cửa ra đi. Tôi sẽ vỡ trong ngục. » Nàng không nói gì thêm, vì nàng không tin vào tiếng nói của mình.

Viên quản ngục không đe chậm trễ giây phút nào :

« Chìa khóa ! Chìa khóa mau lên ! »

Một trong những thuộc cấp của ông ta bước đèn với một chìa khóa sắt không lõi. Cái chìa khóa này hình như được làm ra để mở cửa địa ngục thăm thẳm và tối tăm nhứt trên thế gian. Cái chốt vĩ đại bên trong ổ khóa bật lên tiếng kẽn kẹt. Cánh cửa sắt rỗng mènh mông chuyền động và mở ra. Nàng hầu như bị đầy vỡ bên trong. Tôi như bưng. Cánh cửa đã khép lại phía sau nàng. Nàng nghe tiếng xoay của chiếc chìa khóa vĩ đại. Nàng bị giam chung với một bọn phạm nhân hung tợn; qua tiếng la hét, hầu như tất cả đều đã phát cuồng. Một đường hầm tối đen, dài khoảng hai mươi thước, chạy thẳng phía trước mặt nàng. Ở cuối đường hầm hình như mở ra một khoảng sân. Nàng có thể nhìn thấy nhiều bóng người chạy ngang qua miệng hầm. Nàng sờ soạn bước tới, suốt đường hầm, và đứng sụng lại, chôn chân trong nỗi khủng khiếp.

Khoảnh sân rộng khoảng mươi tám thước vuông ; quanh bốn phía có những kiền trúc giồng như những cái chuồng trống thật quái dị. Trên sân, một trận loạn đã tàn bạo đang diễn ra. Nhiều thây người nằm sóng soài trên nền đá. Một người, hiển nhiên đã chết, nằm cách nàng không đầy một thước, máu vẫn còn chảy từ một vết thương ở sọ. Máu vụng vát khắp mọi nơi. Bên trong mày « cái chuồng » cũng

đánh nhau riêng rẽ. Tuy nhiên nhóm chánh vẫn là nhóm ở ngoài sân. Nhóm này lúc ấy đứng nhìn một phạm nhân đang vung một cái búa lớn đầy máu trong tay. Thinh linh, phạm nhân cầm búa nhảy xô lại khiến đám đông bồ cháy tán loạn khắp sân. Người bị chém và sọ hiện đang nằm trên mặt sân hiển nhiên là vì không nhanh chân tránh kịp.

Không một ai lưu ý mấy may đèn sự hiện diện của Gladys. Trong nửa phút, nàng đứng bất động với đầu óc trống rỗng. Tên tù cầm búa lại gần đèn nữa, nhóm tội phạm chạy tán loạn. Hắn nhận thấy một người chạy lè loi nén đuôi theo. Nạn nhân chạy về phía Gladys, và sau đó lẩn trốn mắt.Tên điên khùng, cái búa lăm lăm trên tay, đứng dừng lại cách nàng không đầy một thước. Đột nhiên nàng bước hai bước mạnh dạn về phía hắn. Hành động của nàng đầy bất ngờ, chính nàng cũng khó biết tại sao nàng làm như vậy.

Nàng nói một cách giận dữ :

« Hãy đưa cái búa cho tôi ! Đưa cho tôi lập tức ! »

Tên điên nhìn nàng. Hai con ngươi màu đen man dại trong đôi mắt như bặt máu của hắn nhìn nàng trùng trùng. Thì rốt bất ngờ, với cử chỉ đầy nhẫn nhục, hắn trao cái búa cho nàng. Nàng giựt ngay vũ khí từ trong tay hắn và giữ thật chắc bên mình. Lưỡi búa đầy máu, nàng biết thè nào cũng đinh vào quần áo. Các phạm nhân khác — năm sáu chục người là ít — đứng khắp mọi góc sân giương mắt nhìn. Tất cả hoạt động của thảm kịch sôi nổi ngừng lại trong chốc lát. Nàng biết, trong chốc lát này, nàng phải nắm lấy ngay lợi thè tâm lý.

Nàng hét :

« Tất cả, hãy đèn đây ! Đèn đây và đứng thành hàng ! ». Nàng nhận ra tiếng nói vừa rồi là của chính nàng, nhưng nàng chưa bao giờ nghe được một giọng nói lạnh lùng như vậy. Nàng la dứt, quát tháo bọn người trước mặt như một thây đội nhỏ con đang nỗi khùng, hoặc một cô giáo với lớp học toàn bọn học trò ngón ngáo. « Kèp thành hàng lập tức !

Các anh kia lại đây, đứng thành hàng phía trước tôi đây.

Một cách ngoan ngoãn, bợn phạm nhân kẽo tới, hợp thành một nhóm người rách rưới trước mặt nàng. Nàng nhìn họ với đôi mắt dữ dội. Im phẳng phắc. Nỗi sợ hãi của nàng biến mất hẳn. Thay vào đó, mặt mày họ hốc hác đầy góc cạnh, môi nứt nẻ và da xoăn lại vì khốn khổ, đau đớn và đói. Những đôi mắt quầng thâm vì sợ hãi và tuyệt vọng đang nhìn nàng. Những kèn này cẩn bâ của loài người, nửa người, nửa ngợm, trong manh áo rách dơ bẩn và đầy chầy rận. Họ giồng thú vật hơn là người, và những chuồng chung quanh đây đúng là dùng để nhốt thú dữ. Nàng muôn bật khóc trước những sinh vật khốn khổ đèn nồi này. Hết sức cõ gắng, nàng lại lấy quyền điều khiển. Sợ hãi đã biến mất hẳn rồi, nhưng nàng biết vẫn cần phải tràn áp nhóm phạm nhân này bằng uy quyền.

Nàng la rầy họ, giồng như một bà mẹ tức giận la rầy lũ con ngồ ngáo: « Các ông sẽ tự cảm thấy xấu hổ. Tất cả sự náo động và hỗn loạn này là Hỗn loạn ! Nàng đưa tay chỉ từng thân thể, từng vũng máu, tàn tích của cuộc xung đột vừa rồi, và nói tiếp : « Ông quản đốc nhà giam gửi tôi tới đây để tìm hiểu có sự xảy ra. Bây giờ, nếu các ông dọn dẹp khoảng sân này cho sạch sẽ và hứa không tái phạm trong tương lai, tôi sẽ yêu cầu ông quản đốc đòi xử khoan hồng với các ông lần này. » Nàng cò tránh nhìn mày cái xác chết nằm bất động trên sân. Nàng biết rằng nàng cần phải lôi cuốn sự chú ý của họ cho đèn khi cơn hung tợn đầy tuyệt vọng của tất cả tan loãng dần.

Nàng hỏi :

« Bây giờ, hãy cho tôi biết các ông đã bắt bình chuyện gì ? Nguyên cớ nào phát sinh cuộc xung đột này ? »

Tất cả đều im lặng. Nhiều người cúi mặt hờn.

Nàng tiếp : « Tôi muôn các ông chỉ định một người thay mặt để nói rõ câu chuyện rắc rối cho tôi biết, và sau đó các ông bắt đầu dọn dẹp cho sạch cái sân này. Bây giờ các ông đi qua góc sân kia để chỉ định người thay mặt cho

các ông. Tôi sẽ chờ ở đây.

Tất cả phạm nhân qua hết bên gốc sàm hắng, vừa chỉ và bàn tán với nhau. Vài phút sau, một phạm nhân cao lớn, có vẻ khỏe mạnh hơn những người khác bước đến. Nhưng giòng như những người khác, hắn ăn mặc rách rưới. Hắn nói :

• Tôi tên Feng. Tôi thay mặt cho họ. •

Trong khi các phạm nhân còn lại lầy giề rách lau chùi các vết máu và mang xác chết yô những nơi tương đối kín đáo, Gladys lắng nghe câu chuyện của phạm nhân tên Feng. Sau đó, nàng mới biết gã này từng làm sư sãi, phạm tội ăn cắp đỗ vật của các « đồng nghiệp » nên bị kết án tám năm tù. Theo lời hắn, không một ai biết được tại sao, hoặc làm sao phát sinh cuộc bạo động. Phạm nhân được phép sử dụng cái búa này — hắn chỉ cái búa Gladys vẫn còn cầm trên tay — mỗi ngày một tiếng đồng hồ để cắt thức ăn của họ. Một số người đã cãi cọ với nhau để giành quyền sử dụng cái búa, một số người khác hùa theo, và bất ngờ, không ai biết tại sao, miệng núi lửa uất ức phut lên và những giòng nham thạch đỗ ngẫu tung tóe mọi nơi. Nội uất ức này có lẽ là của một số người bị giam giữ nhiều năm. Có nhiều người ở đây sẽ chết đói, nếu bạn bè hoặc thân quyền không gửi đồ ăn vô cho họ. Thật khó mà ngồi dựa lưng vô tường để chịu đói cho đèn chèt trong khi những người khác ăn uống no nê. Thỉnh thoảng các viên chức lại mang một người trong bọn ra ngoài sân kia để hành hình. Nỗi khủng khiếp đó đã treo lơ lửng trên đầu nhiều người. Hắn không thể nào giải thích tại sao có cuộc bạo động, nhưng theo hắn nghĩ, những gì đã xảy ra là do các bức tường quá cao và các khung cửa quá chắc, bọn phạm nhân không bao giờ nhìn thấy được thế giới bên ngoài, không nhìn thấy bóng dáng đàn bà. Họ cũng không nhìn thấy núi non, cây cỏ đơn hoa hoặc một khuôn mặt bạn bè. Thỉnh thoảng tinh thần quá căng thẳng khiến cho con người có thể gây ra một hành động dã man. Tất cả

phạm nhân đều tỏ ra hối tiếc những việc làm vừa qua của họ.

«Sao ngày các ông làm gì ở đây?» Nàng nghiêm nghị hỏi.

«Làm gì? Cố gì đâu mà làm?»

«Không làm gì hết hà?»

«Không, không có việc gì hết!»

«Nhưng đã là người, thì phải có một việc gì để làm. Tôi sẽ đi gặp ông quản đốc để bàn về vụ này.»

Lúc đó nàng mới biết viên quan ngực và thuộc cấp đã đứng phía sau lưng nàng hỏi nào. Cho mãi đến sau này nàng mới biết có một cái lỗ nhỏ ở cuối con đường hầm và họ đã đứng đây để nghe hết mọi câu chuyện bên trong. Tiếng ồn ào của cuộc bạo động tắt hẳn, bây giờ họ nghĩ có thể vô bên trong an toàn để đóng vai trò chánh trong thỏa hiệp hòa bình.

Vिण quan ngực khom mình trước Gladys.

«Cô dập tắt cuộc bạo động một cách êm xuôi. Chúng tôi phải cảm ơn cô.»

Nàng nói một cách chua chát :

«Những người này bị nhốt ở đây hết tuần này sang tuần khác, hết năm này sang năm khác, nhưng họ không có một công việc gì để làm. Không có gì hết. Đó là điều đáng si nhục!»

Sự bồi rồi của viên quan ngực trông khá buồn cười. Tuy nhiên, Gladys có thể cảm thấy sự biêt ơn của ông ta và nàng quyết định đạt mục đích của nàng :

«Đi nhiên ông phải đối phó với các vụ bạo động nếu họ không có việc gì để lấp đầy thời giờ nhàn rỗi năm nay qua năm khác của họ. Ông phải tìm việc làm cho họ.»

Vिण quan ngực vẫn còn bồi rồi, ông hỏi lại : «Việc làm?»

«Họ phải có việc để làm. Chúng ta phải mang mây khung cùi vô đây cho họ dệt vải. Chúng ta phải tìm những công việc nào sinh lợi để họ có chút ít tiền mua thức ăn,

nhìn đỗ họ có thể phục hồi tinh thần tự trọng của họ phán nǎo.

Viên quản ngực gật đầu. Ông ta ưng thuận hay không, nàng không thể nói.

«Chúng ta sẽ thảo luận vấn đề này sau,» Ông ta nói một cách từ tốn.

«Tôi có hứa với họ là sẽ không có bất kỳ hình phạt nào dành cho họ.»

Viên quản ngực lại gật đầu. Hiếm khi một cuộc điều tra chính thức được mở ra chỉ vì một vài xác chết; ngay cả hệ thống hình luật của Trung Hoa cũng không lưu tâm đến việc này. Ông ta nói :

«Chúng tôi sẽ bỏ qua tất cả vụ này, nếu không có sự tái phạm.»

«Vậy thì hay lắm,» Gladys nói, và quay sang tội phạm tên Feng. «Bây giờ tôi đi, nhưng tôi sẽ trở lại. Tôi hứa sẽ làm tất cả những gì tôi có thể làm được để giúp các ông.»

Đôi mắt u tối của vị thầy tu kiêm đạo chích ngược lên nhìn nàng: «Cám ơn cô, cô Ai-Weh-Deh.»

Lúc đó nàng không biết mày tiếng «Ai-Weh-Deh» có nghĩa gì. Chiều hôm đó, nàng hỏi Lu Yung Cheng — anh chàng vừa lò dò trở về sau khi quyết định «lần tròn, một cách đột ngột.

«Ai-Weh-Deh ?» Anh ta hỏi lại, giọng đầy thích thú. «Ai-Weh-Deh có nghĩa là một người đàn bà đức hạnh.»

Trong những năm ở Trung Hoa, nàng được biết tới với cái tên Ai-Weh-Deh.

CHƯƠNG VII

Câu chuyện trong ngực thắt có thể xem như đã nâng cao uy tín của Gladys ở Yangcheng. Với chức vụ khám căn, nàng đã trở thành nhân vật khá quan trọng, nhưng dập tắt cuộc bạo động trong tù đã mang đến cho nàng danh dự hoàn toàn khác hẳn.

Nàng để ý một số thương gia, thường đứng trước cửa tiệm, lâu nay vẫn làm như không quen biết nàng, bây giờ mỗi khi nàng đi qua họ cúi đầu chào rất lễ phép. Hai tên lính hộ vệ nàng đã tỏ ra thích thú trong vụ tù như họ được tăng lương vậy. Nàng đã gặt hái được nhiều «thưởng diện.»

Nàng cũng không quên lời hứa với các tù nhân. Viên quản ngục là một người có học và từ tâm. Ông ta trở thành người bạn tốt của nàng trong những năm sau đó. Nếu tình trạng nhà giam của ông giống như âm ty, đó chẳng qua là tình trạng chung của các nhà giam Trung Hoa. Tất cả đều khùng khiếp. Nhằm ngăn ngừa các vụ bạo động bùng nổ ông sẵn lòng chấp nhận các đề nghị của Gladys. Không có sự cải thiện qui mô nào. Huyện đường không có sẵn ngân khoản dành cho công việc cải thiện lao tù. Gladys cũng không có tiền, nhưng nàng đã xin được hai khung cửa đã cũ của mấy người bạn của viên quản ngục, và một số chí sợi. Nàng kiếm vài bông và đưa cho tù nhân may lại xà-cạp mà dân chúng ở Shansi tra quần. Nàng cũng tìm được cái cối xay để họ xay bột đem bán. Lúc ở Yang-

cheng nàng đèn thăm tù nhân hầu như mỗi ngày. Nàng dạy họ biết phép giữ gìn vệ sinh và đọc chuyện cho họ nghe. Nàng mang cà thò vô cho họ nuối nữa...

Trong năm thứ nhì nàng ở Yangcheng, giữa nàng với Quan Huyện xảy ra một cuộc tranh luận nhỏ. Sau một vòng đi khám chân ở các vùng núi trở về, nàng đi bộ xuống con đường cái, và nhầm lại những lời sẽ trình bày với Quan Huyện. Trong tư cách ông chủ của nàng, nàng muốn Quan Huyện biết một vài điều tối tệ để ông tìm cách chặn đứng hắn.

Nàng sẽ nói với ông ta : « Thưa quan lớn, tôi muốn thảo luận với ngài về thân phận của những người đàn bà. Thưa quan lớn, một người đàn ông được phép đánh vợ của mình, việc này có hợp lý không ? Và có hợp lý không, nếu một người chồng có quyền bán vợ, và ngay cả giết vợ của mình nữa ? Những điều này đã khiến cho kẻ thuộc hạ tùng phục và trung thành nhất của ngài hết sức lưu tâm trong thời gian thi hành nhiệm vụ khám chân trong các ngôi làng miền núi. Tôi kính cần xin quan lớn cho biết ngài trú định đồi phó những vẫn để i. ấy như thế nào. Tôi biết rằng các tệ đoan này đã có từ xưa, nhưng đó không phải là lý do khiến chúng ta lơ là trong việc bài xích. »

Tư tưởng của nàng ngừng lại nửa chừng, khi nàng nhìn thấy một người đàn bà ngồi bên lề, hai chân chia hàn ra ngoài mặt đường lộ. Mụ ta trông bần thiu, thở lỗ và đèn dúa, tai đeo cà chùn khoen bạc, các kẹp tóc vừa bằng bạc vừa bằng ngọc ; cổ và tay đeo kiêng, vòng chạm nô. Hai ông quần rộng thùng thình của mụ được buộc túm lại bằng xà cạp màu xanh nhạt. Hai chiếc xà cạp đã bắt mắt Gladys đầu tiên. Cho dù đó là lời ăn vận thông thường của dân chúng Shansi, nhưng nàng không bao giờ nhìn thấy đồi xà cạp nào có màu sắc như vậy. Có lẽ người đàn bà đã đèn từ một ngôi làng mà nàng chưa từng đặt chân hoặc nghe nói bao giờ. Gladys bước thẳng về phía mụ ta với ý định hỏi cho biết.

Khi đèn gần, nàng thấy một đứa bé ngồi tựa vò đầu gòi của người đàn bà. Đứa trẻ gầy còm, chỉ mặc một chiếc quần cụt hàn thỉu, lõi đồi chân giồng như cuống lá, bạng bạng, tóc tai thản thè đầy ghê tởm, trông phát sợ. Tình trạng của đứa bé khiến cho nàng khó thể nói là con trai hay con gái. Cảnh tượng đáng khiếp nấy đã làm cho nàng quên hẳn ý định hỏi thăm người đàn bà.

«Bà kia, với một đứa trẻ trong tình trạng như vậy đáng lẽ bà không nên ngồi ngoài lề đường.»

Đôi mắt thâm đen của người đàn bà háy nàng một cách hồn hào, rồi cắt tiếng theo lời nói :

«Cô hãy lo việc riêng của cô đi !»

Nàng nhớ lại chức vụ khám chân của mình, nên nghiêm nghị nói :

«Đây là việc của tôi. Bà cứ để nàng nung đốt đầu của đứa nhỏ thêm nữa, nó sẽ chết cho mà xem.»

Mụ bùi môi :

«Nó chết hay sống thì mắc mớ gì cô ? Nếu nó chết, tôi tìm ngay đứa khác.»

Gladys nhìn chằm chạp người đàn bà. Theo hình dáng nàng phỏng đoán người nấy không phải là mẹ của đứa trẻ. Nàng nhớ lờ mờ hình như nàng có nghe nói đèn loại đàn bà nấy, Những kè đi mua bán trẻ con ? Đúng rồi — mụ nấy đi mua bán trẻ con. Trong vùng núi Shansi, hàng người nấy được xem như là ma quỷ, người ta chỉ dám bàn tán nhỏ to về họ mà thôi.

Câu nói ờm ờ của mụ đàn bà nấy đã xác nhận ý nghĩ của nàng : «Cô thích nó ? Chỉ mắt hai đồng thời, cô có thể mang nó đi.»

Theo giá thị trường hiện thời, Gladys biết ngay giá hai đồng là rẽ mặt. Một cô gái đẹp, có thể mua để làm vợ được, giá ít nhứt cũng phải chín chục đồng. Ngay cả một đứa con gái mới lớn giá đã mười đồng rồi. Nhưng ai mua đứa trẻ bình hoạn và ôm yêu nấy làm gì ? Nàng đáp :

«Tôi không có hai đồng. Nó bình hoạn sắp chết đèn

nơi, nếu mua tôi lại phải măt thêm hai đồng nữa để chôn cất nó, vì chi là bốn đồng.

Người đàn bà hắt măt lên :

« Một đồng rưỡi cũng được, mang nó đi ! »

« Một đồng rưỡi cũng không. Thật ra tôi không mua. »

Nàng bước đi. Tiềng cười lạnh lanh của người đàn bà đuổi theo sau nàng. Những người đi đường không, một ai bận tâm lắng nghe cuộc đối thoại của họ. Trong lúc bước về phía Huyện đường, cơn tức bức nỗi lên mạnh mẽ trong lòng nàng. Như thường lệ, nàng phải chờ đợi một tiếng đồng hồ mới được Quan Huyện tiếp kiến, nhưng cơn tức bức của nàng vẫn không giảm đi chút nào. Tiềng chiêng khua lên, và người lính mở rộng chánh môn để nàng bước vào ; lúc ấy nàng muộn trình bày ngay với Quan Huyện về mụ đàn bà bán trẻ con. Tuy nhiên, nàng biết rằng dù gì đi nữa nàng cũng không thể nào bỏ được các nghi lễ khi đứng trước một vị quan lớn Trung Hoa.

Nàng cúi khom mình trước con người mặc áo hồng điều có dáng điệu kiêu hahn. Nàng chào kinh đúng cò lệ của một viên quan cấp nhô diện kiền người bế trên. Nàng vẫn an :

« Bầm thượng quan, ngài vẫn mạnh ? »

« Phải, tôi vẫn mạnh. Còn cô ? »

« Dạ thưa, tôi mạnh ! Ngài đã dùng bữa chưa ? »

« Tôi dùng bữa rồi. Còn cô ? »

« Cám ơn thượng quan, tôi ăn rồi ! Thưa thượng quan, quý quyền đều mạnh ? »

« Tất cả đều mạnh khỏe »

Công việc này kéo dài độ một phút, và sau đó, các nghi lễ chấm dứt, nàng đe trình lên Quan Huyện bản báo cáo của nàng, rất vắn tắt, bởi lẽ lúc đó nàng chưa học viết chữ Trung Hoa, nàng phải nhờ người khác viết giùm. Các bản báo cáo của nàng, quả thật, mức đơn giản không có bản báo cáo nào hơn được. Nó như sau :

« Gladys Aylward đèn Chowtsun. Gladys Aylward từ Chowtsun trở về. » Tên làng xã có thể thay đổi tùy theo chuyền đi, còn những chữ khác thì giữ nguyên. Tất cả những chi tiết liên quan đèn việc làm của nàng, nàng đều trình bày thẳng với Quan Huyện. Một nụ cười đầm trên môi Quan Huyện, lúc ông đưa tay nhận tờ giấy. Nhìn ông lúc đó, trong chiếc áo cổ cao, tay rộng, màu hồng sáng chói, và đầu đội cái nón màu đỏ, nàng phải mắt mày giây để tránh áp nỗi sợ hãi.

Ông nói :

« Chắc cô có việc gì muốn trình với tôi. »

Gladys đáp :

« Thưa thượng quan, ngài đòi phò như thế nào với bọn buôn bán trẻ con ? »

Đôi lông mày rậm và đen của ông khẽ nhướng lên :

« Tôi không hiểu cô muốn nói gì ? »

« Chỉ cách Huyện đường vài bước, một mụ đàn bà gã bán cho tôi một đứa trẻ với giá hai đồng. Ngài đòi phò với việc đó như thế nào ? »

Vẫn để nàng vừa nêu ra có vẻ gây bối rối cho Quan Huyện. Ông bước về cuối phòng và quay lại trước khi đáp.

« Cô đừng dính dáng đèn vụ này. »

« Tôi không hiểu nói. » Gladys nói. « Đó là một tệ trạng. »

« Nếu quả thật mụ ấy là kẻ mua bán trẻ con, mụ ta phải cùng một bọn với những kẻ hung dữ và liều mạng. Nếu cô xen vô việc của bọn chúng, bọn chúng sẽ gây ra những tội ác khủng khiếp hơn. Tốt hơn là cô nên bỏ qua chuyện đó đi. Nó không dính dáng gì đến công việc của cô. »

« Nhưng, thưa thượng quan... »

« Bây giờ, cô trình cho tôi biết cô đã làm gì ở vùng Chowtsun. »

Câu nói của Quan Huyện là một mảng lịnh. Gladys kè sờ lược những công việc liên quan đèn chức vụ khám chẩn của nàng mà khoảng nửa giờ. Khi nàng dứt lời, Quan

Huyện gật đầu. Ông nhắc chiếc búa nhỏ lên và gõ vỗ cái chiêng. Hiệu lệnh mở cửa! Buổi tiếp kiền chầm dứt. Khi nàng sắp quay lưng bước ra, Quan Huyện ra dấu lưu nàng lại :

« Về vẫn để những kè mua bán trẻ con, luật pháp nói rằng Ai-Weh-Deh, người đàn bà đức hạnh, hãy ngược mặt lên trời và bước tránh qua lề đường bên kia. Nhưng, cô đừng nói lại mày lời của tôi cho bất kỳ ai khác nghe ! Cô hãy đi ! »

Hai cánh cửa đã mở. Nàng bước ra cửa. Nhưng, nàng cảm thấy một mồi thắt vọng sâu xa đồi với người đàn ông mà nàng rất cung kính nầy. Nàng quay lại :

« Thưa Thượng quan, tôi phải trình rõ cho ngài biết, tôi không đèn Trung Hoa để dòm ngó pháp luật của xứ sở ngài. Vì tình thương của Chúa, tôi đèn đây. Tôi sẽ hành động dựa trên căn bản giáo lý của Người, tôi không quan tâm đèn những gì mà thượng quan vừa nói. »

Nàng bước ra ngay. Trước khi vị huyện quan đang sững sờ có thời giờ mở miệng, nàng đã đi mất. Mãi nhiều tháng sau, khi họ tiễn đèn mức độ thân thiết hơn, Quan Huyện mới nhắc lại buổi gặp mặt nầy. Ông cho biết tình bạn và sự kính trọng của ông dành cho nàng phát sinh từ hành vi của nàng hôm đó. Từ ngày về tràn nhậm huyện nầy, ngoại trừ nàng ra, chưa ai dám lý sự với ông. Và chắc chắn đây cũng là lần đầu tiên trong đời ông, một người đàn bà đã ăn nói với ông như vậy.

Gladys bước mau xuống con đường chánh. Người đàn bà vẫn còn ngồi đó. Khi thấy Gladys, mụ ta gọi : « Bà hảo tâm ! Bà đèn đây ! Tôi bán đứa nhỏ cho bà một trăm rưỡi quan tiền Trung Hoa thôi ».

Gladys dừng lại, trừng mắt nhìn người đàn bà :

« Tôi không đem theo số tiền đó ! »

« Vậy bà muốn trả bao nhiêu ? »

« Tôi không có tiền, và tôi dùng đứa trẻ này vào việc gì ? »

« Nhưng cô muôn mua nó, phải không ? »

Gladys bắt đầu lưu tâm đến câu chuyện, và nghĩ ngợi.

Nàng muôn mua đứa trẻ này.

Người đàn bà trả giọng ngọt ngào :

« Cô muôn cho tôi bao nhiêu ? »

Gladys thò tay vô túi áo. Nàng còn một vài quan iến Trung Hoa, giá trị tương đương khoảng chín xu Anh. Nàng lầy ra.

« Tôi trả bao nhiêu đây, không còn một đồng nào nữa..»

Người đàn bà xòe tay lày tiễn và nói :

« Nó thuộc về bà ! »

Mụ ta đứng dậy, với vã bước xuống đường đi mệt. Gladys nhìn xuống đứa trẻ, khó đoán tuổi của nó — có thể từ bốn đến sáu tuổi. Nàng nói :

« Hãy đi với cô ! »

Đứa trẻ vẫn ngồi bất động, có vẻ ngủ ngù. Gladys nắm lấy tay đứa trẻ, dẫn nó đi dọc theo con đường cái qua công thành và trở về quán trọ. Vào phòng khách, con nhóc sơ hãi chui vô một góc tối nhứt và ngồi co rút ở đó. Gladys xuống bếp kéo lão Yang ra chỉ cô bé. Ông ta lặng yên nhìn « con nhóc con » gần như trán truồng một vài giây rồi nói :

« Tốt ! Cô đã làm một việc thiện. Nhưng cô muôn dùng cô bé này vào việc gì ? »

Gladys nói :

« Hãy cho nó ăn. Cô bé khὸn khὸn đây coi gần như đã chết rồi. »

Lão Yang đi tìm một tô kê và đem đặt trên nền gạch, gần chỗ đứa trẻ ngồi. Nó nhìn tô kê một cách thèm thuồng, rồi chồm tới vô lầy đoạn quay vô gốc tòi, lây tay bốc thức ăn thon vô miệng.

« Chúng ta sẽ gấp rắc rồi với con nhóc này ! » Lão Yang nói. Gladys nhận thấy ít ra ông lão đã dùng hai tiếng « chúng ta » để nói. Điều này đã gây cho nàng thêm chút ít tin tưởng.

Mặc dù con nhóc được mang tên thánh là Mei-en, nhưng đồi với Gladys, tên riêng của nó vẫn là *Ninepence*, (Chín Xu). Nàng không biết gì về quá khứ của con nhóc cho đến nhiều năm sau này. Ngày tháng trôi qua, Mei-en lớn dần và trở thành một thiếu nữ xinh xắn, đầy quyến rũ. Và bắt đầu từ Chín Xu, gia đình của nàng càng ngày càng gia tăng thêm nhân số.

... Đứa tiء thứ hai bước vô quán trọ của Gladys là thằng Less. Đứa thứ ba tới vào mùa Xuân năm sau, thằng Bao Bao, và những năm sau đó, nàng trở thành mẹ nuôi của hai đứa trẻ nữa, thằng Francis và con Lan Hsiang. Ngoài ra, nàng còn làm mẹ đỡ đầu của nhiều đứa trẻ khác nữa. Với sự giúp đỡ của viên quản ngục, một ngôi trường được mở ra cho đám con nuôi của nàng và toàn thể trẻ em trong huyện Yangcheng...

Ngôi trường khai giảng được năm năm, Gladys khám phá ra câu chuyện quá khứ của con Chín Xu. Lúc ấy, Chín Xu đã trở thành một cô gái xinh đẹp. Câu chuyện nó được Gladys nuôi dưỡng và đón dài đến tận ngôi làng sinh quán của nó cách huyện Yangcheng nhiều dặm. Người chủ của Chín Xu cho người tìm bắt, nhưng Gladys khám phá kịp thời và nhờ Quan Huyện can thiệp. Người chủ của Chín Xu không thương yêu gì nó. Nguyên cha của Chín Xu chết, ông bà của nàng không muốn có một đứa cháu gái, nên già phứt mẹ nàng và tống khứ nàng sang một gia đình khác. Không lâu sau mẹ nàng cũng qua đời, bỏ nàng bơ vơ giữa gia đình xa lạ của người cha ghê. Không chịu nổi cảnh hành hạ, nàng bỏ trốn, và lang thang nhiều nơi trước khi gặp người đàn bà mua bán trẻ con trên con đường cái của huyện Yangcheng.

Trong thời gian gần đây, ông bà nội nàng qua đời có đè lại một gia tài, và chỉ hai người có quyền thừa hưởng gia tài này. Đó là nàng và người chú. Việc gì sẽ xảy ra nếu Chín Xu bị người chú bắt cóc? Chỉ nghĩ đến thôi cũng đã không lấy gì làm vui vẻ cho lắm. Nhưng mưu định của

hắn ta đã bị phát giác. Hắn ta quay sang đầu đơn khièu nại Gladys ở Huyện Đường. Vụ kiện cáo này kéo dài nửa tháng, và qua sự giúp đỡ ngầm của Quan Huyện, Gladys được quyền giữ Chín Xu. Gia tài của ông bà Chín Xu đê lại được chia hai, một nửa giao cho Gladys giám hộ, một nửa cho người chú của Chín Xu.

CHƯƠNG VIII

Đời với Gladys Aylward, những năm đầu tiên ở Yang-cheng này là những năm bình yên và nhàn nhã. Có thời giờ để suy tưởng, có thời giờ để nghỉ ngơi, có thời giờ để cầu nguyện. Tuy nhiên thời gian không phải êm xuôi mãi mãi.

Có lúc giòng Hoàng Hà dâng lụt, nhiều trăm người chết đuối, nhiều ngàn người không nhà, dân tị nạn vẩy đoàn kéo vồ các vùng núi, lù lượt như giòng thác lũ đổ ngang qua huyện Yangcheng xuôi về Tsechow, Chin-sui và nhiều huyện khác thuộc phủ Shansi. Có lúc thủy vực bao quanh phía Tây Shansi của giòng sông vĩ đại đóng thành băng. Từ Yenan và Shansi, lực lượng Cộng sản đã di chuyển qua mặt băng này. Mùa đông năm đó được gọi là « mùa Đông ba áo », tiết trời giá lạnh chưa từng thay bao giờ. Qua những lớp áo đón bong, người ta có thể định được mức độ lạnh lẽo của một mùa đông, và « mùa đông ba áo » có mức độ lạnh lẽo dù khiên cho một tách nước trà đóng thành băng.

Có lúc những trận đánh dữ dội xảy ra quanh thủ phủ Shansi, Taiyuan xa về phía Bắc, và quân Cộng sản xâm nhập xuyên qua các đường núi xuống tận phía Nam Yangcheng. Lúc đó đội cơ binh dưới quyền Quan Huyện đã được phái đi để trừ giặc cướp, chỉ khi Cộng sản chiếm đóng huyện lỵ ba ngày và rút đi, bây giờ họ mới trở về.... Cuộc tiến quân của Cộng sản chỉ là một cuộc thăm dò không

hơn không kém. Mặc dù họ gây hư hại cho nhiều nơi khác, nhưng Yangcheng đã tránh khỏi điều này. Quân Cộng sản rút đi và cho đèn khi quân Nhựt tới, họ mới quay lại chuyện này.

Có lúc, vào năm 1936, Gladys đã quyết định trở thành một công dân Trung Hoa. Nhưng không muộn có sự cách biệt giữa nàng với dân địa phương. Làm một người Trung Hoa nhập tịch, dù sao cũng còn tốt đẹp hơn làm một « con quý ngoại quốc ». Nàng hoàn thành mọi giấy tờ, thủ tục, dưới sự giúp đỡ của Quan Huyện, và đương nhiên nàng trở thành một mụ xâm. Việc nhập tịch này không làm thay đổi công việc của nàng, hoặc các mồi giây liên lạc giữa nàng với dân địa phương, nhưng nàng cảm thấy mình đã thuộc hẳn vào xứ sở này...

Gladys không biết, và không ai ở Yangcheng biết được rằng chiến tranh sẽ sớm bao trùm lên họ, khi Nhựt Bản, hiện đã ngự trị Mân Châu và đang lấn theo bước cũ của quân chinh phục Mông Cổ. Tại Yangcheng, nhiều người biết rằng thế giới bên ngoài đang căng thẳng tột độ. Họ biết rằng, ở Trung Hoa, Chánh phủ Trung ương và Cộng sản đang đánh nhau, và tại hầu hết các thủ phủ, mày tay quân phiệt, đồi đầu đang nỗi dậy dành thế lực. Thỉnh thoảng một đạo quân Miền Bắc di chuyển ngang qua huyện ấy, nhưng không dừng lại và ít khi tiếp xúc với dân chúng địa phương. Ở đây, có sự tin tưởng chung, cho rằng không ai muộn đánh chiếm một huyện lý miến núi nhỏ bé như Yangcheng. So với hàng ngàn nơi khác, nằm ở những địa điểm thuận lợi, rộng lớn và thịnh vượng hơn, Yangcheng không đáng vào đâu.

Những người dắt lừa đã mang đèn Yangcheng hầu hết tin tức và tin đồn của thế giới bên kia các dãy núi, nhưng họ hiểu các văn để chánh trị một cách lờ mờ. Chỉ khi những thương đoàn buôn bán ở miền Nam cho biết dân chúng ở Luan đang lo ngại một cuộc tấn công của quân Nhựt vô thù phu này, lúc đó dân chúng Yangcheng mới biết quân

Nhật đã chiếm giữ miền Bắc Shansi. Và ngay cả khi những tin tức về các trận đánh xảy ra ở miền Bắc đèn tai, chỉ vài người ở Yangcheng chịu tin rằng họ sẽ bị ánh hường thực sự.

Vì vậy, vào buổi sáng mùa Xuân năm 1938 đó, khi những chiếc phi cơ trắng bạc và nhỏ bé bay ù ù qua dãy núi, mọi người chạy ra khỏi nhà để ngược mặt lên nhìn. Nhiều người chưa bao giờ trông thấy một chiếc phi cơ, và những chiếc phi cơ đang từ trên không xà xuồng này coi rất đẹp.

Gladys không chạy ra khỏi lữ quán. Lúc đó nàng đang quỳ đọc kinh trong một căn phòng trên gác với lão Yang và bốn con chiên mới. Nàng không nghe tiếng phi cơ, cho đến giây phút cuối cùng, giây phút mà cả thế giới như quay cuồng trong tiếng gầm thét, đồ vỡ, hỗn loạn và chàm dứt trong sự tối tăm. Dân chúng ngoài đường phố Yangcheng vẫn còn vẫy tay, reo hò khi những vật màu đen từ bụng phi cơ rơi xuồng và rớt ngay vô huyễn ly. Tiếng reo hò biến thành tiếng gào thét của đau đớn, của khùng khiếp, khi những mảnh gạch ngói bay lên và những mảnh bom bật nảy tứ tung giữa họ. Phi cơ vượt lên và chui xuồng, bay xà ra ngoài thung lũng rồi quay trở lại thật thấp. Một trái bom rít ngang qua trụ thành và chạm vô một góc mái của Bát Phúc Lữ quán. Chín người chạy ngoài đường chết tức khắc. Căn phòng có mặt Gladys, lão Yang và bốn tên đồ đồng nghiêng về một phía, mọi người trôi tuột, trong khi cây, ngói, bụi, thạch cao trút xuồng, và chôn vùi họ trong căn phòng phía dưới.

... Sau khi được cứu thoát, Gladys và mọi người còn khỏe mạnh bắt tay ngay vào công việc băng bó những người mang thương tích, tìm những người còn sống sót bị chôn vùi trong các đóng gạch vụn...

Vào xè chiều, với một trái tim nặng trĩu, nàng nhận thấy công việc mởi chí tiền được ba nhẫn từ con đường cái của huyễn ly. Trên bậc thềm của Huyện đường, một ông

Lão đang ngồi, hai tay ôm lấy đầu. Mày mày lem luốc, nhưng hình như ông ta không bị thương. Khi Gladys leo qua đồng gạch vụn do bom gây ra, ông lão ngẩng đầu lên nhìn nàng với đôi mắt đờ đẫn, rồi la lớn :

«Như vậy là Chúa vẫn còn sống ! Cô vẫn còn đây mà !»
Gladys chặn lời :

«Tôi không phải là Chúa đâu. Bom không thể nào giết Người được. Ông lão ơi, ông ngồi ở đây làm gì trong khi có nhiều việc phải làm ?»

Ông lão đáp một cách chán nản :

«Tôi vừa làm xong. Tất cả đang làm việc ở bên kia.»

Gladys nhìn theo hướng ông lão chỉ. Ở một góc, giữa đồng gạch đá vụn, nàng nhìn thấy viên quần ngực.

Mặt mày ông ta hốt hãi và mình mày làm lem. Thì ra, ông ta gọi :

«Ai-Weh-Deh! Tôi biết, nếu cô không chết thê nào cô cũng quanh quần đâu đây.» Ông quặt tay áo thụng ngang lồng mày, một vết bẩn hiện trên tay áo.

Gladys hỏi :

«Ông có người giúp không ?»

«Tất cả tù nhân. Họ làm việc rất hữu hiệu !»

Trong lúc ông nói, nhà sư tên Feng xuất hiện ở một khúc quanh, trên lưng cõng một người đàn bà bị thương. Hắn ta mỉm cười với Gladys khi đi ngang qua nàng.

«Chúng tôi để người bị thương trong Huyện đường, viên quần ngực giải thích một cách chán nản. «Nhưng người bị thương quá nhiều. Chúng tôi có thể tiếp tục công việc như thế này bao nhiêu lâu nữa ?»

Gladys đáp ngay :

«Cho đèn khi châm dứt công việc. Nhưng công việc cứu trợ của chúng ta cần phải được tổ chức. Chúng ta phải tìm chỗ trú cho những người bị thương, lo chôn cất những người tử nạn và dọn dẹp huyện ly. Quan Huyện ở đâu ?»

«Ngài ở trong Huyện đường, cũng đang tiếp tay với mọi người.»

«Chúng ta hãy vô bàn chuyện với ngài.»

Họ bước ngang qua đóng gạch vụn, và tìm thấy Quan Huyện, vẫn còn mặc chiếc áo thụng màu đỏ chói, đang nói chuyện với một nhóm thuộc cắp bồi rì của ông. Thầy Gladys, ông cho mọi người ra ngoài, quay sang bàn thảo với Gladys và viên quân ngục. Nửa giờ sau, «Ủy ban cứu trợ» được thành lập, bao gồm Quan Huyện, viên quân ngục, Gladys và Lu Tchen, một tiểu thương gia lanh lợi. Thân thể đầy bụi, mồ hôi và máu, họ ngồi quanh bàn để cụ thể hóa các chương trình cứu trợ huyện lỵ. Không một ai có kinh nghiệm. Trong đời họ chưa từng gặp tai biến nào như vậy. Hàng mày trăm năm qua, dân chúng Yangcheng đã xây các bức tường một cách khôn ngoan và chắc chắn. Họ gọt các tảng đá vuông vắn và vĩ đại cho bằng phẳng, ngầm và mộng đùi én khi xây tường. Họ còn xây thêm một bức tường thứ hai phía sau bức tường thứ nhứt. Khoảng trống giữa hai bức tường này họ đỗ đá cát rắn chắc, khiến cho mặt thành vững mạnh và rộng đèn nồi một chiếc xe ngựa có thể chạy trên đó. Nếu địch quân có kéo được đại bác lên vùng núi non này để bắn, bức tường thành dày bịt kín đủ sức chống lại. Do đó, bắn tên, pháo lao và đá tảng thì hoàn toàn không thể nào chiếm thành nổi. Nhưng mà chòng lại với từ thán từ trên trời bồ nhào xuồng, bức tường thành trở nên vô dụng, nếu không nói là tai hại. Bởi lẽ, bức tường thành như một cái thùng kim mít xung quanh, phi cơ Nhật thả bom không trật vào đâu được. Cũng nên biết rằng trong vòng tù hãm này, sức công phá của bom sẽ gây ra sự hủy diệt tối đa.

«Chúng ta phải dùng mày người dắt lửa, » Gladys nói. «Chúng ta phải chặn họ & công thành và biếu họ nhốt lửa & một nơi nào đó ngoài thành, rồi tiếp tay với chúng ta dọn dẹp các đóng gạch vụn. Chắc vẫn còn có người sống sót dưới các đóng gạch vụn này. Chúng ta phải đem họ ra và dọn dẹp con đường cái. »

Viên quân ngục nói :

« Có hàng mấy trăm người không nhà, và số người bị thương cũng không phải là ít. »

Quan Huyện lên tiếng :

« Ngôi đền và ngôi chùa ở trung tâm huyện lỵ không hề hàn gì. Những người không nhà có thể ở trong ngôi đền, còn ngôi chùa dành cho những người bị thương. »

Gladys nói :

« Chúng ta phải gom góp thực phẩm, lập một nhà nấu ăn công cộng và tìm các tay đầu bếp để họ nấu ăn. »

Lu Tchen đồng ý :

« Các thương gia sẽ giúp thực phẩm, quần áo cho người đói và không nhà. »

« Đàn bà phải được trưng tập để làm nữ y tá, » Gladys nói. « Tuy nhiên tôi sợ nhiều người bị thương không cứu kịp. Phải phái người đi khắp huyện truyền rao các chương trình này. Người đó cũng sẽ chỉ thị cho dân chúng, nếu có thân thuộc ở vùng quê, nên rời khỏi huyện lỵ để đền ở với họ. »

Viên quản ngực nói :

« Tôi sẽ trông coi những người dắt lừa và bọn phạm nhân dọn sạch con đường cái từ cửa Đông đền cửa Tây. Mặt khác, phải chặn tất cả các đoàn lừa tải hàng ở cả hai cửa thành. »

Quan Huyện gật đầu : « Tôi nhận thêm nhiều tin tức đáng lo ngại. Theo đó, quân Nhựt đã chiếm giữ Luan và đang tiến về Tsechow. Từ đây, chắc chắn chúng sẽ hướng đến Yangcheng. Tôi biết chúng không hề thương xót lê dân. »

Gladys nói mau :

« Chúng ta còn nhiều ngày nữa trước khi quân Nhựt đến đây. Chúng ta không thể phí phạm một chút thì giờ nào cả. »

Nhóm người dọn sạch đường phò được tổ chức. Kè dắt lừa, tù nhân và dân chúng thu nhặt gạch ngói trên con đường cái mang vò bồ trong các tiệm buôn và nhà cửa đập nát ; khiêng những người bị thương tới chùa, nơi đây,

Gladys và nhiều người khác tiếp tay chữa trị cho họ...

Vùng thái dương đđ ói của buổi bình minh hiện đèn. Không khí mát mẻ và trong lành. Phía ngoài thành tiếng gà gáy, tiếng chó sủa trong suốt giờ đầu tiên của buổi sáng như thường khi. Trong thành, chỉ có những con chó hoang chui mũi trên các đóng gạch vụn tìm thức ăn. Không còn tiếng cười của trẻ con. Khói nghi ngút bốc lên từ các ngôi nhà âm ỉ cháy. Các ngôi nhà này vẫn còn âm ỉ cháy năm ngày sau đó, lúc đoàn quân chiến thắng Nhật Bản, mặc đóng phục màu kaki nhạt và túi quân trang trên lưng, vượt con đường núi từ Tsechow, xuyên qua cửa Đông, tiến vô một huyệt lỵ hoang vắng.

CHƯƠNG IX

QUÂN Nhựt đặt chân vào một huyện lỵ bô trὸng, bởi vì tin tức về sự tàn ác của họ đã đi nhanh hơn những bước chân của họ. Ngay cả ở Yangcheng, bây giờ những tin tức về các cuộc oanh tạc và hành vi tàn ác của họ ai ai cũng biết rõ. Giờng suối người đỗ về các làng mạc hẻo lánh, chui rứt trong các hang núi xa xôi, với những gì mà họ có thể mang theo được. Viên quẩn ngục và bọn lính canh của ông ta đã tập họp các can phạm đeo xiềng xích vỗ tay họ rồi xua tất cả đèn một ngôi làng miền núi hoang vu. Quan Huyện, bọn thê thiếp và quyền thuộc của ông di chuyển đèn một ngôi làng nhỏ gần đó. Gladys với nhóm giáo dân chừng bốn mươi người, đi về Bei-Chai-Chuang, một ngôi làng nhỏ bé gồm tám nóc gia có tường bao quanh, nằm cách phía Nam huyện lỵ nhiều dặm, phía sau sườn núi có con đường mòn lùa đi.

Làng Bei-Chai-Chuang nằm cạnh sườn của một đỉnh núi cao, trông như một ô chim én trên mái nhà. Không có đường lớn dẫn vào ngôi làng này. Muôn vạn đây phải vượt đường mòn băng ngang qua núi, và vì mặt đất đầy đá sỏi nên không để lại một dấu vết nào. Những nơi đất trũng và khe núi khuất gió, dân làng trồng kê, bắp, bông gòn và cây gai. Họ chăn nuôi gà, bồ câu, trèo và bò, và tùy mùa họ đánh bầy đà đà và chim trĩ. Họ sống một cuộc sống bình dị và cẩn kiem. Không có một tên Nhựt nào khám phá ra Bei-Chai-Chuang mà còn sống sót để tiết

lộ những điều mắt thày tai nghe. Không có một tên Nhựt nào dám rời đồng bọn đi lang thang vò vùng núi nà . Mỗi nông dân ở đây đều là du kích quân. Họ không hé tò ra một chút xót thương nào đối với những kẻ đang dày xéo xứ sở của họ.

Gladys quen biết nhiều người trong làng này. Mỗi lần nàng đèn đây đều được tiếp đón niềm nở. Bây giờ, ngay cả khi nàng mang theo nhiều miệng ăn, các nông dân ở đây vẫn tỏ ra hiếu khách. Họ lắng nghe câu chuyện về cuộc oanh tạc ở huyện lỵ với vẻ mặt đầy khùng khiếp. Gladys và mọi người đi theo nàng ở Bei Chai Chuang được hơn một tuần lễ, và rồi các tin tức đưa đèn cho biết quân Nhựt đã di chuyển ngang qua Huyện lỵ và men theo đường mòn đi thẳng.

Gladys quyết định trở về để lấy một số vật dụng riêng. Khi rời khỏi quán trọ, nàng đã chôn các chứng thư nhà cửa, một số giấy tờ và thông hành trong sân. Cầm giữ mây thứ này ở Bei Chai Chuang có vẻ an toàn hơn Yangcheng.

Từ ngôi làng này về Yangcheng, nàng nhận thấy cửa thành phía Tây đóng kín. Nàng lẩn theo tường thành, trèo quanh một dốc đá hẹp, dẫn xuống thung lũng phía bên kia huyện lỵ, tức phía Huyện đường, để đi qua cửa thành phía Đông. Những căn nhà bên ngoài thành hoàn toàn hoang vắng. Một bầu không khí lặng trang kỳ dị bao trùm cả huyện lỵ. Bóng hoàng hôn trãi dài khi nàng bước xuống con đường hẹp dẫn tới Bát Phúc Lữ quán. Chiếc bảng treo trước cửa quán đã đèn thời kỳ cần phải sơn lại, vẫn còn đóng cửa trong gió. Nàng đi hết phòng này sang phòng khác, không có gì thay đổi. Mảnh trời vẫn còn nhìn thấy xuyên qua lỗ hổng do bom gây ra bên trên một nóc nhà. Nàng tìm một khúc cây và ra sân đào để lấy cái hộp đựng giấy tờ. Khi cái hộp vừa lộ ra, nàng có cảm giác, đúng hơn nàng nghe thày, tiếng bước chân vò sân. Nàng kinh hoàng quay lại. Trên lối vào, tên gánh nước mướn đứng

đó, mặc quần áo sơ bằn, đầu đội nón rộng vành màu đen. Nàng biết tên này nhiều. Đó là một người đàn ông đứng tuổi, có hàm râu dê, và một khuôn mặt gầy còm, quý quyết. Một kẻ bắt lương, một tên ăn trộm. Nàng tự hỏi có phải hắn ở đây trong suốt thời gian ngắn bọn Nhựt chiếm cứ huyện lỵ hay không. Có thể là, và do đó, thật là một dịp may lý tưởng cho hắn dở trò trộm đạo.

Tên gánh nước cầm giọng khàn khàn :

« Chừng nào cô rời khỏi đây ? »

Nàng cau mày :

« Tại sao tôi rời khỏi đây ? Đây là nhà của tôi. Tôi sẽ ngủ ở đây, với một trong những người lối xóm. »

« Không còn một người lối xóm nào cả. Người nào trở về cũng đều vô trong thành. Các cửa thành đều đóng và cài then. Cô vô đó không được đâu. »

« Không sao. Tôi có thể ngủ ở đây. »

Thái độ của hắn khiên nàng khó chịu. Việc nàng đi đâu hay làm gì thì mặc mớ gì đến hắn ? Nàng vét lớp đất cuối cùng, lấy cái hộp lên, mở nắp ra và xem giấy tờ đựng trong đó. Nàng tự hỏi mớ giấy lùng nhùng này có thực sự đáng giữ kỹ hay không. Với cuộc chiến vừa khởi sự, có cái gì được xem là giá trị lâu dài đâu ?

Tên gánh nước cười khúc khích :

« Quân Nhựt đang trở lại. »

Gladys im lặng nhìn hắn chăm chăm một thoáng, sau đó nàng lạnh lùng nói :

« Ông muốn nhất tôi phải không ? Khó lắm. »

Hắn lại cười khinh :

« Bọn nó đã đến cửa Tây rồi. »

« Vậy sao ông không chuồn đi ? » Gladys hỏi vặn.

« Bọn nó không dung chạm tới tôi. Một tên già rách nát như tôi họ không thèm để ý. Nhưng mà tôi nói với cô, bọn nó đã đến cửa Tây rồi ! »

« Nói láo ! » Gladys bắt đầu nổi nóng, nhưng, ngay lúc đó, một tiếng vọng lại, từ đầu bên kia của huyện lỵ.

Tiếng nổ bét thán, gây giật mình đèn nồi nàng đánh rơi cái hộp và bỏ chạy. Nàng thoát ra lối cổng sân, và lúc đang chạy, nàng nghe nhiều tiếng nổ liên tiếp vang lên. Nàng chạy mau hơn, trên đường dẫn ra cửa Đông. Cửa đã đóng và gài then. Không thể men theo đường mòn để đi về phía Đông, vì phía đó đưa đèn Tsechow, chắc chắn huyền ly này đã lọt vô tay địch quân rồi. Làng Bei Chai Chuang lại nằm ở phía Tây Nam. Để đi về hướng này, nàng lại phải trèo qua bức tường thành. Không để mất thời giờ, nàng bám vào tảng đá ở bờ thành để leo lên. Tiếng nổ không ngớt. Trời đã sầm tối. Khi vừa quanh qua một cây trụ chòng thành, nàng đứng chưng lại.

Một trận đánh đang diễn tiếng ở cửa Tây. Dưới cửa thành, khoảng chừng năm mươi tên lính Nhựt mặc quân phục kaki nhạt đang bò phía sau các tảng đá, hoặc giữa khoảng trống, bắn lên đầu cửa thành, Bình sĩ Trung Hoa Quốc gia trên đầu thành bắn trả, thỉnh thoảng quăng lựu đạn xuống, tiếng nổ đinh tai, nhưng nàng không thấy bóng dáng họ đâu. Gladys cầm thắt một bàn tay nhỏ bé lạnh như nước đá lấp từ bao tử và siết chặt tim nàng. Nghĩa địa nhỏ, nơi vừa chôn những người chết vì bom, nằm giữa nàng và trận đánh. Nàng bò thật mau đèn nút cạnh những gò mả và mộ bia. Nàng thu mình ở đó, và thảm nghĩ có nhiều nơi ăn nút để chọn, nhưng nàng lại đi chọn một bãi tha ma, đó là điểm xấu nhất.. Nàng tự nhủ : « Nhưng mà mình vẫn chưa chết ! » Bằng mọi cách, nàng phải rời xa cuộc xung đột này, và lần theo con đường mòn lùa đi để đi về phía Tây. Nếu chờ cho đèn trời tối, nàng sẽ không thấy đường. Nàng đoán lực lượng chánh của Nhựt nằm phía sau toàn tiền thám đang dụng độ không xa. Bọn họ dám chọn bãi tha ma này để đóng binh đêm nay lắm. Nghĩ đèn điều này khiến nàng kinh hoàng. Len lỏi qua nhóm tiền thám này còn có cơ may thoát khỏi hơn là len lỏi qua lực lượng chánh của họ. Nhóm binh sĩ Nhựt này đang mắng đánh nhau với binh sĩ Trung Hoa, chắc họ không

chú ý phía sau. Nếu nàng bò quanh phía sau lưng, họ có thể không nhìn thấy nàng. Tuy nhiên, nàng sẽ phải bò rất sát, vì phía khác có một vách núi thẳng đứng ngăn hẳn lối đi của nàng.

Một thửa ruộng nhỏ trồng lúa mì xanh thẳm mọc cao khoảng hơn nửa thước ở phía bên kia con đường mòn. Nếu chạy qua thửa ruộng đó được, nàng hy vọng có nơi ẩn nấp an toàn. Nàng đứng dậy, bước thật lé về phía trước, ngay sau lưng bọn lính Nhựt. Lúc ấy nếu cần nàng sẽ bò chạy. Khi tới gần thửa ruộng nàng phát chạy như điên, chui đầu vô đám lúa rì. Nàng vội vã bò xa hơn nữa, mặt cho đá sỏi xát xát tay nàng. Cuối cùng, nàng đèn một dốc núi thẳng đứng. Khuất mọi tầm mắt, nàng men dọc theo sườn núi cho đèn khi tiễn ra con đường mòn chánh dẫn về hướng Tây. Con đường này chạy xuống một hẻm núi hẹp, hai bên đều dốc ngược, cách huyên ly hơn một cây số, cắt ngang qua dãy núi một quảng. Nếu mùa mưa, con đường này biến thành một giòng sông, và đèn mùa nắng ráo, như bây giờ, con đường trở thành lối đi, phụ thêm với con đường lối lõm phía trên cao, vắt ngang qua sườn núi.

Bỗng nhiên nàng nghĩ một cách sợ hãi : « Không chừng mình gặp một bọn Nhựt khác trong hẻm núi. Minh sẽ rót vô hầy. Chúng xử dụng con đường nào ? Qua con sông cạn hay nēo đi phía trên cao ? »

Nàng dừng lại, bớt sợ hãi. Bây giờ chỉ còn niềm tin trợ lực nàng. Nàng cao giọng nói : « Chúa ơi ! Người phải giúp con ! » Nàng nhắm kín mắt lại, xoay thân thành vòng tròn, miệng lầm nhầm : « Khi dừng lại, nêu mặt con hướng về con đường nào thì con sẽ đi con đường đó. Chúa ơi ! Người có nghe tiếng con không ? » Nàng tiếp tục xoay cho đèn khi cảm thấy chóng mặt. Nàng ngừng lại. Mắt nàng day về phía con đường sườn núi, nằm phía trên « lòng sông cạn ». Nàng bò lên, và vội vã đi dọc theo con đường này. Bây giờ bóng hoàng hôn đã phủ đầy các hốc núi, tạo nên một quang cảnh đầy vẻ lạnh lùng và quái dị.

Đi chừng nửa dặm, tới chỗ đoạn đường bên trên nằm ngay chỗ quẹo ngặt về bên trái của hẻm núi ở phía dưới, nàng nghe tiếng ồn ào rất rõ, trước mặt nàng. Đó là âm thanh của một đạo quân đang di chuyển với xe cộ, bước chân và vó ngựa khua vang trên mặt đá. Nàng nằm sấp trên mặt đất và nhìn xuống triền dốc : một tiêu đoàn Nhựt trong đội hình hàng dọc, di chuyển chậm rãi qua đáy con sông cạn, chỉ cách tầm mắt nàng khoảng mười lăm thước, nên nàng thấy rất rõ. Nàng đêm được năm trăm đầu người, với lừa chở vật dụng và kéo đại bác hạng nhẹ. Nàng đố chừng các khẩu súng này không bao lâu nữa sẽ vô các công thành của huyện Yangcheng. Đoàn quân kéo hết qua hẻm núi. Chờ cho bọn chúng khuất hẳn, nàng đứng dậy và chạy thực mạng.

Gắn hụt hơi, nàng mới tiến lên đỉnh con đường núi để đỗ dốc xuống con đường nhỏ, lòng sông cạn ở phía dưới. Nàng lại tìm lối lên sườn núi phía bên kia. Lúc lên đèn nơi, tim nàng đập thình thịch. Trời chạng vạng, sao chiều lấp lánh trên các đỉnh núi. Phản khói vì đã thoát nạn, nàng lần dọc theo sườn núi, hướng về làng Bei-Chai-Chuang. Nàng biết không thể nào về tới làng trong đêm nay. Nhưng dù có phải ngủ trên sườn núi, nàng cũng không lày dó làm lo lắng.

Sáng hôm sau, về tới làng, nàng kè cho mọi người nghe sự việc xảy ra ở Yangcheng. Ngày thứ năm có tin cho biết quân Nhựt đã rút đi, cửa thành đã mở, và nhà cầm quyền kêu gọi dân chúng trở về. Gladys không tin, nàng yêu cầu mọi người hãy ở lại vài ngày để chờ đợi nàng đi thăm dò...

Cùng với một dân làng, nàng vượt núi trở về Yangcheng một lần nữa. Từ trên cao nhìn xuống vòng tường thành, nàng sững sờ kinh hãi. Khi lần theo các con đường mòn, càng đèn gần huyện ly, nàng càng chắc chắn sự khủng khiếp đang ẩn chứa bên trong dây tường thành cũ kỹ. Vạn vật im lìm, không một làn khói bốc lên trên các mái nhà,

không có một dấu hiệu sinh động nào. Quang cảnh đã gây ra một cảm giác hãi hùng, nghẹt thở.

Cửa thành phía Tây mở tác hoác. Gladys và người dân làng bước qua vòm cửa một cách thận trọng. Mỗi bước chân là mỗi xác định nỗi lo sợ của nàng. Đó là một huyền lý chêt. Một huyền lý của những xác người chồng chất dọc theo con đường cái và mọi lối đi nhỏ khác. Các nạn nhân hầu hết bị giết bằng lưỡi lê, chỉ một vài người bị bắn. Trên các nẽo đường, trong chùa chiêng, đền thờ, trong các tiệm tạp hóa, thấy người co quắp, nằm sóng soái, hoặc vặn vẹo một cách kỳ dị. Đàn bà có, trẻ con có, những thây người chêt trong kinh hoàng, bất ngờ, điều bộ đầy góc cạnh, nằm nghén cả huyền lý. Lù chó nhà, chó hoang ních thịt người no bụng. Ngập mùi tử khí. Với vẻ mặt rắn lại, Gladys bước dọc theo con đường cái của huyền lý. Nàng không nhò một giọt lệ nào. Nàng không khóc được. Những xác chêt này vượt quá sự tiếc thương hay những giọt lệ. Ai lại có thể than khóc cho những tử thi nằm đầy đầy trong nhà xác. Sự xúc động của nàng đông cứng lại thành một cái hạt kinh hoàng kín mít như bưng.

... Theo lời Quán Huyền, vừa rời khỏi nơi trú ẩn miền núi của ông trở về vào buổi sáng, dân chúng thấy đạo quân Nhựt trước đó đã rút đi nên lù lượt kéo nhau về. Thì rỗi quân du kích Trung Hoa bị toán tiền sát của một đạo quân Nhựt khác tấn công nên rút vô huyền lý cõi thù. Tức giận về việc này, toán tiền sát Nhựt bao vây thành để chờ lực lượng chánh của chúng đến. Cửa thành bị hạ. Thảm họa xảy ra. Ngay cả quân Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn cũng chưa tàn bạo bằng lù quân Nhựt này...

... Một cái mỏ tặc thè không lồ được đào ở công pha Tây đè vùi các xác chêt. Rồi thì, không còn đủ sức chịu đựng nỗi nứa, Gladys quyết định rời Yangcheng trở lại làng Bei-Chai-Chuang. Nơi đó, nàng có thiết lập một bệnh viện trong hang núi. Nàng nói rộng bệnh viện này để đón những người bị thương khắp nơi nghe tin đồn đã đỗ đèn...

Cuộc tấn công mùa Xuân của Nhật Bản, xuống các con đường mòn thuộc phủ Shansi để hướng về giòng Hoàng Hà, hiển nhiên chỉ có tánh cách đánh phá sơ khởi. Vào đầu mùa Thu, lực lượng Nhật triệt thoái khỏi Tsechow và rút lui về Luan. Những cuộc tấn công giới hạn ở Miền Bắc Trung Hoa trong suốt những tháng đầu của cuộc chiến là nhằm để thăm dò địa thế hắc búa ở đây. Trong mùa Xuân và đầu mùa Hạ, lực lượng Nhật di chuyển vồ vùng núi, nương theo những con đường thương mãi, đánh tan các ổ kháng cự, với sự tàn ác và dã man của họ, như đặc tính của mọi kẻ thù đền từ phương Bắc, khởi đầu là các cuộc xâm lăng của quân Mông Cổ xưa kia. Sau khi lướt qua Yangcheng, quân Nhật tiếp tục dần bước xuống tận Chowtsun...

Suốt mùa Thu, mùa Đông và đầu mùa Xuân năm 1939, Gladys chia thời giờ của nàng ra, khi thì ở Bei-Chai-Chuang, khi thì ở Yangcheng và các ngôi làng thuộc huyện ly, các ngôi làng mà nàng đã kết nạp được một số giáo dân.

Chức vụ khám chân của nàng chầm dứt. Công việc có vẻ phi phạm này không thể tồn tại dưới các trận bom. Bấy giờ nàng không có việc gì quan trọng hơn để làm. Bát Phúc Lữ Quán cũng đóng cửa. Các đoàn lừa di chuyển trên các con đường xưa kia hầu như ngưng hẳn, bởi lẽ huyện Luan nằm trong tay địch, khách bộ hành không thể nào đi xa hơn Tsechow. Trên lộ trình dứt quãng này, một vài người dắt lừa quen biết vẫn còn gõ cửa quán trọ, nhưng lão Yang đầu bếp không xuất hiện để mở cửa nữa. Lão đã ra đi, mang theo một phần không khí vui vẻ của quán trọ. Khi quân Nhật chiếm cứ Yangcheng lần đầu tiên, lão về làng sinh quán ở trong núi và không thảy trở lại. Những gì đã xảy ra cho lão ta, Gladys không biết rõ, nhưng có tin tức cho hay lão ta đã chết. Tại sao lão chết, nàng cũng không biết. Có thể lão chết vì quá lớn tuổi, nhưng không hiểu tại sao nàng không tin như vậy. Một ông lão

còn hăng hái và gàn bướng, hình như không mảy mèi khi chờ rằng lão ta chịu leo lên giường và qua đời một cách yên tĩnh. Tin lão Yang mắt khiên nàng buồn thảm thỉa. Lão ta là một người bạn chân thành trong khi nàng cần đèn tình bằng hữu nhứt...

Mùa Xuân năm 1939, tin quân Nhật đang di chuyển về các miền núi một lần nữa như một cơn gió kinh hoàng thiêng ngang qua các đường phèo của huyện lỵ Yangcheng. Viễn tư lệnh Trung Hoa Quốc Gia trong khu vực thi hành chánh sách tiêu thổ, vườn không nhà trống. Kế hoạch di tản dân chúng cũng đã được sắp xếp...

Viễn quân ngực nhà giam gấp phải vần đẽ nan giải. Khi quân Nhật đặt chân đèn Yangcheng lần đầu, ông đã đưa tất cả tù nhân về miền quê và giam họ trong một hang núi. Nuôi ăn và canh giữ họ là cả một vần đẽ. Ông ta không đủ sức để làm như vậy một lần nữa. Böyle giờ câu hỏi ông đặt ra là nên phóng thích hay mang họ ra giết hết? Hình như ý kiền chung đều cho rằng kế hoạch hành quyết hết là an toàn hơn cả, vì các can phạm này phần lớn đều không cướp của thi cũng giết người. Chỉ có Gladys phản đối! Chắc chắn phải có một đường lối nào tốt hơn chờ? Tại sao không phóng thích họ bằng cách nộp tiền và cho người đứng ra bảo đảm?

Quan Huyện đã đồng ý giải pháp đó. Viễn quân ngực cũng gật đầu đồng ý. Ông ta sẽ cố thực hiện giải pháp của nàng, nhưng nếu quân Nhật đèn gần quá mà nhiều can phạm vẫn không có người đứng ra bảo đảm, sợ rằng ông ta phải chém đầu tất cả những người còn lại.

Ngày hôm sau, các yết thị công bố giải pháp này được dán tại hai cửa thành phía Đông và phía Tây. Theo đó, thân bằng quyền thuộc của tù nhân có thể đèn nhận lãnh, với điều kiện phải nộp go xu bảo chứng và chịu bảo đảm hành vi trong tương lai của tù nhân.

Ngày kè đó, Gladys vđ thăm nhà giam. Yết thị được hưởng ứng khá thuận lợi, nhưng vẫn còn mười hai tù

nhân không thân bằng quyền thuộc đèn nhện lanh. Khi nàng bước vô chiếc sân âm đậm của trại giam, nhà sư tên Feng và một tù nhân khác tên Sheng Li, đã từng nói chuyện nhiều lần với nàng trước đây, tiễn ra chào nàng. So với dân địa phương, Sheng Li là người có trình độ học vấn. Anh ta biết đọc, biết viết và am tường về văn để tiến tệ Trung Hoa. Am tường đèn nỗi, với nền tiến tệ có tánh cách nghệ thuật đặc biệt của xứ này, anh ta đã mạo được một «*tucheng*», một loại dầu bằng đá mà các tay giàu có Trung Hoa sử dụng để đóng trên các giày tờ chánh thức của họ, mỗi tờ giày mang con dấu này có định giá giao hoán riêng. Sheng Li đã mạo «con dầu bằng đá» của một thương gia giàu có, và bí mật sử dụng con dấu này kiêm được một số lợi tức hậu hỉ cho đèn khi sự lừa bịp của anh ta bị khám phá.

Một người nhỏ thó và vui vẻ, Gladys rất mến anh chàng này. Anh ta bị kêu án tù mười lăm năm. Bây giờ, qua sự xúc động, nàng nói với Sheng Li là nàng sẽ bao lanh anh ta và nộp ngay chín mươi xu. Nhưng khi nàng sắp sửa rời khỏi sân nhà giam với Sheng Li, nàng buồn bã nhận thấy đôi mắt thát vọng của nhà sư tên Feng đang cố tránh nhìn về hướng nàng. Nàng thở dài, nhượng bộ.

Nếu chín mươi xu mà cũng không thể tìm ra thì tình bằng hữu còn dùng vào việc gì? Nàng nói: «Tôi cũng bao đảm cho ông Feng.» Hắn lặng yên. Hắn không nói một tiếng nào. Nội sung sướng và sự biết ơn đã tỏa ra quanh hắn.

Với hai người đàn ông đã được tự do theo sau, Gladys trở về Bát Phúc Lữ quán và sắp xếp hành trang để lên đường đèn làng Bei Chai Chuang. Lần này nàng dự tính ra đi một cách chu đáo trước khi quân Nhụy đèn.

Sáng hôm sau nàng đèn cáo từ Quan Huyện và viên quân ngực Viên quân ngực vẫn còn lâm vào cảnh bồi ròi. Còn tám tù nhân, hai trong số người này can tội sát nhân, không có người bảo đảm nào đèn nhận họ.

«Hai người này đã can tội sát nhân như thế nào?»

Gladys hỏi.

Viên quản ngục đáp:

«Tại Thanh Tự có mầy tượng Phật ở mắt và tai nạm nhiều viên ngọc vô giá. Một trong những nhà sư của ngôi chùa đã bắt gặp cả hai leo lên gờ mây viên ngọc này. Trong khi cõi chạy thoát thân chúng đã giết nhà sư.»

Gladys kêu ồ lên. Nàng ngâm nghĩ, thấy rằng bão lánh cho hai gà này để họ lẩn quẩn một bên chắc không lày làm vui vẻ cho lắm.

Nàng đèn gặp các can nhân còn lại trong khám. Tám cặp mắt buồn rầu ngược nhìn nàng đăm đăm. Nàng hỏi tất cả số can nhân này và biết rằng mỗi người đều có quyền thuộc sòng ở những làng mạc quá xa xôi, nên không hy vọng tin tức ân xá đèn tai họ trước khi quân Nhụt đèn.

Nàng suy nghĩ, rồi quay sang viên quản ngục:

«Tôi không thể nào có đủ tiền để nộp chín mươi xu cho mỗi người còn lại này. Nhưng, nếu ông đồng ý, họ có thể đi với tôi, tôi trách nhiệm hành vi của họ. Tôi sẽ nhờ người đèn mỗi làng báo cho quyền thuộc của họ biết, ngay khi tôi đèn Bei Chai Chuang. Và khi nào có người bảo đảm đèn nhận, tôi mới cho họ đi.»

Viên quản ngục gật đầu. Không ; hải ông ta chỉ đồng ý bắt cứ giải pháp nào cứu ông ta ra khỏi tình trạng tiến thoái lưỡng nan, nhưng hiện thời, ông ta còn tin chắc rằng mọi quyết định của Ai-Weh-Deh đều đúng nhứt.

Viên chức trông coi nội dinh của Quan Huyễn cũng đèn gặp nàng để nhờ giải quyết một vấn đề. Một trong những tỳ nữ tên Sualan đang gây rắc rối cho ông ta. Nàng ta trẻ đẹp, rất vui vẻ và đã đèn tuổi gà chổng. Nhưng Huyễn đương đang được dời đi, những người đàn bà đều chia nhau đèn ở trong nhiều ngôi làng, riêng trường hợp Sualan ông ta không biết làm thế nào. Tất cả viên chức đều dùm để vợ con và thứ thiếp. Không còn thì giờ để gà chổng cho Sualan. Sau khi sòng một đời sòng ăn kính trong nội

dinh như vậy, nếu bỏ nàng bơ vơ một mình, không có người đàn bà đứng tuổi nào trong nom thì thật là không ổn. Ai có thể đoán những gì sẽ xảy ra cho nàng ? Bọn đàn ông vốn qui quái !

Gladys nhìn nhận :

* Ông nói đúng. Sualan có thể đi với tôi cùng nhóm phạm nhân của tôi, và tôi sẽ trông nom nàng. Chuyến đi này chắc có ta sẽ học hỏi được nhiều kinh nghiệm mới lạ. Tôi cũng vậy, tôi hy vọng như vậy. *

Do đó, Gladys, nhóm giáo dân nhỏ, nữ tỳ xinh đẹp Sualan, cùng với nhóm can phạm trộm cướp, giết người, lừa bịp, vầy đoàn vui vẻ hướng về làng Bei-Chai-Chuang. Các can phạm không hề gây một phiến hà nào cho nàng. Họ sống yên ổn tạiBei-Chai-Chuang trong khi những người đưa tin được phái đến các làng sinh quán của họ để thông báo cho quyền thuộc đèn bảo đảm và nhận lãnh họ về. Dần dần chỉ còn lại nhà sư tên Feng và Sheng Li. Hai người này ở với nàng một thời gian khá lâu.

... Quân Nhật quay lại chiếm đóng Yangcheng không lâu sau đó, nhưng vào cuối mùa Hạ chúng rút về Tsechow và ở đó suốt mùa Đông. Khi tin này đến tai Gladys, một lần nữa, nàng quay về Yangcheng và Bát Phuộc Lữ quán...

Nàng đứng nhìn lại quán xưa một cách buồn bã. Lò hồng do bom gây ra trên mái vẫn còn. Quân Nhật đã nhốt ngựa vào nơi trước kia từng là giảng đường. Quán trọ bần thiu, nhưng nàng có thể dọn dẹp để ở tạm. Từ các hang núi, làng mạc xa xôi, dân chúng lần lượt trở về huyện lỵ, sửa sang lại nhà cửa. Tia lửa mong manh của đời sòng hình như nhóm lại trong huyện lỵ cổ xưa này. Quan Huyện và đoàn tùy tùng cũng trở về để thiết dựng lại Huyện Đường. Viên quan ngục và bọn lính của ông cũng ló mặt. Một vài đoàn lửa từ phía Nam đến. Một vài tiệm buôn mở cửa với mớ hàng hóa kém cỏi. Nhưng chỉ đèn khi tuyet rơi nhiều, đóng kín cả các lối đi, bây giờ mọi người mới thực sự yên.

Vào tháng Hai, tuyệt mơi bắt đầu tan, Gladys quyết định đến Tsechow để thăm viềng hai vợ chồng giáo sĩ Davis, cho dù huyện lỵ này đang nằm trong tay quân Nhứt. Nhiều tháng nay nàng lầy làm lo lắng, vì không nhận được tin tức nào của họ. Theo các nguồn tin thoát ra từ Tsechow, nàng biết quân Nhứt không đồi xử tàn ác với dân chúng ở đây. Cơ quan truyền giáo và trú khu nằm bên ngoài vòng thành huyện lỵ, và mặc dù quân Nhứt kiểm soát gắt gao những người thuộc cơ quan truyền giáo ra vào các công thành, nhưng chúng không thể nào kiểm soát hàng ngàn dân quê và dân ti nạn không ngớt đi lại xung quanh huyện lỵ.

Gladys tin rằng nàng sẽ băng cách cải trang thành một dân quê Trung Hoa tầm thường. Chuyển di tương đối dễ dàng. Nàng đến vào lúc ban đêm, và vào giờ đó, ngay đến một tên lính Nhứt khát máu nhứt cũng chui rút vô trong các bức tường thành. Nàng được Jean và Davis tiếp đón nồng hậu.

Họ cho nàng biết họ không bị ngược đãi. Đây là lần thứ hai họ sòng dưới sự chiêm đóng của quân Nhứt, và từ trước đến nay họ không bị chúng quấy rầy. Vài ngày quân Nhứt lại đến khám xét cơ quan truyền giáo, nhưng chúng không có hành vi nào gây r้า rỗi cho lâm. Trong lần chiếm đóng đầu tiên, giữa kẻ thù và dân chúng có vẻ hòa thuận bề ngoài. Riêng Davis, ông nhận thấy đa số sĩ quan Nhứt đều vui vẻ, và điều làm cho ông ngạc nhiên là có một số nều không phải theo đạo Cơ đốc thì cũng thích thao luận về Cơ đốc giáo. Thỉnh thoảng binh sĩ Nhứt đến thăm dự các buổi thuyết giảng của ông. Tuy vậy, dù cho Nhứt Bản và Anh quốc đương nhiên vẫn còn là hai quốc gia thân hữu, nhưng ông cảm thấy có sự thù nghịch ngầm ngầm.

Ông khuyên Gladys nên thận trọng, rất thận trọng. Tuy nhiên ông vui mừng khi thấy nàng đến giữa lúc này, bởi vì ông hy vọng nàng sẽ giúp ông điều khiển cơ quan truyền giáo trong khi ông đưa hai người đàn bà Âu Châu lớn

tuổi, hiện còn ở Tsechow, ra khỏi khu vực nguy hiểm, đến thù phủ duyên hải Chefoo. Chuyến đi phải mất một tháng. Hiện thời khu vực Shansi càng ngày càng trở nên một bãi chiến. Có nhiều ngàn du kích quân ở trong núi. Lực lượng của viên tướng quân phiệt địa phương liên kết với Quốc quân của Tưởng Giới Thạch. Cả khu vực đây đầy các điểm kháng cự. Trước đây Gladys đã từng nhìn thấy trang bị nghèo nàn của binh sĩ miền Bắc như thế nào rồi. Can đảm thì họ không thiếu, nhưng về súng đòng thì một khẩu đèn bồn năm người xử dụng. Khi lâm trận, những người không có súng chờ cho xạ thủ từ thương đè nhảy đèn chụp lây vũ khí và tiếp tục chiến đấu. Khi lực lượng của Tưởng Giới Trạch di chuyển đến, được trang bị tốt hơn và được sự hỗ trợ của những binh sĩ miền Bắc dũng cảm, lực lượng này đã sớm chứng tỏ cho quân Nhựt thấy rằng đời sống của những kẻ chinh phục bằng súng đạn quả thật rất phù du. Lực lượng Cộng sản phát xuất từ Szechwan cũng đụng độ từng chập, nhưng họ lo tên công Quốc quân hơn là Nhựt Bản. Đây là một cuộc chiến tiêu hao đầy tuyệt vọng mà cả hai phía đều chăm chăm vào nhau, không ai nhận nhượng ai.

Trong cơ quan truyền giáo ở Tsechow, nơi mà Davis đã cố gắng duy trì một hể ngoài trung lập, hiện có hơn một trăm trẻ em mồ côi và tị nạn, và cũng có một số dân tị nạn lớn tuổi. Gladys thấy không còn sợ hãi quân Nhựt nữa, và nàng đã tìm cách xin bọn hạ sĩ quan tiếp liệu Nhựt được một số thực phẩm. Bọn Nhựt này thật rắc rối, nàng không hiểu nổi tại sao có sự hòa lẫn giữa tánh tình nhã nhặn và dữ tợn với nhiều hành động bạo tàn của họ. Hầu hết binh sĩ Nhựt đều yêu mèn trẻ con. Có hôm họ mang mày bao đường tới trú khu của cơ quan truyền giáo rồi đỗ ba cái lu nước to lớn. Sau đó, họ vừa cười nói ồn ào vừa múc nước đường cho bọn trẻ uống. Khi nào thắng được một trận trở về Tsechow, binh sĩ Nhựt được nghỉ ba

ngày. Trong lúc bọn chúng chè chén say sưa, các công thành đều đóng kín hết.

Cơ quan Truyền giáo ở Tsechow rộng thênh thang. Trú khu của đàn bà và đàn ông biệt lập hẳn. Giáo sĩ Davis sống với gia đình gần khu đàn ông, trong khi Gladys sống hẳn bên khu dành cho đàn bà. Do đó, vào một đêm, nàng là người đầu tiên nghe nhiều tiếng kêu thét khi một tốp sĩ quan và binh sĩ Nhật xông vào công ngoài, và bắt đầu tông cửa phòng của các bà ở xung quanh sân. Nào là dân tị nạn, giáo dân, một số khách từ các ngôi làng bên ngoài huyền ly đèn, ít nhứt có hàng trăm người ở đây.

Khi Gladys chạy ra sân, một sĩ quan Nhật nhìn thấy và thét lệnh cho một tên lính mang súng trường. Không nói không rằng, tên lính nấy vung khẩu súng lên và đập báng súng vô đầu nàng. Nàng ngã xuống, hầu như bất tỉnh nhân sự, nàng chỉ cảm biết báng súng vẫn còn tiếp tục bỗ xuồng thân thể nàng. Mấy tên lính khác lại đá bồi thêm một cách tàn nhẫn cho đèn khi nàng bất tỉnh hẳn. Lúc đó, Davis nghe tiếng náo động nên chạy qua trú khu đàn bà, ông đã nhìn thấy Gladys nằm dài trên mặt đất.

Davis nhìn trừng trừng một cách kinh hãi. Có ít nhứt ba mươi tên lính Nhật định cưỡng hiếp một số phụ nữ. Các phụ nữ nấy, thân thể hầu như lõa lồ, la thét và chống cự dữ dội. Tay không chống với ba mươi tên lính, Davis biết rằng ông khó thể ngăn nổi sự lăng nhục nấy.

Ông lạy gân cò la thật lớn :

« Cầu nguyện ! Tất cả các bà hãy cầu nguyện ! »

Tên sĩ quan Nhật quay lại nhìn ông một cách hung tợn và rút súng lục ra. Trong tăm túi điếm, hắn nhắm súng vào Davis và lấy cù. Davis nghe một tiếng cách như tiếng búa nện, và nhiều tiếng cách cách liên tiếp. Không một tiếng nổ nào cả. Tại sao các viên đạn không nổ? Khẩu súng hư hay quên nạp đạn, Davis không sao biết được. Vừa chửi thề tên sĩ quan vừa quay ngược khẩu súng, và Davis lanh trọn một báng súng vào miệng. Ông ngã gục xuống.

Cảm và mồi ông tép ra. Ông lảo đảo bò dậy, máu đầm xuông
đầm ướt cả áo. Ông có thể cảm thấy chất mẩn mẫn và âm
âm trong miệng khi ông há ra đê la : « Cầu nguyện ! Tất
cả các bà hãy cầu nguyện ! »

Bây giờ các thiều phụ và thiều nữ đều quì cả xuống,
tay chắp lại, lớn tiếng đọc kinh. Bọn lính Nhựt ngày người
nhìn đậm đậm, không biết làm gì. Tên sĩ quan la hét, nhưng
bọn lính vẫn đứng xuội lơ. Hắn lại la hét nữa, lúc ấy bọn
lính mới chịu quay lưng và nặng nề bước ra khỏi sân. Tên
sĩ quan leo đèo theo sau. Một thiều phụ chạy ra và đóng
áp cửa lại. Thoát nạn, các cô gái đều bật khóc.

Mấy thiều phụ mang Gladys về phòng và dập nước
lạnh cho nàng tỉnh lại. Sáng hôm sau thức dậy, nàng cảm
thấy ê ẩm và ngã bình. Nàng phải chịu đựng những cơn
đau nhức trong thân thể suốt nhiều tháng sau đó. Nhưng
nàng vẫn tiếp tục công việc không ngừng nghỉ.

Trong thời gian Davis đi Chefoo, nàng vẫn về thăm
Yangcheng và viếng những họ đạo do nàng khởi xướng.
Tại các ngôi làng nằm rải rác trong miền núi, họ xử dụng
lịch Trung Hoa không có ngày Chủ Nhựt, một tuần lễ chỉ
có sáu ngày, do đó ngày nào nàng đèn được xem là ngày
Sabbath (1). Nhiều làng tọa lạc mãi trong các dãy núi cao,
cuộc sống của họ thay đổi rất ít. Tin tức của cuộc chiến
hỏa hoản lâm mới đèn tai họ. Nhiều làng gần Tsechow, dân
chúng luôn luôn sòng trong tình trạng chuẩn bị trốn tránh,
đó đặt cột bó để sẵn bên mình.

Vào mùa Xuân, quanh Tsechow xảy ra nhiều cuộc
đụng độ lớn. Phía Trung Hoa Quốc Gia tung ra các lực
lượng đông đảo. Nhựt Bản bị chặn đánh trên mọi trực lộ
tiếp tế và làng mạc, rút lui khỏi huyện lỵ Tsechow, chạy
về Luan. Quốc quân tiến vào huyện lỵ.

Đầu chừng hai ba tuần lễ sau đó, Chung-Ru-Mai —

(1) Ngày nghỉ cuối tuần của người Do Thái (thứ Bảy). Ngày
Chủ Nhựt của những người theo Tôn giáo (đạo Tin Lành).

Nữ Thánh Thư (Bubble Woman) chạy tới Cơ quan truyền giáo báo cho Gladys biết có bốn nhân vật quan trọng đang yêu cầu được gặp nàng.

Gladys hỏi :

« Họ là ai vậy ? »

Nàng nhớ lại lời khuyên của Davis là bắt cứ giá nào cũng phải giữ sự trung lập của cơ quan truyền giáo.

« Họ là những nhân vật Trung Hoa Quốc Gia. »

« Vậy thì ra, biểu họ đi đi. Họ không thể vô đây. »

Chung-Ru-Mai đi ra, và một vài phút sau trở lại cho biết mày người này vẫn khăng khăng muốn gặp nàng.

Thiếu phụ nói :

« Cô nên ra tiếp họ. Họ muốn tìm chỗ ở. »

Gladys nói :

« Có điều họ mới nghĩ rằng họ có thể ở trong cơ quan truyền giáo của chúng ta. »

« Đây là những nhân vật có địa vị. »

« Thật không ? Chúng ta sẽ sớm biết ngay. » Nói xong, nàng vội vã bước ra ngoài.

Bốn người đàn ông mặc thường phục đang đứng trong tiền đình phía ngoài cửa cơ quan. Tất cả đều còn trẻ và có một vẻ gì, không thể giải thích được, khiến cho họ khác hẳn những người đàn ông mà nàng đã gặp trong suốt thời gian nàng ở Trung Hoa. Họ cúi đầu chào nàng, cái lời chào đầy lễ độ này là một phần sự nằm trong các cuộc gặp gỡ của bất kỳ người Trung Hoa có học nào.

Nàng nói :

« Tôi rất tiếc, nhưng các ông không thể vô đây được ! Đây là trú khu của cơ quan truyền giáo, chúng tôi phải cõi giữ sự trung lập của chúng tôi. Các ông phải rời khỏi nơi đây ngay ! »

Người cầm đầu nhóm là một thanh niên Trung Hoa, có dáng điệu oai nghiêm giống như Quan Huyễn. Cá thán hinh thật thẳng và khuôn mặt nghiêm nghị của anh ta toát

ra một uy quyền mà nàng chưa từng thấy trước đây. Người này nói :

«Chúng tôi lấy làm tiếc đã gây phiền phức cho cô. Chúng tôi nghĩ cô có thể giúp đỡ chúng tôi được.»

Nàng chau mày :

«Làm sao tôi có thể giúp đỡ các ông được ? Các ông đang đính nhau. Đất này thuộc về Chúa. Xin các ông rời khỏi nơi đây giùm.»

Trong khi ba đồng chí của chàng thanh niên xoay lưng bước đi, chàng ta khẽ nghiêng đầu. Gladys chú ý đèn mai tóc bóng loáng đen thẫm chải hắt lên vầng trán, đôi mắt xéch dưới cặp lông mày rậm, màu da vàng trong sáng và đôi tai ôm sát chiếc đầu cân đối của chàng ta.

Ba người kia đã bước hướng về phía cửa tiền đình. Chàng ta khẽ nói : «Chúng tôi xin lỗi đã làm phiền cô. Nhưng khi chúng tôi còn ở Chungking, Thông chè đã nói rằng nếu các anh cần những người có thể tin tưởng được, các anh hãy đến giáo đường Cơ đốc giáo.»

Nàng nhìn chàng ta một cách soi mói :

«Các ông làm gì với Thông chè ?»

«Chúng tôi là các đại diện của Ngài. Chúng tôi tin cô đứng về phía Trung Hoa.»

Có một vẻ trách cứ nhẹ nhàng trong giọng nói êm dịu ấy khiến nàng hơi bồi hồi. Nàng ngẩn ngơ một chút rồi nói :

«Có lẽ tốt hơn là ông nên bước vô trong để nói chuyện. Nhưng ba người theo ông nên ở lại.»

Chàng ta thoảng cười nói cảm ơn. Ba người theo chàng đã khuất dạng ngoài cổng.

Ngồi đồi diện với nàng trong cơ quan truyền giáo, thanh niên tự giới thiệu chàng là Đại Tá Linnan, và chàng với ba người kia là nhân viên thuộc cơ quan tình báo của Thông chè Tưởng Giới Thạch. Tình hình ở Shansi phết rập, họ được gửi đến để tìm hiểu sự thật. Shansi là một

khu vực phòng thủ sinh tử của Trung Hoa. Nếu họ phải vật bời mài nhọn các cuộc tàn công của Nhụt Bàn ở một nơi nào đó, nơi đó phải là Shansi. Nơi mà địa thế không thuận lợi cho một đồi phuong được trang bị tốt hơn, các hệ thống giao thông dễ bị cắt đứt và nơi mà, dưới chân của các đỉnh núi, được che chở bởi chướng ngại vật cùi giòng Hoàng Hà vĩ đại.

Chàng ta nói tiếp :

«Chỉ cần các đơn vị nhỏ, với những binh sĩ quyết tâm và đặt đúng chỗ, địch quân sẽ phải trả giá đắt nếu chúng muốn chinh phục miền núi.» Khi giải thích các giả thuyết này bằng tiếng Quan thoại thuần túy, chàng ta đăm đăm nhìn nàng với đôi mắt màu nâu thẫm. Cuối cùng, chàng ta hỏi thẳng nàng :

«Cô sẽ giúp Trung Hoa ?»

Nàng không dự trù để nghe một câu hỏi đơn giản như vậy. Sau khi đắn đo, cô gắng lựa lời, nàng chậm rãi nói :

«Tôi là người Trung Hoa — một người Trung Hoa nhập tịch. Tôi rất lưu tâm những gì xảy ra cho xứ sở này.»

Chàng ta nhẽnh nhẽn hỏi :

«Mọi sự Chúa đều bắt trung lập hết sao ? Chúa không chống lại sự xâu xa tàn ác sao ?»

«Có... nhưng...» Nàng đã ngắn ngắt trước một việc hẫu như không đáng ngắn ngắt.

«Các chủ tịm của Nhụt ở Trung Hoa có phải là xâu xa tàn ác không ?» Chàng ta tiếp. «Trung Hoa đang chiến đấu đèn hơi thở cuối cùng nhằm ngăn chặn sự xâu xa tàn ác này hành trường. Trung Hoa phải thắng cuộc chiến này.»

Gladys ghét quân Nhụt, nhưng không phải do lòng ái quốc thúc đẩy. Thật là, chàng thanh niên có giọng nói lịch sự này lại bắt buộc được nàng phải đối đầu với những vẫn đề này. Sau cùng nàng phải đầu dję :

«Tôi sẽ giúp ông đèn mức độ mà lương tâm của tôi cho phép.»

Đại tá Linnan dịu giọng :

«Như vậy là cô tôi, với chúng tôi lắm rồi. Nếu được phép, tôi sẽ gặp cô lại và nói chuyện với cô nhiều hơn.»

Nàng đưa chàng ta ra cửa tiền đình, rồi trở về với vẻ mặt trầm tư. Điều này thật lạ lùng. Nàng đã sống giữa một xã hội thô bạo và vụng về, nàng thường không còn ai nhẽ nhẫn và quyền rũ như chàng thanh niên này. Quả thật, nàng hầu như quên bằng sự hiện hữu của mồi giây liên lạc giữa đàn ông và đàn bà.

Một tuần lễ sau, Linnan trở lại. Quân Nhựt bị đẩy lui tận mãi về hướng Luan, và hiện thời lực lượng to lớn của Trung Hoa nhôm quanh Tsechow. Viên Tướng Trung Hoa và bộ tham mưu của ông ta thiết lập tổng hành dinh trong huyện ly. Linnan đến gặp nàng để hỏi xem binh sĩ của chàng có thể tham dự các buổi lễ ở cơ quan truyền giáo hay không. Nàng nói với chàng rằng nàng rất vui lòng, và cho biết trước đây nhiều lính Nhựt theo Cơ đốc giáo cũng đến tham dự các buổi lễ trong thời gian lực lượng của họ chiếm đóng huyện ly. Nàng nhận thấy chàng cau mày, ném đôi mắt thật nhanh và đầy giận dữ về phía nàng. Nàng cảm thấy nóng bừng. Nàng nói nhanh :

«Truyền giảng Phúc âm của Chúa, đó là những gì mà tôi đến Trung Hoa.»

Chàng nghiêng đầu và thân hơi cúi xuống. Đó là dáng điệu không dời đổi của chàng. Kết hợp giữa sự trang nghiêm và tạ lỗi, dáng điệu ấy không bao giờ thất bại trong việc xoa dịu cơn bức tức của nàng.

Linnan hỏi Gladys nhiều vấn đề. Chàng kể chuyện mình cho nàng nghe. Chàng đã từng học ở Bắc Kinh và tôi nghiệp Hàn Lâm viện Quân sự Trung ương ở Nam Kinh. Khắp Trung Hoa, nơi nào chàng cũng từng để chân tới. Tất cả ước mong của chàng đều đặt vào một nước Trung Hoa hùng cường, tự do và liêm chính. Thế rồi chàng đứng lên từ già, có vẻ như e ngại vì đã nói quá nhiều. Khi chàng nghiêm minh chào và hỏi xem nàng có cho phép chàng

đèn để hứu chuyện với nàng nữa hay không, nàng hiểu ngay — qua lời nói có vẻ khác lạ không thể nào giải thích được của chàng — rằng chàng đèn đây là chỉ muôn đèn để gấp riêng nàng. Ý nghĩ này đèn với nàng quá đột ngọt khiên nàng bồi rồi. Khi Linnan về rồi, nàng đi vô đứng trước tầm kiêng đã rạn nứt, đặt ở góc phòng ngủ của nàng, và tự ngắm nghĩa mình. Nàng đã bị mươi lăm tuổi. Đôi mắt nàng lớn và đen, và mặc dù làn da rám nắng, năm tháng chỉ khắc một vài nét nhăn mờ nhạt trên khoe mắt của nàng. Nhưng chiếc áo dài cao cổ màu xanh đậm này mới ấm đậm làm sao. Tự nhiên nàng ngắt một đóa hoa trắng, chưng trong bình đặt ở góc phòng, cài trên mái tóc. Nàng nhận thấy nàng đã mong ngóng lần đèn thăm sắp tới của chàng với nỗi nôn nao, thê thiết lạ lùng.

Chàng đèn vào buổi chiều, trước ngày nàng sắp xếp một chuyến đi vào ba ngôi làng nằm rải rác sâu trong núi. Cuộc hành trình chậm chạp bằng xe bò, gian nan và hiu quạnh. Nàng cười và nói với chàng như vậy, và tự hỏi tại sao chàng có vẻ lo lắng khi nàng mô tả lộ trình sắp đi của nàng.

Chàng hỏi :

«Trong vùng núi đó có bọn thổ phi không ?»

«Có, nhiều lắm !»

«Cô đi một mình ?»

«Tôi thường đi một mình như vậy.»

«Chắn hẳn nguy hiểm lắm, mà con đường mòn đều thẳng đứng. Nếu cô té và bị thương, cô có thể nằm ở đó nhiều ngày mà không một người nào tìm ra cô được.»

Gladys nhìn chàng khó hiểu. Trong suốt mấy năm nàng ở Trung Hoa, chưa thấy ai tỏ ra quan tâm chút nào đến sự an vui của nàng. Bây giờ, chàng thanh niên đẹp trai và quyền rũ này lại tỏ ra quan tâm đèn nàng một cách thành thực. Điều này có vẻ bất thường, nhưng nàng cảm thấy thích thú. Nàng nói :

«Tôi sẽ đi đèn nơi về đèn chồn. Tôi đã có nhiều kinh

nghiêm phòng thân.

Chàng nói :

« Hãy thận trọng ! Xin cô hãy thận trọng ! »

Nàng ở vùng núi đó một tuần và khi trở về, nàng thấy Linnan đang chờ đợi nàng. Hơi thở phao nhẹ nhõm của chàng ai ai cũng nhìn rõ.

Gladys chòng chè :

« Nhưng tôi đi như vậy có hàng trăm lần rồi. Không có gì thực sự đáng lo ngại hết. »

Một viên Đại tá trẻ tuổi thuộc cơ quan tình báo của Tướng Giới Thạch lại tỏ ra lo lắng về một nhân vật không quan trọng như Ai-Weh-Deh, điều đó thật đáng buồn cười đối với nàng, nhưng đồng thời lòng nàng cũng cảm thấy như được vuốt ve.

Càng ngày chàng càng nồng lui tới. Họ trở thành đôi bạn tâm đầu. Họ bằng tuổi nhau, cả hai đều nhiệt tâm và có tinh thần học hỏi. Chiều chiều họ thường thả bộ qua các con đường nhô hép của huyện lỵ Tsechow, qua các tiệm tạp hóa âm u có treo những chiếc đèn lồng Trung Hoa, ngang qua mây ống thấy tượng sò, những người kè chuyện, các cửa hiệu thực phẩm, các tiệm bán tơ lụa, giữa bọn lính tráng cười nói vang rền. Họ tản bộ trên các thửa ruộng nằm quanh bức tường cũ kỹ của huyện lỵ, ngắm trăng lặn dần xuống phía sau những ngôi đèn vỉ đại, các ngôi nhà lợp ngói. Linnan kè chuyện nước Trung Hoa cho nàng nghe, nói về nền văn hóa và các tập quán cổ truyền, nói về sự hoa gamm và tinh thần của xứ sở chàng. Chàng đã mở cho nàng một cánh cửa mới trên một xứ sở mà nàng tưởng đã biết quá nhiều, nhưng thực sự nàng chưa biết một mảy may nào.

Mỗi lần gặp nhau, trong những tuần lễ kè tiếp sau đó, khoảng cách bao la giữa hai thế giới khác biệt của họ dần dần thâu hẹp lại. Giọng nói của chàng đã mê hoặc nàng. Nàng đã quen xử dụng thơ âm miền núi, thành thử tiếng Quan thoại lên bồng xuồng trầm của chàng khiến nàng nghe

không biết chán. Một chiều, khi đứng dậy ra về, chàng nghiêng mình chào nàng như thường khi, nhưng trong ánh đèn êm dịu, đôi mắt của chàng chưa đựng một sự bày tỏ, một niềm thân ái mà nàng chưa từng thấy trước đây. Nàng đáp lễ và chúc chàng ngủ ngon một cách gần như hắp tắp. Nàng tự hỏi mình có được về quyền rũ không? Thân hình và khuôn mặt của nàng còn chưa đựng sự bí mật khẩn hiếu nào có thể lôi cuốn được một người đàn ông không? Nàng là một nhà truyền giáo tự nguyện phục vụ cho Chúa. Nhưng mà chính Chúa là người đã tạo nàng thành một người đàn bà với đầy đủ những ngọn trào lòng và những sức mạnh — những nhiên tính làm lay chuyển phái yếu ấy. Nếu nàng yêu, nàng lý luận, tình yêu đó là do bàn tay đặt đẽ của Chúa.

Có một việc đáng chú ý sau chuyện đi khá lâu trong miền núi của nàng. Nàng gặp quân Nhật trú đóng trong hai ngôi làng. Nàng không lưu tâm nhiều và làm như không biết có sự hiện diện của bọn họ. Nàng cứ lo công việc của nàng. Khi trở về nàng có kể chuyện này cho Linnan nghe. Chàng tỏ vẻ chú ý rất nhiều và hỏi kỹ nàng về quân số, vũ khí cũng như vị trí của đồi phuong.

Biết rằng các tin tức của nàng đã làm vui lòng chàng, lần sau vò vùng chiêm đóng của Nhật Bản, nàng cẩn thận ghi quân số và trang bị của địch quân. Chàng đã nhen nhúm trong tim nàng một tình yêu nước ngầm ngầm dành cho xứ sở thứ hai của nàng. Böyle giờ, sau thời gian vừa qua, nàng hầu như trở nên một người yêu nước không thua gì chàng. Đây là một vần đê dính líu và gắn gùi với lòng nhiệt thành đồi với tôn giáo của nàng. Dính líu và gắn gùi cho đến nỗi nàng tự hỏi tại sao nàng không cảm thấy trước đây. Ý tưởng về một nước Trung Hoa cao quý và tân tiến, vươn lên khỏi cảnh hoang tàn của chiến tranh, thoát ra khỏi cảnh thối nát của tham nhũng, bất lực và cờ lồ, là những vần đê khích lệ không cùng đồi với họ. Nàng trở nên tin tưởng một cách mạnh mẽ rằng việc đánh bại

quân Nhựt là một việc quan trọng tốt bức. Nàng có thể làm gián điệp cho Quốc quân, vượt qua các phòng tuyến của Nhựt mà không bị ngăn trở và không bị để ý, mang về các tin tức có giá trị quân sự nhằm tiếp tay Cảnh báii kẻ thù chung. Hoạt động này, trong ao ước của nàng, có bao nhiêu phần cốt để làm vui lòng Linnan và có bao nhiêu phần cốt để phục vụ cho xứ sở Trung Hoa, nàng không cõ gắng phân tách một cách dứt khoát. Nàng chỉ biết rằng trong nỗi thồng khổ của cuộc chiến này, hiện thời nàng đã được trang bị một niềm tin và đó cũng là một mục đích nữa.

CHƯƠNG X

KHI Davis trở về Tsechow, ông và vợ ông, Jean, nhận thấy Gladys đổi khác. Cả hai người đều biết và mến Linnan. Các cuộc thăm viếng cơ quan truyền giáo thường xuyên của Linnan được họ đón tiếp một cách hân hoan. Nhưng họ không bao giờ ngờ rằng tình bạn của chàng đã gây cho Gladys niềm vui mới. Thật vậy, Davis đã khám phá trong tiếng cười có vẻ rộn rã hơn của nàng bao hàm một vẻ gì bất thường. Chắc hẳn nàng làm việc quá độ và có lẽ nàng cần phải nghỉ ngơi. Ông nghiêm trang nói với nàng :

« Cô cần phải nghỉ ngơi. Tôi vừa biết một nơi cô có thể đến đó tịnh dưỡng được. Tuần tới giáo dân sẽ mở một cuộc tiêu hội ở Lingchuang. Tại sao cô không đến đó giúp họ ? Nơi đó ít bị oanh tạc và theo như tôi biết, nơi đó cũng không có đánh nhau. Lingchuang là một cái huyệt u hổ giồng như Yangcheng. Tôi biết cô sẽ thích huyệt lỵ này. »

Gladys cười thầm. Gần đây nàng nhận thấy nàng thường cười thầm như vậy. Nàng chịu đi. Hiện thời nàng hoàn toàn ý thức rằng nàng đã bước sâu vào yêu đương—một sự yêu đương có tánh cách gần gũi mạnh mẽ trên ý chí hơn là trên sự va chạm xác thịt. Và lại, trước đây nàng chưa từng biết tình yêu là gì, và nàng cũng không hề nghĩ đến chuyện yêu đương, bởi vì suốt mười năm qua nàng chỉ biết tận tụy phục vụ Chúa, ăn thực phẩm của miền núi, uống nước lạnh của suối nguồn, ngủ lưng trên những chiếc giường gạch cứng rắn, khép chân thê gầy còm chìa nàng

vào công việc nặng nhọc một cách quyết tâm, và qua những ngày dài lê thê, ý nghĩa của trí tuệ và sự yên ổn của thế xác này là một niềm say sưa tinh thần đồi với nàng. Nàng không nghĩ rằng Chúa sẽ miễn cưỡng khi cho phép nàng hưởng thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi vì sức khỏe này. Lòng tràn đầy hân hoan, nàng rời Tsechow đi Lingchuang. Cùng đi với nàng có Nữ Thánh Thư Chung-Ru-Mai, Timothy và Sualan. Họ chất hành trang lên một chiếc xe lừa hai bánh — các con đường quanh Tsechow đều được xây dắp cho loại xe này có thể sử dụng — và lên đường băng ngang qua vùng đồng bằng.

Xè chiêu hôm đó, lúc mặt trời lần mau về hướng các đỉnh núi, Lingchuang chỉ còn cách ba bốn dặm xa, họ nghe những âm thanh quen thuộc. Âm thanh thường báo điểm chết chóc và tàn phá ấy. Từ bầu trời mờ sương và oi nồng, họ nhìn thấy những chiếc phi cơ màu trắng bạc bay ẩn ẩn chui xuống, và nghe tiếng nổ bùng của mày trái bom. Mặt đất rung chuyển âm ỉ. Họ không biết làm gì khác hơn là đứng nhìn. Timothy và Sualan bò lên sườn núi một quảng ngắn để nhìn rõ hơn. Hai đứa trẻ reo hò thích thú. Chung-Ru-Mai và Gladys nhìn nhau đầy lo âu. Phi cơ Nhựt đang oanh tạc Lingchuang. Chiến tranh đã mở đèn. Nhữ vậy là chuyến đi tĩnh dưỡng kè như đã xong.

Gladys giục lừa hướng về phía trước. Trời tối họ vào huyền ly. Mức tàn phá không nhiều hơn họ tưởng. Lúc ấy, khi các oanh tạc cơ Nhựt đèn, dân chúng đã biết nên chạy xuống hầm trú ẩn hoặc nấp cạnh tường thành để tránh bom. Cơ quan truyền giáo ở đây không hư hại, ngoại trừ mây cửa sổ bị bể. Không sợ oanh tạc, giáo dân từ các làng xung quanh đồ xô về huyền ly để tham dự buổi hội tr. giáo, và ngày hôm sau công việc giảng huấn giáo lý thông thường bắt đầu. Mỗi ngày, cứ đúng giờ đó, phi cơ Nhựt lại bay đèn dội bom. Công việc giảng huấn ngưng lại để lo chôn cất người chết và an ủi người sống, nhưng cuộc họp tôn giáo vẫn tiếp tục. Thì tối, cho mãi đèn đêm cuối cùng

của cuộc họp, họ nghe một tin đồn lạ lùng : một đạo quân không biết thuộc lực lượng nào đang trên đường tiến đến Lingchuang. Quân Nhựt ? Thủ phl ? Cộng sản ? Hình như không một ai biết cả. Gladys độ chừng có lẽ là quân Nhựt. Nhựt thường mở các cuộc oanh tạc liên tục trước khi lực lượng của họ tiến vào một thị trấn. Dù sao, cuộc họp cũng đã xong, và mọi người chuẩn bị ra về. Việc sống trong một thị trấn đã bị Nhựt chiếm đóng, và trong một thị trấn khi đạo quân Nhựt chiến thắng tiến vào lần đầu tiên, hoàn toàn khác nhau. Lúc này nên lánh vào các vùng núi là tốt hơn hết. Những bậc kỳ lão của các làng, đa số đều đèn dự cuộc họp, quyết định về làng vào sáng sớm ngày hôm sau. Mọi người ngã lưng để nghỉ ngơi, hành lý để bên mình. Nhưng, cho dù Gladys xoay qua trở lại hết cách, giấc ngủ vẫn lẩn tròn nàng. Như có linh tính, nàng quyết định rời khỏi Lingchuang ngay khi ánh sáng đầu ngày vừa lên. Nàng không muôn những gì xảy ra & Chin Shui được lập lại. Bốn người trong bọn nàng « phải » đi sớm. Bất thắn, không thè nào kiên nhẫn được nữa, nàng ngồi bật dậy và đánh thức Chung Ru Mai, Timothy và Sualan. Nàng nói :

« Chúng ta rời khỏi đây ! Chúng ta khởi hành ngay lập tức ! »

Ba người kia không phản đối, bởi hiện thời họ không còn lạ gì cái tánh ngông và hay thay đổi ý kiền của nàng.

Tiềng nói của nàng đã đánh thức một tín đồ, người thuyết giảng Phúc Âm từ Tsechow đến dự cuộc họp với người vợ và hai đứa con. Nghe lõm câu chuyện nhỏ to của bốn người, Ông ta ngược nhìn nàng với đôi mắt đầy vẻ thắc mắc và lo âu. Ông ta nói :

« Cô không thể lên đường. Cửa thành giờ này vẫn còn đóng kín, trời sáng họ mới mở. »

Nàng nói một cách cương quyết :

« Vậy thì chúng tôi đèn đó và chờ đê ra đầu tiên. Sualan, Timothy, sắp xếp mọi thứ của các em lại, mau lên. »

Hai người đàn ông khác ở các ngôi làng gần đây, đang

lâm trên nóc nhà cách đó một hai bước, cũng bị tiếng lóng phá giấc ngủ. Họ ngồi dậy và một người nói ho nhô:

« Chúng tôi cũng sẽ đi với cô. »

Quyết định của hai người này hiển nhiên ánh hào quang lên người thuyết giảng Phúc Âm. Ông ta lay vợ dậy. Mày đứa con cũng mắt nhắm mắt mở ngồi bật lên nhìn Gladys có vẻ « phiền » lâm.

Nàng nói :

« Có thể không có việc gì đâu, tôi chỉ cảm thấy như vậy thôi. Sở dĩ tôi đi, vì tôi muốn ra cửa thành trước. »

« Ít ra bà giờ nữa trời mới sáng. » Người thuyết giảng Phúc Âm nói.

Gladys cương quyết :

« Tôi không thể giải thích dong dài, tôi chỉ biết chúng tôi phải ra khỏi cửa thành đầu tiên. Ông muốn đi thì đi, còn không thì thôi. »

Lúc nhóm người đi ra ngoài đường đầy bóng tối và giá lạnh, lại có thêm mày người nữa vầy đoàn : một bác sĩ trẻ Trung Hoa, mẹ già, người vợ và đứa con của ông ta. Mày người này đèn thăm bà con ở Linchuang, và cũng là người theo Cơ đốc giáo nên từ cuộc oanh tạc đầu tiên đã chạy vô trú trong cơ quan truyền giáo. Đường phô tr籠ng vàng. Tiếng ho của Timothy nghe vang vang lạ. Tiền đèn cửa thành lù lù với vòm mái lợp ngói xanh, bờn góc cong vút, họ dừng lại trong bóng tối. Đúng như người thuyết giảng Phúc Âm đã nói trước, cửa thành khóa kín. Họ ngồi gom lại giữa đường, mặt day về phía cánh cửa thành nặng nề. Quay lại phía sau, giữa những mái nhà họ có thể nhìn thấy muôn sao chiều lấp lánh. Trời lạnh và yên tĩnh. Thị trấn không một ánh đèn. Mày đứa trẻ thiếp mắt thật mau. Người lớn chập chờn, ngoại trừ Gladys. Nàng đưa tay rờ trên mái cửa thô nhám. Cánh cửa làm bằng cây, chắc chắn, mà theo những người dân ở huyện này hình dung, nó có thể đứng vững trước bất kỳ cuộc tàn công nào. Nàng vẫn sợ tự hỏi không biết tại sao mong muốn rời khỏi thị trấn

này đèn với nàng một cách quá thịnh lindh như vậy. Nếu nàng để cho mọi người nghe thêm nữa có phải là tốt hơn không? Hơn nữa, không có gì xác nhận rằng địch quân sẽ đèn. Quan huyền sở tại không đưa ra một tuyên bố chính thức nào, cũng không ai nhận được khuyễn cáo nên rời đi. Việc ta đi này hoàn toàn do linh tính của nàng mà thôi. Ô, thôi được, nàng phải đành vậy.

Chiếc áo độn bông ấm áp, và lưng dựa vòi cánh cửa cây một cách vững chải, đã đưa nàng vào một giấc ngủ ngắn. Tiếng gà gọi bình minh đánh thức nàng dậy. Nàng mở mắt. Trời sắp sáng. Người gác cổng đang loay quay với mày cái then cửa và ổ khóa, miệng càu nhau chửi rủa. Nhiều người đứng chật đường phía sau hòn, tất cả đều nôn nóng rời khỏi huyền ly khi cửa mở. Cánh cửa không lồ vạt sang hai bên. Nỗi mừng thành tiếng khi con đường dẫn vò các dãy núi hiện ra. Bọn trẻ con cười vang. Chúng không ngờ thích thú như vậy. Con đường trải dài trước mặt chúng xuyên qua một vùng bằng phẳng dài gần năm cây số, hai bên đều trồng lúa mì, trước khi vươn lên đột ngột chạy lắn khuất sau những đinh núi dốc đứng.

Gladys cảm thấy nhẹ nhõm lúc mọi người bắt bước lẩn theo con đường. Dòng suối người tị nạn chạy ra cửa thành liên miên bặt tận. Mặt trời bắn những tia vàng chói xuyên qua các khoảng trống của dãy núi. Rời khỏi thị trấn đâu chừng một dặm, Gladys thấy dòng người tị nạn nép vò hai bên lề đường. Nàng thoáng hoảng hốt, tiếng địch quân đã xuất hiện. Sau đó, nàng nhìn thấy một nhóm người cởi ngựa phi về hướng núi. Đó là các kỵ binh Trung Hoa Quốc gia. Nhóm kỵ binh này nhìn thật ngoạn mục: nguyên cả một trung đội trong đồng phục màu xám và nón chóp, bàn đạp lách cách, yên ngựa kéo kẹt, kiêm đóng đurdy khi vỏ câu giục già. Họ di chuyển từng nhóm, trong đội hình trung đội hai mươi người. Mỗi nhóm cách nhau khoảng 30 thước. Bọn trẻ thích chí la hét khi các kỵ mã phi qua, để lại một đám mây bụi, tiếng vó ngựa đồn đập

rung chuyền cả mặt đất. Gladys tự hỏi tại sao mặt mèi của mày tên kỵ binh này trông dữ tợn và đăm đăm như vậy.

Nàng hiểu rõ ngay. Một loại tiếng động sắc nhọn vang đèn, át cả tiếng vó câu khua trên mặt đất cứng. Trong giây phút hải sợ đó, tiếng rít dữ dội của một chiếc phi cơ từ trên cao đâm bỗ xuồng. Nàng như chết đứng mắt một giây. Sau đó, nàng hét lùi trè :

«Chạy xuống ruộng ! Chạy xuống ruộng ! Nằm sát mặt đất !» Nàng xô đứa Timothy và Sualan vượt qua bờ tường thấp viền bên mép đường, rồi đây càn chúng vào ruộng bắp, la hét một cách dữ tợn như xua đuổi súc vật. Tiếng động cơ máy bay đèn trên đầu cùng lúc với tiếng súng đại liên xã xuồng từng loạt. Nàng nằm sát đất, lè hai tay che đầu vừa tránh nhìn quang cảnh khủng khiếp vừa tự che chở cho mình. Mặt đất bị cày tung. Ngựa kinh hoàng hí vang. Tiếng thét hãi hãi khi mày chiếc phi cơ lướt ngang qua nhóm người tị nạn và bọn kỵ binh, cắt rạp họ bằng đạn đại liên. Hiển nhiên, phi cơ quan sát của địch quân đã phát hiện kỵ binh Trung Hoa di chuyển tới Lingchuang vào chiều hôm trước đề nghị đêm. Bất cứ trí khôn của nhà quân sự nào cũng đều có thể tiên đoán bọn kỵ binh này sẽ vò núi ăn núp lúc trời vừa sáng.

Phi cơ đã vượt qua dãy núi, lướt ngang thị trấn, gầm thét truy đuổi bọn kỵ mã và giòng người tị nạn. Dân tị nạn, binh sĩ và ngựa hãi hãi hoặc tắt thở quy xuồng, giòng như những con búp bê có cột dây bị buông ra thỉnh linh, nằm la liệt trên đường. Mày con ngựa không người cõi. Đầu ngang cao, mắt như bặt máu, nhảy qua bờ tường thấp và chạy càn ngang qua ruộng bắp. Gladys chưa từng nghe thấy tiếng kêu thét và cảnh hỗn loạn như vầy trước đây. Trên nền trời của thị trấn và dọc theo con đường đầy xác người quắn quại, phi cơ chui xuồng hết lượt này sang lượt khác. Sau đó, mày chiếc phi cơ màu bạc này đảo một vòng bao quát để ngắm nghĩa cuộc tàn sát rồi bay đi, dần dần chỉ còn là những chàm nhỏ, sau cùng biến mất trên bầu trời.

Nàng đứng dậy, vẫn còn run rẩy. Từ con đường và các thửa ruộng đầy cây xác chết và người bị thương, tiếng rền rĩ vang dội. Đồ vật mang theo nằm vung vãi từ phia Mây con ngựa bước khập khẽnh hoặc chạy loạn xạ trên quang cảnh của cơn ác mộng. Timothy và Sualan nắm áo nàng, đứng im thinh thít. Hai dân làng, người thuyết giảng Phúc âm, viên bác sĩ và vợ ông ta nhìn nàng như dò hỏi. Họ đờ dần cả người. Cuộc tàn sát chớp nhoáng khiến cho sự quyết đoán và ngay cả bản năng sinh tồn của họ đều biến mất. Nhìn ngược lại con đường, họ có thể trông thấy xác người và ngựa nằm quanh cổng thành, bít cả lối đi. Trong đầu óc của Gladys hiện thời có một sự thúc giục mạnh mẽ xui nàng chạy lên núi, rời khỏi chiến trường đáng sợ, chui vô các khe núi sâu, xa hẳn quang cảnh khủng khiếp này. Nhưng nàng vẫn đứng lặng yên. Có hàng mây trăm người bị thương hiện còn đang nằm ở đây.

Nàng quay lại viên bác sĩ Trung Hoa, người thanh niên cõm cõi, có cái cổ gầy guộc thắt cà vạt ôm sát nấy. Nhưng ông ta có vẻ sợ hãi, vì mới vừa ra trường và chưa từng gặp một trường hợp bắt cặp như vậy. Sau đó, Gladys quay qua nói với hai dân làng và người thuyết giảng Phúc âm : « Các ông dân đám đàn bà và trẻ con này lên núi rồi chờ chúng tôi ở đó. Ông bác sĩ và tôi ở lại đây để giúp đỡ mọi người. Chiều nay chúng tôi sẽ gặp lại các ông. » Nàng vừa nói vừa nhìn viên bác sĩ. Ông ta miễn cưỡng gật đầu. Mày người đàn bà và trẻ con gom góp hành lý rồi lắp ráp lên đường. Gladys vẫy tay từ biệt họ và cùng với viên bác sĩ vội vã quay bước hướng về cổng thành. Trên đường, họ gom góp tất cả những người không bị thương, vừa dỗ dành vừa đe dọa, nhằm qui tụ một nhóm công nhân dọn dẹp cổng thành. Một mây mây người này đều hộc hác và sừng sò, nhưng hầu hết đều bước theo nàng. Một số còn lại cúi xuống khóc than bên mây xác chết của người thân, dỗ dành cách mày cũng không chịu đi.

Họ đến cổng thành. Gladys chạy vòng quanh để chỉ

bieu người này người nọ, Họ khiêng xác chết vào cạnh đường cho đèn khi có lồi đi. Thè rói, với viên bác sĩ, nàng bắt đầu tìm mọi cách giúp đỡ những người bị thương. Nhiều binh sĩ không bị thương hoặc chỉ bị thương nhẹ đã giúp nàng một tay. Xè chiếu hôm đó, một số binh sĩ khác cũng đèn để giúp dọn các đóng gạch vạn. Tới đây, coi như đã xong bồn phận, Gladys và viên bác sĩ cảm thấy có thể lên đường. Quân đội đảm trách công việc đào hò chôn xác chết, nhặt các vật dụng tùy thân, các gói hành lý, chất thành đóng để sau này lựa ra, quang cảnh thật đáng thương tâm.

Rã rời, kiệt sức, quần áo bê bết máu, Gladys và viên bác sĩ trè bước chậm chạp hướng về phía dãy núi. Quá mệt nhọc, họ đi trong im lặng. Chân lê bước, nước mắt chảy ràn rụa trên đồi má Gladys. Họ tìm gặp mọi người ăn tại một khúc quanh. Hai dân làng đã trở về nhà vừa quay lại. Họ cho biết những người trong làng của họ đang chuẩn bị chạy giặc và họ có ước hẹn nơi gặp gỡ.

Tin đồn và phản tin đồn khắp mọi nơi. Những tin tức về cuộc tàn sát ở Lingchuang đã gây sự sợ hãi tột cùng. Không đâu là không đánh nhau. Gladys nhận thấy lúc này chỉ có những vùng núi xa hòn thị trấn và làng mạc là an toàn nhất.

Việc này không có gì gọi là bất thường ; trên hai năm qua nàng đã sống nhiều đêm giữa trời hoặc trú ẩn trong hang sâu. Nhóm người đã đem theo đủ hạt có thể ăn nhiều ngày. Sau một cuộc bàn tán ngắn ngủi, mọi người đồng ý. Thật ra không còn cách nào khác. Nếu đây là một cuộc tàn công lớn, năm huyện lỵ Tsechow, Yangcheng, Chinsui, Kaoping và Lingchuang sẽ sớm rơi vào tay quân Nhựt.

Mỗi mỗi và hồi hộp, nhóm người bỏ con đường và đi lắn lén núi. Họ đi cho đèn khi trời tối và dừng lại ngủ ngồi dưới chân một tảng đá lớn. Bình minh hôm sau họ lại lên đường. Vừa đi bà lão mẹ viên bác sĩ vừa càu nhau, tên si. Mọi người đều có vẻ đau đầu. Ngay cả dãy núi

chợn chờ, dồn thẳng và lặng yên, với những khe núi hẹp, cao và trắn iraqi vẫn không gây cho họ cảm giác an toàn. Trong suốt ngày đó, họ đi sâu hẳn vào núi, khi chiều đèn họ khám phá ra một cái hang khô ráo và rộng lớn ở lưng chừng một sườn núi thẳng đứng. Bọn trẻ và mày người đàn bà mệt mỏi lắm rồi, nên không muốn đi xa hơn nữa ; và lại những đám mây đen vẫn vẩn vũ trên đầu, che kín cả bầu trời giữa các đinh núi với ánh sáng màu tím sậm, báo hiệu điểm bắt ồn. Khi họ lom khom bước vô hang, giông gió nồi dậy và mưa rơi ào ào. Ngồi bô gòi trong hang, mệt mỏi và khô náo, Gladys đưa mắt nhìn mưa rơi bên ngoài. Nàng bỗng ngồi bật dậy, quơ cái nồi sắt mang theo và hứng nước mưa. Trong hang có cùi khô và phân thú. Nàng bê cùi và chắt giữa hai cục đá tháp. Nàng châm lửa, cùi bùng cháy, nàng đặt nồi nước lên hai cục đá và nấu sôi rất mau. Nàng nhúm trà bỏ vô nồi nước. Vài giây sau, mọi người xúm quanh lấy tò mót chắt nước có mùi vị thơm tho và nghi ngút khói đưa lên môi nhảm nháp. Họ chụm thêm cùi. Trong chạng vạng, bóng của họ chập chờn trên nóc và trên vách của hang núi. Họ cảm thấy sự yên ổn trở lại dần dần. Gladys dùng một chiếc nồi khác để nấu cháo kê. Ăn cháo nóng xong, họ uống thêm vài chén nước trà hôi hòi nữa để dần xuống. Ăn uống no nê, ai ai cũng cảm thấy khoan khoái. Bây giờ họ đều mệt mỏi. Đêm đã xuống hẳn, mưa càng lúc càng ào ạt. Cảnh ánh lửa, họ nằm ngủ trên nến đá ấm áp.

Suốt sáu tuần lễ, họ sống trong hang này, ngủ trên những chiếc giường lót bằng sậy khô cắt dưới thung lũng. Muốn múc nước họ phải đi cách đó cả tám cây số, nhưng họ thấy như vậy lại càng an toàn hơn. Một ngôi làng nằm ngay phía bên kia giềng nước, họ có thể vô đó mua trúng và thức ăn. Dân làng không tö vẻ thắc mắc, vì hiện thời hình ảnh dân tị nạn đã trở nên thông thường. Họ sợ nhất là lũ sói lang thang trong vùng núi. Hầu như mỗi đêm đều có tiếng tru của chúng ngoài hang. Gladys, viên bác sĩ,

người đàn ông thuyết giảng Phúc âm phải thay phiên nhau coi chừng. Lũ sói này thường thường chỉ cần ném một cục đá cũng đủ xua đuổi chúng đi. Nếu cần, họ sẽ đốt lửa, và ngồi nhìn những đôi mắt sáng xanh lùi ra thật xa.

★

Gladys không biết lúc ấy tại Lingchuang, Linnan đang lo cuồng lo cuồng. Các nỗ lực của Nhụt Bản tiếp liền sau vụ oanh kích lực lượng kỵ binh Trung Hoa hoàn toàn thất bại. Lingchuang vẫn còn nằm trong tay Quốc quân. Lúc Linnan nghe tai hiền này, chàng vội vã đến Lingchuang ngay. Chàng biết Gladys đang viềng thăm cơ quan truyền giáo ở đó, nhưng chàng không được một tin tức nào của nàng. Nhiều người chỉ có thể nói cho chàng biết nàng rời huyện ly lúc tờ mờ sáng của ngày xảy ra cuộc oanh kích, và từ đó không ai thấy nàng nữa. Trong tư cách một vị Đại tá đảm trách về tình báo trong khu vực, chàng có nhiệm vụ cùng với thuộc cấp kiềm điềm tàn tích của trận đánh. Buổi sáng hôm sau ngày chàng đến Lingchuang, binh sĩ có mang trinh chàng một quyền thánh ca. Các binh sĩ đã nhặt được trong một ruộng lúa mì, nhưng họ không biết là loại sách gì. Linnan nhận ngay ra quyền thánh ca này là của Gladys.

Hoảng kinh, chàng đi hỏi khắp các binh sĩ có tham dự vào công việc chôn xác chết. Theo như trí nhớ của họ, họ không chôn một người ngoại quốc nào cả. Tại hai ngôi mộ mà mày binh sĩ tò vò hồ nghi, không biết họ đã chôn ai, dưới đó, chàng ra lệnh đào lên. Không thấy xác nàng. Bây giờ chàng nhớ lại nàng ưa vòi các vùng núi non hoang vu, chàng liền gởi những người đưa tin tới các làng lân cận để dò hỏi tin tức của nàng. Mỗi khi có dịp, chàng đích thân đi dò hỏi.

Bọn họ ăn náu trong hang gần ba tuần lễ, Gladys vui vẻ vì cảm thấy yên ổn. Bởi lẽ bà mẹ của viên bác sĩ và mày người đàn bà cầu nhau hoặc nói chuyện ồn ào, nàng thường

ra khỏi hang núi, đi xuống thung lũng, tìm một nơi núp nắng để đọc kinh, giờ này qua giờ khác. Chiều kia, khi nàng đang ngồi thoải mái trên một tảng đá cách hang núi khoảng hơn cây số, nàng bỗng nghe tiếng bước chân hướng về phía nàng. Nàng nhìn lên, giục mình, vì trước mắt nàng là một thằng nhóc nhà quê tuổi chừng mười lăm, mười sáu, đầu đội nón rơm, mặc áo quần màu xanh rách nát. Thằng nhóc cầm trên tay một cái rổ đựng nửa chục trứng, đứng đó, nhìn nàng chăm chăm. Nàng để phòng ngay. Nàng hỏi mau :

«Em là ai ?»

Hơn một hai giây sau thằng nhóc mới mở miệng :

«Em đi bán trứng.»

Gladys cau mày vì câu trả lời dời trá một cách hiền nhiên này.

«Tại sao em đi bán trứng ở đây ?. Nàng soi mói hỏi.

Thằng nhóc nhìn nàng một cách ngờ ngần :

«Em không biết !»

Nàng ngòi vực :

«Này, em lang thang trong vùng núi này không phải cõ ý đi bán trứng. Có đúng vậy không ?»

Thằng nhóc cúi gầm mặt xuống. Nó có vẻ sợ sệt nhưng không nói tiếng nào.

Nàng giận dữ nói :

«Em có thể trả về và nói với người nào sai em đi dò - thám bậy rằng tất cả chúng tôi đều ở đây.»

Không chừng một tên đầu đảng bọn cướp địa phương hoặc một nhóm công sản, nghe phong phanh có nhiều người lá đèn ở trong vùng nên cho thằng nhóc này đi tìm chỗ trú ẩn của họ. Có lẽ chúng hứa thưởng công chút ít nếu thằng nhóc mang tin về. Nàng ngó chừng theo thằng nhóc leo trè lên núi trước khi hồi hả quay lại hang. Nghe chuyện nàng kể, mọi người đều lo sợ. Bây giờ trời đã xè chiều. Gladys nói :

«Việc đầu tiên là sớm mai chúng ta phải rời khỏi nơi

đãy rồi tìm một nơi ẩn náu mới.

Khi bình minh đèn, nàng nôn nóng ra đi, nhưng mây người khác nữa muốn đi nữa muốn không. Bà lão khăng khăng đòi ở lại. Vợ viên bác sĩ mặc cho con bú. Vợ người thuyết giảng Phúc âm chăm rải sắp xếp đồ đạc. Cuối cùng Gladys hết kiên nhẫn nỗi. Nàng nói :

«Này ! Tôi sẽ đi trước và chờ đợi quý vị ở cuối thung lũng ! Mau mau giúp cho ! » Nàng chỉ hướng đi rồi rời khỏi hang với Timothy. Nàng biết rằng nàng cần bước họa may mắn người khác mới mau tay mau chân một chút, bởi vì người thuyết giảng Phúc âm cũng như viên bác sĩ không ai có bản chất lãnh đạo cả.

Gladys và Timothy di chuyển đèn cuối thung lũng rồi leo qua hai cái nềng. Khi họ bắt đầu leo lên sườn núi, Gladys nhìn xuống và trông thấy một quang cảnh khiến nàng phải dừng lại tức khắc. Một đội kỵ mã giảng hàng ngang qua thung lũng và tiến về phía trước. Hiển nhiên là bọn này đang sục sạo tìm kiém. Việc này đòi hỏi Gladys chỉ có ý nghĩa là đội kỵ mã này đang tìm nhóm người của nàng. Nàng vội vã nói với Timothy : «Chạy trở lại nói với mọi người quay ngược sang hướng bên kia thung lũng, đi xa được bao nhiêu hay bấy nhiêu, rồi tìm chỗ ẩn trốn đi.»

Đội mắt Timothy nhìn nàng đầy vẻ sợ hãi. Hô lo lắng hỏi :

«Nhưng còn cô thì sao ?»

«Nếu gặp cô, chắc bọn chúng hài lòng rồi.»

Gladys nói, và khi thấy đứa nhỏ ngắn ngùn, nàng giục :

«Đi mau đi ! Làm y lời cô dặn !»

Nàng nhìn theo bóng thằng nhóc chạy xuống thung lũng rồi quay về hướng bọn kỵ binh. Nàng bước thăng đèn một cách bạo dạn.

Còn cách một quảng, nàng lớn tiếng đầy vẻ thách thức :

«Nếu các ông muốn tìm tôi thì tôi đây ! »

Khi tiếng nói của nàng vang vang trong gió, nàng

thầy một tên kỵ mã chạy & giữa lètay chỉ và thúc ngựa phi về phía nàng. Khi hắn đèn gần, nàng nhận ra đó là một sĩ quan Quốc quân. Tên kỵ mã ghi cương cách nàng một vài bước. Giữa đám bụi mù và tiếng chân ngựa lộp bộp, hắn ném sợi dây cương qua đầu ngựa, hành thắn nhảy xuống bàn đạp và chạy bay đèn nàng. Bấy giờ nàng mới nhận ra đó là Linnan.

Nàng ngã chui vô đồi tay của chàng. Bằng một giọng nói đầy khích động, Linnan kể cho nàng nghe việc chàng đã hồi thăm mọi người trong miền quê này để biết tung tích của nàng như thế nào, và việc chàng hứa thường cho ai tìm ra nàng ra sao. Chính thằng nhóc nhà quê đã mang tin về cho chàng.

Họ quay lại khong núi, nhận thấy những người khác sắp sửa ra đi. Cả bọn thở phào nhẹ nhõm, quay quần cười nói vang rân. Linnan cho họ biết tin tức : những trận đánh lẽ tê đang xảy ra khắp nơi. Hiện thời tốt hơn hết là họ cứ & lại trong hang này : họ được an toàn hơn. Chàng sẽ sắp xếp để gởi thức ăn đều đều và nhầm khi nào có thể trở về Tsechow và Yangcheng an toàn, chàng sẽ báo cho mọi người biết. Hiện thời cả hai phe đang đánh nhau dữ dội, để dành quyền kiểm soát hai huyện lỵ này.

Thật vậy, suốt ba tuần kế tiếp, Gladys và bọn trê thường leo lên một ngọn núi gần đó, nhìn về phía xa xa để xem phi cơ Nhựt nhào xuống oanh tạc Tsechow. Nhưng không ngờ quân Nhựt bị đẩy lui, và khi nhõm người của Gladys trở về, huyện lỵ này vẫn còn nằm vững chắc trong tay Quốc quân.

CHƯƠNG XI

ĐƯNG như dự đoán của nàng, khi tiễn lên chòm núi, nàng có thể nhìn thấy khói nẫu nương của quân Nhựt ở phía dưới. Làn khói lam chậm chậm theo hình tròn bốc lên nền trời trong sáng của buổi chiều. Chỗ trú của địch quân khuất sau một gòp đá. Từ khi rời khỏi vùng núi trở về Tsechow, trong suốt những tháng mùa Hạ, nàng đã làm như thế này nhiều lần. Nàng ra thủ hiệu, một viên sĩ quan Quốc quân bỏ lên sườn núi, tiễn đèn bên cạnh nàng. Chân hắn đã đạp rơi một vài hòn đá. Nàng nhìn theo mày hắn hòn đá rớt xuống một toán lính Nhựt đang ngồi dựa lưng dài theo vách đá. Cẩn thận, viên sĩ quan quan sát tì mè thung lũng phía dưới.

Hắn hỏi mau :

« Cô nói có khoảng năm mươi tên ? »

« Hồi sáng này tôi đã thấy kỹ, » Gladys đáp. « Tôi chắc xé xích một hai là cùng. »

Vien si quan nói, giọng bối rối :

« Chắc chắn sáng sớm ngày mai chúng sẽ nương theo con đường mòn để tiễn đèn Tsechow. »

Gladys nói :

« Chúng đặt người canh gác khắp mọi phia. Ông phải cẩn thận. Một tên Nhựt đã phát hiện tôi hồi sáng nay, khi tôi băng qua chòm núi, nhưng nhờ có thung lũng ở giữa, hắn đánh bó tay. »

Vien si quan gật đầu. Hắn ta không muốn nghe gì hơn nữa. Đầu óc hắn ta đang định trí cửa khẩu đại liên và

sắp xếp binh sĩ dưới quyền, nằm dọc theo thung lũng như thế nào để chiếm phần- liện
 nghi nhát nhần hốt trọn ở bọn Nhựt này.

Gladys biết Quốc quân sẽ tấn công vào rạng đông. Họ sẽ đỗ xuống thung lũng từ hai phía, sau khi nổ súng sơ khởi để áp đảo tinh thần địch quân. Chỉ có ba mươi người, nhưng toàn là binh sĩ miền Bắc, còn trẻ, lớn con và dữ tợn, họ chiến đấu với lòng dũng cảm và sự căm thù ngùn ngụt. Họ sẽ xông thẳng vào quân Nhựt, và trận đánh sẽ kết thúc trong một màn cản chiến đẫm máu. Địch quân chiến đấu đến tên cuối cùng và sẽ bị quét sạch. Quốc quân cũng sẽ chịu đựng nhiều thương vong. Máu sẽ nhuộm hồng thung lũng, xác sẽ phơi đầy trên mặt đất.

Viên sĩ quan quay sang nàng :

« Cô nên trở về ngay. Cô đã hướng dẫn chúng tôi rất chính xác, Ai-Weh-Deh. »

Nàng nói một cách mệt nhọc :

« Phải ! Tôi sẽ về ngay ! » Nàng đã đi từ lúc rạng đông. Ngày tờ mờ sáng, nàng rời khỏi xóm đạo nhỏ ở Po Rem, một ngôi làng nằm sâu trong núi, và hướng về Yang-cheng. Trên lộ trình, nàng gặp quân Nhựt đang thận trọng di chuyển dọc theo đáy con sông cạn. Thầy địch quân ít người mà dám đi sâu vô vùng núi như vậy, nàng biết ngay là bọn này khờ khạo. Nàng rõ nơi Quốc quân trú ẩn, nàng xoay hướng và đèn gấp họ. Nghe báo tin, một viên sĩ quan và ba mươi binh sĩ được phái đi theo nàng. Nàng có một giây phép quân sự mang chữ ký của viên tướng Trung Hoa đặt hẳn doanh ở Tsechow, nhưng thường thường nàng khởi hành trinh minh giây này, vì hầu hết sĩ quan cầm đầu mọi đơn vị trong một phần khu vực thuộc Phù Shansi này đều quen mặt nàng. Nàng biết rõ vùng núi trong khu vực còn rành hơn dân chúng sống ở đây, do đó nàng rành hơn binh sĩ Trung Hoa là điều chắc chắn. Nhiều năm lang thang qua các chòm núi, đi bộ hoặc cưỡi lừa xuyên qua các thung lũng, nhiều

hơn bất kỳ dân cư nào khác, khiến địa thế ở đây như nằm trong lòng bàn tay của nàng.

Loại chiến tranh hiện thời là loại chiến tranh không có vị trí cố định. Quân Nhựt chiếm đóng các thị trấn và mở rộng bước tiến bằng cách nương theo các trục lộ giao thông đã có từ trước. Quốc quân, sống trong các vùng núi, đánh du kích và áp dụng các chiến thuật tiêu thổ.

Với quyền thánh kinh, Gladys di chuyển xuyên qua các làng mạc, kể cả vài ngôi làng do quân Nhựt hoặc Quốc quân chiếm cứ. Dù địch quân có biết sự hiện diện của nàng trong khu vực của chúng, chúng cũng không để ý đến nàng. Đòi với chúng, nàng như hàng ngàn dân tị nạn khác đi lang thang khắp miền quê mà thôi. Quân Nhựt không ngờ rằng nàng đã cẩn thận ghi nhớ mọi bờ trí của chúng, đoạn chuyền về cho Quốc quân, và có khi hướng dẫn họ đến tận ở nữa. Nàng ý thức hành vi của mình, do đó nàng không hề cảm thấy hổ thẹn. Nàng là một người dân Trung Hoa nhập tịch. Nếu nàng còn ở Luân Đôn, một khi Anh quốc lâm nguy, nàng cũng sẽ hành động như vậy. Trái tim của nàng dâng trọn cho cuộc chiến đấu, cho dù lương tâm của nàng không thể yên ổn một cách hoàn toàn.

Trời đã chang vặng lúc nàng về tới ngôi làng mà nàng đã gặp Quốc quân trước đó. Ông Tiên Chỉ đứng đón nàng trước nhà ông. Đó là một ông lão rất nhã nhặn, mặc chiếc áo xanh đã bạc màu, dưới cằm phát phơ chòm râu bạc trắng.

Ông khẽ nói :

“Tướng Ley hiện ở đây. Ông đến thăm tôi. Ông là một người bạn cũ của tôi. Khi nghe tôi nói có thể quay lại, ông đã ở lại để chờ. Ông nôn nóng muôn gấp cõi.”

Gladys hồi hả bước vào nhà. Nàng từng nghe nói nhiều về Tướng Ley nhưng chưa gặp mặt bao giờ. Ông ta, một hình ảnh đầy huyền thoại trong khu vực này. Đó là một giáo sĩ Công giáo, người Âu Châu, tuy nhiên ông ta từ xú-

nào đèn dây nàng không biết rõ. Vào những ngày này không ai đi lưu tâm đèn quá khứ của người khác. Sau này nàng nghe đâu ông là người Hà Lan, nhưng cũng không lấy gì làm chắc chắn.

Khi quân Nhật xâm chiếm Shansi, ông không bằng lòng ngồi yên và sòng lây lắt trên tình thương của Chúa. Với cơn phẫn nộ của một người Thiên Chúa giáo tranh đấu, ông tìm võ khí cho nhóm giáo dân của ông để chống trả với quân Nhật. Hiện thời, ông chỉ huy một lực lượng du kích quân đồng đảo. Họ ăn náu trong các vùng núi và nếu có dịp là úa ra đánh nhau với quân Nhật. Do đó Gladys cảm thấy phần khởi khi bước chân vô trong nhà, để gặp nhân vật đã tìm cách hòa hợp cùng lúc giữa thực tế và lương tâm của một người Thiên Chúa giáo này.

Trong ánh đèn mờ tối, nàng thấy ông đứng đó, chân dang ra, tay chắp sau lưng, thân thể tinh túng và cường tráng, mặc chiếc áo chùng đen. Tóc của ông ta màu nâu, cắt thật ngắn ; khuôn mặt gân guốc và khoan hòa ; chiếc miệng cương quyết nhưng có vẻ thoảng cười. Chỉ đôi mắt của ông ta, theo nàng nghĩ, có vẻ xa xôi và buồn bã.

Ông cười, chia tay :

« Ai-Weh-Deh ! Hãy bỏ qua việc phân biệt đàn bà, đàn ông giữa tôi với cô, và cũng không nên phân biệt cô là một người theo đạo Tin Lành còn tôi là một người theo Thiên Chúa giáo. »

Nàng cũng mím cười và nói :

« Tưởng Ley, chúng ta hình như đã đi chung một đường »

« Chúng ta có một kẻ thù chung, » ông nói, « về ưu tư bỗng nhiên trở lại, đôi mắt của ông uy nghiêm. « Hãy bước vô trong, chúng ta sẽ nói chuyện. Chắc hẳn cô mệt và đói bụng ? »

Trong lúc họ ăn hai tô kê dưới ánh sáng của ngọn đèn leo lét, bỗng nhiên giữa hai người như có một cảm giác áp áp của tình bạn rạng ngời, hiếm thấy trong lần

gặp gỡ đầu tiên như vậy ! Họ đàm luận biết bao vắn đề.

Thành phần chánh thuộc lực lượng du kích của Ley hiện trú ẩn trong các hang núi cách đây vài dặm. Ngày mai họ sẽ di chuyển đến phục kích con lộ chánh nằm giữa Tsechow và Kaoping. Họ biết chắc chắn địch quân sẽ di chuyển trên con lộ này.

Tướng Ley nói một cách bình thản :

«Chúng tôi sẽ hạ sát nhiều lính Nhựt. Với một khẩu đại liên, chúng tôi sẽ đòn chúng ngã rạp khi chúng đi ngang qua.»

Nghe ông nói và lắng nghe về chán ngán trong giọng của ông, Gladys dễ dàng đoán được nỗi tuyệt vọng trong thâm tâm của ông. Sự xung đột giồng như vậy cũng hiện có trong thâm tâm của nàng. «Chúng tôi sẽ hạ sát nhiều lính Nhựt,» ông đã nói một cách lạnh lùng — không như một viên tư lệnh quân sự thường có thể đã tuyên bố : «Chúng tôi sẽ cắt đứt các hệ thống giao thông của địch quân !» hoặc «Chúng tôi sẽ đoạt nhiều đồ tiềp tế của địch quân !» hay là «Chúng tôi sẽ tàn công địch quân mạnh mẽ.» Ông đi thẳng vào vấn đề.

«Chúng tôi sẽ hạ sát nhiều lính Nhựt,» ông lập lại. Qua ánh đèn, đôi mắt của họ gặp nhau. Nàng biết, và ông biết nàng biết, sự tần thẩn lưỡng nan đầy thông khổ của lương tâm một người Thiên Chúa giáo trong ông. Chính nàng, trong sự cầu nguyện thầm lặng, nàng cũng đã cõi tim một soi sáng cho con đường mà nàng đang bước lẩn theo.

Ông ta — nàng và ông ta — có nên đứng nép sang một bên nhường đường cho sức mạnh của tội ác, với những ngón tay màu đen, tiền vô mọi hang hốc của thù phủ này không ? Hay là họ phải nằm lây thanh kiém, và nhân danh Thượng đế, khử hung trừ bạo. Chánh sách của Nhựt Bản ai ai cũng nhìn thấy. Hàng năm nay họ đã cầm quyền như «một chủng tộc quan thầy», ở thuộc địa của họ là Triều Tiên. Họ tự xem họ là những người qui

tộc, còn người Triều Tiên là một lù vong nô. Không có một người Triều Tiên nào học quá bậc tiểu học. Không có người Triều Tiên nào được giữ những chức vụ cầm quyền quan trọng. Họ bị bắn cùng hóa và nồng dân hóa, và dừng lại ở đó. Hitler đang cõ gắng thực hiện chủ thuyết này trên một phần khác của thế giới. Khu vực miền Bắc Trung Hoa, hiện nằm dưới nanh vuốt của kẻ thù này cũng đang chịu chung số phận.

Tướng Ley, vị giáo sĩ Thiên Chúa giáo, sống một thân mệt bόng trong cơ quan truyền giáo biệt lập của Ông ở phía Nam Phủ Shansi, đã phải đi đến quyết định qua sự tra vấn với chính lương tâm Ông và với Thượng đế của Ông. Ông đã tập họp họ đạo trong sân của cơ quan truyền giáo vào một buổi sáng lạnh lẽo và quang đáng. Ông nói với họ : «Chúng ta sẽ chống lại kẻ thù với vũ khí duy nhứt mà kẻ thù biết rõ. Sức mạnh ! Chúng ta sẽ giết kẻ thù khi chúng đang ngủ, và khi chúng lơ đãng trong việc canh phòng. Bất cứ giá nào, chúng ta phải đẩy họ ra khỏi miền núi của chúng ta.»

Binh sĩ của Tướng Ley, đa số là các con chiên của Ông, người sơn cước miền Bắc, da mặt của họ sạm màu đồng, bắp thịt rắn chắc do hoạt động, và trong thân thể của họ ngầm chứa một giòng máu đạo đặc di truyền. Họ đối với Ông bằng một sự sùng bái đầy cuồng tín và hăng máu. Ông huấn luyện chiến thuật cho họ. Họ đánh mau giết lẹ, thu gọn chiến trường và rút lui như chớp về cùi đia của họ trong núi. Nhiều tháng nay họ đã áp dụng chiến thuật này.

Tướng Ley ngồi trên chiếc giường gạch cứng trong nhà của Ông Tiên chл. Ông đưa mắt nhìn Gladys đang ngồi ở phía bên kia chiếc bàn kê cạnh giường đối diện với Ông. Khóe miệng của Ông khẽ nhèch lên, đầy vẻ mỉa mai : «Một chủ trương chung à, Ai-Wei-Deh ?»

Nàng vét mày hột kê cuối cùng trong đáy tó :

«Tướng Ley,» nàng nghĩ ngợi. «Tại sao họ gọi Ông là

Tướng ?»

«Một tước hàm,» Ông vừa cười vừa đáp. «Những người của tôi ưa gọi tôi như vậy. Phục vụ dưới quyền một Tướng lãnh, họ nở mặt nở mày hơn. Cái tên về vời nhiều khi cũng tiện lắm!»

Nàng đắn đo :

«Ông không sợ bị tụi Nhựt bắt sao ?» Nàng biết đó là một câu hỏi ngây thơ, nhưng lại là một câu nàng muôn hỏi.

«Sợ là chuyện thường ! Rất thường ! Còn cô,

«Thật khó nghĩ !»

Ông dứt dằng nói :

«Tôi nghe nhiều về cô, Ai-Weh-Deh.»

«Ông nghe gì về tôi ?»

«Nghe những lần cô đi vò hậu tuyển của tụi Nhựt để thâu lượm tin tức cho Quốc quân. Điều này có thật không ?»

Có một âm thanh vang vang của sự cáo buộc trong giọng nói của ông. Nàng nhìn ông có vẻ sững sờ và đáp :

«Thật.»

Đôi mắt ông nhìn chăm chăm vào đôi mắt của nàng, rồi lạnh lùng hỏi :

«Cô không cảm thấy cô đang phản bội vị trí mà Chúa đã đặt để cho cô hay sao ?»

«Tôi không biết.» Nàng ngạc nhiên ông và cơn giận dữ chầm chậm bốc lên. Sau đó, tiếng nói của nàng bùng vỡ như một cơn bão :

«Giữa trái và phải khác hẳn nhau, Chúa thừa nhận điều này. Tôi và ông, chúng ta có thể thừa nhận như vậy chó ? Quân Nhựt hung tàn. Chúa đã từng cầm roi đánh đuổi bọn cho vay ra khỏi Thánh đường. Nếu quân Nhựt tràn qua vùng quê của chúng ta cướp bóc, đốt phá và giết chóc, chúng ta cũng phải tìm mọi cách đánh đuổi chúng. Dân tộc này là dân tộc của tôi — dân tộc trên phương diện pháp lý, tinh thần và đạo đức của tôi — bọn chúng đã sát

hở, tôi sẽ tiếp tục làm những gì tôi có thể làm để bảo vệ và giúp đỡ họ."

Nàng ngừng ngay lại nửa chừng câu nói một thời một hồi của nàng. Nàng biết ông ta đang cười. «Chính ông cũng đã làm công việc đó với cùng mục đích đó,» giọng nàng đầy vẻ buộc tội. Tuy nhiên nàng cảm thấy đỡ bức túc.

Ông ta gật đầu nhẹ nhè, nói «Phải». Ông ngưng lại, và nàng nghe tiếng thở dài nặng nề của ông. «Có phải chúng ta cùng đang tự hỏi những câu hỏi này, Ai-Weh-Deh ? Và ngay cả câu giải đáp khiến chúng ta thỏa mãn, và ngay cả lương tâm của chúng ta hoàn toàn trong sáng trước tra vấn của con người, chắc chắn chúng ta vẫn không làm sao trả lời trước tòa án của Thượng đế, phải vậy không, Ai-Weh-Deh ?,

Nàng không trả lời. Nàng biết ông không cần nàng trả lời. Ông đang lớn tiếng soát lại lương tâm của chính ông.

«Tôi là một linh mục,» ông chậm rãi nói. «Tôi đến xứ sở này để dạy dỗ kẻ dốt nát và giúp đỡ người bị nạn, và mang tiếng noi của Chúa đến những ai chưa từng nghe tiếng nói này. Vậy mà, trên chiến trường, tôi đã nhìn thấy xác của những người bị giết do sự giúp đỡ của tôi — phải, chính tôi đã giết với hai bàn tay này,» ông vung tay trong một điệu bộ đầy vẻ khinh thị. «Nhưng trung lập có ích lợi gì ? Khắp nơi trên thế giới đang chiến đấu chòng lại một kẻ thù tàn bạo chung, Ai-Weh-Deh ; và trừ phi mọi người nắm lấy vũ khí — vũ khí tinh thần, đạo đức và vật chất — và chiến đấu trong chiểu hướng mà mọi người được trang bị tốt nhất để chiến đấu, làm sao chúng ta có thể đánh bại kẻ thù này ? Tôi vừa là một người đàn ông vừa là một linh mục, Ai-Weh-Deh, một người đàn ông ! Cô biết những gì mà kẻ thù đã làm, Ai-Weh-Deh. Chúng đã giết người, cướp bóc, đốt phá và hâm hiếp ra sao. Làm sao một người Thiên Chúa ngồi yên để nhìn những tội ác đó tiếp diễn ? Tôi không thể, và tôi sẽ không ngồi yên ! »

Thì rồi, cũng như khi nó bùng lên, cơn phẫn nộ của ông lảng xuống thật mau. Ông cúi nhín đôi tay vẫn còn xõe rộng trước mặt ông. Ông buông thõng đôi tay, quét quét lồng bàn tay vào vạt áo chùng, như quét một vết bẩn. Ông buôn bã nói :

« Sự phán xét phải đèn sau này. » Một nụ cười lèch lạc nở trên môi của ông. « Tôn giáo của tôi là một tôn giáo tin tưởng vào sự xứng tội. » Ông trầm tĩnh nói.

Gladys nhìn trả lại ông; và nàng khẽ nói :

« Tôi biết. »

... Trên chiếc đèn sàn, bắc đã lụn. Trong tăm tối, Tưởng Ley rời khỏi nhà ông Tiên Chi, và với hai vạt áo chùng đèn cuồn lật phai quanh chân, ông vượt núi trở về kết hợp với nhóm binh sĩ của ông.

Sau đó, Gladys gặp lại ông hai lần, nhưng lần nào cũng đều có mặt những người khác, nên cả hai chỉ mỉm cười và trao đổi đôi lời chào hỏi. Nhiều tháng nữa, ở Tsechow, nàng nghe tin ông chết. Theo tin, ông bị người Trung Hoa sát hại, nhưng Quốc quân lần Cộng sản đều không nhận trách nhiệm về cái chết của ông. Ông sẽ trả lời suông sẽ trước « tòa án của Chúa », Gladys quả quyết một cách buôn rầu.

Quốc quân bám cứng các khu vực quanh Tsechow trong suốt mùa Thu và mùa Đông, và bước sang đầu mùa Xuân năm 1940. Thời gian này Gladys trở nên quen thuộc với viên Tưởng Trung Hoa đóng tại huyện ly. Qua sự giới thiệu của Linnan, nàng được ông ta tiếp đón niềm nở tại hành dinh. Sau khi nàng lập được nhiều thành tích, ông ta đã đích thân trao gắn cho nàng một phù hiệu, để các đơn vị ngoài mặt trận nhận biết nàng. Nàng thường ăn cơm chung với viên Tưởng này và các sĩ quan của ông. Lớn tuổi hơn Linnan, phía sau ông ta là cả một thành tích chiến đấu dài dằng dặc và đáng kính nè.

Lúc còn là một sĩ quan cấp nhỏ, ông có mặt trong biển cõi Thượng Hải mà ai ai cũng biết, xảy ra vào ngày

28 tháng Giêng năm 1932, khi Nhật Bản đưa nhiều đại đội thủy quân lục chiến vượt Tô giới Quốc tế Thượng Hải để tiến vào khu vực Trung Hoa, Chapei (1). Bấy giờ ông là một sĩ quan thuộc Lộ quân 19 Trung Hoa, lực lượng này với sự dũng cảm tuyệt vời, đã dụng đòn đâm máu và đẩy lui quân Nhật ra khỏi Chapei. Bởi sự đe kháng không ngờ này, Đô đốc Shiozawa của Hải quân Hoàng Gia Nhật đã gửi nhiều oanh tạc cơ đến yểm trợ cho lực lượng Thủy quân lục chiến của ông, một hành động đã khiến cho thế giới kinh tởm, vì Chapei là một thành phò dân sự.

Nhắc lại biến cố này với Gladys, ông Tướng mỉm cười chua chát. « Có điều đáng ngạc nhiên là khi một hành động được lặp đi lặp lại nhiều lần thì lương tâm của thế giới lại có vẻ như đồng ý, có có thay như vậy không? » Ông là một người khôn ngoan và nhân hậu, gần gũi với binh sĩ, ghét hối lộ, thối nát và tham nhũng, những tệ đoan hiện thịnh hành giữa bọn thượng cấp của ông trong Quốc Dân đảng.

Trong thời gian này, Gladys hoạt động hăng say và đi đây đi đó luôn. Mùa Thu trước đó, Davis đã đưa vợ con và một vài kiều dân Âu Châu khác ra miền duyên hải. Nếu không có sự giúp đỡ của ông, chắc chắn những người này không thể đi thoát một cách an toàn được. Gladys biết Davis sẽ trở lại ngay khi nào ông có thể trở lại được. Gladys chia thời gian của nàng, vừa sống ở Yangcheng vừa ở làng Bei Chai Chung, lang thang vào vùng quê thăm viếng các họ đạo và đồng thời thâu thập tin tức tình báo cho Quốc quân.

Hiếm có những chuyện tình nào này nở trong hoàn cảnh khác thường hơn chuyện tình giữa Gladys và Linnan. Họ gặp nhau trong những giờ phút đặc biệt, trong các vùng bụi, trong các ngôi làng đỗ nát, trong các thị trấn bị bom đạn tàn phá. Họ trò chuyện trong những phút giây lâ

(1) Xem Yamamoto và những trấn đánh lịch sử trên Thái bình dương, đã xuất bản (3 quyển), và Tojo người hùng Thái bình dương.

kỳ, giữa các trận đánh, giữa những trẻ sơ sinh, giữa các buổi lễ rửa tội. Họ trao đổi những tin tức vụn vặt, họ dùng bữa chung với nhau, nói về tương lai mà họ sẽ xây dựng trong một nước Trung Hoa mới. Sự quan tâm, sự chỉ dẫn dexterous và lòng triều mến của chàng đài với nàng không bao giờ lay chuyển. Họ bàn chuyện hôn nhân. Chàng nồng lòng muốn hai người kết hôn ngay và họ có thể sẽ trở thành đài vợ chồng hạnh phúc nhất, không cần biết đèn chiến tranh hay không. Gladys đã trả lời « không ». Phải chiến thắng trước đã. Hôn nhân, hạnh phúc cá nhân của họ phải gác lại. Nàng viết thơ gửi về Anh cho gia đình biết rằng nàng sẽ kết hôn với một người Trung Hoa, và hy vọng gia đình sẽ hiểu nàng. Trong thơ trả lời, bà nàng nói nếu hạnh phúc của nàng được bảo đảm với người đàn ông này, gia đình cũng sẽ lấy làm sung sướng. Nàng đọc thơ này trong một hang núi, cách Yangcheng không xa mấy, trong lúc nàng đi thăm viềng một sò con chiến mèo của nàng. Nàng không hiểu bằng cách nào bức thơ có thể vượt giòng Hoàng Hà và đến tay nàng ở tận miền núi, nhưng một người mang tin đã mang nó từ Yangcheng trao cho nàng. Nàng đã ứa nước mắt khi đọc thơ, và vì hôm đó nàng chỉ ăn có một tô rau luộc hái ở sườn núi nên nàng thay hơi choáng váng.

Theo bước chân của mùa Xuân, mỗi ngày quân Nhựt tiến gần đền Tsechow hơn. Họ muôn san bằng huyệt lỵ này. Trên đồng ruộng và trong làng mạc cách một vài dặm bên ngoài, Quốc quân kháng cự một cách dũng cảm. Thương binh di tán về Tsechow hết đợt này sang đợt khác, ngay cả trú khu của cơ quan truyền giáo cũng biến thành một địa điểm cứu thương. Thường thường, Gladys cùng với một sò phu khuân vác ra tận bên ngoài để mang những người bị thương về. Họ tháo mày cánh cửa ra làm cảng khiêng.

Dân tị nạn cuộn cuộn lướt ngang qua thị trấn và tụ tập trong cơ quan truyền giáo. Quân Nhựt tăng viện mạnh

mẽ khiên cho áp lực càng thêm nặng nề. Tiếng súng nhỏ, súng lớn vang rền không ngớt.

Mặc dù trong tình cảnh đó, nàng vẫn quyết tâm không rời huyệt lỵ. Sông dưới sự chiêm đóng của quân Nhựt không còn là gì đồi với nàng nữa. Nàng cảm thấy có thể bảo vệ dân chúng tránh khỏi một vài hành động tối tệ của quân Nhựt. Tuy nhiên, điều khiến nàng lo âu là đám trẻ mồ côi. Từ khời thủy, cơ quan truyền giáo luôn luôn chăm sóc các trẻ em mồ côi ; có khoảng từ năm mươi đèn một trăm trẻ em cư ngụ trong cơ quan vào thời gian bình thường, nhưng con số này gia tăng vượt bậc trong những tháng vừa qua. Hiện thời, cơ quan phải chăm sóc hơn hai trăm trẻ em mồ côi.

Nàng biết mới đây, bà Tưởng Giới Thạch đã bắt đầu dành một ngân khoản giúp đỡ trẻ em mồ côi, ở tận Chung King. Các trẻ em mồ côi được thu nhặt từ các khu vực bị chiến tranh tàn phá gần đèn cờ đồn Sian & Shansi, và ở đây sẽ có chỗ trú ngụ, cung cấp quần áo và nuôi dưỡng chúng. Một số cũng được cắp sách đèn trường. Trong suốt mùa Đông, Gladys đã viết thơ cho các giới cầm quyền ở Chung King hỏi xem họ có thể giúp đỡ nàng hay không. Nàng đã tiên đoán, sau sự đế kháng mạnh mẽ của Quốc quân vào mùa Hạ và mùa Thu vừa qua, quân Nhựt sẽ không còn giữ thái độ vui vẻ khi chúng tiến vào Tsechow, và nàng lo sợ cho bọn trẻ.

Một tháng sau nàng nhận được thơ trả lời. Theo đó, nếu bọn trẻ có thể đèn Sian, ủy ban sẽ vui lòng chăm sóc chúng. Nàng quyết định cho phân nửa số trẻ đi ngay. Nàng giao phó việc thực hiện chuyến đi này cho một giáo dân, Tsin Pen Kuang. Với một số tiền và đồ ăn, Kuang lên đường với một trăm trẻ em tiễn về giòng Hoàng Hà. Họ sẽ sang sông và đáp xe lửa đến Sian. Chuyến đi suôn sẻ. Năm tuần sau nàng nghe tin bọn trẻ đèn nơi an toàn. Nàng cũng biết được Tsin Pen Kuang đang trên đường trở về, và do đó, anh ta có thể đưa một trăm trẻ em còn lại đèn

Sian. Với tình trạng càng ngày càng bồi rồi & cơ quan truyền giáo, nàng mong ngóng Kuang từng phút từng giây. Lúc ấy nàng không biết, và vẫn không biết cho đến nhiều tháng sau này, rằng trên đường trở về, Tsin Pen Kuang đã bị quân Nhựt bắt giữ và không chừng đã bị bắn chết.

Sáng hôm đó giáo sĩ Davis trở về, lúc nàng đang quỳ bên cạnh một người đàn ông bị thương trong trú khu của cơ quan truyền giáo, với một tớ nước đê kè bên. Nàng nghe tiếng nói ở phía sau và nhận ra tiếng nói của Davis. Nàng quay lại định mỉm cười để thay lời chào đón, nhưng nàng không thể nào cười được. Lời chào đón được chuyển thành những lời nói mà đáng lẽ ra nàng không nên nói còn hơn.

«Ô, Davis, tại sao ông trở về lúc này ? Tình thế nguy hiểm lắm.»

Vừa dứt lời, nàng ý thức ngay rằng trên quả đất này không thể có chương ngại vật nào ngăn nỗi bước trở về nơi chốn mà Davis cảm thấy nhiệm vụ của ông đã được đặt định. Ông đã di tản vợ con và những kiều dân Âu Châu cuối cùng & Tsechow ra miền duyên hải qua một chuyến đi dài dang dặc ; hiện thời ông chỉ còn bận tâm đến Cơ quan truyền giáo. Ở hải cảng Chefoo, ông đã để mọi người tại một nơi tương đối an toàn trong vùng chiêm đóng của Nhựt Bản và lo xin phép trở về Tsechow. Ông bị từ chối. Không lùi bước, ông lại chạy lo xin phép viềng thăm một thị trấn cách Chefoo không xa. Lần này ông được chấp thuận. Ra sao thì ra, ông quyết định trở về cơ quan truyền giáo của ông. Với giấy phép, ông lên đường đến thị trấn phụ cận và «biển mắt». Ông biết rõ dân tộc Trung Hoa và biết các phương pháp mưu sinh khi đi ra vùng quê. Ông tránh các quốc lộ vì sợ gặp quân Nhựt, và cứ đi phỏng chừng xuyên qua miền quê. Lộ trình lội bộ đánh vòng xa hơn một ngàn dặm nên mất gần hai tháng ông mới về đến Tsechow.

Đến nơi, ông thấy cơ quan truyền giáo của ông đầy đầy

dân lành nạn và thương binh, trong khi một sư đoàn Nhựt đang tàn công chỉ cách đó một vài dặm. Rồi loạn khắp nơi. Gladys không có thì giờ để làm gì hơn là trao đổi với ông một vài lời. Thời gian quá bão, vì nàng quyết định, bằng mọi giá, phải di chuyển một trăm trẻ em còn lại đến một nơi an toàn hơn. Nàng đang sắp đặt để đưa chúng trở về Yangcheng nội ngày hôm đó. Nàng xép lù trẻ thành một hàng dọc, kiểm soát sơ qua xem tất cả có mang theo mèn chiếu, chén đũa hay không, rồi nàng đứng coi chúng bước ra khỏi công cơ quan truyền giáo, với sự dẫn dắt của hai người đàn bà giúp việc cho cơ quan. Một dọc trẻ con dài ngoằn vừa đi vừa hát vang vang, xuyên qua đồng bằng, hướng đến vùng núi, tìm sự an toàn ở Yangcheng.

Chiều đó, nàng mở một tiều lě cầu nguyện trong ngôi nhà thờ nhỏ của cơ quan. Buổi lě chầm dứt sớm, nhưng nàng nhận thấy một người lính trẻ tuổi — binh sĩ thường tham dự các buổi lě — vẫn còn ở lại. Hắn đứng ở cửa ra vào, tay nắm mè chiếc nón. Nàng biết rõ tên lính này, đó là tên lính chạy giày trong bộ thám mưu của viên tướng Tiung Hoa, một thanh niên kín đáo và chân thật.

Khi ra khép cửa và chờ hắn bước ra ngoài, nàng nói điều :

«Anh có vẻ rảnh rang quá!»

Tên lính nói một cách bí mật :

«Tôi phải chờ cho những người khác đi ra hết. Tôi có một bức thơ của ông Tướng.»

Hắn thò tay vô túi áo trên lèy ra một phong bì trao cho nàng. Nàng cau mày, xé phong bì và lướt mắt trên mảnh giày thô sơ. Bức thơ do viên Phụ tá nhán danh ông Tướng viết cho nàng.

«Lực lượng Trung Hoa ở Tsechow đang chuẩn bị rút lui. Ông Tướng muốn cô đi theo quân đội, do đó cô sẽ được mang đến một nơi an toàn. Nếu cô đi với tên lính chạy giày này, hắn sẽ cung cấp cho cô một con ngựa và hướng dẫn cô đến một điểm hẹn.»

Về mặt của nàng đánh lại. Bức thơ này có một số lý lẽ khiên nàng tức giận. Thật là một sự tự phụ của viên Tướng khi ông ta nghĩ rằng thoát nhín thày nỗi hiềm nguy, nàng sẽ vội lánh thân ngay. Trong suốt mấy năm qua nàng đã lâm hiềm biết bao lần. Mặc dù Davis đã trở lại và trách nhiệm của cơ quan truyền giáo thuộc về ông, nàng vẫn cầm thày nhiệm vụ đòi hỏi sự hiện diện của nàng ở Tsechow. Nàng lấy ngay cây viết chì của tên lính chạy giầy và viết nhanh ngoạc phía sau bức thơ : «Chi Tao Tu Pu Twai» (Những người Cơ đốc giáo không bao giờ rút lui). Nàng biết hành vi này hơi thái quá, nhưng nó làm dứt được cơn bức tức của nàng. Nàng nói :

«Anh mang cái này về cho Ông Tướng của anh.»

Tên lính ngẩn ngơ, rồi chào nàng, và quay gót bước mau vào bóng tối.

Gladys nằm trên giường và suy nghĩ về bức thơ. Như vậy là quân Nhật sắp chiếm huyện ly ? Được, trước đây nàng đã từng sống dưới sự chiếm đóng, và bây giờ có sống một lần nữa cũng không sao. Còn nhiều việc phải làm, quá nhiều việc phải làm. Nàng thiếp ngủ với nguyên cả quần áo, vì vào những ngày đầy đầy bắt trắc này có ai biết được trong đêm sẽ xảy ra chuyện gì đâu.

Chiều hôm sau, người lính chạy giầy lại xuất hiện. Gương mặt cõm cõi và xanh xao của hắn đầy vẻ lo âu. Nàng vừa ăn cơm trưa xong, và qua tô kê đã vét sạch, nàng nhìn hắn kinh ngạc :

«Anh đến đây làm gì nữa ?»

Hắn luồng cuồng, bồi rồi, ập a ập úng trong sự khích động :

«Ông Tướng yêu cầu cô hãy đi đến một nơi an toàn lập tức. Ông sai tôi trở lại trao cho cô bức thơ này. Quân đội dừng lại trên vùng đồng bằng cách đây mươi lăm dặm. Tôi van cô, Ai-Weh-Deh, cô nên theo tôi.»

Nỗi rầu rĩ của hắn làm cho nàng hơi xao xuyến. Nàng đặt cái tô xuống, đứng dậy và nói : «Anh đến cho tôi biết

việc này, tôi cảm ơn. Nhưng, như tôi đã nói với anh, tôi sẽ không đi với quân đội. Những gì xảy ra không thành vấn đề. Tôi ở lại Tsechow hay tôi đi vòi núi thì cũng vậy thôi..

Đối với nàng, việc này hoàn toàn hợp lý. Mặc dù nàng có thể giúp đỡ Quốc-quân bằng cách thâu lượm tin tức, nàng vẫn duy trì những tư tưởng xác quyết của người Cơ đốc giáo trong nàng.

Mặc hắn đứng đó, nàng bỏ đi tiếp tục làm công việc của nàng. Những thương binh Trung Hoa không thể nào lè bước đều được chất lên xe bò mang ra khỏi thành phđ, và những người đi được khắp khênh bước theo sau. Quân Nhựt không phí thời giờ cho kè bị thương, kè cả của họ và của đối phương. Họ gom xác chết binh sĩ của họ lại, chất thành đống, rồi hỏa táng. Người Trung Hoa cho rằng người Nhựt đã giúp cho binh sĩ bị thương nặng của họ được lên thiên đường Thần đạo, bằng cách ban một phát đạn chính xác trước khi hỏa táng vội vã. Đối với người Nhựt, hình như chỉ cần gởi một hú di hài của người chết đã đổi thành tro về đặt trong các đèn miếu & quế hương là đủ. Họ tháo mây cánh cửa và các chàn song bao lớn để làm giàn hỏa. Việc đòi xử với người chết một cách giản tiện nay đã làm cho người Trung Hoa xúc động mạnh. Đối với dân chúng Trung Hoa, người chết phải được tôn kính. Họ tin tưởng người chết có ba hồn, một hồn nương náu trên bài vị, một nằm trong mộ, và hồn thứ ba đi vào cõi hư vô. Do đó người Trung Hoa tin tưởng hơn bao giờ hết, rằng họ đang chiến đấu chống lại một xứ sở man rợ.

Suốt ngày đó, dân chúng trong thị trấn Tsechow được di tản. Quân Nhựt đã bị hậu quân Trung Hoa chặn đứng quá lâu thành thử khó thể có bất kỳ sự dung tha nào được dành cho những kè bị họ tình nghi hoặc không tra. Hiện thời thị trấn hầu như hoang vắng. Ngay cả với Davis. Gladys cũng không có thời giờ để thảo luận về bức thơ của viên tướng. Nàng biết Davis sẽ không rời khơi cơ quan

truyền giáo trừ phi ông bị đuổi đi. Trước đây ông cũng đã từng sống dưới sự chiếm đóng của quân Nhật và chắc ông nghĩ rằng ông có thể chịu đựng được một lần nữa.

Trong khi ăn trưa một cách vội vã Gladys và ông chỉ trao đổi một vài câu qua loa về tình trạng của cơ quan. Dân lành nạn đầy đầy trong cơ quan, có đèn hàng ngàn người, và Davis đang còi ổn định trật tự dần dần.

Nhiều hôm nay, đêm cũng như ngày đều nghe tiếng nổ lạch tách của các loại súng nhỏ, đại liên, và tiếng nổ ầm ầm của súng cối hoặc trọng pháo.

Chiều tối hôm đó những tiếng nổ thình lình ngừng hẳn. Trời dần khuya, nhiều người đi ngủ, nhưng chính nỗi yên tĩnh có một cái gì như là điểm báo trước sự khủng khiếp. Gladys mở cửa sổ — tất cả cửa sổ của cơ quan ở đây đều làm bằng kiếng, không giống như các cửa sổ bằng giấy ở Yangcheng — nàng nhìn ra ngoài sân đen thẳm. Chính bóng tối hình như nặng nề khó thở. Nàng khó chịu vì cảm thấy bất an và sợ hãi.

Nàng tự hỏi :

« Tại sao sự yên tĩnh làm cho mình sợ hãi ? Không chừng quân Nhật sắp đến. Chúng sẽ đèn, mình biết chắc như vậy rồi. Chúng đèn thì đèn, có sao đâu ? Trước đây mình đã từng sống dưới ách của chúng mà. »

Nhưng nàng cũng biết rằng nàng đã nghĩ ngược lại với linh tính của nàng — linh tính bén nhạy đã từng giúp nàng rất nhiều trong quá khứ. Linh tính của nàng đang tạo cho nàng sự bất an, giồng như sự nhút nhát của một con nai đang cúi xuống uống nước trong đầm, bỗng ngẩng cao đầu lên, đánh hơi mãnh liệt phảng phất trong gió. Nàng lên giường nằm, vẫn để nguyên quần áo như mọi khi, và nhắm mắt để giấc ngủ. Một mõi sau nhiều giờ tö chirc và săn sóc người tị nạn, nàng thiếp ngủ.

Bỗng nhiên nàng thức giấc và ngồi dậy ra cửa. Chiếc bắc của ngọn đèn dầu hải ly vẫn còn cháy trên bàn, tia ánh sáng mờ mờ trong căn phòng. « Ai đó ? » Nàng lớn tiếng. Nàng không thể nghe rõ câu đáp lại, nhưng nàng nhận ra

tiếng nói hình như là của tên lính chạy giầy của ông Tướng. Nàng mở cửa. Tên lính đứng đó, bóng của hắn nồi bật lên trong bầu trời sáng hơn phía bên ngoài. Hắn nói thật mau. Giọng đầy khích động : « Tôi đèn đè yêu cầu cô đi với chúng tôi lập tức, Ai-Weh-Deh »

Bởi lẽ chính nàng cũng hơi sợ hãi, giọng nói của nàng trở nên gay gắt :

« Tôi đã nói với anh, là tôi sẽ không rút lui theo quân đội. Tại sao anh đèn phá rời tôi giữa đêm hôm khuya khoắt như vậy ? »

Tên lính vẫn đứng đó, không có vẻ muốn vỗ phồng. Hắn ta nói, giọng đầy cầu khẩn : « Dù muôn hay không cô cũng phải đi với chúng tôi. Chúng tôi đã nhận được tin chính xác. »

« Tin gì ? »

« Một giải thưởng đang treo trên đầu cô. »

Nàng cõi cắt tiếng cười, nhưng tiếng cười nghèn trong cõi họng nàng.

« Tôi đáng giá gì ? Một ý tưởng hết sức vô lý. »

Không nói nữa, tên lính mở tay vỗ túi áo lót, móc ra một mảnh giấy trao cho nàng.

« Những truyện đơn này được dán trong các ngôi làng nằm bên ngoài Tsechow. Sáng mai chúng sẽ xuất hiện trên các công thành của thị trấn này. »

Nàng đưa mảnh giấy gần đèn để đọc. Bóng tôi nhảy múa trên tờ truyện đơn hé nhô, bể ngang khoảng hai tấc và bể dài khoảng ba tấc. Phía trên có hàng chữ : « Thường một trăm đô la ! » và tiếp theo : « Quân đội Nhật Bản sẽ thường một trăm đô la cho người nào điểm chỉ đèn bắt sông bắt luận kè nào trong ba người có tên dưới đây. »

Đôi mắt của Gladys nhìn chăm chắm vào mày cái tên. Đầu tiên là Quan Huyện Tsechow, thứ hai là một tên thương gia nổi tiếng, bị đe dọa vì thái độ đầy cảm tình của ông ta đối với Trung Hoa Quốc gia. Và hàng thứ ba, thật đơn giản : « Người đàn bà nhỏ bé, được biết với cái tên Ai-Weh-Deh. »

CHƯƠNG XII

CÁ câu chuyện này không thể nào tin nổi, đó là phu ứng tức thời của nàng. Một trăm đô la ! Đó là một tài sản nhỏ ! «Bạn Nhứt chắc chắn», Nàng kêu lên. «Biết một trăm đô la vì mình !»

Bóng đèn đứng ở cửa ra vào bắt động. «Cô phải rời khỏi đây vào sáng sớm, Ai-Weh-Deh. Cô phải đi ngay khi mặt trời mọc.»

Gladys quay lại hắn, phân vân, và không thể nào đè nén một cảm giác sợ hãi đèn thịnh lịnh.

Nàng chầm rãi nói :

«Cám ơn anh đã báo tin này cho tôi biết. Cách này hay cách khác, tôi sẽ quyết định, nhưng bây giờ thì tôi chưa biết.»

Hắn nhện thay nỗi lo âu trong giọng nói của nàng. Hắn nói một cách nghiêm cẩn :

«Tôi chúc cô gặp may mắn, Ai-Weh-Deh !»

Rồi hắn biến mình vào bóng tối. Nàng không bao giờ gặp hắn trở lại nữa.

Nàng từ từ đóng cửa và bước vào chiếc bàn. Nàng xem kỹ lại tờ yết thị nhỏ bé. Một trăm đô la ! Đó là một số tiền to tát đối với hầu hết dân chúng ở Tsechow. Nàng nghĩ chỉ cần nửa số tiền này, nhiều người ở đây có thể bán nàng cho địch, dù họ không thù ghét nàng. Nàng không nghĩ đến việc hỏi ý kiến Davis trong tình trạng tiền thoái lưỡng nan của nàng. Từ nhiều năm nay nàng thường tạo

lầy quyết định riêng, không hề có sự giúp đỡ của ai cả. Davis đi vắng mày tháng trời vừa mới trở về, và hiện thời nàng là người đàn bà đang được treo trên đầu một giải thưởng, nàng không muôn ông ta dính dáng đến các vấn đề riêng của nàng.

Không khí trong phòng nặng nề. Nàng bước lại mở cửa sổ. Màn đêm kín như bưng treo lơ lửng bên ngoài. Hoàn toàn yên tĩnh. «Làm sao mình có thể bỏ chạy khi đối diện với quân thù?» Nàng tự hỏi một cách tuyệt vọng, nhưng đồng thời trí khôn của nàng lại khuyên cáo nàng nên tìm nơi ẩn nấp an toàn lập tức.

Hiện nhiên, quân Nhựt đã biết nàng hoạt động tình báo cho Quốc quân. Có người đã tiết lộ. Địch quân sẽ không án đo trong việc thanh toán nàng, ngay cả nàng là một phụ nữ đi nữa. Nhưng nàng vẫn ngăn ngừa không muôn ra đi. Sự tùng trăi, trái tim và tinh thần của nàng, tất cả đều chống lại việc bỏ rơi nhiệm vụ trước mặt kẻ thù của nàng. Tuy nhiên trong những năm qua, nàng đã chứng kiến nhiều tội ác kinh khiếp; địch quân sẽ không ngăn ngại áp dụng một số tội ác ấy trên một người Cơ đốc giáo làm gián điệp. Trong đầu nàng văng vẳng lời cảnh cáo: «Nếu cõi ở đây, chắc chắn cõi sẽ chết.»

Nàng biết người Trung Hoa có một lời nguyễn cầu: «Hỡi Thương đế, nếu con phải chết, xin người đừng ban cho con sự sợ sệt trước cái chết, mà hãy ban một ý nghĩa cho cái chết của con.» Nếu nàng ăn nhẫn chờ đợi quân Nhựt đến và bắt nàng, đó có phải là một ý nghĩa không?

Nàng không biết làm gì, nhưng có một sự thúc đẩy nàng tìm lối thoát qua quyền Thánh Kinh. Nó nằm trên bàn, kè bên lá truyền đơn. Nàng bắt chót mở quyền Thánh kinh ra rồi cúi xuống đọc hàng chữ Trung Hoa. Càng đọc nàng càng sợ hãi: «Hãy chạy trốn đi con, hãy chạy trốn trên núi! Hãy ăn náu trong những nơi kín đáo, bởi vì vua Babylon đã nghĩ ra cách chém lại con.»

«Vua Babylon đã nghĩ ra cách chém lại con!. Nàng

lớn tiếng đọc lại một cách sững sờ. Nếu nàng muôn một điểm báo trước, có phải nó đây không ? « Hãy chạy trốn đi con ! Hãy chạy trốn đi con ! » Phải, bây giờ nàng biết rằng nàng phải rời khỏi nơi đây ngay khi ánh sáng đầu ngày vừa lên. Nàng bước đèn cái hộp nhỏ của nàng ở góc phòng và bắt đầu tuông hết giầy má thơ từ ra. Phải tiêu hủy hết trước khi đi, không nên để bất kỳ chứng cứ nào lại đây. Bình minh đèn, nàng vẫn còn bận rộn, nhưng nàng cũng đã hoàn tất công việc nhanh chóng. Mặt trời lên lúc nàng bước xuống trú khu của cơ quan truyền giáo, mang theo quyền Thánh kinh và tờ truyền đơn nhỏ bé. Nàng gấp một ông lão người Trung Hoa, một tín đồ ngoan đạo mà nàng quen biết nhiều năm nay. Nàng đưa tờ truyền đơn cho Ông ta coi. Ông lão chăm chú đọc một vài giây rồi ngược mắt nhìn nàng. Với vẻ nghiêm trang Ông nói : « Cô phải đi ! Cô phải rời khỏi nơi đây. »

« Tôi đi ngay, » nàng đáp. « Tôi đi gấp Ông gác cổng để nhờ Ông sửa soạn lừa cho tôi. »

Khi nàng đi qua trú khu rộng rãi để ra cửa cổng, nàng có thể cảm nghe ánh nắng ấm áp trên lưng nàng. Đầu chân mang giầy mỏng manh của nàng đá tung những đám bụi nhỏ. Ông Mao, người gác cổng, đang đứng dòm qua cái lỗ tò vò trên cửa khi nàng bước đèn. Nàng nói :

« Ông Mao, tôi sẽ đi liền. Ông làm ơn sửa soạn lừa giùm tôi. »

Khuôn mặt đầy mỡ và tròn ủng của Ông ta chầm chậm quay lại nhìn nàng. Thường thường Ông ta cười hêch hắc, nhưng lúc ấy mặt Ông ta lại có vẻ nghiêm trang. Chiếc nón đen tròn và bó sát vô đầu hình như đã làm cho trán của Ông co rút lại. Ông ta nói :

« Cô nên nhìn ra ngoài cửa. Bây giờ đi rất nguy hiểm. »

Nàng bước tới, đưa mắt nhìn qua cái lỗ nhỏ. Từ lỗ nhỏ này chỉ có thể nhìn thấy con đường chạy rẽ sang phía trái, khuất sau bức tường của trú khu cơ quan, nhưng ở phía phải có thể nhìn thấy con đường chạy quanh bức

tường thành của huyệt lỵ và dẫn vào cổng chính. Một nhóm lính Nhựt đang tiễn vồ cổng thị trấn. Nàng bước lùi khỏi cái lô, cõi trấn áp cơn sợ hãi ủa đèn thỉnh lín. Khi nàng bước đi và vượt qua trú khu, nàng thấy người đầu bếp tên Mesang đi theo phía sau nàng.

Hắn nói lớn :

« Cõi phải đi, cõi phải rời khỏi nơi đây ! »

Nàng nhìn hắn, và vì quá bối rối nên nàng không thốt nên lời. Sau đó, nàng quay lưng tiếp tục vượt qua trú khu, nàng càng bước càng cảm thấy sợ hãi. Nàng bước mau hơn, chạy lúp xúp và rồi cuối cùng chạy hắn. Nàng nhầm cổng sau chạy tới. Cổng sau tức là cái cổng theo cõi tục, chỉ dùng để khiêng xác chết ra ngoài.

Lời đi đèn cái cổng nầy băng ngang qua sân nhà của Davis. Lúc nàng chạy, nàng sực nhớ lại Davis hiện ở trong nhà. Bỗng nhiên, nàng dừng lại, holt một nắm sạn, ném vào khung cửa kiềng nhà của Davis. Ông ta bước ngay ra cửa sổ, mặc áo sơ mi tay dài, hiển nhiên ông ta đang thay quần áo. Khi Davis nhìn nàng, nàng chỉ thấy đầu và vai của ông ta.

Tiếng hòi của ông vang lên :

« Cõi có về sợ hãi, Gladys ? Tại sao cõi sợ hãi ? »

Cơn sợ hãi lại ủa đèn vây phủ nàng. Không lên tiếng đáp lại, nàng chạy thẳng ra cổng sau.

Cổng không đóng, nàng chạy ngang qua. Phía bên ngoài là một nghĩa địa dành để chôn những người ở phương xa đèn, mồ mả chí chít trên bãi đất trống trải dài. Phía bên kia là cái hào bao quanh thành phò, cạn và cõi mọc đầy, và xa hơn về phía phải là một cánh đồng rộng lớn trống lúa mì xanh um. Cho dù lúa chưa mọc cao nhưng nàng vẫn có thể vào ăn núp được. Nhưng tất cả đều khác hẳn cảm nghĩ của nàng. Khi nàng chạy ủa ra cổng, nàng biết ngay là mình xét đoán sai lầm. Mặc dù cổng trước của cơ quan gần cổng thành hơn, lối thoát từ cổng sau của nàng lại lô liều, bắt cứ ai đi dọc theo con đường ở khoảng cách xa

mày đi nữa cũng nhìn thấy nàng. Trên con đường nằm ở phía sau nhóm lính Nhựt mà nàng đã thấy đang tiến về công thành, có nhiều đại đội lính Nhựt khác đang tuân tự kéo qua. Nàng đã chạy ngay trong tầm nhìn của chúng. Tên lính Nhựt gần nàng nhứt không hơn một trăm bước. Nàng biết quân Nhựt có khuynh hướng khai hỏa trước rồi mới xem xét lý lịch của người bị bắn sau. Người nào chạy mà bọn chúng trong thấy thì kè như lanh một loạt đạn. Nếu các phát súng trúng mục tiêu; bọn chúng ít khi dừng lại để xem xét tử thi hoặc các vết thương do đạn gây ra. Nhưng hiện thời nàng không thể nào trù trừ được nữa, nàng quyết định tiếp tục chạy.

Khi nàng chạy ngang qua nghĩa địa, nàng nghe tiếng la lớn của nhiều tên lính Nhựt, và liền ngay đó là tiếng nổ chát chúa của các khẩu súng trường. Đầu đạn chạm vỗ đá tóe lửa quanh nàng. Nàng cảm thấy nhói ở ngực, mồ hôi đổ xuống mắt nàng, nhưng chỉ còn mày bước nữa là đèn bờ hào. Nàng cõi chạy nhanh hơn, nhưng khi gần chạm đèn bờ hào, nàng cảm thấy như có một cú đàm giáng xuống lưng nàng. Nàng khụng lại ngã chui xuống mặt đất, cát sỏi đầy miệng. Nàng không cảm thấy đau đớn, chỉ kinh ngạc tới độ. Nàng biết một viên đạn đã trúng một nơi nào đó trên thân thể nàng. Nàng nghĩ :

“ Mình đang hắp hối ! Hắp hối là như thế này ? ” Sau đó dần dần nàng cảm biết đau rát ở bả vai, và với cơn táo táo đèn rất mau, nàng hiều ngay rằng nàng chưa chết. Nhưng chắc mạng nàng cũng không kéo dài được bao lâu, bởi vì những viên đạn của bọn Nhựt vẫn tiếp tục cày tung đất cát, và chạm vỗ đá và dội ngược rót vung vây quanh nàng. Bọn lính Nhựt đang lầy lèm thân nằm sấp của nàng để làm bia tập bắn. Phản ứng tự nhiên, nàng đưa tay giựt đứt mày cái nút gài phía trước chiếc áo độn bông dày mà nàng đang mặc. Quyền Thánh kinh vẫn còn khi nàng ngã xuống, nàng có thể cảm thấy quyền sách cân cần dưới bụng. Nàng vặn người chui ra khỏi chiếc áo, bỏ nó lại phía sau.

giồng như lột một lớp da. Sau đó, xù dụng quyền Thánh kinh ở dưới bụng như một cái xe trượt tuyết, chân dày và tay bầu vào đất, nàng trườn người về phía trước. Thở hồn hồn, nàng tiền đèn cái hào cạn và rơi nhào xuống đó. Lưng nàng vẫn còn rát bong. Tim đập thình thịch khi nàng nghe những viên đạn như một cái vòi nước rót vô chiếc áo nàng vừa bỏ lại một cách thật chính xác, vì bọn lính Nhựt đã điều chỉnh lại hướng nhắm của chúng. Điều này như thúc đẩy thêm năng lực của nàng. Gắng sức gấp đôi, nàng chạy dọc theo cái hào cho đèn khi có thể nhìn thấy lúa mì che phủ trên đầu nàng. Cẩn thận vét lá lúa, nàng chui vào những thân cây mảnh mai, rồi nép mình đi thụt lùi về phía sau để có thể uốn cho thân lúa ngay trở lại, nhầm xóa hết mọi dấu vết.

Đèn giữa đám ruộng, nàng cảm thấy khá an toàn. Nàng buồn vì mất chiếc áo đón bong. Nàng chỉ còn lại chiếc áo gi lê bằng vải trên mình, cho nên ngay cả dưới ánh nắng chói chang, nàng cũng run lấy bầy. Nàng cảm nghe vết thương trên lưng đau nhức. Viên đạn xuyên thẳng chiếc áo đón bong và sượt qua bả vai phải của nàng. Nàng đưa tay mò mẫm và tìm gấp một làn hờ trên thịt, nhưng máu chảy ít, do đó nàng không lo lắng mấy. Đôi mắt nặng trĩu, nàng cảm thấy buồn ngủ. Nàng nhớ lại suốt đêm qua nàng mắt ngủ. Ngoài tiếng chim hót trong các bụi cây quanh thửa ruộng và trên các bức tường thành của thị trấn, không còn một âm thanh nào khác nữa. Cảnh vật hoàn toàn yên tĩnh. Nàng co thân lại và ngáp. Đột nhiên nàng cảm thấy mệt mỏi, chừng như tắt cả ý chí và nghị lực của nàng đều tiêu tán. Nàng khép đôi mắt lại.

Nhiều giờ sau đó, nàng thức dậy và kinh ngạc khi nhìn thấy mặt trời lên cao, lúc ấy nàng mới biết rằng mình đã ngủ. Ngủ trong tình cảnh như thế này dường như vô lý, nếu không nói là cả gan. Tuy nhiên nàng hài lòng, vì nàng cảm thấy khỏe khoắn trở lại. Nàng đã hết sợ. Khi đêm xuống, nàng biết bọn Nhựt sẽ nằm rụt đầu rụt cổ

trong thị trấn. Trước khi đi vồ núi, nàng phải chờ cho mặt trời lặn. Đè lấp đầy khoảng thời gian chờ đợi, nàng chui ngang qua đám lúa mì, đi qua bờ ruộng phia bên kia. Ngay khi màn đêm buông xuống vừa đủ để bao che nàng, nàng bước ra khỏi đám lúa mì. Nàng quay nhìn bức tường thành. Không thấy một bóng người nào di chuyển lúc nàng vội vã băng ngang qua những cánh đồng nhấp nhô hướng về phía núi.

Nàng đi mất hai ngày mới về đến Bát Phúc Lữ quán. Tại nơi, nàng biết rõ những gì mà nàng phải làm.. Lúc mò mẫm lội đi trên những dốc đá, lúc gió quật vào mặt trên các sườn núi, nàng ngầm nghĩ tìm một lối thoát cho nàng. Nàng đã đi đến một quyết định dứt khoát.

Nàng phải đi ! Nàng phải rời khỏi một phần khu vực thuộc phủ Shansi này. Sau khi chiến đấu đầy vật vã trong mây tháng vừa qua, quân Nhựt sẽ không nhẹ tay đồi với những người mà chúng nghi ngờ. Nếu biết nàng ở trong khu vực này, chúng có thể bắt một số con tin để gây áp lực buộc nàng phải đầu hàng... Có thể là thân hữu hoặc maybe đứa con nuôi của nàng ? Ngay cả nghĩ đèn thôi, nàng đã thấy không thể nào chịu nổi rồi. Nàng sẽ mang tất cả lù trê băng ngàn vượt núi đến Sian và tìm chỗ tị nạn ở đây. Nàng quyết định như vậy, khi nàng bước xuống con đường hẹp dẫn về lữ quán.

Thầy nàng, lù trê mừng rỡ. Chúng bu quanh nàng trong sân, cười nói ồn ào. Hai người làm công của cơ quan trông coi lù trê cho nàng biết họ xin Quan Huyện thực phẩm, tất cả đều khỏe mạnh và ăn uống đầy đủ. Một bọn trê dơ bẩn, mắt bồ câu, nước da màu nâu, về mặt tươi cười được Gladys tập hợp quanh nàng. Chúng thật sự xem nàng như là một người mẹ do trời ban cho chúng.

Chúng la ó :

«Cô Ai-Weh-Deh ! Cô Ai-Weh-Deh rờ vê săn sóc chúng con !»

Nàng nói :

«Đêm nay cô muôn các con đi ngủ sớm. Ngày mai chúng ta sẽ phải đi bộ xa. Chúng ta băng rừng vượt núi, đi xa, xa lắm!»

Một nỗi vui mừng như bùng vỡ giữa lũ trẻ. Một chuyến đi bộ xa đến đâu không biết, nhưng đối với chúng là một cuộc phiêu lưu.

«Các con phải thức dậy sớm, cuộn mền chiếu lại và mang theo đùa chén. Böyle giờ tất cả các con giải tán và đi ngủ ngay. Đừng quên lời cô dặn.»

Lũ trẻ biến mất vào két hốc cửa ngồi nhả. Khi Gladys đưa mắt buồn rầu nhìn lên mái nhà đồ nát và bao lòn xiêu vẹo, nàng ngâm nghĩ, quả thật, hầu như đâu đâu cũng là két và hốc cả. Nàng thở dài và bước ra cổng. Tất cả nhà cửa nằm dọc theo con lộ nhỏ dẫn đến lữ quán đều bị hư hại tàn tệ. Lúc nàng bước qua cổng thành phia Đông và men theo cồn đường cái, con đường đã từng chứng kiến nhiều sự việc quan trọng xảy ra trong đời sống bà nàng, nàng cảm thấy lòng tràn ngập đau buồn trước huyền lý hầu như bị bỏ rơi này. Các bức thềm bước lên huyên đường đã trở thành đóng gạch vụn. Trong sân trước, nàng hồi tưởng lại cảnh tượng huy hoàng tráng lệ và quyền uy xưa cũ, và tất cả mọi lễ nghi trang trọng đã diễn ra hàng mấy ngàn năm trước khi nàng gặp gỡ Quan Huyện. Böyle giờ, ở đây, chỉ còn một tên lính gác đứng trước cửa một căn phòng nhỏ. Nhận ra Gladys, hắn nhẹ răng cười với nàng, đầy cánh cửa phòng và la lớn :

«Cô ta đây!»

Vừa bước vô Gladys vừa ngâm nghĩ nều như vào những ngày trước đây, với cái lòi bầm báu như vậy, tên lính này phải trả giá bằng cái đầu của hắn.

Quan Huyện bước đến chào đón nàng. Ông mặc một cái áo thụng màu xanh và đầu đội nón đen. Trong một thoáng, Gladys cảm thấy nhớ lại một cách đầy luyến tiếc hình ảnh những chiếc áo thụng màu đỏ chói và màu vàng ánh. Ngay cả chiếc đuôi sam dài và mượt hiện thời cũng

bị hớt ngắn đèn tận gáy. Tất cả đàn ông Trung Hoa đều phải cắt tóc ngắn theo lệnh của Chánh phủ Quốc gia, vì quân Nhật đã tìm ra nhiều phương pháp tra khảo những người có đuôi sam một cách thâm sâu. Treo một người Trung Hoa bằng chính cái đuôi sam của hắn là một trò chơi mà bọn Nhật nghĩ là ngộ nghĩnh, không thể nào nín cười được.

Quan Huyện ôn tồn nói :

«Ai-Weh-Deh, tôi rất hân hạnh được gặp lại cô !»

«Thưa quan lớn, chính tôi cũng vậy.» Nàng đáp và chăm chú nhìn ông. Trong ông già hơn. Những nếp nhăn quanh mắt và miệng này không phải là hậu quả của khoảng thời gian suy tư bên sách vở. Giống như nàng, giống như tất cả những người Trung Hoa ở miền Nam Shansi, Quan Huyện đã sống trong nỗi đần vặt của sự bất an và sợ hãi. Khi địch quân đèn, ông chạy khỏi huyện lỵ, tiếp tục thi hành công vụ tại một ngôi làng miền núi, đèn đâu hay đèn đó. Khi địch quân rút lui, ông trở về trong cảnh hoang tàn. Công sản cũng như quân Nhật không bao giờ chịu phí thì giờ đòi với các viên quan cao cấp Trung Hoa ; mạng sống của Quan Huyện luôn luôn bị đe dọa. Nhưng lúc gặp nàng, ông mỉm cười hồi thầm sức khỏe của nàng, sức khỏe của song thân nàng, và lưu tâm đèn việc giúp đỡ nàng. Về mặt ông trầm trọng khi ông nghe nàng kể lại những việc đã xảy ra, và quyết định băng đèo vượt núi đè đèn Sian với bạn trai của nàng. Ông lo âu, nàng có thể thấy rõ. Ông nói :

«Tôi nghe quân Nhật đang len lỏi qua mây con đường núi và tiến đèn giòng Hoàng Hà. Cô sẽ phải đi ngang qua khu vực của chúng. Như vậy sẽ rất nguy hiểm.»

Nàng nói một cách cương quyết :

«Chúng tôi sẽ tránh đi trên những đường mòn cũ. Chúng tôi sẽ men theo những con đường mà quân Nhật không bao giờ tìm thấy.»

«Với một «bei» trè con ?» Sò Trung Hoa, «bei» (bách)

là một trãm. Sự thật, còn thiếu một vài đứa mới tới con số đó.

Nàng nói một cách cương quyết :

«Với một trãm trẻ con. Tôi không có can đảm bỏ đứa nào lại cả.»

Quan Huyện nói, giọng buồn bã :

«Đó là sự thật ! Cô có tiền bạc, thức ăn để đi đường không ?»

«Không có gì hết !»

Ông cười, tiếng cười lớn dần :

«Cô có biệt tài đồi phó với nguy nan, một cách chính xác và bình tĩnh. Biệt tài này khiến tôi phải ganh tỵ suốt nhiều năm cô đèn sông ở Yangcheng.»

«Thưa quan lớn, tôi đã từng nói với Ngài nhiều lần, rằng Chúa sẽ giúp chúng ta. Böyle giờ Ngài phải tin điều đó.»

«Nếu như vậy thì ít ra cô cũng phải để cho Quan Huyện Yangcheng hành động trong tư cách kè thay mặt cho Người. Tôi có thể giúp cô một số kè và hai người đi theo gánh giùm số kè này & phần đầu của cuộc hành trình. Bởi lộ trình tránh né như cô dự tính, cô phải mất nhiều tuần lễ mới đèn Sian. Chắc cô biết điều đó.»

«Tôi biết ! Sáng sớm ngày mai tôi sẽ lên đường.»

Ông nói :

«Cầu xin Chúa giúp cô. Chúc cô gặp nhiều may mắn.»

Họ cúi chào lẫn nhau. Đôi bạn thân giao nói lời từ biệt, và mỗi người đều muốn chuyền đèn nhau mỗi cảm kích trong thâm tâm, vượt hơn những lời nói đã thoát ra. Nhưng điều này khó thè — và cũng không cần thiết đối với họ.

Nàng trở về quán trọ. Bọn trẻ nằm xếp thành dãy trên các giường gạch mà trước kia những người dắt lừa đã nằm. Từ bao lớn xiêu vẹo, nàng nhìn lên bầu trời đầy sao và dãy núi quen thuộc. Trong thâm tâm, nàng biết lần rời Yangcheng này nếu không vĩnh viễn thì cũng một thời gian rất lâu. Nàng hồi tưởng lại ngày đầu tiên đèn đây với cô

lòng rõn rã, hoàn toàn không biết đến những gì đang chờ đón ở trước mặt nàng. Biết bao công việc, biết bao vất vả gian nan, nhưng cũng biết bao nỗi hân hoan đã tích tụ vào những năm trưởng thành và hữu ích này; không gì có thể tẩy sạch hoặc làm mờ đi những kỷ niệm ấy. Nàng cõi tự an ủi với ý nghĩ rằng khi đến Sian nàng có thêm nhiều việc để làm, nhưng ý nghĩ này không giúp cho nàng với đi cơn buồn bã.

Nàng tự hỏi Davis hiện giờ ra sao. Nếu nàng biết những gì đã xảy ra cho ông, có thể nàng sẽ quay lại Tse-chow lập tức để tìm cách giúp đỡ ông. Nhưng nàng không biết, và cho mãi đến nhiều năm sau này nàng mới biết được đầy đủ câu chuyện xảy ra cho Davis.

Hai tuần lễ sau khi quân Nhựt chiếm đóng Tsechow, chúng bắt giữ Davis và buộc tội ông làm gián điệp. Mặc dù lúc đó còn đúng một năm bốn tháng nữa Nhựt Bản mới tuyên chiến với Đông Minh, và vì vậy, trên nguyên tắc, Davis là một người trung lập, nhưng điều này vẫn không tạo ra chút khác biệt nào trong cách đối xử mà quân Nhựt dành cho ông.

Một ngàn dặm sâu trong nội địa Trung Hoa, những đán đo vè mặt nguyên tắc chỉ giữ vai trò phụ trong chiến lược của Nhựt Bản. Bởi một số lý do nào đó, rất Đông phương, chỉ chính quân Nhựt mới hiểu nổi, chúng quyết làm cho Davis phải nhìn nhận ông là một tên gián điệp. Các phương pháp của quân Nhựt hoàn toàn đơn giản. Chúng bỏ đói ông, không cho ông ngủ và cứ cách khoảng đều đặn, chúng đánh đập ông một cách tàn tệ.

Quân Nhựt treo hai trong số mầy con chiên của ông lên xà nhà để tra tấn, nhằm ép buộc họ khai là Davis âm mưu chòng lại Nhựt Bản. Hai người này đều không chịu vu cáo ông nên quân Nhựt sát hại cả hai. Họ là những người chất phát, họ không hiểu tại sao họ lại bị tra tấn để buộc nói một điều không thật mà chính họ, và cả quân Nhựt nữa, đều biết rõ sự man trá này. Họ chết với niềm

tin giữ vững. Sự ngờ vực Davis của bọn Nhựt không có bằng cớ, nhưng ông vừa là một người Âu Châu vừa là một người Thiên chúa giáo, cả hai đều đáng nghi ngờ đối với chúng.

Tại sao ông trở lại cơ quan truyền giáo ? Tại sao ông cho phép lính Trung Hoa lui tới cơ quan ? Tại sao ông làm gián điệp cho Quốc quân ? Tại sao ? Tại sao ? Tại sao ? Ngày lần đầu ông bị quân Nhựt bắt quả đay mặt vô tường, và nếu ông chụp mắt, bọn chúng sẽ đánh thức ông dậy bằng những cú đầm. Trong ba tháng ròng rã, ông bị đòn xử như vậy. Nhưng bọn chúng không thể nào làm suy yếu tinh thần và sự quyết tâm của ông.

Quân Nhựt biết rõ hành vi của Gladys, nhưng nàng đã cao bay xa chạy. Bọn chúng tìm thấy một bức thơ do viên ký giả của một tạp chí tin tức Hoa Kỳ gửi cho nàng. Nhiều tháng trước đây, ký giả này đã vượt giòng Hoàng Hà và xâm nhập vào tận Shansi để săn tài liệu. Bởi lẽ ông ta không mấy am hiểu tiếng Trung Hoa và Trung Hoa Dân quốc lại tỏ ra ngờ vực ông, ngẫu nhiên có người chỉ Gladys cho ông ta. Ký giả này muôn biết những gì đang diễn tiến, cuộc xung đột hiện thời xảy ra giữa phe nào với phe nào, và phải chăng quân Nhựt có những hành vi tàn bạo thật sự. Gladys đã giúp đỡ ký giả này tất cả những gì mà nàng có thể giúp được. Nhiều tháng sau đó, từ Chungking, ông ta gửi cho nàng một bức thơ để cảm ơn sự giúp đỡ của nàng trong việc cung cấp những chi tiết về các hành vi tàn bạo của quân Nhựt. Bức thơ này được gửi đến Tse-chow, và như vậy cũng như ông ta gửi một bản án tử hình cho nàng. Gladys đi xa lúc bức thơ tới nơi, và Davis cũng đang trên đường đến Chefoo. Bức thơ đ𝐞 trên bàn giấy của Davis và, qua nhiều lần lau chùi dọn dẹp, bức thơ rót vô kẹt giữa bàn và tường. Cả Davis lẫn Gladys lúc thiêu hủy giấy tờ và thơ từ riêng của họ đều không biết có bức thơ nằm trong kẹt. Quân Nhựt, trong lần khám xét cơ quan lần cuối cùng đã không mắc phải lỗi lầm của hai người,

Khi chúng chia bức thư vô mũi của Davis, Ông ý thức ngay rằng nếu Gladys bị bắt, mạng của nàng sẽ không còn. Ông nói thật với quân Nhựt là Ông không biết gì về người ký giả cũng như về bức thư. Lúc người ký giả đèn thi Ông ở miền duyên hải, cách Tsechow hàng ngàn dặm. Nhưng quân Nhựt không tin những lời phản kháng vô tội của Ông. Chúng cho rằng sự phản kháng này càng chứng tỏ Ông phạm tội. Sau ba tháng điều tra, chúng chuyển Ông đến một nhà giam ở Taiyuan.

Sự đói xứ vô nhân đạo vẫn tiếp tục. Ông bị nhốt trong một cái chuồng bằng thép, nền và tường sau xây bằng xi măng cốt sắt, chung với hai mươi tù nhân khác. Cái chuồng này vuông vức không đầy một thước. Những kẻ bị giam ép sát vào nhau thành một khói hôi hám và nóng bức, mà không hề có một tiện nghi nào, ngay cả trong trường hợp họ muốn thỏa mãn những đòi hỏi về vệ sinh thông thường. Cả ngày lẫn đêm, một bóng đèn điện rọi ánh sáng chói lòa xuống họ. Lúc rạng đông — họ biết là rạng đông, bởi vì lúc ấy tên lính canh sẽ ra lệnh cộc lắc « Quỳ xuống ! » — họ bèn quỳ xuống, úp mặt vô tường, và kéo dài như vậy nhiều tiếng đồng hồ. Nếu có ai cứ động hoặc nói chuyện sẽ bị bọn Nhựt đánh đập tàn nhẫn. Sau đó, họ nhận được lệnh « Đứng dậy ! », họ đứng dậy, đầu họ cong gập xuống, bởi lẽ xà lim quá thấp, không ai có thể đứng thẳng được. Tất cả đều đứng co rúm và bất động. Lúc đêm đến, một lính cuối cùng được ban ra « Nằm xuống ! » — cả bọn nằm xuống sàn xi măng, thành nhiều luồng chồng chật, thân thể vẹn vẹo, cong quắp bên nhau. Cứ hai hoặc ba ngày một lần, những tô thức ăn và một ít nước uống được đầy vô bên trong chỗ giam. Các tù nhân dùng tay bóc thức ăn nhét vào miệng.

Một hai ngày, Davis lại được mang ra để tra hỏi. Ông được nói cho biết nếu Ông nhận tội làm gián điệp, Ông được chuyển ngay qua một nơi giam giữ tốt hơn và được đối xử tử tế hơn. Ông đã từ chối. Ông biết bọn Nhựt định làm cho Ông điên loạn. Ông cũng biết một khi Ông

còn tinh túc, chúng sẽ không thể nào khuất phục được ông. Sự kiên quyết của ông giồng như một cuộn thép nằm bên trong ông ; bọn Nhật càng cõ dùng những kẽm tra khảo để xiết, cuộn thép càng cuộn tròn thêm mãi, cho đến khi trở thành một khối kim khí không thể nào đập tan được. Ngay cả những giây phút kéo dài sự đau đớn vô tận về thể xác, trong ông vẫn có một cái gì như là niềm phản khơi trong sự chịu đựng... Trong tinh thần của người đàn ông đèn từ vùng núi của xứ Wales này có một kẽm tinh khiết cho không có sự hành hạ thân xác nào có thể hủy diệt được. Trong sáu tháng, bọn Nhật đã giữ ông trong xà lim này — bần thiu, rận nhun nhút, chổng chặt chung với những người đã mất hết cả nhân tính khác. Mặt trời mọc hoặc ánh trăng lên, và đêm lướt qua hay ngày tiền đèn, ông không biết mà cũng không nhìn thấy bao giờ.

Về dài về lâu, kẻ chịu thua chính là bọn Nhật. Ông được chuyển sang một xà lim khác chỉ giám có ba tù nhân, và được đòi xứ nhẹ tay hơn... Hai năm sau ngày bị bắt, ông được đưa ra bờ biển, và về xứ với tư cách một thường dân. Ở đây, trong khi chờ đợi bước lên thuyền tàu cuối cùng để hồi hương, ông biết tin vợ con hiện ở trong một trại tập trung gần đó. Không cần biết đèn cơ hội được về xứ nữa, ông vội vã đèn gấp gia đình. Chiếc tàu lên đường không có mặt ông. Đứa con gái của ông mặc chứng ho gà, đèn một mức độ trầm trọng chưa từng thấy bao giờ. Chỉ một hai tiếng đồng hồ đứa nhỏ qua đời. Từ đó cho đèn khi chiến tranh chấm dứt, ông sống với vợ và hai con trai trong trại tập trung.

Hiện giờ ông sống ở Ely, ngoại ô của thành phố Cardiff, trong một ngôi nhà nhỏ, trong nom một giáo đường và họ đạo riêng của ông. Mặt ông vẫn còn mang nhiều vết thẹo do cuộc đói đói của ông với quân Nhật. Nhưng những nơi sâu thẳm hơn, nằm trong trí óc và trong trái tim của ông, vẫn không mang một vết thẹo nào.

Trong lòng của Davis không thù ghét mà cũng không oán hận.

CHƯƠNG XIII

LÚC mặt trời lên bọn trẻ thức dậy, chạy quanh sân la hét và ném mây cuộn mền chiếu vào nhau, chơi trò đuổi bắt và nhiều trò chơi nghịch ngợm khác, giồng như mọi trẻ con trên khắp thế gian này. Với sự giúp đỡ của những đứa lớn tuổi hơn, Gladys cố gắng lừa chúng ra thành từng nhóm và cho tất cả ăn uống. Có chừng hai mươi trẻ gái tuổi từ mười ba đến mươi lăm, con Chín Xu và Sualan thuộc nhóm này. Một nhóm khác toàn con trai, khoảng từ mười một đến mươi lăm tuổi. Nhóm còn lại từ bốn đến tám tuổi, ngô ngáo, vỗ trật tự, la hét, cười khóc om sò n. Nàng cõi nói với chúng nên giữ gìn sức lực để còn phải đi suốt ngày, nhưng lời nói của nàng vô ích. Nàng đã làm một việc giồng như là khuyên một giồng suối ngừng chảy. Hai người phu do Quan Huyện cung cấp, mỗi người gánh hai thúng kẽ, đã có mặt ở cổng ngoài. Nàng nghe lời từ biệt hai công nhân giúp việc cho cơ quan truyền giáo và nhiều người khác tụ tập đưa tiền nàng. Cuối cùng, nàng nhìn quanh quán trợ dột nát một lần chót, rồi lên đường. Bọn trẻ chạy mau lên phía trước, bước thụt lùi qua cổng thành và hé vang rân lên rằng chúng có thể lội bộ mãi mãi như thế này.

Họ men theo con đường cái đi nhiều dặm về phía Nam. Gladys có một cái cõi do một tên lính Nhật tặng nàng nhiều tháng trước đây, thỉnh thoảng nàng đưa lên miệng thời để gọi mày cậu bé gan lì leo lên các gop đá để tươi xuông, và hai lần nàng phải xếp hàng bọn trẻ, điểm danh lại coi có mất đứa nào không.

Họ dừng lại bên một con suối để nấu kê bằng cái nồi sắt mà Gladys mang theo. Nàng mút kê nghi ngút khói và chén chia cho mỗi đứa để chúng lần lượt bước đèn nhện lanh. Cuối cùng, phần kê sót lại trong nồi dành cho nàng không còn bao nhiêu, và từ đó trở về sau việc này thường xảy ra luân. Sau bữa ăn, bọn trẻ hồi phục, lại bắt đầu leo trèo lên mây tầng đá và hăm hở chạy về phía trước rồi nằm chờ và phục kích thành phần chính đi phía sau. Thét rọi nàng đánh chịu thua, không làm sao giữ cho chúng có trật tự được nữa. Khi chiều dần đèn, nhóm thiêu sô phiêu lưu mạo hiểm này bỏ cuộc từ từ, và không may lúc cheo áo của nàng có bốn bàn tay nhỏ xíu bám lấy, kêu lên mệt quá và hỏi xem bây giờ tất cả có thể trở về Yangcheng được không? Gladys và mấy cậu trai lớn tuổi hơn thay phiên nhau cõng mấy cậu nhỏ này. Chính nàng cũng cảm thấy hơi mệt mõi.

Trời chạng vạng khi họ đến một ngôi làng miền núi mà Gladys từng biết qua. Nàng nghĩ rằng nơi đây cả bọn có thể ngủ tạm qua đêm; đồng thời nàng cũng nghĩ là với hàng trăm đứa trẻ dơ bẩn, ồn ào như thế này thì bắt cứ người chủ nhà nào cũng phải ớn. Nhưng một chỗ ngủ bắt ngờ đã đến với họ. Một lão hòa thượng, mặc áo trắng màu vàng nghệ sáng chói, đang đứng trên bức tam cấp của ngôi chùa do ông trụ trì, lúc nàng và lũ trẻ lèch thèch đi qua.

Lão Hòa thượng hỏi Gladys :

«Nữ thí chủ đi về đâu?»

Nàng đáp :

«Chúng tôi là dân lành nạn trên đường đèn Sian.»

Ông bước xuống bậc tam cấp và tiến về phía nàng, đôi mắt nhỏ bé của ông hầu như bị những nếp nhăn nheo chằng chịt trên khuôn mặt trùm lấp. Ông cắt tiếng hỏi, có vẻ không may tán thành :

«Nhưng bây giờ nữ thí chủ đang định làm gì với cả bọn trẻ này?»

«Tôi định tìm một nơi ngủ tạm đêm nay,»

Lão hòa thượng nói ngay :

«Vậy thì nữ thí chủ và bọn trẻ có thể vô ở trong chùa. Tất cả đồng đạo của bần tăng đều đi vắng nên có rất nhiều chỗ ngủ. Hãy biến bọn trẻ vô hết đi, bên trong chùa âm áp hơn ngoài sườn núi.»

Bọn trẻ không cần đợi thúc giục. Việc này đối với chúng cũng giống như một cuộc phiêu lưu. Trong chùa tối đèn, có nhiều chỗ lỗm vào bức tường âm u được đặt các tượng Phật bằng đá to lớn, với đôi mắt xụp xuống một cách hiền từ. Có những bức tranh vẽ mô tả các cảnh tra tần dưới địa ngục của nhà Phật, nhưng lũ trẻ vì quá mệt nhọc nên không lưu tâm đến. Chúng quay quần bên chiếc nôi sắt khi Gladys nấu chín kê, và lúc ăn xong, chúng nằm cuộn tròn trên chiếu ngủ khò.

Gladys không ngủ dễ dàng như vậy. Vì một lẽ chùa có nhiều chuột; kêu rít rít trong bóng tối và chạy trên mình bọn trẻ đang ngủ; một lẽ nữa, trong đầu óc nàng hiện lớn vót mỗi nghi ngờ về sự khôn ngoan của nàng trong việc thực hiện chuyến đi này với một bọn trẻ như vậy. Có lẽ nàng đã xét đoán quá cao khả năng của chính mình. Băng núi trèo đèo một mình là một việc, còn mang theo một trăm đứa trẻ lại là một việc khác. Ngày đầu tiên đã gặp nhiều rắc rối, cho dù tất cả bọn trẻ đều chưa mệt và nàng còn dẫn chúng đi qua khu vực mà nàng rất quen thuộc. Mày đứa trẻ gái lớn tuổi hơn không phàn nàn, nhưng nàng có thể nhìn thấy đa số đều có vẻ đau đớn. Đi bộ ở miền núi hoàn toàn không thích hợp với bọn chúng. Bởi lẽ vì trước kia phần lớn đều bị bó chân và ngay cả sau nhiều năm được tháo ra, chân của chúng vẫn chưa hồi phục đầy đủ sức mạnh để có thể đi đứng vững vàng trên mày con đường núi gỗ ghé lõm.

Mày đứa con trai lớn tuổi cù đánh đuổi lũ chuột có cả hàng giờ và sau đó, hết tri chỉ nói vì quá mệt mỏi tất cả đều thiếp ngủ. Gladys nằm trên nền gạch cứng, phía trên đầu nàng là khuôn mặt của tượng Phật bằng đá sáng loáng

dưới ánh trăng soi qua kè hờ từ mái chùa. Nghĩ thêm về tương lai, nàng thấy ít phần khởi, nhưng hiện thời nàng không thể nào lùi bước được nữa. Nàng chỉ còn có cách là tiếp tục bước tới mà thôi.

Ngày kè đó cũng giồng như ngày đầu tiên. Bọn trẻ thức dậy, sức khỏe phục hồi, bắt đầu đi thăm hièm ngôi chùa, là hết chỉ chờ om sòm, không còn gì là sự tôn nghiêm nơi chốn thiền môn. Vị hòa thượng mím cười một cách khoan hòa, hình như tất cả đối với ông chỉ là một chữ Không. Ông khom mình khi Gladys nói lời từ tạ và chúc nàng đi đèn Sian bình an.

Ngày đó, đêm đã đèn rọi mà họ vẫn chưa tìm thấy một ngôi làng nào. Họ chen chút quay quần bên nhau giữa những gợp đá vây thành hình vòng cung khuất giór. Trong đêm, sương xuống mịt mịt, lùi trê nằm dồn cục dưới những tấm chăn bông ấm ướt, và ngày hôm sau quần áo của chúng bóc hơi dưới ánh nắng mặt trời.

Chiều hôm đó, họ gặp một người đàn ông cởi lừa đi cùng hướng với họ. Ông ta nói rằng nếu nhóm người của Gladys đến ngôi làng của ông ta, ông ta sẽ vui lòng tìm chỗ cho họ trú ngụ đêm nay. Gladys nhận lời để nghị của người đàn ông một cách biết ơn. Trong sân nhà của ông ta, bọn trẻ nằm dài ra, sau đó mức kè nâu chín ăn no bụng rồi uống hết tách trà nóng này đèn tách trà nóng khác. Chúng nghĩ rằng chuyện đi này vẫn còn là một chuyện phiêu lưu ký thú. Ngay cả Gladys cũng cảm thấy nhẹ hẳn người với một ngày êm xuôi trôi qua, và giòng Hoàng Hà cũng gần thêm được một ngày. Nàng ôm cái chén của nàng giữa hai lòng bàn tay, ấp ú hoí ấm mong mình từ chiếc chén toát ra, và chuyện vẫn với mấy cô gái lớn tuổi hơn.

« Cô Ai-Weh-Deh, mà ngày nữa chúng ta sẽ tới sông Hoàng Hà ? »

Mặc dù Gladys chưa từng đặt chân đèn giòng Hoàng Hà bao giờ, nàng vẫn tìm cách đáp cho xuôi :

« Mày người dắt lừa đi theo con đường mòn xưa nay,

họ phải mất năm ngày. Chúng ta băng núi mà đi, có đoán phải mất khoảng mười hai ngày. »

Chín xu hỏi :

« Dọc đường, chúng ta có gặp một tên lính Nhật nào không có ?

Nàng đáp :

« Cố hy vọng không gặp. »

Nàng nhìn hai cô gái trong khi chuyện vẫn. Một đứa nàng mua với giá chín xu và một đứa là nử tỳ ở dinh Quận Huyện. Cả hai đều xinh xắn, nước da xanh và mịn màng, tóc đen nhánh. Ngay cả trong bộ quần áo đơn bông bám đầy cát bụi, vẻ đẹp của hai cô gái này vẫn không sút giảm. Nàng nghĩ nếu cả hai được mặc những bộ lễ phục Trung Hoa, trong chúng sẽ xinh đẹp biết bao nhiêu, và nàng tự hỏi bao giờ chúng sẽ biết đèn sự xa hoa lộng lẫy như vậy. Để cứu mạng sống của chúng mà bắt buộc chúng phải trôi qua một chuyến đi dài dần dặt như vậy thì thật vô lý làm sao. Nàng cảm thấy tức giận một cách vô cớ về sự ngu xuẩn của con người đã gây ra sự đe dọa đây này. Nàng ngáp một cách mệt mỏi. Sự mệt mỏi vẫn còn kéo dài này quả thật lạ lùng. « Có lẽ trách nhiệm đòi với bọn trẻ đã oằn vai mình. » Nàng tự nhủ khi nàng quần chiếc chăn bông và nằm xuống để giấc ngủ.

Sáng sớm hôm đó hai người gánh kẽ phải trở về Yangcheng. Họ đã đèn đường phân ranh của huyện ly. Tuy nhiên, người đàn ông mà họ đã gặp trong núi đã chứng tỏ lòng tốt của ông ta, bằng cách cung cấp một người khác để gánh sò kẽ còn lại cho đèn khi nào nhóm người của Gladys ăn hết. Ngay cả ăn dành ăn đe, sò kẽ này cũng ăn không tới hai ngày nữa.

Hai đêm kẽ đó họ ngủ giữa trời... Hai trong số những đứa trai lớn tuổi, Teh và Liang, kiêm được một bình nước vôi trong ngôi làng nằm dọc theo đường đi, chúng tiếp tục bước về phía trước và quét vôi lên đá để đánh dấu con đường băng ngang núi. Thỉnh thoảng chúng viết một câu

lên mặt đá :

« Đây là lối đi, Hãy lén theo. » hoặc « Đoàn người nhỏ bé, đừng sợ. » Tiếng reo hò tán thưởng vang dội khi những câu này được dịch ra cho những đứa nhỏ hơn biết. Vùng này mới mẻ đối với Gladys, nhưng bằng cách xem hướng mặt trời, nàng biết bọn nàng đang tiến về phía Nam. Họ luôn luôn khát nước, vì trời nóng bức và các giếng nước chỉ tìm thấy trong thôn xóm. Mỗi buổi sáng, sau khi sương mù dày đặc và âm ức tan đi, họ đi quanh quẩn tìm kiêm những giọt sương đọng lại trên các tảng đá để thầm giọng. Kẽ đã ăn hết và người gánh kẽ đã trở về làng. Họ không còn gì để ăn nữa, trong khi núi non trải dài trước mặt, hoang vu và khô cằn, dân cư hầu như không có. Thường thường, khi họ trèo qua các sườn núi còn nguyên vẹn chưa có dấu chân người và độc thằng đứng, họ phải kết thành một chuỗi người để chuyển tay đưa mày đứa nhỏ xuống chân núi. Chúng kêu thét lên khi té, và khóc than lúc mệt mỏi. Thường Gladys cô gây phần khởi cho bọn trẻ bằng cách cất tiếng hát một bài thánh ca, và khi tiễn đèn một con đường bằng phẳng, chúng sẽ bước đi một cách hăng hái, cùng cất cao tiếng hát phụ họa. Hiện thời mày đứa lớn và Gladys gần như phải mang tất cả đồ ngủ và thường họ phải cõng mày đứa bé năm sáu tuổi từng quãng ngắn. Hầu như phút giây nào cũng có một bàn tay nhỏ xíu bám lấy cổ áo của Gladys.

Bảy đêm sau khi rời khỏi Yangcheng, họ nhận thấy đã đặt chân đèn giữa một vùng núi xa lạ mà Gladys chưa từng biết qua. Họ tìm ra một con đường mòn nhỏ chạy về phía Nam. Lúc ấy trời chưa tối, nhưng mọi người đã kiệt sức, không thể nào di chuyển xa hơn nữa. Những đôi giày vải mỏng manh tự may lầy lội mang trong chân họ hầu như đã rách nát. Đôi chày của mày cô gái lớn đều rớt máu vì bị đá cắt đứt.

Mọi người đơ bần, đắt cát và bụi bặm bám đầy. Họ không còn gì để ăn nữa. Gladys ngẩng đầu, đưa mắt nhìn

lù trè nằm dồn cực từng nhóm cạnh những tảng đá. Quang cảnh đáng buồn lòng. Trừ phi lù trè nhận được thực phẩm và sự giúp đỡ sớm, nàng lo sợ những gì có thể xảy ra cho chúng. Nàng bỗng thấy Teh và Liang, vẫn thường đi trước dò đường, đang chạy trở lại, hướng về phía nàng. Hai đứa la lớn những gì đó mà nàng không thể nghe rõ, nhưng vẻ cuồng cuồng của chúng báo điểm không lành.

Chúng la lớn :

« Có nhiều người ! Có nhiều ông lính ! »

Trong một thoáng, nàng cứng đờ vì sợ hãi. Nàng đưa chiếc còi lên miệng định thổi ám hiệu đã sẵn dò trước để lù trè chạy tan đi, nhưng nàng ngừng lại. Nếu lù trè tan mát trong một địa thè hoang dã như thè này, chúng có thể lạc nhau rồi chết đói hoặc chết vì sương lam chướng khí. Và bây giờ, khi hai đứa trè chạy xắp chạy ngửa về phía nàng, nàng nhìn thấy nhiều người mặc đồng phục đi vòng quanh một gò đất gie ra dưới thung lũng. Nàng cảm thấy nhẹ nhõm khi nhận ra những người vừa xuất hiện là binh sĩ Trung Hoa Quốc gia. Bọn trè cũng đã nhận ra nhõm người này. Nỗi mệt mỏi như biến mất, chúng leo lên các tảng đá để chào đón những người mới đến. Gladys và mày cô gái bước về phía trước một cách chậm rãi. Lúc đang đi, bỗng nhiên họ nghe một âm thanh — một âm thanh gây cho Gladys sự khủng khiếp hơn bất cứ âm thanh nào khác. Âm thanh của động cơ máy bay. Âm thanh như tiếng sầm động lướt ngang thung lũng : hai chiếc đầu cơ Nhật bay xuyên qua một khe núi và vượt trên đầu họ. Mặc dù hai chiếc phi cơ bay cao hàng ngàn thước, nhưng chúng xuất hiện bất ngờ, với tiếng động cơ vang rền, khiến cho mọi người đều ớn lạnh xương sống.

Gladys nhảy vồ núp cạnh một tảng đá, đưa mắt ra đầu cô gái nhỏ làm theo nàng. Nàng nép mình bất động, chờ đợi tiếng súng đại liên từ trên phi cơ xả xuống. Không nghe gì cả. Nàng ngược nhìn lên lúc phi cơ sắp biến mất, nàng kịp nhận thấy cánh phi cơ ngắn và dày, với đầu Mắt

Trời Mộc kê trên thân. Nhưng hiển nhiên, mày tên phi công Nhựt đang thực hiện một nhiệm vụ quan trọng hơn là xả súng bắn vô binh sĩ Trung Hoa hoặc những dân chay nạn trong miền núi. Gladys đứng dậy và nhìn xuống thung lũng. Bọn trẻ đã được chỉ dạy kỹ càng những gì mà chúng phải làm trong trường hợp bị phi cơ tàn công. Chúng đang llop ngóp rời khỏi các chỗ ẩn nấp. Binh sĩ Trung Hoa, cũng phản tán mông khi phi cơ xuất hiện, bây giờ đang đứng lân lộn với bọn trẻ. Họ nhô ra từ các tảng đá, cười nói om xòm với nhau.

Có khoảng năm mươi binh sĩ, đơn vị tăng cường từ Honan đến để gia nhập vào một lực lượng Quốc quân ở miền Bắc. Gladys tiếp xúc với viên sĩ quan chỉ huy trẻ tuổi, và giải thích hoàn cảnh cùng quần mà bọn người của nàng đang gặp phải. Vẫn để lù trẻ đói khát được nhóm lính sẵn sàng giải quyết ngay. Họ cho tay vỗ túi dắt mốc hàng năm bánh ngọt ra phân phát cho lù trẻ. Gladys có thể nghe tiếng cười nói thích thú vang vang xung quanh nàng. Nhóm lính quyết định dừng lại nơi đây để nghỉ đêm. Họ mời bọn Gladys đến và dùng bữa với họ. Họ có những thức ăn nhiều năm nay không thấy ở Shansi. Lù trẻ ngồi quanh những đám lửa nhỏ và ních no bụng. Ngay cả Gladys, lần đầu tiên trong chuyến đi, nàng mới được ăn đầy đủ. Hứng động hôm sau, khi nhóm binh sĩ tiếp tục di chuyển, lù trẻ buồn bã vẫy tay từ biệt.

Bây giờ mỗi ngày là mỗi bi đát thêm. Thật lạ lùng, lù trẻ chịu đựng khá giỏi. Chúng ăn ít, ban đêm bã đậu ngủ đó, không chê đắt cứng đắt mềm, và sáng hôm sau, khi thức dậy, chúng tỏ ra phục hồi sức khỏe, lại sẵn sàng nô đùa, chạy giòn. Chúng trèo đèo vượt suối, mắt chén mắt đùa, la loli cợt nhảm, nhưng tất cả đều không đau đớn bình hoạn. Sualan, Chin Xu, Lan Hsiang và mày đứa trẻ khác lâm vào tình trạng đáng thương. Nàng làm cho mồi, mùi chúng nức nè và bồng cháy. Đôi chân phồng dộp đau nhức, khiến chúng chỉ có thể bước khập khiễng một vài

trăm thước rồi phải dừng lại để nghỉ.

Tuy nhiên không đứa nào bỏ cuộc, chúng vẫn di chuyển chậm chạp, vượt núi băng đèo, tiến về phía trước. Vào ngày thứ mười hai, cả bọn đã đi hết vùng đồi cao và bắt đầu lặn xuống những chân đồi, hướng đèn giòng Hoàng hà. Thời gian này, cũng như thường khi, tiếng phàn nàn của mày đứa nhỏ vang lên không ngớt.

«Ai-weh-Deh ơi, chân con đau !»

«Ai-weh-Deh ơi, con đói bụng !»

«Ai-weh-Deh ơi, chừng nào chúng ta ngừng lại để ngủ ?»

«Ai-weh Deh ơi, công con đi !»

Nàng nói :

«Hãy nhìn xuống dưới kia — đó là huyện Yuan Chu, và phía bên kia huyện ly, xa hơn chút nữa, đó là giòng Hoàng Hà ! Hãy ngắm kia, giòng sông sáng lấp loáng trong ánh nắng !»

«Ai-weh-Deh ơi, nó còn xa quá mà chúng con thì đói bụng quá !»

«Võ huyện Yuan Chu dân chúng sẽ cho chúng ta ăn và sau đó chúng ta sẽ đến giòng Hoàng Hà. Và khi sang được bên kia sông, tất cả chúng ta đều thoát nạn. Bây giờ chúng ta vừa cắt tiếng hát một bài hát vừa đi xuống ngồi làng phía dưới kia.»

Không có một thủy thủ đoàn chim tàu nào từ một chiếc bè hướng những đôi mắt mặn xót vào một bờ biển, không có một du khách sắp chết khát trong sa mạc nào nhìn thấy đc đảo, với giòng nước lấp loáng ở phía xa xa, một cách nôn nóng bằng nỗi nôn nóng của Gladys và những đứa trẻ lớn tuổi hơn tron : bọn Mười hai ngày từ khi rời khỏi Yangcheng, một thời gian dài lê thê và kiệt sức, bây giờ họ mới được nhìn thấy khung cảnh êm đềm trước mắt.

Họ lặn theo con đường từ chân đồi dẫn đến huyện ly bị bom tàn phá tệ hại. Gạch ngói ngổn ngang trên các đường phố và hầu hết nhà cửa đều tróc nóc. Khi họ tiến

vô huyền, một nỗi lặng yên khó hiểu bao trùm khắp nơi. Không có lấy một tiếng chó sủa để chào đón họ. Không một người phu khuân vác, gánh gồng nào trên đường phè. Bọn trẻ chạy hết nhà này sang nhà khác, tiếng nói của chúng vang vang trong sân. Ở đây không có người. Huyền lý bỏ trống ! Sau đó, Liang và Teh, hai đứa trẻ dò đường báo cáo chúng có gặp một ông lão. Gladys với vã đèn gặp ông ta. Ông lão đang ngồi dựa lưng vào một thân cây dưới ánh nắng, đầu đội nón rơm hình chóp, hàm râu làm tằm bạc phắt phơ dưới cằm. Đầu chân gầy còm của ông lão thò ra ngoài hai ông quần màu vải xanh. Ông lão đang ngủ bị đánh thức nên cười nhau.

Nặng lớn tiếng hỏi :

« Thưa ông, có phải đây là huyền Yuan Chu không ? »

« Phải, đây là Yuan Chu. »

« Nhưng không thấy dân chúng đâu cả. Tại sao huyền lý lại hoang tàn như vậy ? »

« Họ bỏ chạy hết rồi. Quân Nhụt sắp đèn, tất cả mọi người đều đi lánh nạn. »

Một giòng nước đã chảy xuồng cầm ông lão. Răng ông ta rung hết và mặt gầy tóp tro xương.

« Thưa ông, tại sao ông chưa đi mà vẫn còn ở đây ? »

« Tôi già quá rồi, đi làm gì nữa. Tôi sẽ ngồi ngủ ở đây, giữa trời, cho đèn khi quân Nhụt đèn, và nếu chúng giết thân già này thì có ăn nhầm gì đâu ? Mày đưa con trai tôi đều bỏ đi hết rồi. Tất cả gia đình tôi gãy nát như những cây lúa mì trong cơn gió. Tôi chờ quân Nhụt đèn để phi nob vào chúng. »

« Nhưng tất cả dân chúng đi đâu ? »

« Bằng qua giòng Hoàng Hà, tránh xa quân Nhụt. »

« Vậy thì chúng tôi cũng phải sang bên đó. Thưa ông, có thuyền bè gì không ? »

« Trước đây có thuyền, nhưng bây giờ theo tôi nghĩ có muôn sang sông thì đã quá trễ rồi. »

Ông đưa mắt kèm nhẹ nhìn lũ trẻ đứng bu quanh ông.

«Mày đứa trẻ này ở đâu tới vậy? Bây giờ định đi đâu?»

Nàng đáp :

«Chúng tôi là dân lành nạn, đang trên đường đến Sian.»

Ông lão nhìn nàng, mồi trẻ ra :

«Cô điền mới đi chục phiến với cả một lũ trẻ như vậy. Trời đã định một người đàn bà chỉ săn sóc cho một nhúm trẻ, chờ không phải cả một đạo binh như vậy đâu.»

Trước đây nàng thường nghe cái lời triết lý như vậy ở xứ sở này, nàng bỏ ngay ngoài tai.

«Từ đây đèn đèn sông còn bao xa?»

«Ba dặm. Cô đi theo con đường này thì sẽ đèn bền, nhưng cô không thể tìm ra một chiếc thuyền nào ở đó đâu. Quân Nhựt sắp đèn, không ai bỏ thuyền của họ lại cho chúng chiếm. Cô nên quay về vùng núi là hơn. Miền núi là nơi an toàn nhất.»

Nàng bình thản nói :

«Chúng tôi đi Sian.» Nàng thôi còi. Lũ trẻ đứng xếp hàng quanh nàng. Nàng đặt cậu bé Cheia trên lưng, vì đèn lượt nó được công. Nàng nói :

«Ngay khi đèn bờ sông, chúng ta sẽ tắm rửa và giặt giù quần áo. Sau đó, chúng ta tìm một chiếc thuyền và sang phia bên kia sông an toàn. Chào ông, chúc ông gặp may mắn.»

Ông không ngó theo đoàn người rì đi. Đầu ông cúi gầm xuống, và thiếp ngủ trước khi họ bước rẽ ở góc đường.

Đoàn người lê bước lần theo con đường đầy bụi hướng ra bờ sông. Hồi bên bờ sông lau sậy mọc đầy, và nhiều bãi nhỏ ở mép có cát, bọn trẻ có thể ngụp lặn đùa giòn ở những chỗ cạn. Lũ trẻ ùa xuống vừa tắm vừa la hét thích thú. Sông rộng khoảng một dặm, chính giữa sâu và nước chảy xiết. Nhưng không có thuyền, không có dấu vết của một chiếc thuyền nào.

Suan khé hỏi :

«Cô Ai-weh-Deh ơi, thuyền đâu không thấy ?»
Nàng đáp :

«Thuyền qua lại con sông này. Có lẽ hôm nay chúng ta đèn quá trễ. Đêm nay chúng ta sẽ ngủ trên bờ sông, như vậy vào sớm mai chúng ta sẵn sàng xuống thuyền đầu tiên.»

Cả bọn ngồi tụ họp dưới một chỗ đất lõm cạnh bờ sông. Vầng trăng nhô lên, treo lơ lửng trên giòng Hoàng Hà. Cảnh đêm trăng tuyệt mỹ, nhưng Gladys không lòng dạ nào để mắt đèn. Chim động cánh trên ngàn lau và thỉnh thoảng tiếng cá quẩy nước, khuấy động ánh trăng bạc trên mặt sông. Tất cả đều yên bình, nhưng nàng cảm thấy ló sợ. Thuyền ở đâu ? Tại sao không thấy một chiếc thuyền nào cả ? Ông lão đã nói đúng ? Mọi người đã vượt qua sông để tránh quân. Nhựt ? Bọn nàng đành bó tay trước dây nước mênh mông này ? Nàng thiếp ngay vào một giấc ngủ bất an, và nàng mơ thấy một tời người da vàng thấp lùn, đội nón sắt tròn vo, mang một lá đại kỳ màu đỏ chói với dấu hiệu Mặt Trời Mọc màu trắng, đang tiến đèn mỗi lúc mỗi gần hơn.

Sáng hôm sau khi nàng thức dậy, lũ trẻ đã nô đùa trong mây chỗ nước cạn. Đứa nhỏ nhất hét lớn : «Ai-weh-Deh ơi, chúng con đòi bụng rồi ! Chúng nào chúng ta ăn hả cô ?»

Nàng đáp :

«Có liền, có liền !»

Nàng tập họp mây đưa lớn xung quanh :

«Chúng ta phải đi kiêm thức ăn. Trở lại Yuan Chu, dân chúng ta đi thè nào cũng bỏ lại vài món ăn lặt vặt. Các con phải trả ạ đó và tìm kiếm trong mây ngôi nhà. Lực lợи khắp nơi. Chúng ta phải tùng cho ra một ít thức ăn mới được.»

Lũ trẻ tiếp tục chạy giòn trong mây chỗ nước cạn. Mây đưa trại lớn quay lại thị trấn Yuan Chu bỏ trống để tìm thức ăn. Gladys ngồi trên bờ sông và ngắm nhìn mây

trời lên, phản chiếu chói lòa trên mặt nước bao la. Nàng cảm thấy ngã bịnh. Lũ trẻ vẫn chưa hết kinh ngạc trước quang cảnh rộng lớn của giòng sông, chúng đờ dàm sụt sao trong các bụi lau lách và các chỗ nước cạn dọc theo bờ sông. Nhưng sự tò mò không làm cho bụng của chúng đáy được. Nàng nghĩ : « Phải chi có một chiếc thuyền đèn ! Chỉ cần một chiếc thuyền đèn. »

Ba giờ sau, mày đứa trai lớn trở về trong « chiến thắng ». Chúng đã càn quét ngang qua hầu hết nhà cửa ở Yuan Chu và mỗi đứa đều mang về một số đóng góp nhỏ : một vài cân kê ấm móc vơ vết dưới đáy của một cái thùng mục nát ; một vài cái bánh bột nhồi giẹp lép, cứng ngắc, giòng như băng đàt, nằm dưới quầy hàng của một cửa tiệm. Tất cả đều được trút chung vô một cái nồi và nấu trên một ngọn lửa đốt bằng sậy khô. Sau đó, thức ăn trong nồi được múc đồ một cách cẩn thận vô rùng rổ và chén đang chia ra. Chỉ mày đứa nhỏ là có ăn, còn Gladys, Sualan và mày đứa lớn hơn nhín đói.

Mặt trời đã lên cao. Vẫn không có một chiếc thuyền nào di chuyển trên mặt sông : Mày đứa trai lớn lại ra đi tìm thức ăn dọc theo bờ sông. Chung quanh đây có một vài căn nhà nằm rải rác. Gladys ngồi lặng yên nhìn lùi trè, tai lắng nghe coi có tiếng súng ở xa xa hay không, vì có tiếng súng tức là có địch quân đang tiến đèn. Mày đứa trai lớn lại trở về với một số thức ăn vơ vết đượç, nàng tích trữ cho ngày hôm sau. Đêm đó, lùi trè nằm quay quấy bên nhau cạnh bờ sông và trước khi thiếp ngủ chúng cắt tiếng rên rỉ than van.

« Ai-Weh-Deh ơi, chúng con đòi quá ! »

« Ai-Weh-Deh ơi, chừng nào chúng con qua sông ? Khi nào chúng ta qua được bên kia sông hả Ai-Weh-Deh ! »

Nàng phải tìm hết cách để an ủi chúng, và lần lượt hết đứa này tới đứa khác ngủ thiếp đi. Vắng trăng trăng xóa, lạnh lẽo nhô lên phía bên kia sông và sau đó ngự trị trên nền trời, nhìn xuống nhóm người phía dưới. Một cơn

gió lạnh lướt nhẹ trên ngàn lau tạo thành âm thanh rì rào, khô khan. Bức màn sương mù trắng đục treo lơ lửng trên mặt sông. Tiếng nước vỗ êm êm. Gladys nằm ngửa lưng, đưa mắt nhìn sao.

Ban đêm dù sao cũng cảm thấy dễ chịu hơn. Dưới ánh nắng mặt trời, thực tế phũ phàng của chướng ngại vật bằng nước mênh mông đó, sự thiều thòn thức ăn và mày đứa trẻ rên rỉ than van kia là một gánh nặng oằn vai hẫu như không thể nào kham nổi. Nhưng ban đêm, giới hạn của hiện tại và tương lai bị xóa mờ đi — dịu dàng và thoải mái bởi sự yên bình rơi xuống chậm chạp, liền ngay trước giấc ngủ. Trong một đôi giờ lặng quên ngắn ngủi trước khi vắng trời đó rực xuất hiện lơ lửng ở chân trời, và lú trè thức dậy chạy ủa xuống nước vùng vây, la hét chào đón bình minh. Và, ngoài ra, trong đêm còn hy vọng biết đâu ngày mai có thể mọi việc đều đổi khác. Ngày mai một chiếc thuyền có thể đèn.

Họ ăn những miếng thực phẩm vụng nát cuối cùng vào ngày thứ ba ở cạnh bờ Hoàng hà. Mặt trời mọc, lú trè rượt đuổi, nó đưa dọc theo bờ sông đã mệt đừ. Nàng kè chuyện cho chúng nghe và cả bọn cùng cất tiếng hát. Vừa hát nàng vừa đưa mắt tìm kiếm bóng thuyền xuất hiện trên giòng nước. Khi mặt trời dần ngã về Tây, lú trè bò lại gần nàng, nàng đưa tay vuốt ve chúng. Vào buổi sáng của ngày thứ tư cạnh bờ sông, ngay đèn cả những đứa nhỏ nhút nhát cũng tỏ ra tuyệt vọng. Bây giờ Sualan bỗng hỏi :

“Cô Ai-Weh-Deh ơi, cô còn nhớ cô đã kể cho chúng con nghe chuyện Moses (1) đã đưa bọn trẻ Do Thái đèn bờ Hồng Hải ra sao không ? Và Chúa đã ra lệnh cho nước rẽ ra để cho bọn trẻ vượt qua biển yên ổn như thế nào không ?”

Nàng dịu dàng đáp :

(1) Một nhà lãnh đạo, một nhà lập pháp trong Thánh kinh, đã giải thoát người Do Thái ra khỏi ách nô lệ của Ai Cập.

«Phải, cô còn nhớ.»

«Bây giờ tại sao Chúa không ra lệnh cho nước Hoàng Hà rẽ ra để chúng ta sang bờ bên kia?»

Nàng nhìn khuôn mặt ngày thơ, xinh đẹp, và đôi mắt mở lớn thật thà của cô gái một cách ngao ngán :

«Cô không phải là Moses, Sualan à!»

«Ai-Weh-Deh ơi, nhưng mà Chúa vẫn luôn luôn là Chúa. Cô đã nói với chúng con hàng trăm lần như vậy mà. Nếu Người vẫn còn là Chúa, Người phải ra lệnh cho nước rẽ để chúng ta qua sông.»

Nàng câm miệng trong giây lát. Làm cách nào để nói cho một cô gái đang đói lòng, ở cạnh bờ một con sông bao la và mênh mông như vậy, làm cách nào nói cho cô ta hiểu rằng những phép lạ không đèn ngay do sự đói hối? Làm sao để nói rằng, có lẽ, chúng ta không đáng hưởng phép lạ? Làm sao để nói rằng ta không thể nào rẻ được giòng sông bao la này, cho dù đang đói diện với một kẻ thù có thể làm hại ta bất cứ lúc nào? Ngoài sức mạnh của đức tin ra, không còn một sức mạnh nào khác?

Nàng nói :

«Sualan ơi, con và cô hãy quay xuống cầu nguyện. Và có lẽ lời cầu nguyện của chúng ta sẽ sớm được đáp lại.»

★

Viên sĩ quan Quốc quân, chỉ huy trung đội tuần thám bên phía bờ sông có địch quân, quay lại nhìn toàn lính đang đi lang thang ở phía sau. Tất cả toán lính này đều là những cậu trai bị lùa đi từ mầy ngôi làng trong vùng đất tiếp giáp bờ sông, được nhét súng vào tay và treo bô quân phục rồng thùng thình lên mình. Họ áp dụng ngay khả năng sẵn có để tìm lèi miềng sòng tại chính địa phương, như là một phần nằm trong chương trình huấn luyện sơ khởi về quân sự và tự miru sinh. Trong số lính này có tám người không cao ráu, tóc cắt thật ngắn.

Ô, họ sẽ chiến đấu. Nếu chạm một toán tuần thám

Nhưng, họ sẽ dừng lại bỗng trai, và những viên đạn từ các khẩu súng của họ sẽ làm tung lên từng đám bụi nhỏ quanh chân địch quân. Họ sẽ cảm nhận bởi Nhựt một thời gian, trừ phi toán tuần thám kia có một khẩu súng cối hoặc trừ phi địch quân gọi chiến đấu cơ đèn trời đạn đại bá lên mìn họ. Nếu có thể được, họ sẽ cảm nhận địch quân chờ đèn khi đêm xuống. Màn đêm sẽ cứu thoát họ. Bây giờ họ có thể báo hiệu cho đồng đội ở bờ sông phía bên kia và một chiếc thuyền che đầy bằng lau sậy được đầy xuống nước và bơi sang để rước họ qua sông.

Viên sĩ quan trẻ tuổi đập một con ruồi đậu trên vầng trán mướt mồ hôi và hít một hơi thở thật mạnh. Hắn ta vừa đi vừa suy nghĩ rồi bỗng nhiên đứng khụng lại. Tiếng ồn ào, tiếng ồn ào kỳ lạ! Một âm thanh trầm bổng xa gần, thoát mắt thoát hiện. Một chiếc phi cơ? Binh sĩ của hắn ta nghĩ như vậy. Hắn nhìn họ hát ngược mày chiếc nón sắt về phía sau và đưa mắt ngó quanh lên bầu trời trong sáng, cố tìm xem chiếc phi cơ ở đâu. Tuần lè vừa qua, hoạt động phi cơ địch vắng bóng trên giồng Hoàng Hà một cách bất thường. Phi cơ Nhựt thường thực hiện các chuyến bay tuần tiễu và xả súng bắn vô bất kỳ vật di động nào ở phía dưới, chúng bắn cả vào những đám lau sậy dọc theo hai bên bờ sông, và thỉnh thoảng nhà một tràn đạn trên mặt sông, tạo thành một hàng rào nước dữ dội trong chốc lát.

Tuy nhiên, âm thanh mà hắn đang nghe này giồng như tiếng hát. Tiếng hát non nớt, cắt cao đều đều một giọng buồn tê thoát ra từ miệng của những đứa bé chưa vỡ tiếng. Viên sĩ quan lắc lắc đầu như để xua đuổi âm thanh này. Tại điểm này, con sông rộng một dặm, có thể còn con trong mày ngồi làng ở bờ sông bên kia. Có lẽ chúng đang ở trong một ngôi trường, nhưng tiếng hát của chúng có thể nào bay xa như vậy sao? Hắn leo lên một gò đất cạnh bờ sông, bò lên đinh một cách thận trọng. Hắn nhòm người để nhìn rõ hơn và kêu lên vì sững sờ. Hắn là ông

dòn đưa lên mắt quan sát. Đó là một quang cảnh đáng kinh ngạc. Một đám trẻ con đông đảo tụ họp cạnh bờ sông, ngồi thành vòng tròn và đang cất cao tiếng hát. Một số nhỏ tuổi hơn đang ngụp lặn, nhảy nhót trong những chỗ nước cạn.

Hắn ra thủ hiệu cho binh sĩ ở phía sau : « Chờ ở đây ! Có thể đó là một thù đoạn của địch quân. Hãy đề phòng. »

Đã xảy ra nhiều trường hợp quân Nhựt xua dân tị nạn đi trước. Nhưng bọn trẻ nào đây ? Tất cả dân tị nạn đều đi khỏi khu vực này mà ngày rồi. Giồng sông đã chánh thức bị phong tỏa. Khi đi dọc theo bờ sông, hắn có thể nhận ra chúng đúng là trẻ con Trung Hoa. Lùi về đã nhìn thấy viên sĩ quan trẻ tuổi, chúng đã xô về phía hắn và reo hò thích thú.

Chúng là lớn :

« Ai Weh Deh ơi ! Đây là một ông lính ! Một ông lính. »

Bây giờ viên sĩ quan trẻ mới nhận ra người đàn bà nhỏ bé ngồi trên mặt đất. Nàng gầy gò, hình như thiều ăn. Nàng đứng dậy khi hắn tiến đến, và hắn ta có vẻ sững sờ khi nhận ra nàng là một người ngoại quốc.

Hắn hỏi :

« Cô điên à ? Cô là ai ? »

« Chúng tôi là dân lành nạn đói đi Sian., Nàng đáp một cách bình thản.

Tiếng Trung Hoa của nàng lưu loát, tuy nhiên giọng thô ám miền Bắc có phần hơi nặng. Mặc dù nàng nhỏ thó, giồng như những phụ nữ của xứ sở ông, và tóc của nàng đen, nhưng hắn biết nàng là người ngoại quốc.

Hắn hỏi :

« Ở đây không bao lâu nữa sẽ là chỗ đánh nhau, cô không biết sao ? »

« Khắp Trung Hoa đâu đâu cũng là chỗ đánh nhau cả., Nàng đáp, giọng đầy ngao ngán.

« Cô trông nom bọn trẻ này ? »

«Phải, tôi trông nom chúng. Chúng tôi định quà sông.»

Hắn nhìn ngay nàng. Một phụ nữ khá trẻ, tóc đen tuyền túm thành búi ở phía sau, mặc bộ quần áo cũ lem luot đất cát, đôi mắt có những quần thâm ở khóm dưới, gương mặt có vẻ bình hoặt và hốc hác.

«Cô là người ngoại quốc?»

«Phải, tôi là người ngoại quốc.»

«Vì là người ngoại quốc nên cô mới đi chọn một công việc quái lạ như vậy.»

Nàng nhìn hắn chăm chú. Hắn tiếp :

«Tôi nghĩ, tôi có thể kiêm cho cô một chiếc thuyền. Nhóm người của cô phải qua sông làm ba lần mới hết, và rất nguy hiểm. Nếu phi cơ Nhật bay đến mà thuyền mới sang được nửa sông thì ít có hy vọng sống sót.»

«Chúng tôi phải sang sông.»

«Cô tìm cách xin thức ăn & ngồi làng phía bên kia có lẽ được. Dân chúng trong làng đó không muôn rời bỏ nhà cửa của họ, cho dù quân Nhật có đến đi nữa.»

Nàng nói :

«Tôi biết. Họ không muôn bỏ nhà cửa, giờ như chúng tôi ở Yangcheng.»

Hắn bước đến mé sông, cho hai ngón tay vỗ miệng và huýt gió ba lần thật lớn, tiếng vang xa kỳ lạ. Từ bên kia sông, ba tiếng huýt gió đáp lại. Hai bóng người nhỏ xíu ở phía bên kia bờ đầy một chiếc thuyền xuồng nước và bắt đầu chèo qua.

Nàng nói :

«Tôi không biết dùng lời gì để cảm ơn ông. Lúc nhận thấy không thể sang sông được, tôi tưởng đâu cả bọn đi đồi rổi.»

Viên sĩ quan thấy Gladys hơi lảo đảo khi một đứa trẻ chạm vào nàng.

Ông nhìn nàng tò mò : «Cô bình ! Cô nên tìm một bác sĩ. Quân đội Trung Hoa đóng ở bên kia sông có bác sĩ.»

Nàng đáp :

«Tôi thấy vẫn mạnh ! Khi đèn được Sian, tôi sẽ mạnh hẳn lên.

Lũ trẻ chắt đầy thuyền, reo cười hồn hồn. Hai người lính chèo thuyền đưa chúng sang bên kia sông nhanh chóng rồi trở lại chờ tòp khác. Đèn thuyền thứ ba, viên sĩ quan giúp Gladys xuống thuyền cùng với tòp trẻ cuối cùng. Trung đội của hắn ta mỗi người đều giúp một tay. Lúc thuyền dang ra xa, hắn ta hô binh sĩ đứng thẳng và chào một cách nghiêm cẩn. Hắn nói lớn : «Chúc cô gặp may mắn, cô ngoại quốc.»

Hắn quay bước, đi dọc theo bờ sông với trung đội. Vừa bước đi hắn vừa ngược nhìn lên trời, lắng nghe xem có tiếng động cơ máy bay Nhựt hay không ? Hoàn toàn yên tĩnh. Người đàn bà ngoại quốc đó thật đáng thắc mắc. Nếu hành động của cô ta xảy ra gần các thành phố lớn hoặc những nơi ồn ành, hắn ta còn có thể hiểu nổi, nhưng họ đồng cả một đạo binh con nít Trung Hoa rách rưới, đi lang thang qua một khu vực đang đánh nhau thì việc này, quả là thật, rất đáng tò mò.

CHƯƠNG XIV

CÁCH bờ Hoàng Hà khoảng hai ba dặm, đoàn người của Gladys tìm thấy một ngôi làng, dân chúng tỏ ra rất hiếu khách. Mặc dù có hàng mày trăm dân tị nạn đi qua, dân làng vẫn tìm thức phẩm mang ra cho lũ trẻ ăn. Vì Tiên Chỉ của ngôi làng phân phòi lũ trẻ vô cư ngụ trong mỗi căn nhà dọc theo con đường cái. Khi lừng lừng bụng, lũ trẻ chạy từ nhà này sang nhà khác để coi xem mày đứa kia ăn ở ra sao.

Gladys nghe những câu hỏi lạnh lùng của chúng :

«Trong cái nhà đó, mày bố ăn được món gì ?»

«Tui này đớp bingsies, còn mày bố ăn gì ?»

«Tui này được ăn mientiao ?»

«Ô ! Cái thứ mientiao lâu đời thời nát đó. Vậy mà mày bố có thể nuốt nổi.»

«Nhưng mà tui này cũng có mày cái bánh bột gạo đây nè, thè chưa !»

Như vậy cũng hay, Gladys suy nghĩ một cách mệt mỏi, bọn trẻ này không hề biết tự hỏi bữa ăn kè của chúng sẽ ra sao.

Họ chỉ ở trong làng một khoảng thời gian vừa đủ để vét sạch thức ăn, và sau đó tiếp tục cuộc hành trình. Nếu quân Nhật đang tiến đến giòng sông, nàng muôn di xa bao nhiêu hay bấy nhiêu. Đêm đó, cả bọn ngủ giữa đồng trống và sáng hôm sau lại lên đường, đèn huyền Mien Chu. Huyện lỵ này cũng bị oanh tạc nặng nề, nhưng một ông

đo đã chỉ một cơ quan tị nạn, đặt tại một ngôi đền cổ. Nàng tìm đèn, nhận thấy thức ăn được nấu trong nhiều nồi ở bờ khơi nghi ngút, và cả bọn được đón tiếp niềm nở. Rồi sau đó có một viên thanh tra cảnh lại đèn. Viên thanh tra này nhỏ con, mập mạp, ốm ào và hách dịch. Hắn bước lên Gladys và hỏi :

«Tôi nghe nói cô vừa vượt qua giòng Hoàng Hà ?»

«Phải.»

«Như vậy là cô bị bắt giữ. Cô không thể nào vượt qua sông Hoàng Hà được.»

«Bắt giữ ! Nhưng bắt về tội gì ?»

«Cô nói là cô vượt qua giòng Hoàng Hà.»

«Phải,

«Không còn ai khác sang sông với cô ?»

«Không... chỉ bọn trẻ này !»

«Nếu không ai khác có thể qua sông, làm sao cô qua được ?»

Nàng lắc đầu ngơ ngác, rồi nói :

«Chúng tôi gặp một người lính, ông ta báo hiệu cho thuyền qua rước chúng tôi.»

«Không có một người lính nào mà cô gặp lại đi gọi thuyền cho cô cả. Cô không thể nào qua sông được. Cô bị bắt !»

Hắn ta mím môi, lộ vẻ cứng rắn. Việc vượt sông này hiển nhiên được xem là một trọng tội trong khu vực của hắn từ lâu.

Nàng nổi nóng :

«Có phải ông muốn tôi ở bên kia sông để chờ cho bọn Nhụt đèn nằm đầu tôi phải không ? Bây giờ nếu ông bắt tôi thì ông cũng phải bắt luôn lũ trẻ này.»

Hắn ta té vè kinh ngạc trước sự rắc rối mè nết này :

«Cô muốn nói rằng cô đang phải trông nom tất cả bọn trẻ này ?»

«Phải, và không còn ai khác trông nom chúng.» Nàng mệt mỏi và muộn mài nghỉ vì đêm đã khuya rồi. Nàng cô

nói nhỏ nhẹ :

«Ông không thể để cho chúng tôi ở đây đêm nay được sao ? Tôi sẽ xuống Huyện đường hay cơ quan Cảnh lại, hoặc bắt cứ nơi nào khác, ngay vào sáng mai, và bầy giờ ông muôn bắt tôi thì bắt.»

Viên Cảnh lại maple lộ vẻ ngờ vực, giọng hắn tỏ ra quan trọng :

«Tôi phải tra xét trường hợp của cô trước mặt Huyện quan.»

«Được rồi. Tôi không định trốn với bao nhiêu trẻ con như vậy, ông biết chớ ? Sáng mai tôi sẽ xuống Huyện đường, chừng ấy ông muôn hỏi gì thì hỏi.»

Hắn ta đành phải chịu vậy. Hắn bước ra bóng tối dày đặt bên ngoài. Gladys nằm dài một mõi. Thoát khỏi chẽ độ quan liêu xem ra còn khó hơn thoát khỏi bọn Nhịt.

Sáng hôm sau, cùng với lũ trẻ, nàng xuống huyện đường chịu thăm vẫn. Lũ trẻ không được phép vô trong. Chúng bàn tán với nhau rằng có cái gì đó khủng khiếp lắm, sắp xảy ra cho Ai-Weh-Deh. Chúng đứng lóng ngóng phía ngoài cửa trước, và ngay lúc nàng bước vô trong, chúng cùng la lớn, giọng điệu nhíp nhàng :

«Hãy thả cô ra ! Hãy thả cô ra !»

Quan Huyện lớn tuổi, có vẻ nhân từ, ông tỏ ra ít có cảm tình với viên Cảnh lại. Chứng cứ của tên này đưa ra để buộc tội nàng vừa lập đi lập lại vừa vô lý một cách buồn cười.

— Cô nói là cô vượt giòng Hoàng Hà ?

— Phải.

— Tôi nói cô không thể nào vượt qua sông được !
Nàng phản đối :

«Nhưng tôi nói với ông là tôi vượt qua sông. Nếu tôi không vượt qua sông thì làm sao tôi có thể đi từ Shansi đến Honan được ?»

«Không có thuyền thì làm sao cô qua sông được ?»

«Chúng tôi qua sông bằng thuyền ! Một người lính gọi một chiếc thuyền qua rước chúng tôi !»

«Vậy thì cô đã phạm tội rồi. Xin cô vui lòng coi qua giấy tờ này.»

Tên Cảnh lại lấy một cuộn giấy, hình như rất quan trọng, từ tay một tên chạy việc của hắn ta và trao cho nàng.

Gladys lướt mắt qua. Chính giữa tờ giấy là mày con dấu và những giòng chữ Trung Hoa viết theo lối cursive trang trọng. Theo đó, do mang lệnh của viên Tổng Tư lệnh Quân đội Trung Hoa trong khu vực này, mọi sự lưu thông trên giòng Hoàng Hà đều bị cấm chỉ. Không ai được vượt qua hoặc đi lại trên sông. Lệnh này được ban ra từ năm ngày trước.

Gladys nói :

«Thì ra không có bóng một chiếc thuyền nào là do lệnh này. Vậy mà tôi cứ tự hỏi tại sao.»

«Bây giờ cô có nhận là cô đã phạm tội hay không ?»

Gladys bức tức nói :

«Đĩ nhiên tôi không chối. Chúng tôi là dân lành nạn ở Shansi muôn dặm Sian. Có một trăm đứa trẻ đi với tôi. Ông muốn chúng tôi ngồi chờ phía bên kia sông để chịu chết sao ?»

Bên ngoài bọn trẻ vẫn cắt tiếng nhịp nhàng :

«Hãy thả cô ra ! Hãy thả cô ra !»

Hiện thời chúng đã tìm ra mày khuôn cửa sổ, và cả chục bộ mặt bé tí teo vừa dòm vô phòng vừa đưa tay đập:

«Hãy thả cô ra ! Hãy thả cô ra !»

Quan Huyện đã nghe mọi chuyện, ông nói :

«Sự việc thật đơn giản, là nếu người đàn bà này có phạm tội đi nữa thì đó chỉ là một tội nhỏ nhứt.»

Ông nhìn nàng mỉm cười :

«Nếu cô kiểm soát được mày đứa trẻ một đôi phút, tôi nghĩ rằng tôi có thể giúp cô được.»

Nàng bước ra ngoài. Một đôi câu nghiêm khắc và mày cái tát yêu của nàng là lùi trẻ ngoan ngoãn ngay. Nàng trở

vé gấp Quan Huyện. Tên Cảnh lại đã biến mất.

Quan Huyện nói :

« Mỗi buổi sáng đều có một chuyến xe lửa rời Mien Chu, chạy dọc theo giòng sông hương về Sian. Xe lửa không đến tận Sian, bởi lẽ thiết bị trực trặc sao đó, nhưng sẽ ra nó sẽ đưa cô đi được một quãng đường trên cuộc hành trình dự định của cô. »

Gladys nói

« Nhưng chúng tôi không có vé xe lửa, chúng tôi không có tiền mua vé xe lửa. »

Ông nhìn nàng một cách nghiêm nghị và nói :

« Hiện thời ở Honan, tất cả các chuyến xe lửa đều đầy ắp dân tị nạn. Không ai tính chuyện mua vé cả. Sáng mai cô dân bọn trẻ ra ga và cứ leo lên xe lửa. »

Gladys từ tạ Quan Huyện và dắt bọn trẻ trở lại trung tâm tị nạn. Chiều hôm đó, nàng đưa bọn trẻ ra một cái ao bên cạnh huyện lỵ để tắm rửa và giặt dù quần áo đầy bùn đất của chúng. Xe chiều, nàng tập họp chúng trong sân để dặn dò.

Nàng hỏi

« Tất cả các con có biết gì về xe lửa chưa ? »

Lũ trẻ mỗi đứa một tiếng bàn tán huyên thuyên. Không hầu hết lũ trẻ đều không biết gì về xe lửa. Xe lửa là gì ? Chúng chưa từng nghe nói đến một vật như vậy.

Gladys cõi diễn tả vừa bằng lời nói vừa bằng hình ảnh cho chúng hiểu. Xen kẽ với câu chuyện của nàng là những tiếng đ, tiếng à đầy thích thú. Sualan, Chin Xu, Teh, Liang, và mày đứa trẻ trai gái lớn tuổi khác, qua bể ngoài, chúng có vẻ được học hỏi thêm kinh nghiệm sắp trải qua. Dĩ nhiên, chúng đã từng nghe nói về xe lửa. Có gì đâu mà phải hỏi họp ? Tuy nhiên, chúng lại thấy hỏi họp.

« Ngày mai các con sẽ xep hàn với mặt mày tay chân sạch sẽ ; đứa nào tay chân do bẩn sẽ không được phép lên xe lửa. » Nàng dứt lời, lùi trèt mắt chạy chơi khắp nơi, phá phách những người tị nạn khác trong ngôi đình, trước

khi chui vô chỗ ngõ và hăng hái bàn tán về sự hiếu biết mà chúng sẽ trải qua vào ngày mai. Chúng thiếp ngủ nhanh chóng sau vài phút quắn chăn quanh mình, giấc ngủ của tuổi thơ vô tội.

Hứng sáng hôm sau bọn trẻ thíc dậy, hầm hờ cuộn bô đồ đạt, giành nhau đè đèn trước cái bồn bึง đá vĩ đại đầy nước đặt ở trước sân đèn. Chúng trau tria mặt mũi, đúng như đời hỏi của Ai-weh-Deh quyền uy tuyệt đối của chúng, sau đó chúng xếp hàng đè được chia phần kè và dùng đùa lùa chắt quyền đặt nghi ngút khỏi vò miệng thật vén khéo, rồi tự động đứng thành một hàng dài ngay ngắn ngay cả trước khi Gladys cuộn xong mền chiếu của nàng.

Nàng cảm ơn người đàn bà điều khiển trung tâm tị nạn đưa chiếc cõi lên miệng thời và, với tiếng cười tiếng nói ồn ào vui vẻ, cả bọn di chuyển ra đón xe lửa. Nhà ga là một cái nến đúc xi măng khá dài và cao khỏi đường ray khoảng một thước. Bất cứ cái gì có thể gọi là mái che của sân ga này trước đây đều bị bom thời bay hết từ lâu. Cách sân ga khoảng một trăm bước là đường ray lượn cong và khuất hẳn giữa một xóm nhà cắt hỗn độn. Vì được cho biết xe lửa sẽ đèn từ hướng đường ray lượn cong này, một trăm đời mắt đều nhìn chăm chăm về phía đó.

Gladys đã xếp lũ trẻ thành ba hàng riêng rẽ. Sự đợi chờ khiến cho bầu không khí căng thẳng, và một vài phút sau khi nghe loáng thoáng tiếng xe lửa chạy đèn, lũ trẻ bỗn chồn đứng không yên chỗ. Âm thanh vọng lại rất xa lạ đối với chúng. Tiếng giận dữ, tiếng phun phüt và lạch cách nghe khủng khiếp làm sao. Những cặp mắt hét nhìn nàng, lại quay về phía khúc đường ray lượn cong. Chúng tự hỏi cái vật xe lửa, mà Ai-weh-Deh đã nói có đúng là vật này hay không ? Ngay từ xa, nó đã lên tiếng như một con rồng già nhứt trong những con rồng ở thời gian này. Không chừng nó ngòn hèt chúng vô bụng ? Tiếng động càng lúc càng lớn hơn. Những chỗ nồi tiệp của các toa xe kêu leng keng như những cái ly lớn chạm vào nhau, những cái thang rit lên kẽm kẽm

rồi khòi sắt xù xi khùng khiếp thở phún phui và bốc khói xuất hiện ở khúc đường rẩy lượn cong. Lù trè thét lớn, đầy kinh hãi. Hàng ngù tan rã. Sự rối loạn như bình truyền nhiễm. Các gói hành lý, chén đĩa bay vung vẩy. Lù trè bỏ chạy mọi hướng. Vào lúc xe lửa chỉ còn cách khoảng hơn hai mươi thước, trên sân không còn lại một đứa trẻ nào. Những toa xe bằng cây lạch cách dừng lại. Đầu máy chỉ còn thở phì phò nặng nhọc. Gladys cò gom gộp lù trè lại.

Mày đứa trẻ trai và gái lớn tuổi, mặc cò vì sự khiếp sợ bất ngờ của mình, vừa đi gom mày đứa trẻ nhỏ hơn vừa chống chè rằng sờ dì chúng bỏ chạy là chỉ nhầm chặn mày đứa khác lại. Một lô trẻ tám tuổi được tìm thấy ở trung tâm tị nạn, vì chúng đã chạy thoát mạng trở về đó. Nhiều đứa được lôi ra khỏi mày cái thùng, những kiện hàng và mọi nơi nào khả dĩ ăn nắp được trong vòng hai trăm thước quanh sân ga. Từng tắp một, Gladys tắp hộp bọn trẻ lại dần dần. Cũng may, xe lửa hình như chưa vội vã ra đi. Các toa xe giồng như những cái hộp cây có mái và bên trong không có ghè ngồi. Trên xe còn nhiều hành khách lánh nạn khác với những mớ vật dụng mang theo.

Nàng tìm cách nhét tất cả lù trè vô một toa xe dài, và khi xe lửa từ từ chuyên động một giờ sau đó, lù trè bắt đầu cảm thấy thích thú với sự hiếu biết mới lạ của chúng.

Chỉ xảy ra một lần kinh hoàng khác. Sau khi xe lửa chạy được hai giờ, một người Trung Hoa đứng tuổi dáng vẻ tao nhã, ngồi cách Gladys một vài thước, với lù trè vây quanh, đã cầm thận móc túi lấy ra một khúc đèn cây, cầm trên sàn xe và chậm rãi châm lửa. Ít ra có ba đứa nhỏ thiếp tắt ngọn đèn lập tức. Lúc đó xe lửa chui vô một đường hầm. Bóng tối ủa đèn, tiếng kêu khóc, tiếng la hét không thể nào tả xiết. Người đàn ông đứng tuổi, sau một hai phút gì đó, đã châm lửa được cây đèn trở lại. Lần này không có một đứa nhỏ nào dám thở về hướng cây đèn.

Họ ở trên chiếc xe lửa suốt bốn ngày trong lúc nó chạy lách cách, chậm chạp hướng và phía trước và ghé lại các

nhà ga từng khoản ngắn. Thường thường xe ngừng nhiều tiếng đồng hồ và tất cả đều xuống xe đi lại cho đỡ tê chân. Tại những nhà ga dọc theo đường ray có nhiều trại cung cấp thức ăn và nước uống cho dân tỵ nạn. Trong suốt thời gian này, Gladys thường ngủ gà ngũ gật. Nàng không cảm thấy bình hoặt, nó giống như một con mèt mỗi giờ nhảy vào tận trong xương tủy của nàng. Tính từ khi ra đi cho tới bây giờ, cả bọn đã lặn lội, dầm mưa trãi gió gần ba tuần lễ. Nàng không được ngủ thẳng giấc, và cuối cùng phải nhijn đói mà đi trong nhiều ngày. Nàng tự nghĩ chắc vậy mà nàng cảm thấy không được bình thường.

Tại ngôi làng Tiên Sa nhỏ bé, xe lửa ngừng lại, không đi xa hơn nữa. Một cây cầu quan trọng bị phá hủy, thiêt lộ đứt đoạn. Tới đây đã cuồi vùng bình nguyên nhấp nhô, và phía trước mặt họ là núi non sừng sững. Họ phải đi bộ vượt qua dãy núi này, rồi sẽ tìm xe lửa khác ở phía bên kia.

Một giòng người tỵ nạn thưa thớt di chuyển qua những nẽo mòn đáy đá sỏi : lão ông, thiều phụ, những người cha, các bà mẹ, cả gia đình, tay xách nách mang, tất cả đều nhầm hướng Tây mà đi, lánh xa bàn tay tàn bạo của quân Nhứt. Họ vô làng xin ăn, và Gladys ngược nhìn những đỉnh núi cao trước mặt. Những đỉnh ấy làm nàng sợ hãi. Nàng không muốn tiếp tục đi nữa, nàng muốn dừng chân hẳn nơi đây. Nhưng nàng biết việc này không thể được. Hy vọng duy nhất của bọn nàng là tờ chức của bà Tướng Giới Thạch. Cho dù từ đây đến Sian vẫn còn nhiều ngày đường nữa, nhưng bằng mọi cách, nàng phải thu góp hết năng lực còn lại để đi cho đèn đó. Nhưng những ngọn núi này ! Chúng cao và hiểm ác làm sao ! Một ười đã lặn sau dãy núi, khắp thung lũng và các đỉnh núi lóng lánh một màu đỏ tía. Vào lúc khác nàng sẽ ngắm cảnh này, hiện thời nàng lo sợ những gì nằm trước mắt nàng. Ngày hôm sau, đoàn người tỵ nạn lại tiếp tục cuộc hành trình.

Ngay bước đầu, họ đã gặp con đường mòn dựng đứng.

Tất cả mọi người đều không mang giày dép chân của họ bị đá nhọn cắt bấy. Ngoài lại sườn núi đầu tiên, họ có thể nhịn khát từngi: đám bụi chàm chàm dâng lên ở bình nguyên phía dưới, dưới ánh hồng của vùng thái dương lè loi giòng như mắt quỷ nheo nheo qua sương mù. Suốt bốn giờ, họ vượt con đường núi một cách vất vả, mày đứa trai nhỏ leo lên trước, Gladys và những cô gái lớn tuổi hơn chàm chàm theo sau. Từ một sườn núi cao, mọi người liếc nhìn xuống vùng bình nguyên lần cuối cùng; sau đó, khi họ băng xuống phía bên kia núi và men theo một con đường ngoằn ngèo, những đỉnh núi cao như bao vây lấy họ.

Xe chiểu, Liang và Teh, hai cậu bé giữ nhiệm vụ dò đường như thường khi, quay lại báo cáo có một ngôi làng nằm tại khúc quanh ở thung lũng phía trước. Lúc Gladys tiến vô làng, nàng thấy bọn trẻ đang bưng tô húp nước *amentang*, tức nước kê luột, và dân làng đang phát bánh tét, cùng nhiều thức ăn vụng vặt khác cho chúng. Nàng uống vài ngụm nước trà và cảm thấy khỏe khoắn. Dân làng từ tè, họ cho nàng biết phải mất hơn hai ngày nữa mới qua hết dãy núi và đến Tangkuan. Dọc đường còn nhiều làng khác, mọi người có thể vô xin thức ăn.

Chàm chàm, Gladys cò găng lê bước. Phía trước mặt đoàn người, một sườn núi cao đứng sừng sững ở chân trời. Nàng ước tính rằng, nếu mọi người vượt qua được sườn núi đó, họ có thể ngủ đêm ở thung lũng phía bên kia. Leo một giờ nữa, mày đứa trai lên năm đã đuối sức. Bàn đứa trai mười bồn tuổi thay phiên nhau cõng chúng, và Gladys cũng đèo trên lưng một đứa. Mày đứa gái lớn đã quá mệt mõi rồi, không thể giúp đỡ gì được. Tất cả những gì mà chúng có thể làm, được là đi theo kịp mọi người. Hiện tại, đoàn người tiến rất chậm chạp.

Họ chưa lên được sườn núi, mặt trời đã dần dần khuất bóng. Gladys biết rằng mọi người không thể nào vượt qua sườn núi trước khi trời tối. Chỉ còn có cách là tìm nơi trú đêm. Phút giây trước đêm đều giòng nhau,

mặt trời tó một màu đỏ tía lên vạn vật làm ngơ ngắn hồn người và bóng tối lan mậu trên thung lũng. Dưới những gợp đá mọc gie ra ngoài, họ tìm được nơi tam trú và quay quần bên nhau tìm hơi ấm, mày đứa nhỏ mệt mỏi đèn nỗi r.gay khi vừa quần mén chúng đã ngủ khò. Trời càng lúc càng lạnh, và Gladys cảm thấy xương cột đều giá buốt. Chen thân vào giữa hai tầng đá, nàng thiêm thiếp ngủ.

Trời vừa mờ sáng, mọi người cuộn mén chiểu lại và lên đường. Lù trè chạy mau về phía trước. Đoàn người vượt khói sườn núi khi mặt trời lên hẳn. Nhưng đỉnh núi trắn trui vây quanh, giăng giăng mọi hướng, đầy quạnh hiu và đầy dọa nạt. Tâm hồn nàng cảm thấy lành lạnh. Nếu họ lạc đường, họ có thể đi loanh quanh mãi cho đến khi chết rù giữa cảnh hoang vu như thế này. Suốt ngày đó, họ mãi miết lê thân về phía trước. Lúc trời về chiều, khi họ ngồi xuống mặt đất để nghỉ tạm, họ mới hay rằng giờ nghỉ ngoi thực sự của họ cũng đã đến rồi.

Mỗi hối chảy thành những vệt dài xuồng mặt Gladys, cuồn theo lớp bụi trắng xóa của miền núi. Nàng liếc mắt nhìn quanh lù trè. Mày đứa trẻ, chín tuổi còn đi quá về phía trước, nhưng hàng chục đứa lên năm, lên sáu, mặt mày ủ dột, tụ họp xung quanh nàng, hầu như tê liệt, không thể mở miệng nói đùi công, đùi ăn uòng nữa. Các cô gái, buông mình xuống mày tầng đá, thái độ chán nản cùng cực. Ngay cả Liang và Teh cũng ngồi châm hầm, tay chống cằm, mệt lă vì phải công mày đứa nhỏ hết giờ này qua giờ khác.

Gladys cảm thấy đói má nàng ướt ướt. Nàng cõ gạt nước mắt, nhưng nước mắt cứ trào ra, trào ra mãi, và cuối cùng nàng bật khóc thành tiếng nức nở và buông thả, vì nàng không còn đủ sức để ngăn chặn nữa. Nỗi khòn khõ của nàng thăm thẳm, nàng khóc vì kiệt sức, vì sức khỏe mong manh của nàng, nàng khóc cho lù trè, cho nước Trường Hoa, cho cả thế giới. Lúc này nàng không còn lòng dạ nào tiếp tục đi xa hơn nữa. Nàng định ninh rằng

cả bọn nàng chàm dứt mạng sống ở đây, cả bọn sẽ chết trong vùng núi non này. Nàng định ninh rằng nàng đã mang lù trè vào bước đường cùng, nàng đã hại chúng, và nàng đã khóc vì phạm tội. Lù trè cũng nước nở khóc theo nàng. Mây đúa nhỏ hơn quay lại, đứng há hốc miệng, và sau đó, nỗi sầu thảm như bịnh truyền nhiễm, chúng bắt đầu khóc rân. Tiếng khóc thảm sầu của họ vang vang trong thung lũng hối hả. Dứt tiếng khóc, Gladys đưa tay áo chùi mặt và hít mạnh. Nước mắt đã lau sạch nỗi lạnh buốt, lau sạch một chút ít sự mệt mỏi đau đớn đã làm suy mòn ý chí và quyết tâm của nàng. Nàng gượng cười với Sualan, đang ngồi tựa mình vào nàng lúc ấy.

Nàng nói, giọng đầy can cường :

« Khóc đúng lúc luôn luôn tốt đối với các con. Như vậy cũng đủ rồi. Chúng ta hãy cắt tiếng hát một bài, và chúng ta vừa hát vừa đi xuống con đường mòn đèn gộp đá đằng kia. Tất cả, cứng lên, và không ai được thút thít nữa. Coi người nào có giọng ca lớn nhất nghe ? Một... hai... ba... »

Qua những năm dài dưới nắng mưa sương gió, dãy núi phải được nhìn thấy nhiều cảnh tượng lạ lùng, nhưng chắc hẳn nó chưa từng nhìn thấy cảnh tượng nào khác thường hơn, hoặc dũng cảm hơn, cái cảnh một thiều phụ nhỏ nhắn cầm đầu một đoàn trẻ con mặt còn hoen lệ cắt tiếng hát với sự că quyết như vậy khi nàng hướng dẫn chúng dần bước tiền về vùng đất hứa.

Ngay trước khi mặt trời lặn, cả bọn đèn một ngồi làng khác, và dân làng từ tè đã lục lọi thức ăn trong nhà để đem ra cho họ.

Họ ngủ đêm trong một cái hang cạnh làng, và lù trè lưng lừng bụng nằm lăn ra ngủ ngáy pho pho. Ngày thứ ba cũng giống như những ngày khác, có khác chăng là họ không tìm ra ngôi làng nào cả, và bụng họ lép xẹp. Đêm đó, họ nằm co ro trên sườn núi, giữa sương mù dày đặc. Trong khi những đứa trẻ nhỏ nằm ngủ, Gladys và mấy đứa

lớn phải đi quanh súra soạn chén bát để hứng sương đọng trên đá, nhờ đó lúc thức dậy ít ra lũ trẻ cũng sẽ có được một chút nước để uống.

Ngày hôm sau, họ thoát ra khỏi vùng núi và đặt chân lên vùng bình nguyên. Vẫn còn nhiều dặm nữa mới đến Tungkuan, nhưng họ đã đèn được nơi nầy trước khi trời tối. Hầu hết nhà cửa đều đỗ nát vì thị trấn từng bị oanh tạc nặng nề. Một người đàn bà chỉ đèn một cơ quan tí nạn, thiết lập trong một cái sân. Hai người đàn bà phụ trách những nỗi thức ăn nghỉ ngút khói, và lũ trẻ bu quanh họ kêu gào. Một vài đứa — luôn luôn có một vài đứa không tránh khỏi mặt đứa, mà chén — đeo theo Gladys kêu khóc rùm trời. Nàng ngao ngán lục lọi mọi thứ để tìm đủ chén đùa cho lũ trẻ ăn uống. Như thường lệ, khi lũ trẻ no bụng, nàng chỉ còn thừa lại chút ít thức ăn vét dưới đáy nồi. Nàng không lưu tâm đèn điều đó ; nàng cảm thấy quá mệt mỏi nên nuốt không trôi. Nhờ hai người đàn bà, nàng biết được có đường xe lửa từ Tungkuan đến Hua San, nhưng lại không có xe lửa chạy. Đường ray nằm sát bờ sông bên nầy, trong khi quân Nhật chiếm đóng bờ sông bên kia. Điều đó có nghĩa là bọn nàng phải tiếp tục lội bộ. Tin này đã gây cho nàng sự bức tức hảu như vô lý, sự bức tức mà nàng không hề có trước đây. Nàng đã mọi thứ nằm căn bước chân của nàng. Một lát sau, khi có hai người đàn ông bước vô sân hỏi nàng từ đâu đèn và nàng muốn đi đâu, nàng đã trả lời cộc lốc. Hai người nầy cứ theo hỏi mãi, nàng chặn lời ngay :

«Ô ! Tôi mệt, các ông để cho tôi yên !»

Họ nói :

«Chúng tôi muốn giúp cô. May người đàn bà có nói cho chúng tôi biết về cô.»

«Các ông có thể giúp tôi cách nào ?»

«Thỉnh thoảng ; có một chuyến xe lửa chạy suốt đèn Hua San, và từ đó có thể đi Sian được. Xe lửa không chờ hành khách, chỉ chờ than thô. Nó khởi hành vào lúc nửa

đêm, và khi chạy ngang qua các vị trí của quân Nhật ở phía bên kia bờ sông trùi vẫn còn thi. Tuy nhiên, thỉnh thoảng bọn chúng bắn vô xe.»

«Các ông muốn nói là chúng tôi có thể đi trên chuyến xe lửa đó?» Nàng hỏi một cách nôn nóng, trái tim như nhẹ nhõm. «Chừng nào xe lửa khởi hành?»

«Đêm nay, trong một vài giờ nữa.»

Nàng nhìn quanh những tảng thán nhỏ bé đang nằm sắp lốp, cuộn tròn như những cái kén. Tất cả đều say ngủ. Ngay cả một trận động đất cũng không đánh thức nổi chúng. Hy vọng của nàng xẹp xuồng.

«Từ đây đến nhà ga xa không?»

«Cách đây không hơn bảy mươi thước, quanh qua góc đường thì tới.»

Nàng lại hy vọng :

«Nếu có thể, chúng ta sẽ mang lũ trẻ này đặt chúng lên xe, như vậy không biết có tiện không?»

Hai người đàn ông đồng ý sẽ cõi hết sức giúp nàng. Phần khởi, Gladys gọi tất cả mấy đứa lớn — Liang, Teh, Sualan, Chin Xu, Timothy và Less. Nàng giải thích cho chúng nghe những gì nàng dự định làm. Tất cả phải đi ngủ liền và khi nào tới giờ nàng sẽ đánh thức chúng dậy. Chúng sẽ làm thành một dây người từ đây xuống đèn sân ga — cứ cách khoảng năm thước một đứa — và chuyển tay mấy đứa nhỏ, giống như chuyển thùng nước để chứa lửa vậy. Phải, y như họ đã từng làm lúc vượt lên những dốc núi cao trước đây.

Hai người đàn ông cười khi nàng giải thích ý định của nàng. Khi nào xe lửa sắp chạy họ sẽ trở lại để nói cho nàng biết. Nàng nằm xuống, cõi dỗ giấc ngủ. Nàng nghe hơi thở nhẹ nhàng của lũ trẻ nằm chung quanh, tiếng khò khò êm ái này đã ru nàng vào giấc ngủ. Kè đó nàng nghe có người lay vai nàng. Hai người đàn ông trở lại. Xe lửa sắp khởi hành ngay. Họ phải mau tay lẹ chân mới kịp. Nàng đi quanh đánh thức mấy đứa lớn. Chúng nói chuyện

khe khẽ, nhưng cho dù trong bóng tối nàng cũng biết chúng thích thú. Chúng tự đứng thành hàng có khoảng cách đều nhau như nàng đã dặn. Hai người đàn ông quay về xe lửa, trông coi việc sắp xếp những tảng thân nhỏ bé bắt động vòi toa chờ chan. Khi nàng ôm xộc chú bé con tên San, năm tuổi, nàng cảm thấy nó vừa nhẹ bỗng vừa ấm áp lắm sao. Thằng nhỏ nói làm nhảm trong giấc ngủ khi nàng chuyển nó cho Sualan, và Sualan tiếp tục chuyển cho Liang. Nàng biết, do kinh nghiệm, rằng mấy thằng nhỏ này sẽ ngủ như những con sóc ngủ trong suốt mùa đông, và ngay cho dù có vòi ý đánh rơi chúng, chúng cũng sẽ cuộn tròn lại trên mặt đất và tiếp tục ngủ nữa. Từng đứa một được chuyển dần dần xe lửa. Sau đó, Gladys cuộn đở ngủ và mấy thứ này cũng được chuyển đi.

Nàng đi ra ga. Nàng có thể nghe tiếng máy phì phao trong bóng tối và nàng cũng nhìn thấy những bóng đèn lù lù của các toa xe, mà quả thật, bên trong chất đầy than. Than được xếp cao, cả bên ngoài hành lang, và lũ trẻ được chồng lên phía trên. Hai người đàn ông chèn nhiều khúc than quanh lũ trẻ để chúng khỏi rớt ra ngoài xe. Gladys đặt mồi toa hai đứa lớn để trông coi mấy đứa nhỏ khi chúng thức dậy.

Nàng tự leo lên xe, đầu gối của nàng đụng phải một trụ sắt, và cảm thấy tay mình chạm vào những vật lớn ngón. Có sáu đứa trẻ được đặt trên toa xe nàng vừa lên; tất cả hình như đều nằm rất vững chãi. Một người đàn ông đứng phìa dưới nói với nàng rằng hắn sẽ đi báo cho người hoa tiêu biết tất cả đã lên xe. Vài phút sau, những cây cảng bắt đầu khua leng keng, xe lửa giật nhiều lần liên tiếp, từ từ di chuyển về phía trước.

«Chào cô, chúc cô may mắn !» Người đàn ông thứ hai cắt tiếng từ trong bóng tối phìa dưới.

Nàng nói lớn :

«Chào ông bạn ! Cám ơn các ông đã giúp đỡ chúng tôi. Chúa ban phước cho các ông.»

Xe lửa già tăng tốc độ. Gió lạnh lướt trên mặt nàng. Nhưng cái lạnh dùi dùi, không giống như cái lạnh ở miền núi. Nhưng vì sao như một chiếc lồng che trên đầu nàng. Nàng ngã lưng, đầu gối lên một khúc than. Không phải lúc để nghỉ đèn sự dơ bẩn, nhưng có ai nghĩ rằng khoáng chắt đèn đúa, chôn sâu dưới lòng đất hàng triệu năm được khai quật lên này, lại tỏ ra là một đồng minh tốt như vậy và cung cấp một chỗ ngủ vững chắc như vậy. Nàng đưa tay sờ những khúc than nhẵn nhụi.

Bánh sắt chạy lách cà lách cách phia dưới nàng. Tim nàng rộn rã. Năm này là năm nào ? Năm 1940 ? Tháng Tư năm 1940, nàng nằm đây, trên một chiếc xe lửa chở than cũ kỷ chạy lách cách xuyên qua nước Trung Hoa. Nàng không biết rằng quân Đức đã chọc thủng phồng tuyền Sedan và đây lui những người đồng hương của nàng đèn sự chiến bại và chiến thắng ở Dunkirk. Nàng cũng không biết rằng, vào thời gian này, những chiếc tàu trên khắp đại dương bị vỡ tan ra từng mảnh. Nàng cũng không biết tới những hồi còi báo động rền vang, giồng như tiếng rú của lũ chó sói hung dữ, quanh những lâu đài thui ở công viên Belgrave. Nàng không biết rằng ở Mỹ Châu, ở tất cả các xứ sở không có những nhà độc tài, bước chân cặp bách hướng đèn tự do càng lúc càng tập trung cường độ và qui tụ sức mạnh.

Nàng không biết gì hết. Nàng chỉ biết mẫn nguyện được nằm trên toa xe than chạy lách cách dưới bầu trời đầy sao, hướng về mục tiêu xa xôi của nàng : Sian. Và nàng thiếp ngủ mau chóng.

Khi nàng thức dậy bình minh đã đèn. Lù trè cũng đã thức, và nàng có thể nghe tiếng la ó đầy thích thú của chúng khắp các toa xe. Chú nhóc San, nằm cách nàng mày bước, cũng đã thức dậy, nhìn chăm chạp chú nhóc Lu Fu đang ngồi dụi mắt, rồi cười ré lên. «Lu Fu, hối tôi mấy đã biến ra đèn thui ! »

Lu Fu cũng cười ré lên một cách thích thú : « Hồi

tới mây cũng biến ra đen thui. Cô Ai-Weh-Deh cũng đen thui. Tất cả chúng ta đều đen thui hết. Ngộ quá. » Khắp các toa xe đều bàn tán hiện tượng này, gây ra tiếng cười ồn ào, và Gladys cũng cười lớn với lũ trẻ.

Quân Nhứt không bắn vô xe lửa, hoặc họ có bắn nhưng nàng không nghe. Nàng cảm thấy khoan khoái, nhưng sức khỏe yếu kém hơn. Họ rời khỏi đám bụi màu vàng ở phía Bắc Honan và rời khỏi giòng sông. Hiện thời xe lửa băng ngang qua vùng đồi xinh tươi và nhấp nhô như gợn sóng với những khu vườn đầy hoa, những mái chùa thấp thoáng trong cây cối xanh rì. Lũ trẻ suýt xoa, chỉ chò khi nhìn thấy cảnh sắc lướt qua loáng thoáng, những cảnh sắc mà chúng chưa từng thấy bao giờ. Xe trưa, họ đến Hua San, một trong những huyền lý miền núi, nhiều đền chùa thiêng liêng nhất của Trung Hoa, bị bom đạn tàn phá nhưng vẫn còn đẹp đẽ. Sườn núi miêu mạo chùa chiêng điểm làm chàm, mái cong chạm trổ theo kiểu Á Rập, nóc bên các rặng cây, những chiếc cầu, những con suối có nước chảy và người đi lễ hái đèn nhang ở hàng trăm nơi linh thiêng. Tiếng chuông trầm bổng suốt ngày.

Nơi đây, tại một trong những ngôi chùa, Trung Hoa Quốc Gia đã thiết lập cơ quan tị nạn. Gladys và lũ trẻ được cho thức ăn, và bây giờ nàng mới có thể ngủ yên giấc. Tất cả đều giống như một giấc mơ, cảnh đẹp đẽ dàng, gắn gùi với miền nhiệt đới xa lạ đối với nàng. Nàng không ngần ngại uống thuốc do lũ trẻ mang đến. Liang và Chín Xu nói rằng nàng cần phải uống thứ thuốc này. Nàng hỏi chúng đã tìm ở đâu ra, chúng cho biết của mày ông sư trong chùa. Chúng nói với các ông sư rằng Ai-Weh-Deh của chúng bị bệnh, và yêu cầu họ cho thuốc. Mấy vị sư cho nhiều loại thuốc được, phải đem sắc rồi để nguội cho Ai-Weh-Deh uống. Thuốc quá đắng, nhưng đầy hương vị.

Nàng thật sự không nhớ cả bọn đã ở Hua San mấy ngày. Nàng chỉ biết lúc khởi bước ra đi là vào tháng Ba và bây giờ là cuối tháng Tư. Ngoại trừ trái trụa, bám dật

và thoát khỏi tai biến đầy sợ hãi trong đường tơ kẽ tóc trong lúc đi đường, tất cả lũ trẻ đều khỏe mạnh. Xe lửa chạy đèn Sian bắt thường, và người trông coi trung tâm ti nạn một - thiều nữ Trung Hoa hăng hái, thầm nhuần tinh thần phong trào Đời sống mới, dưới sự bảo trợ của bà Tưởng giới Thạch, hiện đã lan rộng ở Trung Hoa — nói cho Gladys biết là nàng không nên lo lắng. Những người ở trung tâm sẽ kiềm chế cho nàng và lũ trẻ đi Sian nếu có xe lửa.

Một buổi sáng, họ giúp nàng hướng dẫn lũ trẻ xuống nhà ga và đưa cả bọn lên xe. Họ cho bọn nàng thức ăn để mang theo, vì cuộc hành trình sẽ kéo dài ít ra cũng ba hoặc bốn ngày. Xe lửa Trung Hoa vào thời đó chạy không có giờ giấc nhất định, khó hiểu đối với người Tây phương. Xe muôn chạy muôn ngừng lúc nào cũng được. Sau đó, Gladys không thể nào nhớ được chuyền đi đâu mất ba hay bốn, hoặc năm ngày. Như trước đây, lũ trẻ vẫn trứng giòn, kêu khóc, la hét. Miền quê lướt qua chậm chậm trước mắt họ, dưới ánh nắng rực rỡ của tháng Tư. Thỉnh thoảng tại mỗi nhà ga, xe lửa ngừng lại nhiều giờ, rồi lại đêm ngày dung rủi. Cuối cùng xe lửa ngừng vào một buổi trưa, nàng nhận thấy tất cả dân tí nạn trên xe đều té ra phẳng chǎn. Nàng chen lên để nhìn ra ngoài. Nàng thấy những bức tường, những ngôi chùa nằm ở phía bên kia sân ga, và một nhóm nhà trệt. Lũ trẻ đã ủa xuống sân ga. Nàng vội vã bước theo chúng và tập họp chúng lại như thường khi.

Nàng nói :

« Lúc đi ngang qua công thành, chúng ta sẽ hát một bài. »

Nghe vậy, một ông lão Trung Hoa nâng đầu lên nói với nàng :

• Cô ơi, cô sẽ không bao giờ vô trong thành Sian được đâu. Các công thành đều đóng kín hết rồi. Không có người dân tí nạn nào được phép vô thành nữa. ,

Nàng không tin. Nàng không thể nào tin lời ông lão.

Những khuôn mặt cảm nín của lũ trẻ đều quay nhìn về phía nàng. Suốt nhiều tuần, lẽ dẫu đặc vừa qua, nàng đã nuôi dưỡng chúng bằng phép lạ của Sian.

Nàng nói một cách tuyệt vọng :

«Bây giờ chúng tôi biết đi đâu ? Chúng tôi sẽ về nơi nào ?»

Ông lão chỉ :

«Có một trại tị nạn gần tường thành đồng kia. Họ sẽ cung cấp thức ăn cho cô..»

Quả đúng như lời ông lão nói. Sau khi băng rừng vượt núi đèn dây, họ bị ngăn đường. Gladys đặt lũ trẻ đèn trại tị nạn, và trong lúc những người thuộc phong trào Đời sòng mời cho chúng ăn uống, nàng đi một mình men theo con đường dẫn vào thành phố. Lúc tiến gần hơn, nàng nhìn thấy tường thành thật cao và có trụ chống đỡ. Tường thành này vĩ đại hơn ở Tsechow nhiều. Nàng có thể thấy những mái chùa lợp ngói xanh vươn lên khỏi bờ tường. Hai cánh cửa thành bằng cây đỗ sộ đóng kín và khóa chặt.

Một già lính canh đứng trên thành la lớn :

«Bà kia ! Hãy đi đi ! Thành phố đầy dân tị nạn rồi, không cho ai vô nữa đâu..»

Nàng gục mặt vô mặt cây cứng của cánh cửa thành và bật khóc nức nở. Cuộc hành trình thăm thẳm biết bao nhiêu ! Và bây giờ như vậy ! Như vậy !

CHƯƠNG XV

CHẬM chạp, nàng trở về gấp lại lũ trè. Nàng không biết nói với chúng những gì, nhưng ngược lại, chúng có tin tức đẽ nói với nàng. Các đại diện của phong trào Đời sống mới đã tìm gặp bọn nàng. Họ tái xác nhận rằng lũ trè và nàng không thể giao vô ở trong thành Sian vì hiện thời cửa thành đã khóa, không cho dân tự nặn vỗ nữa. Nhưng có lẽ chỉ một hai hôm cửa thành sẽ mở lại, và bất kỳ trường hợp nào, lũ trè cũng sẽ được chăm sóc ở Fufeng, một thị trấn gần đây, vì nơi đó đã được sắp xếp sẵn sàng để tiếp nhận chúng. Một cô nhi viện và một trường học hiện hoạt động ở Fufeng. Tất cả những đứa trẻ do Tsin Pen Kuang đưa từ Tsechow đến trước đây hiện cũng có mặt ở đó.

Gladys hỏi :

«Các ông muôn nói công việc hoàn toàn êm xuôi hết à ? Lũ trè của tôi được thực sự chăm sóc ?»

Họ đáp :

«Phải ! Ngày mai chúng tôi sẽ đưa cô ra xe lửa để đi Fufeng. Chuyến đi không xa này.»

Thoạt đầu nàng không tin lời nói của mày người này. Một phần nàng cảm thấy khó chịu trong mình, bịnh nóng lạnh tái phát và triệu chứng ít nhiều của bịnh sốt rét truyền nhiễm, và nội thương mà nàng không biết, bắt đầu phát tác ngay khi gánh nặng trách nhiệm của nàng vừa nhẹ bớt. Nàng khó mà nhớ cuộc hành trình bằng xe lửa đến Fufeng. Nàng chỉ nhớ có mày người đàn bà rất vui vẻ mang thirc ăn đứng đón bọn nàng trên sân ga ; nhiều cù gái tươi cười

tay mang băng hiệu của phong trào Đời sống mới, vừa sắp xếp lũ trẻ vừa nói : «Bây giờ tất cả chúng ta đều sung sướng !»

Ở Fufeng, lũ trẻ được mang đèn một ngôi chùa cũ, phân phát quần áo, giày vớ mới, thức ăn và chỗ ngủ. Nhưng khi hậu Fufeng nóng bức và ẩm ướt, và con sốt đã khiến nàng cảm thấy mọi thứ đều mờ mờ ảo ảo. Lũ trẻ được cứu thoát... Cuộc trốn chạy dũng dã đã chấm dứt... Nhưng trong con mê sảng, nàng cảm thấy như mọi việc vẫn còn đang xảy ra — những đindh núi, sự hoang vu và cô độc. Hai thiếu phụ điều khiển một cơ quan Tin Lành nhỏ ở Fufeng yêu cầu nàng đi theo họ đèn một ngôi làng lân cận để giảng đạo. Nàng nhận lời, bởi lẽ nàng chưa từng quan tâm đến sức khỏe hoặc an vui của chính mình bao giờ.

Nhưng lúc nàng đi với hai thiếu phụ Trung Hoa trên con lô nắng chan chan, hai bên là những ruộng kê xanh mướt trải dài mút mắt, nàng nhận thấy hai chân run lẩy bẩy, hình như chúng không còn chịu sự sai khiến của nàng nữa. Khi vô nhà, người ta mang ra một tô thức ăn với đôi đùa, và nàng ngồi trên chiếc ghế đầu nhỏ để ăn. Nhưng nàng không sao đúc thức ăn vào miệng ; làm cách nào nàng cũng không thể điều khiển được tay của nàng, ngay cả một cử động đơn giản nhất. Điều này thật phiền phức. Nàng đói bụng nhưng không thể ăn được. Nàng thấy những người khác nhìn nàng có vẻ hơi lạ lùng. Nàng nhức đầu ? Phải, nàng nhức đầu. Trước khi giảng đạo nàng muôn đi nằm một lát. Phải, nàng muôn nằm xuống. Có lẽ vì nóng bức nên nàng cảm thấy hơi khác lạ.

Không có gì đâu, mà người đàn bà nói khi họ đỡ nàng vào một căn phòng nhỏ phía trong. Mấy tuần vừa qua nàng đã thấy khó chịu rồi và hiển nhiên nàng kiệt sức. Nàng cần nghỉ ngơi một lát, và trong vòng một hai giờ là nàng có thể giảng đạo.

Nàng nằm dài mệt mỏi trên chiếc giường cây, quyến

Thánh kinh đè bên cạnh. Nàng đọc một đoạn kinh...

Nàng thấy trước mắt một ngọn lửa vi đại đang bừng bừng bốc lên với đủ màu sắc — màu đỏ, màu tím, màu vàng. Nàng cảm thấy nóng bức. Nàng định đưa tay lên trán, nhưng tay nàng bắt động.

Cô họng nàng khô涸. Nếu nàng có một chút nước để uống...

Ngọn lửa vi đại tan dần trước mắt nàng, trong đầu nàng, và nàng rơi xuồng, rơi xuồng, rơi mai xuồng bồng tối.

Một giờ sau, lúc họ đèn đèn nàng đi, nàng đã mệt sảng.

*

Bây giờ, những con ruồi đang bay vo ve khắp căn phòng — một căn phòng xa lạ, với một chiếc giường sạch sẽ, một cái bàn nhỏ đặt cạnh giường và những tấm màn màu sắc tươi sáng, mềm mại. Nàng ở đâu? Việc gì đã xảy ra? Những người ở đây cò gắng kè cho nàng nghe. Hai nông dân đã chờ nàng đèn Hsing P'ing bằng xe bò, và sau đó nàng được đưa về Sian bằng một toa xe lửa đặc biệt chỉ dành riêng cho nàng, trải qua nhiều ngày và nhiều tuần lễ, nàng nằm trong tình trạng hàn hít. Nhưng hiện thời nàng không thể nào nhớ được những gì xảy ra trong khoảng thời gian này. Có lẽ, nàng nghĩ, lúc nàng ngã lịm ở cửa nhà trong ngôi làng xa lạ đó, mấy thiêu phụ Trung Hoa đã sơ hãi nên nắn ní hai nông dân chờ nàng bằng xe bò đến cơ quan truyền giáo.

Ở Hsing P'ing và ở Sian, vị Bác sĩ cao niên, các cô y tá và nhiều thám tử khác đã trông nom, săn sóc nàng. Nàng chưa chết, và nàng đã cứu được lũ trẻ. Dần dần, trong khi nằm trên giường bệnh, nàng biết hết mọi việc xảy ra. Lũ trẻ bình yên. Chúng có thức ăn, quần áo, và ngay cả đi học nữa. Lúc không có thuyền chở qua giòng Hoàng Hà, chúng đã kêu khóc, nhưng bây giờ chúng đã được bình yên.

Nhiều ngày trôi qua, sức khỏe của nàng khôi phục dần dần, vì Bác sĩ cao niên liền sắp xếp để nàng xuất viện, đền ngũ tại nhà một người bạn của ông, ở vùng quê bên ngoài Sian. Tại đây, và sau đó tại nhà của nhiều thân hữu khác, nhờ sự chăm sóc của họ, sức khỏe của nàng gần như trở lại bình thường. Mặc dù vẫn chưa thật mạnh, nàng có thể trở về Sian.

Linnan lúc ấy cũng đang thăm viềng Sian, và nàng vui mừng tái ngộ với chàng. Chàng khăn khoản nàng tiền đền hôn nhân và đi với chàng về Chungking, tức nơi chàng hiện đang làm việc. Nhưng ở Sian, xa hòn miền núi, không hiểu sao mỗi giây liên lạc của họ bỗng nhiên biến đổi. Nàng không hiểu nguyên do, nhưng nàng cảm thấy có cái gì đổi khác. Nàng biết rằng nèu chiến tranh không đầy nàng ra khỏi Shansi, nàng sẽ kết hôn với Linnan, và đời sống của nàng sẽ xoay sang một hướng khác.

Lúc ấy nàng đã nói với chàng :

«Thุng thảng đã ! Chúng ta không thể kết hôn trong khi cuộc chiến khùng khiếp này vẫn còn tiếp diễn, hay trong khi chúng ta vẫn còn đang chiến đấu ở đây.» Chàng đã chờ đợi, nhưng đã quá muộn màng. Bây giờ, thay thế nỗi rộn rã trong tim nàng, niềm vui sướng tràn ngập vì biết nàng đã yêu và được yêu, có một sự lo lắng dần co về những gì mà nàng phải làm, giữa tôn giáo, lũ trẻ và người đàn ông mà nàng yêu.

Một nơi nào đó trong vùng rừng núi giữa Yangcheng và giòng Hoàng Hà, một nơi nào đó trên vùng bình nguyên nằm giữa con sông và kinh thành cổ kính Sian, một nơi nào đó trong thế giới không thật của cơn mê sảng và những cơn sốt bệnh tật của nàng, tình cảm vững chắc của nàng được thay vào bằng nỗi ưu tư. Tất cả điều này, trong nước mắt, nàng có giải bày cho Linnan hiểu ; và tất cả, điều này, trong nỗi tuyệt vọng của tình yêu, chàng có gạt sang một bên, chàng nói rằng nỗi ưu tư này sẽ không còn nữa một khi nàng khôi phục. Ở Chungking, chàng nói

chàng sẽ có địa vị cao, hai người có thể tạo lập một gia đình ở đây và sống trong hạnh phúc ; & Chungking lũ trẻ có thể cắp sách đèn trường. Nhưng lời chàng vô ích, con chim mộng đã cắt cánh bay xa. Có lẽ, con chim mộng này không thể sống trong cánh rừng tuyệt vọng âm u, nỗi tuyệt vọng âm u càng lúc càng lan rộng trên khắp xứ sở Trung Hoa ấy. Còn nhiều việc phỉ làm cho Thượng Đè, và nàng, người đàn bà nhỏ nhoi, kè mòn dỗ nhỏ nhoi này đã được giao phó phần việc của nàng.

Nàng già biệt chàng tại nhà ga bên ngoài thành phố Sian, và quay bước lần qua những con đường nhỏ hẹp với nỗi đớn đau tràn ngập của sự cô đơn, biết rằng nàng sẽ không bao giờ hoàn toàn hiểu nỗi hành động của nàng có phải là hành động khôn ngoan hay không — nàng chỉ biết rằng trong suốt cuộc đời nàng, nàng đã nhớ đèn Linnan như là một người đàn ông duy nhứt mà nàng đã yêu. Chiếc tranh đã đầy chàng đi biến biệt và nàng không bao giờ tái ngộ với chàng nữa.

*

Khi sức khỏe dần dần khả quan, người đàn bà nhỏ bé tiếp tục công việc của nàng, ở Trung Hoa, và sau đó ở Anh Quốc. Nàng làm việc cho phong trào Dời sòng mới ở Sian, và thiết lập một giáo đường cho dân tị nạn tại thành phố này. Sau nàng ở Paochi, tận phía Tây Phù Shan si, kè đó nàng nhận lãnh nhiệm vụ của một cơ quan truyền giáo thuộc Giám lý hội Hoa Kỳ ở Szechwan, gần biên giới Tây Tạng, và sống giữa những người mắc bệnh cùi ở đây. Nàng mang theo năm đứa trẻ, nuôi sòng và dạy dỗ chúng. Chúng đi học xa, Chín Xu thành lập gia đình và nàng lại sống trong cảnh cô độc. Nàng đã lo cho chúng nên danh nên phận.

Nhưng, cho dù nàng còn có thể tiếp tục làm việc, nàng vẫn phải phản đầu với sức khỏe càng ngày càng suy yếu của nàng. Ngày đó, khi quân Nhụy đánh đập nàng

trong sân cơ quan truyền giáo ở Tsechow khiên nàng bị nội thương trầm trọng, thời gian trôi qua mức độ trầm trọng càng gia tăng thêm. Các bác sĩ Âu Châu mà nàng đến khám bệnh, đều nói rằng dịp may duy nhứt của nàng là trở về Anh quốc, để ở đó giải phẫu và chữa trị cho nàng. Nhưng việc này không thể thực hiện được, bởi lẽ nàng không có một cấp bậc nào : nàng chỉ còn lại hy vọng một ngày nào đó nàng có thể trở lại Yangcheng yêu dấu của nàng.

Có lần nàng rời khỏi Paochi lên tận mảnh Tzechung để giao cho một trong những cơ quan Giám lý một nhóm người Hoa Kỳ bị trực xuất khỏi miền Bắc Shansi. Nàng trò chuyện với một người trong nhóm này lúc bước dọc theo con lô dẫn đến cơ quan truyền giáo, họ đi ngang qua một người đàn bà tị nạn từ Shansi đến mà Gladys từng quen biết. Người đàn bà cắt tiếng chào nàng bằng thõ âm Shansi và nàng cũng đáp lại bằng thõ âm này. Người Mỹ cùng đi nhìn nàng có vẻ chú ý. Ông ta hỏi :

«Cô từng ở Shansi ?»

Gladys đáp :

«Phải, tôi đã ở Shansi.»

Người Mỹ hỏi :

«Tôi không dè. Vậy cô có nghe nói đến một nữ giáo sĩ mà người ta thường gọi là Ai-Weh-Deh, nàng ta thường hoạt động phía sau các phòng tuyển Nhứt mây năm trước đây. Có bao giờ cô gặp nàng không ? Nàng ta đáng mặt nữ lưu. Chắc chắn có nhiều câu chuyện về nàng được truyền tụng.»

Gladys bình thản đáp :

«Phải, tôi biết nàng ta. Nàng ta chính là tôi.»

Người Mỹ tờ vè sững sờ :

«Úa, tôi quá thật đui mù. Biết được cô thật là một điều vinh dự cho tôi !»

Họ nói chuyện hồi lâu, và người Mỹ hỏi nàng về thăm nhà lần sau cùng hồi nào. Nàng không hiểu ông ta muốn nói gì.

Ông ta phải nói :

«Trở về Anh Quốc.»

Nàng cười :

«Làm sao tôi có dịp trở về Anh Quốc trong khi tôi không biết được bữa ăn ngày mai của tôi sẽ đến từ đâu ?»

Đôi mắt ông ta mở lớn :

«Cô ở đây bao lâu rồi ?»

«Mười bảy năm !»

«Và không rời khỏi xứ này lần nào ? Nhưng cô muốn về quê hương làm phải không ?»

Nàng nói, giọng mơ ước :

«Tôi nghĩ thật là tuyệt thú nếu được gặp lại mọi người, nhưng chuyện này hoàn toàn khó thể thực hiện. Câu chuyện xoay qua vàn đế khác. Nếu người Mỹ không nhớ, nàng cũng quên bằng câu chuyện này. Vài tuần sau đó, ông ta gặp lại bà vợ Shanghai. Bà ta đang điều hành một ngân quỹ quyên góp ở Hoa Kỳ, dùng để hồi hương các giáo sĩ Tin Lành người Đức và giúp trẻ em mồ côi. Đa số những giáo sĩ này, đều là những người bền tâm và khỏe mạnh, lúc ấy hầu như ngoắc ngoài vì thiều ăn, nhưng hiện thời tất cả đều trở về xứ yên ổn, và ngân quỹ còn dư được một vài trăm đô la. Mãi sau này, bà vợ của người Hoa Kỳ mới kể lại cho nàng nghe câu chuyện xảy ra khi hai ông bà gặp nhau ở Shanghai như thế nào.

Mở đầu, ông ta nghiêm trang nói với bà vợ :

«Em này, nghe anh nói đây. Anh vừa tìm ra một việc để cho xem xử dụng sò đồ la còn lại một cách hữu ích.»

Bà vợ hỏi :

«Việc gì ?»

«Việc này không dính dáng đến trẻ mồ côi mà cũng không dính dáng đến giáo sĩ người Đức. Việc này dính dáng đến một người đàn bà nhỏ nhắn, một người đàn bà Anh nhỏ nhắn tên là Gladys Aylward. Anh nghĩ nếu em xử dụng sò tiền đó giúp nàng hồi hương một chuyến thì thật là tốt đẹp. Sức khỏe của nàng ta kém. Anh có nghe một số thân hữu của nàng nói về nàng khá nhiều. Bây giờ để anh

nói sơ qua về nàng cho em nghe... »

Lần đầu tiên Gladys Aylward biết được hành động tượng trưng cho lòng quâng đại nầy của người Mỹ, khi một ông lão Trung Hoa vui vẻ và thân thiện đèn ngõ làng miền núi mà nàng hiện ở. Ông ta lê bước xuồng con đường làng và gấp nàng đứng trước cửa cơ quan truyền giáo. Ông đưa một bức thơ lên vây vây và gọi lớn : « Tôi được gửi đi tìm cô đây. Cô sắp sửa trở về Anh quốc. »

Nàng ngạc nhiên ông ta hỏi :

« Ông nói gì vậy ? »

Mặt ông lão tươi cười rạng rỡ :

« Đi Shanghai, đó là việc mà cô phải làm ; và tiền chi phí mọi thứ trả về Anh của cô sẽ được trả. Cô sắp về xứ. Bây giờ cô còn than van gì nữa không ? Tin này không phải là tin vui cho cô sao ? »

Chỉ sau khi đắn đo suy xét kỹ càng, Gladys Aylward mới quyết định rằng Chúa muôn nàng trở về Anh quốc cho nên nàng phải về. Vì đó, người đàn bà nhỏ nhắn, sau cuộc chiến một vài năm, đã trở về mãnh đất quê hương và cũng vì đó mà nàng có thể chưa lành một phần nào nỗi thương do sự tàn bạo của quân Nhật ở Tsechow gây ra.

Từ khi rời khỏi bệnh viện, nơi Gladys Aylward được giải phẫu, nàng di chuyền khắp nước Anh để diễn thuyết và thuyết giáo tại các nhà thờ, trường học và tại các nhà giảng. Nàng cũng là mẹ nuôi của mầy chục sinh viên Trung Hoa từ Tân gia Ba và Hồng Kông du học ở Anh. Nàng đã tham dự một phần lớn vào việc giúp đỡ thiết lập một nhà trọ ở Liverpool cho thủy thủ Trung Hoa và những người quốc gia Trung Hoa khác. Lúc nào cũng như lúc nào, nàng sòng đậm hạc và giản dị.

Có lẽ, Gladys Aylward không bao giờ được lành mạnh hẳn, do những gì mà nàng đã trải qua ở Trung Hoa. Tuy nhiên trong lòng nàng vẫn còn mang mến những gì khác hơn — hình ảnh của một trăm đứa trẻ đang ca hát, giồng sòng cuồn cuộn bao la, những lời cầu nguyện được đáp trả,

và những người xa lạ hảo tâm hảo ý. Hết năm này sang năm khác, nàng đều nghe tin bọn trẻ này, hiện thời đã là những chàng thanh niên, những cô thiều nữ, vẫn còn giữ mãi giây ràng buộc của tình mèn yêu dành cho người mẹ của chúng, Ai-Weh-Deh.

Gladys Aylward kín đáo và rất khiêm nhường, hiếm khi nàng để cập đến những những gì trong quá khứ. Nàng giữ tất cả trong tim. Một cô hầu phòng khách nhỏ bé, lêng thang một mình từ Luân Đôn xuyên qua vùng Tây Bá Lợi Á, chỉ vì một lá thư độc nhứt của một người đàn bà mà nàng chưa từng gặp mặt... Một thiều nữ sống một mình hàng nhiều năm trong một huyện lỵ miền núi hẻo lánh, nói một thứ tiếng xa lạ, mặc quần áo bản xứ, trở thành bạn hữu và kê khuyễn dạy cho một dân tộc khác biệt hẳn về tư tưởng và văn hóa, mà thoát đầu mọi tập tục của họ đều kỳ dị đối với nàng. Một thiều nữ quyết tâm, chân thật, đã đàm luận nhiều giờ với một vị quan Trung Hoa uyên bác khi ông ta để cập đến những điểm tè nhị đây phức tạp về nền triết lý của xứ sở ông. Tuy nhiên, trong tay nàng chỉ có kinh nghiệm thẳng thắn và nhớ trực giác gợi ra, cuối cùng nàng đã thuyết phục ông ta. Một thiều nữ, khôngмет mõi, không sợ sệt, hết tháng này qua tháng khác đi lại một mình qua các vùng núi non hiểm trở của tỉnh Shansi, vừa để phục vụ cho tinh thương, vừa để phục vụ cho chiến tranh.

Người thiều nữ đó là Gladys Aylward, Ai-Weh-Deh. Ở Shansi, người ta sẽ không quên nàng. Và những ai từng biết nàng, họ cũng sẽ không bao giờ quên nàng. Vì Gladys Aylward là một trong những người đàn bà đáng lưu ý trong thế hệ của chúng ta, chỉ cần có một sức mạnh của nội tâm và một sự kiên nhẫn chịu đựng trước mục đích theo đuổi, thì việc gì cũng có thể làm được. Ngay cả một chuyến đi xuyên qua vùng núi hoang vu và hiểm ác của Trung Hoa, không có tiền bạc, không có thức ăn, và với một trăm đứa trẻ...

TỦ SÁCH GIÁO DỤC

dưới sự điều khiển của

TRẦN HỮU ĐỨC

► TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

LÊ THANH HOÀNG DÂN và
TRẦN HỮU ĐỨC dịch

► KINH NGHIỆM NHÀ GIÁO

TRẦN HỮU ĐỨC và
LÊ THANH HOÀNG DÂN dịch

► GIÁO DỤC MỚI

TRẦN HỮU ĐỨC và
LÊ THANH HOÀNG DÂN dịch

► LUÂN LÝ CHỨC NGHIỆP

NGUYỄN HÒA LẠC và
LÊ THANH HOÀNG DÂN

► LỊCH SỬ GIÁO DỤC

LÊ THANH HOÀNG DÂN và
TRẦN HỮU ĐỨC dịch

► CÁC VẤN ĐỀ GIÁO DỤC (Quyển 1 và 2)

DO MỘT NHÓM GIÁO SƯ BIÊN SOẠN

► QUẢN TRỊ và THANH TRA HỌC ĐƯỜNG

DO MỘT NHÓM GIÁO SƯ BIÊN SOẠN

Tủ Sách Tâm Lý và Sư Phạm

dưới sự điều khiển của LÊ THANH HOÀNG DÂN

TÂM LÝ NHI ĐỒNG

Maurice Percheron, Bản dịch: Lê Thanh Hoàng Dân
và Trần Hữu Đức

TÂM LÝ GIÁO DỤC

Lê Thanh Hoàng Dân và Trần Hữu Đức dịch

PHƯƠNG PHÁP SƯ PHẠM

Lê Thanh Hoàng Dân và Nguyễn Hòe Lạc dịch

TÂM LÝ THANH THIẾU NIÊN

do Lê Thanh Hoàng Dân, Trần Hữu Đức và
Nguyễn Văn Trang dịch

PHÂN TÂM HỌC

do Lê Thanh Hoàng Dân dịch

TƯ TƯỞNG SƯ PHẠM

do Lê Thanh Hoàng Dân dịch

TÌNH DỤC TUỔI 15-20

do Lê Thanh Hoàng Dân dịch

TÂM LÝ NHI ĐỒNG

Maurice Debesse, bản dịch Lê Thanh Hoàng Dân
Trần Hữu Đức và Nguyễn Văn Trang

TÁNH TÌNH VÀ GIÁO DỤC

Trần Hữu Đức và Lê Thanh Hoàng Dân dịch

TRẺ KHÓ DẠY

Trần Hữu Đức và Lê Thanh Hoàng Dân biên soạn

SƯ PHẠM LÝ THUYẾT

(Quyển 1 và 2), do một Nhóm Giáo sư biên soạn